TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ & CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

(HỆ THỐNG GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG)

TP. HCM, tháng 07/2026

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU 1

II. ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG 1

2.1.ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG 1

2.2.QUÊN MẬT KHẨU 2

2.3.MỞ TÀI KHOẢN 4

2.4.CHỌN NGÔN NGỮ 4

2.4.1. Chọn ngôn ngữ ngoài màn hình đăng nhập 4

2.4.2. Chọn ngôn ngữ sau khi đăng nhập 5

2.5.THÔNG TIN TÀI KHOẢN 5

2.6.CHỌN GIAO DIỆN 5

2.7.MENU ĐIỀU HƯỚNG 5

2.8.ĐĂNG XUẤT 6

2.9.CHỌN TIỂU KHOẢN 6

2.10. XEM CHI TIẾT THÔNG BÁO 7

III. CÁC CHỨC NĂNG 7

3.1.GIAO DỊCH CƠ SỞ 7

3.1.1. Giao dịch lệnh cơ bản 7

3.1.1.1. Bảng giá trong 8

3.1.1.2. Giao dịch 10

3.1.1.3. Lệnh chờ khớp 12

3.1.1.4. Lệnh đã khớp 14

3.1.1.5. Tổng hợp khớp lệnh 14

3.1.1.6. Lệnh trong ngày 14

3.1.1.7. Danh mục đầu tư 17

3.1.1.8. Báo cáo tài sản 18

3.1.2. Giao dịch lệnh nâng cao 18

3.1.2.1. Biểu đồ phân tích kỹ thuật 18

3.1.2.2. Lịch sử khớp lệnh 18

3.1.2.3. Giao dịch 19

3.1.2.4. Lệnh chờ khớp 22

3.1.2.5. Lệnh đã khớp 24
3.1.2.6. Tổng hợp khớp lệnh 25
3.1.2.7. Lệnh trong ngày 25
3.1.2.8. Danh mục đầu tư 28
3.1.2.9. Báo cáo tài sản 29
3.1.3. Giao dịch lệnh nhóm 29
3.1.3.1. Giao dịch nhóm 29
3.1.3.2. Giao dịch theo file 30
3.1.3.3. Kích hoạt lệnh 30
3.1.3.4. Sửa lệnh 31
3.1.3.6. Lệnh chờ khớp 32
3.1.3.7. Sửa lệnh 32
3.1.3.8. Hủy lệnh 33
3.1.3.9. Lệnh đã khớp 34
3.1.3.10. Lệnh trong ngày 35
3.1.3.11. Tổng hợp khớp lệnh 37
3.1.3.12. Danh mục đầu tư 37
3.1.4. Giao dịch lệnh điều kiện 38
3.1.4.1. Giao dịch điều kiện 38
3.1.4.2. Lệnh điều kiện 41
3.1.4.3. Lệnh chờ khớp 42
3.1.4.4. Lệnh đã khớp 44
3.1.4.5. Lệnh trong ngày 45
3.1.4.6. Danh mục đầu tư 47
3.1.4.7. Tổng hợp khớp lệnh 47
3.1.5. Đặt lệnh theo danh mục 48
3.2.GIAO DỊCH PHÁI SINH 50
3.2.1. Thông tin chi tiết các mã hợp đồng tương lai 51
3.2.2. Thông tin mã hợp đồng và bảng giá 52
3.2.3. Đồ thị kỹ thuật 53
3.2.4. Thông tin thị trường 54
3.2.5. Thông tin vị thế và sổ lệnh 55
3.2.5.1. Tab vị thế mở 55

3.2.5.2. Tab lệnh đặt 57
3.2.5.3. Tab lệnh chờ 57
3.2.5.4. Tab lệnh khớp 60
3.2.5.5. Tab vị thế đóng 61
3.2.5.6. Tab lệnh điều kiện 61
3.2.5.7. Tab xác nhận lệnh 65
3.2.6. Đặt lệnh phái sinh 65
3.2.6.1. Đặt lệnh giới hạn 65
3.2.6.2. Đặt lệnh thị trường 68
3.2.6.3. Đặt lệnh điều kiện 71
3.2.6.4. Xem hướng dẫn đặt lệnh 75
3.3.TÀI KHOẢN CƠ SỞ 75
3.3.1. Tổng hợp tài sản 75
3.3.2. Danh mục đầu tư 80
3.3.2.1. Số dư chứng khoán 80
3.3.2.2. Danh mục đầu tư 81
3.3.2.3. Quản lý trái phiếu/tín phiếu 82
3.3.3. Phân bổ tài sản 82
3.3.3.1. Tài sản và nguồn vốn 82
3.3.3.2. Tỷ trọng danh mục đầu tư 83
3.3.4. Các khoản nợ 84
3.3.4.1. Nợ ký quỹ 84
3.3.4.2. Nợ ứng trước 84
3.3.5. Tra cứu lãi lỗ 84
3.3.5.1. Báo cáo chi tiết chứng khoán theo thời gian 84
3.3.5.2. Lãi/ lỗ theo dòng tiền 85
3.3.5.3. Nhật ký lãi lỗ 88
3.3.6. Nộp tiền bằng QR 89
3.3.6.1. Qua tài khoản định doanh 89
3.3.6.2. Qua tài khoản chuyên dụng TCSC 90
3.3.7. Chuyển tiền 92
3.3.7.1. Chuyển tiền ra ngoài 92
3.3.7.2. Chuyển khoản nội bộ 94

3.3.8. Chuyển tiền trên sức mua 97
3.3.8.1. Chuyển tiền nội bộ trên sức mua 97
3.3.8.2. Chuyển tiền ra ngoài trên sức mua 99
3.3.9. Ứng trước tiền bán chứng khoán 102
3.3.10. Đăng ký quyền mua 104
3.3.11. Xác nhận lệnh 106
3.3.12. Chuyển khoản chứng khoán nội bộ 107
3.3.13. Gia hạn khoản vay ký quỹ 109
3.3.14. Trả nợ 110
3.3.14.1. Trả nợ theo món 110
3.3.14.2. Trả nợ nguồn công ty 111
3.3.14.3. Trả nợ nguồn 3 112
3.3.15. Thông tin sự kiện quyền 112
3.3.16. Lịch sử lệnh 113
3.3.16.1. Lịch sử khớp lệnh 113
3.3.16.2. Lịch sử đặt lệnh 114
3.3.16.3. Lịch sử lệnh điều kiện 114
3.3.16.4. Lịch sử khớp lệnh thoả thuận 115
3.3.17. Lịch sử GD tiền TKGD 116
3.3.17.1. Sao kê tiền 116
3.3.17.2. Sao kê chứng khoán 116
3.3.18. Lịch sử giao dịch thanh toán 117
3.3.18.1. Lịch sử chuyển tiền 117
3.3.18.2. Lịch sử ứng trước 118
3.3.18.3. Lịch sử đăng ký quyền mua 119
3.3.18.4. Lịch sử bán chứng khoán lô lẻ 120
3.3.18.5. Lịch sử gia hạn khoản vay ký quỹ 121
3.3.18.6. Lịch sử thanh toán nợ ký quỹ 122
3.3.19. Tra cứu danh mục ký quỹ 122
3.3.20. Sản phẩm 123
3.4. TÀI KHOẢN PHÁI SINH 124
3.4.1. Tổng hợp tài sản 124
3.4.2. Số dư tiền 131

3.4.3. Nộp tiền 132
3.4.3.1. Nộp tiền từ Từ TKCS vào TKPS 132
3.4.3.2. Nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC) 135
3.4.4. Rút tiền 137
3.4.4.1. Rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS 137
3.4.4.2. Rút tiền từ TKPS về TKCS 138
3.4.4.3. Rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng 140
3.4.5. Chứng khoán 143
3.4.5.1. Nộp chứng khoán ký quỹ 143
3.4.5.2. Rút chứng khoán ký quỹ 145
3.4.6. Tất toán khoản chậm trả 147
3.4.7. Đăng ký/Hủy nộp rút tiền ký quỹ tự động 150
3.4.8. Lịch sử lệnh 150
3.4.8.1. Lịch sử khớp lệnh 150
3.4.8.2. Lịch sử đặt lệnh 151
3.4.9. Sao kê tài khoản 153
3.4.9.1. Lãi/lỗ hàng ngày 153
3.4.9.2. Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả 153
3.4.9.3. Sao kê vị thế 154
3.4.9.4. Bảng kê tài khoản 155
3.4.9.5. Sao kê tài khoản 156
3.4.9.6. Báo cáo xử lý vi phạm 159
3.4.10. Lịch sử giao dịch thanh toán 160
3.4.10.1. Lịch sử GD tiền TKKQ (VSDC) 160
3.4.10.2. Lịch sử GD tiền TKGD 161
3.4.10.3. Lịch sử GD tài sản đảm bảo 162
3.4.10.4. Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS 163
3.4.10.5. Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC) 164
3.4.10.6. Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS 165
3.4.10.7. Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS 166
3.4.10.8. Lịch sử rút tiền từ TKPS ra ngân hàng 167
3.4.10.9. Lịch sử tất toán khoản chậm trả 168
3.4.11. Thông tin mã hợp đồng 169

3.4.12. Danh sách CK được ký quỹ 171
3.5.THIẾT LẬP 172
3.5.1. Cá nhân 172
3.5.1.1. Thông tin cá nhân 172
3.5.1.2. Đổi mật khẩu 173
3.5.1.3. Đổi Mã SmartOTP 174
3.5.1.4. Đổi thông tin cơ bản 174
3.5.1.5. Đổi thông tin VSD quản lý 175
3.5.2. Tra cứu 176
3.5.2.1. Lịch sử thay đổi thông tin 176
3.5.2.2. Lịch sử đăng nhập 177
3.5.2.3. Báo cáo đã xuất 178
3.5.3. Cấu hình 178
3.5.3.1. Cấu hình chung 178
3.5.3.2. Đăng ký dịch vụ 179
3.5.3.3. Quản lý nhóm lệnh 181
3.5.3.4. Cảnh báo thông minh 182
3.5.3.5. Cấu hình nhận thông báo tài khoản 183
3.5.4. Liên hệ 183

I. GIỚI THIỆU

- **Mục đích:** Tài liệu này là tài sản của CTCK mô tả các chức năng trên hệ thống giao dịch trực tuyến. Tài liệu giúp cho khách hàng sử dụng một cách hiệu quả các tính năng của hệ thống.
- **Thuật ngữ, từ viết tắt**

Thuật ngữ, từ viết tắt	Giải thích/ Từ viết đầy đủ
TCSC	Công ty cổ phần chứng khoán Thành Công
CK	Chứng khoán
CN	Chi nhánh
CP	Cổ phiếu
GDCK	Giao dịch chứng khoán
HCCN	Hạn chế chuyển nhượng
KL	Khối lượng
TP	Trái phiếu
PGD	Phòng giao dịch

II. ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

2.1. Đăng nhập hệ thống

- Để sử dụng hệ thống, Quý khách truy cập theo địa chỉ sau:
- Màn hình đăng nhập xuất hiện như hình dưới:

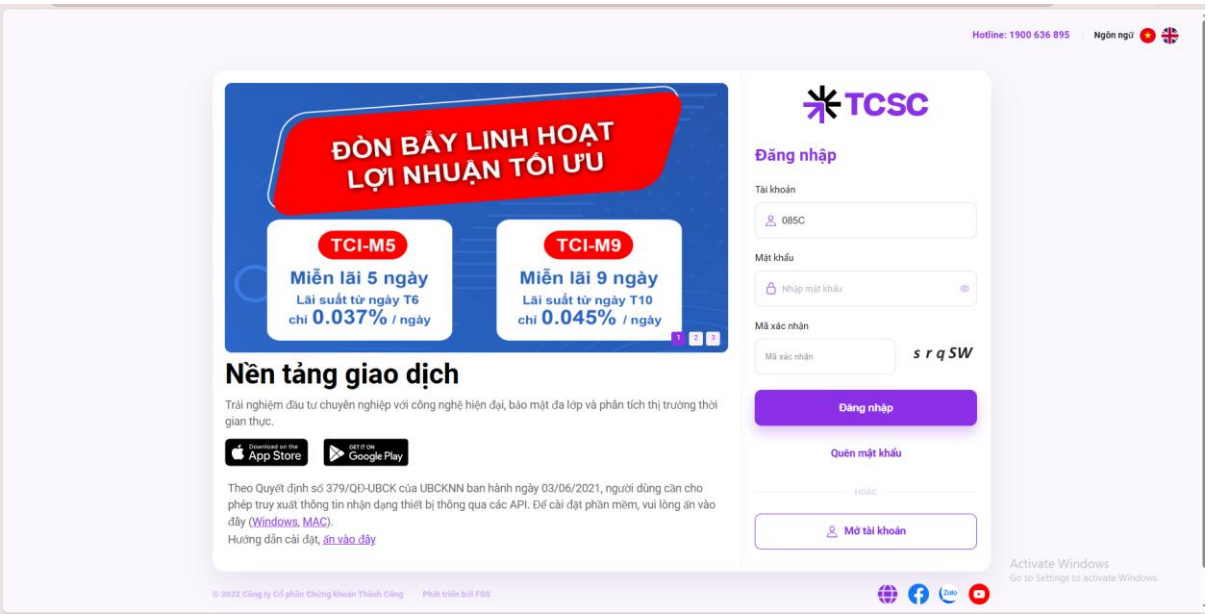

Hình: Màn hình đăng nhập hệ thống

- **Bước 1. Đăng nhập:** Nhập các thông tin

- Tên đăng nhập: *<Tài khoản chứng khoán của khách hàng tại CTCK>*
- Mật khẩu: *<Mật khẩu đăng nhập mà khách hàng được CTCK cung cấp>*
- Nhấn nút **"Đăng nhập"** để thực hiện đăng nhập vào hệ thống

- **Bước 2. Thay đổi mật khẩu đăng nhập** (đối với tài khoản đăng nhập lần đầu tiên): Để đảm bảo tính bảo mật của tài khoản, đề nghị Quý khách hàng đổi Mật khẩu đăng nhập ngay khi đăng nhập vào hệ thống.

Hình: Màn hình thay đổi mật khẩu đăng nhập

- **Mật khẩu mới:** Nhập Mật khẩu mới do khách hàng tự chọn, Mật khẩu mới phải có chiều dài tối thiểu 8 ký tự, bắt buộc phải có chữ, số và ký tự đặc biệt.
- **Nhập lại mật khẩu mới:** Nhập lại mật khẩu mới trùng với Mật khẩu mới đã nhập ở trên.
- **Mật khẩu mới:** Nhập mật khẩu mới do khách hàng tự chọn
- **Nhập lại mật khẩu mới:** Nhập lại mật khẩu mới trùng với mật khẩu đã nhập ở trên.
- **Nhấn nút "Chấp nhận"** để xác nhận việc thay đổi mật khẩu. Đổi mật khẩu thành công, hệ thống chuyển đến màn hình đăng nhập.
- **Nhấn "Làm mới"** để xoá hết thông tin đã nhập
- **Nhấn "Đăng xuất"** để trở về màn hình đăng nhập

2.2. Quên mật khẩu

- **Bước 1:** Khách hàng quên mật khẩu đăng nhập và MÃ SMARTOTP giao dịch có thể đặt lại bằng cách nhấn vào phần Quên mật khẩu trên màn hình đăng nhập.

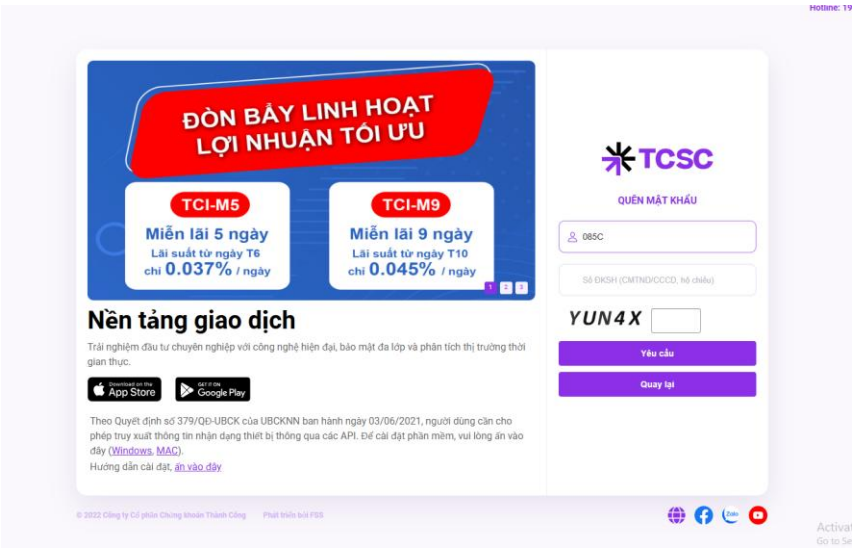

Hình: Màn hình Quên mật khẩu

- **Bước 2.** Nhập các thông tin sau:
  - **Tên đăng nhập:** Nhập Tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng tại CTCK.
  - **Số ĐKSH:** CMTND/CCCD, hộ chiếu đăng ký nhận thông báo.
  - **Nhấn Yêu cầu**, hệ thống sẽ gửi mã xác nhận đến số điện thoại hoặc email mã khách hàng đã đăng ký.
  - **Nhấn Quay lại** để quay lại màn hình đăng nhập.
- **Bước 3:** Đăng nhập lại Tài khoản bằng mật khẩu mới được gửi đến số điện thoại hoặc email đăng ký. Hiển thị màn hình Đổi mật khẩu và MÃ SMARTOTP:

Hình: Màn hình thay đổi mật khẩu đăng nhập

- **Mật khẩu mới:** Nhập Mật khẩu mới do khách hàng tự chọn, Mật khẩu mới phải có chiều dài tối thiểu 8 ký tự, bắt buộc phải có chữ, số và ký tự đặc biệt.
- **Nhập lại mật khẩu mới:** Nhập lại mật khẩu mới trùng với Mật khẩu mới đã nhập ở trên.
- **Mật khẩu mới:** Nhập mật khẩu mới do khách hàng tự chọn

- **Nhập lại mật khẩu mới:** Nhập lại mật khẩu mới trùng với mật khẩu đã nhập ở trên.
- **Nhấn nút "Chấp nhận"** để xác nhận việc thay đổi mật khẩu. Đổi mật khẩu thành công, hệ thống chuyển đến màn hình đăng nhập.
- **Nhấn "Làm mới"** để xoá hết thông tin đã nhập
- **Nhấn "Đăng xuất"** để trở về màn hình đăng nhập

2.3. Mở tài khoản

Khách hàng có thể mở tài khoản Online trên Web/Mobile qua chức năng Mở tài khoản tại màn hình Login

Bước 1: Nhấn vào button Mở tài khoản

Bước 2: Nhấn Bắt đầu và thực hiện các bước theo yêu cầu

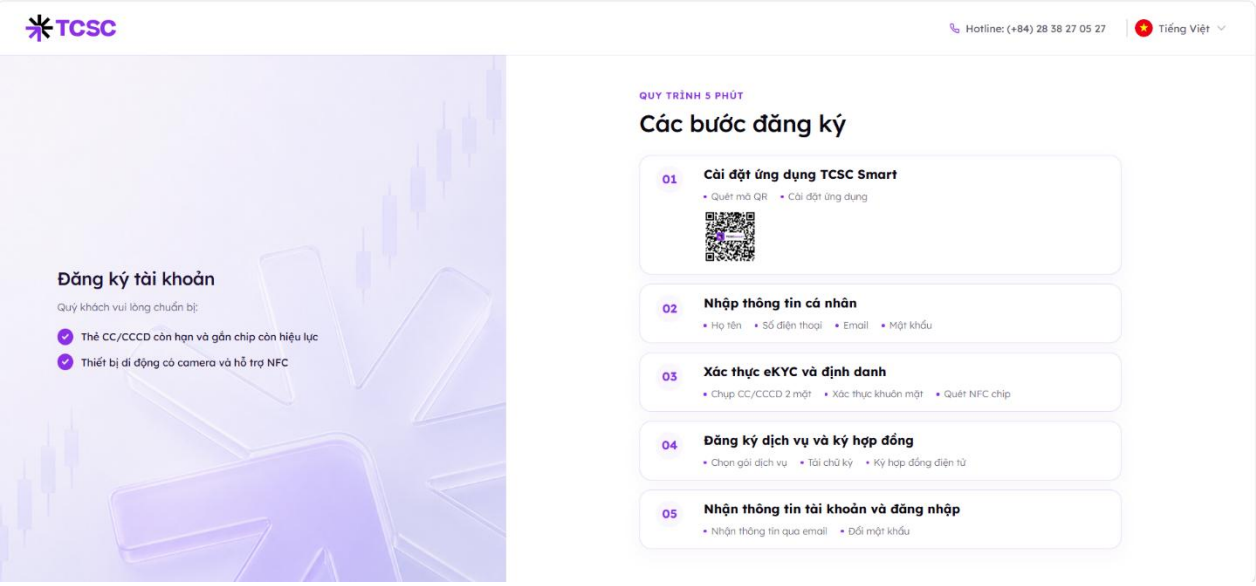

2.4. Chọn ngôn ngữ

Hệ thống hỗ trợ khách hàng chọn một trong 2 ngôn ngữ là Tiếng Việt và Tiếng Anh. Khách hàng có thể lựa chọn ngôn ngữ bằng 2 cách:

2.4.1. Chọn ngôn ngữ ngoài màn hình đăng nhập

Chọn ngôn ngữ dưới nút "Đăng nhập"

- Khi muốn sử dụng ngôn ngữ Tiếng Việt, nhấn vào chữ VIE.
- Khi muốn sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh, nhấn vào chữ ENG.
- Khi muốn sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh, nhấn vào chữ 中文.

2.4.2. Chọn ngôn ngữ sau khi đăng nhập

- Nhấn vào biểu tượng và chọn ngôn ngữ.

2.5. Thông tin tài khoản

- Khách hàng có thể xem thông tin tài khoản đang đăng nhập bằng cách nhấn vào biểu tượng
- Thông tin bao gồm: Họ tên KH, số TK, tên quản lý tài khoản, tên nhân viên hỗ trợ và nhóm careby và số điện của người hỗ trợ KH.

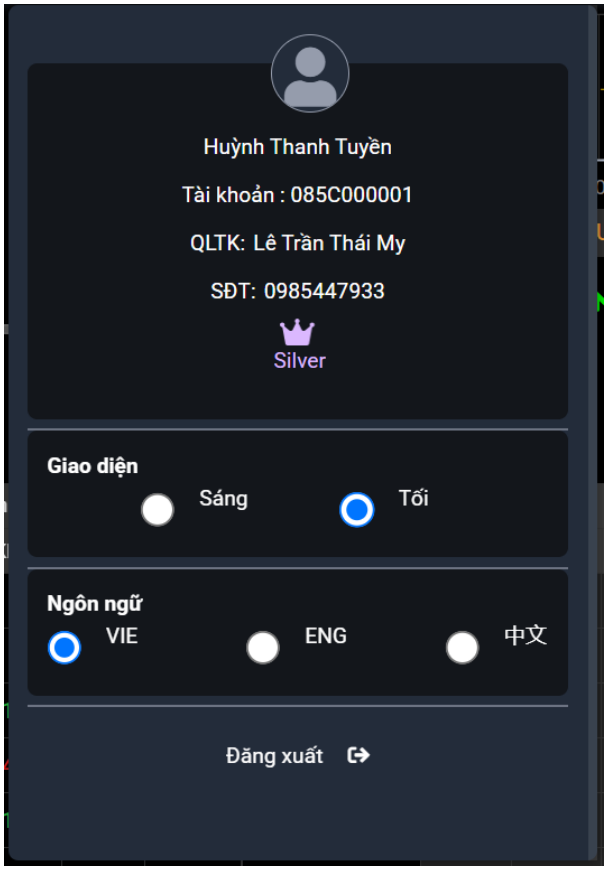

2.6. Chọn Giao diện

- Nhấn vào biểu tượng và chọn giao diện sáng, tối.

2.7. Menu điều hướng

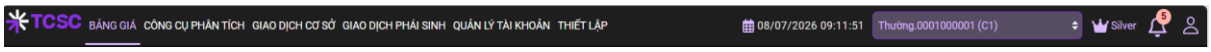

- Gồm:
  + **Bảng giá:** Xem bảng giá chứng khoán trực tiếp.

+ **Công cụ phân tích:** Truy cập các công cụ phân tích thị trường.
+ **Giao dịch cơ sở:** Giao dịch các mã chứng khoán cơ sở (Đặt lệnh cơ bản, đặt lệnh nâng cao, đặt lệnh nhóm, đặt lệnh điều kiện).
+ **Giao dịch phái sinh:** Giao dịch các mã chứng khoán phái sinh.
+ **Quản lý tài khoản:** Quản lý tài khoản cơ sở và quản lý tài khoản phái sinh.
+ **Thiết lập:** Cài đặt và tùy chỉnh các thiết lập cá nhân.

2.8. Đăng xuất

- Nhấn vào biểu tượng và chọn Đăng xuất.

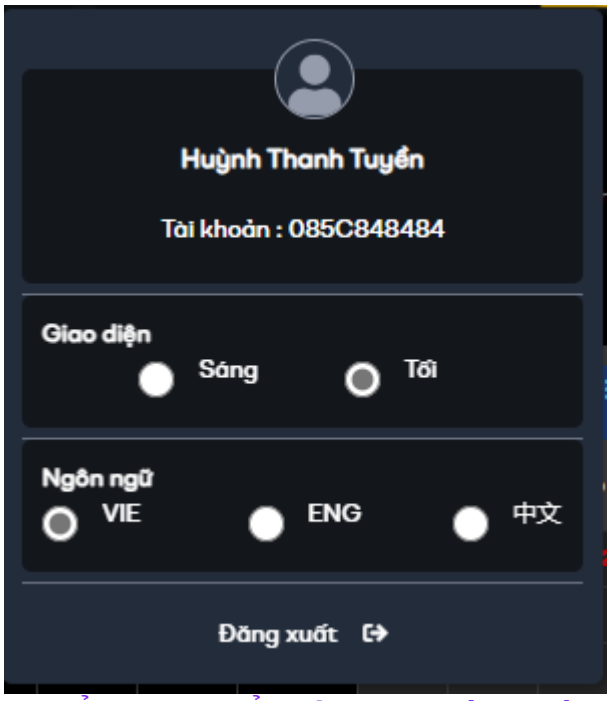

Hình: Biểu tượng đổi màu giao diện, ngôn ngữ

2.9. Chọn tiểu khoản

Hệ thống hỗ trợ Khách hàng chọn tiểu khoản ở mọi tab, khi nhấn vào ô tiểu khoản trên góc phải màn hình. Gồm tiểu khoản cơ sở và tiểu khoản phái sinh.

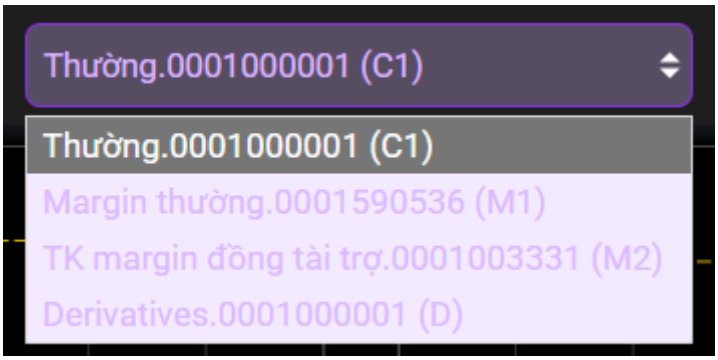

Hình: Chọn tiểu khoản giữa các tiểu khoản trong tài khoản

2.10. Xem chi tiết thông báo

Khách hàng nhấn vào hình quả chuông ở góc phải màn hình để xem quảng cáo, thông báo xác nhận lệnh, thông báo tăng giảm tiền…

Hình: Màn hình thông báo

III. CÁC CHỨC NĂNG

3.1. Giao dịch cơ sở

3.1.1. Giao dịch lệnh cơ bản

Khách hàng đăng nhập vào hệ thống, hiển thị giao diện của Lệnh cơ bản như hình:

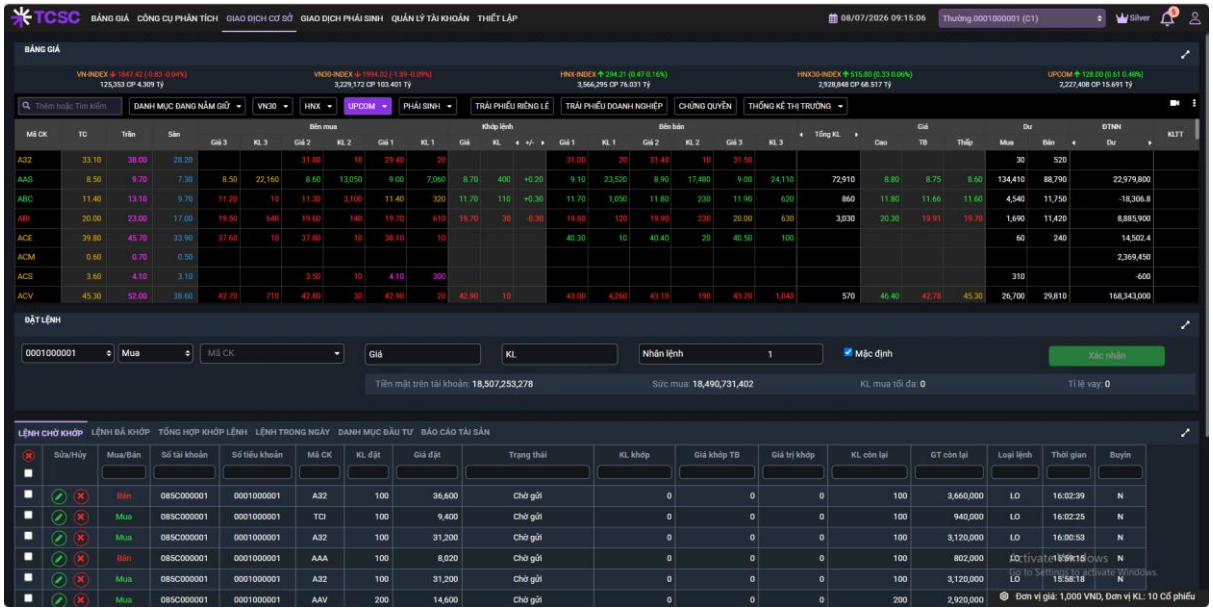

Hình: Màn hình giao dịch lệnh cơ bản

3.1.1.1. Bảng giá trong

Giao diện bảng giá trong

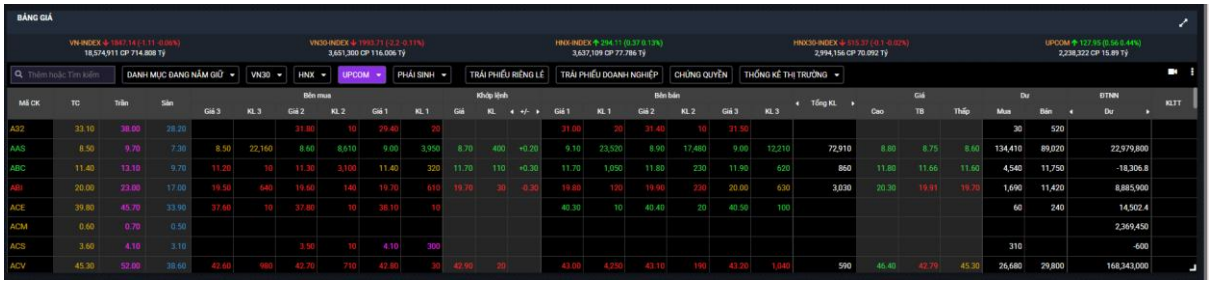

Hình: Màn hình Bảng giá trong

Chọn nút

để xem các chứng khoán đang nắm giữ của KH

Nhập mã chứng khoán vào ô Thêm hoặc Tìm kiếm để xem tìm kiếm mã CK.

THANHCONG SECURITIES CO.
www.tcsc.vn (028) 38 27 05 27 (+84 28) 3821 80 10

❖ Thêm mới danh mục chứng khoán:

Bước 1: Chọn danh mục đang nắm giữ

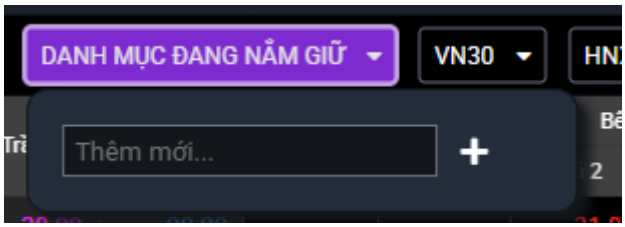

Bước 2: Nhập Tên danh mục muốn thêm vào ô Thêm mới

Bước 3: Chọn nút Lưu (biểu tượng +) để lưu Danh mục

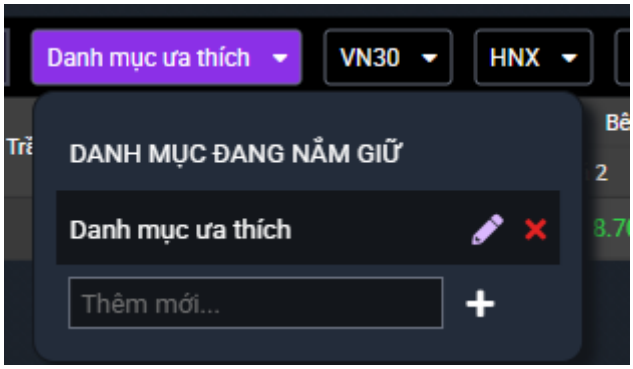

- Sửa Tên danh mục: Chọn nút ✎ để sửa danh mục
- Xóa danh mục: Chọn nút × để xóa danh mục

❖ Thêm chứng khoán vào danh mục

Bước 1: Chọn Danh mục cần thêm mã CK

Bước 2: Nhập mã CK vào ô Thêm hoặc Tìm kiếm

Bước 3: Nhấn Enter, hoặc bấm chuột vào thông tin mã sổ xuống để lưu vào danh mục

- Xóa mã CK khỏi danh mục: Chọn nút × bên cạnh mã CK để loại bỏ khỏi danh mục
- Di chuột vào mã chứng khoán sẽ hiển thị tooltip tên Công ty CK như hình:

3.1.1.2. Giao dịch

Bước 1: Chọn tab Giao dịch cơ sở → Lệnh cơ bản

Bước 2: Chi tiết màn hình giao dịch

- Chọn tiểu khoản muốn giao dịch
- **Chọn lệnh Mua/Bán:** *<Khách hàng lựa chọn lệnh muốn đặt>*
- **Mã chứng khoán:** *<Nhập mã chứng khoán muốn giao dịch>*, khi nhập có hiển thị gợi ý mã. Có thể dùng nút lên xuống trong bàn phím để chọn mã, sau đó Click chuột hoặc nhấn Enter.
- Khi chọn mã chứng khoán, bên dưới hiển thị các thông Mã thuộc sàn nào, Giá trần, Giá tham chiếu, Giá sàn. Di chuột các Giá có hiển thị tooltip.
- **Khối lượng:** *<Nhập khối lượng giao dịch>.* Có thể dùng nút tăng giảm hỗ trợ nhập khối lượng. Tăng/giảm khối lượng theo trường "Đơn vị khối lượng giao dịch" ở màn hình 020004/TT CK dưới back.

- **Giá:** *<Nhập giá giao dịch>*. Giá phải nằm trong khoản trần sàn đối với lệnh LO, tích nút để tăng/giảm giá theo bước giá giao dịch của từng sàn. Đối với lệnh thị trường khách nhập các giá ATO, ATO, MAK, MOK…để giao dịch.
- **Nhân lệnh:** *<Nhập khối lượng nhân lệnh>*. Checkbox Mặc định có tick thì trường Nhân lệnh disable và dữ liệu mặc định = 1. Checkbox Mặc định không tick thì trường Nhân lệnh enable cho phép user nhập.

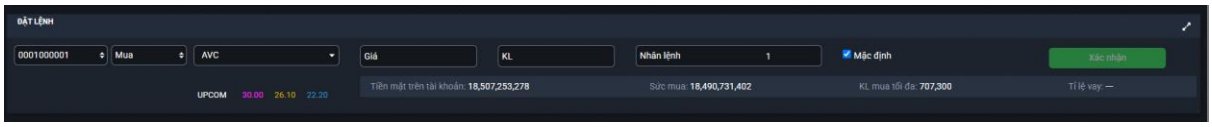

Hình: Màn hình giao dịch

Bước 3: Chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để duyệt như hình dưới:

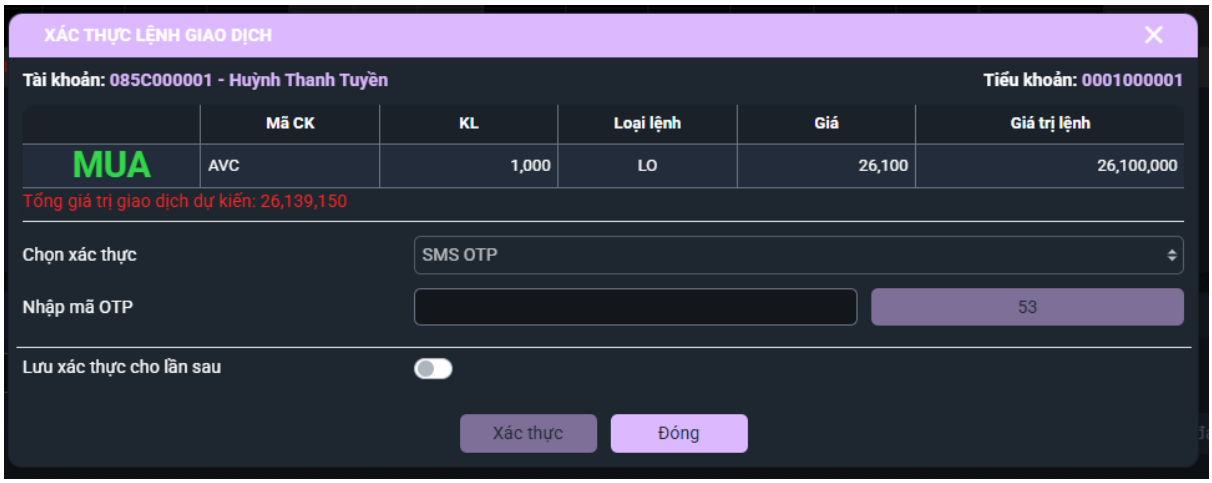

Hình: Màn hình Xác thực lệnh đặt

Bước 4: Kiểm tra lại thông tin giao dịch, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút để lưu xác thực cho lần sau.

Bước 5: Nhấn nút 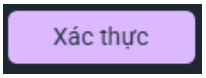

để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ khớp ở hình bên dưới:

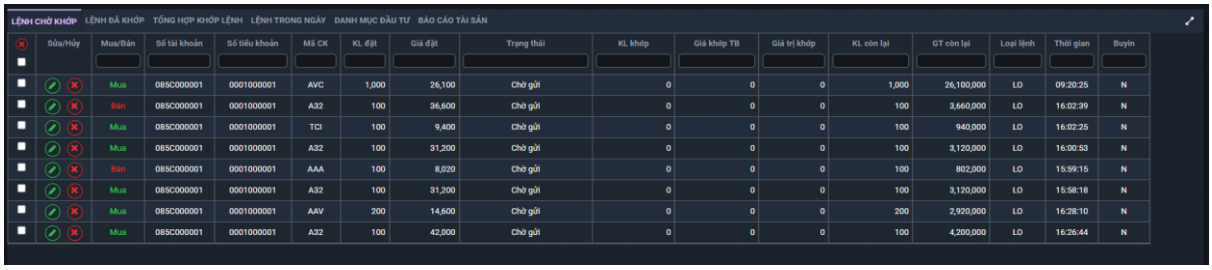

Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Loại lệnh	Thời gian	Buyin
	Mua	085C000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	1,000	26,100,000	LO	09:20:25	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	LO	16:02:39	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	LO	16:02:25	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	LO	16:00:53	N
	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	LO	15:59:15	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	LO	15:58:18	N
	Mua	085C000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	200	2,920,000	LO	16:28:10	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	42,000	Chờ gửi	0	0	0	100	4,200,000	LO	16:26:44	N

Hình: Màn hình Lệnh chờ khớp

Và hiển thị ở Màn hình Lệnh trong ngày

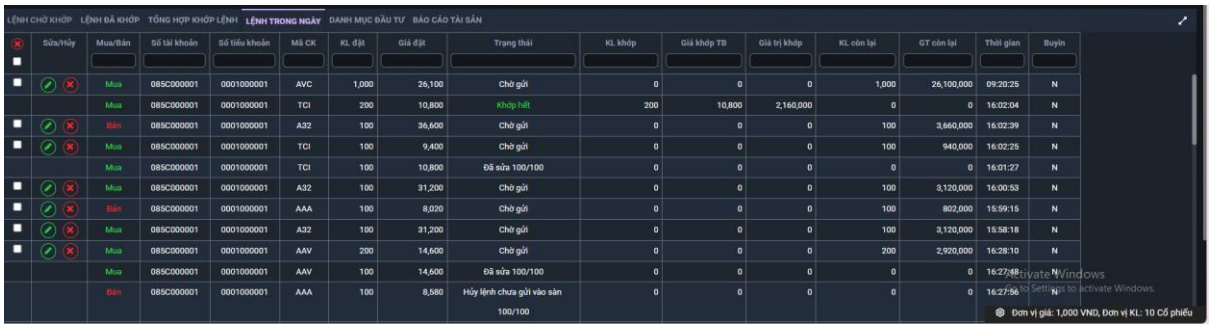

Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin
	Mua	085C000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	1,000	26,100,000	09:20:25	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	200	10,800	Khớp hết	200	10,800	2,160,000	0	0	16:02:04	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	16:02:25	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	10,800	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	16:01:27	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	16:00:53	N
	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	15:58:18	N
	Mua	085C000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	200	2,920,000	16:28:10	N
	Mua	085C000001	0001000001	AAV	100	14,600	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	16:27:48	N
	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	16:27:56	N

Hình: Màn hình Sổ lệnh trong ngày

3.1.1.3. Lệnh chờ khớp

Màn hình quản lí lệnh Lệnh chờ khớp cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh vừa đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh…

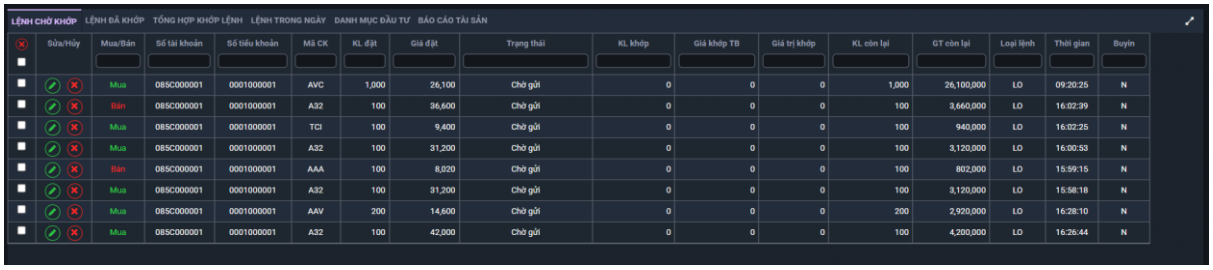

Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Loại lệnh	Thời gian	Buyin
	Mua	085C000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	1,000	26,100,000	LO	09:20:25	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	LO	16:02:39	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	LO	16:02:25	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	LO	16:00:53	N
	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	LO	15:59:15	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	LO	15:58:18	N
	Mua	085C000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	200	2,920,000	LO	16:28:10	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	42,000	Chờ gửi	0	0	0	100	4,200,000	LO	16:26:44	N

Hình: Màn hình Lệnh chờ khớp

❖ **Sửa lệnh:**

Những lệnh được phép sửa sẽ hiển thị nút trên dòng lệnh, những lệnh không được phép sửa sẽ không hiển thị nút này.

Bước 1: Click nút trong sổ lệnh để chọn lệnh cần sửa, lệnh cần sửa lên màn hình giao dịch như hình

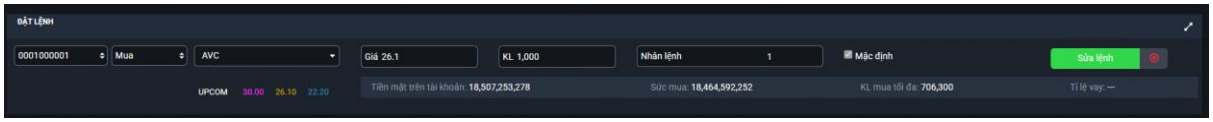

Hình: Màn hình Sửa lệnh

Bước 2: Nhập lại thông tin cần sửa, chọn Mua/bán, hệ thống hiển thị màn hình xác nhận sửa lệnh (chọn để bỏ thao tác sửa lệnh).

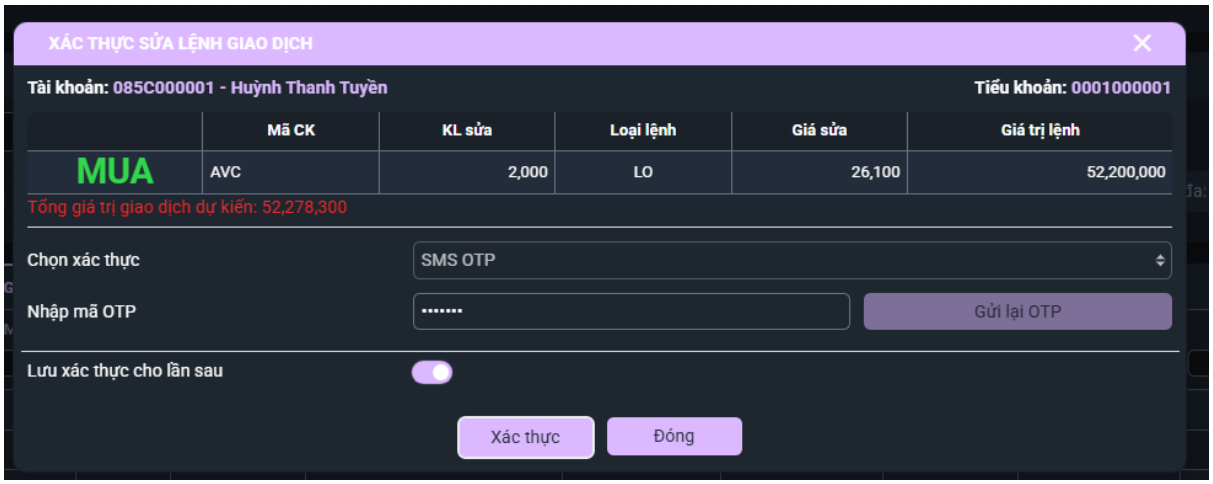

Hình: Màn hình xác thực sửa lệnh

Bước 3: Kiểm tra lại thông tin sửa lệnh, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh.

Bước 4: Nhấn nút 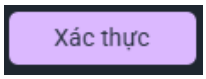

để sửa lệnh. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh sửa sẽ hiển thị trong lệnh chờ khớp

❖ Hủy lệnh

Bước 1: Nhấn nút để chọn lệnh khách hàng muốn hủy trên màn hình Lệnh chờ khớp lệnh, có thể tích chọn hủy nhiều lệnh cùng 1 lúc.

Bước 2: Kiểm tra thông tin, xác thực lệnh cần hủy

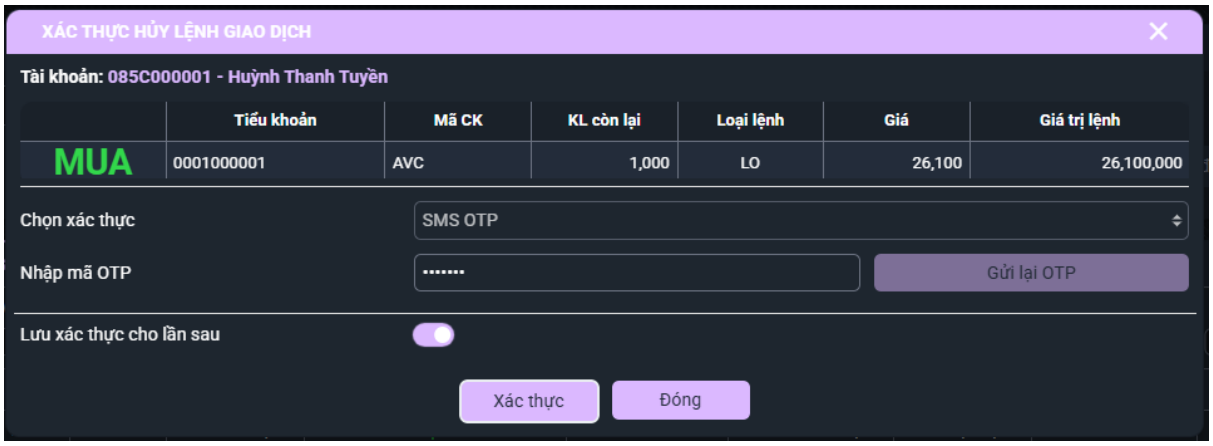

Hình: Màn hình xác thực hủy lệnh

Bước 3: Nhấn nút 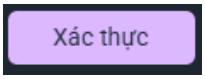

để hủy lệnh. Sau khi xác thực hủy lệnh thành công, trạng thái lệnh trong sổ lệnh là Đã hủy.

3.1.1.4. Lệnh đã khớp

Lệnh đã khớp cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Thời gian, Mã CK, KL khớp, Giá khớp TB…

❖ **Dòng cuối tab lệnh đã khớp có các thông tin:**

- Tổng: KL khớp, Giá khớp TB, Giá trị khớp, Phí GD, Thuế TNCN, Thuế cổ tức, Phải trả/thực nhận.

Hình: Màn hình Lệnh đã khớp

Click vào button “Chi tiết” để xem thông tin chi tiết khớp lệnh

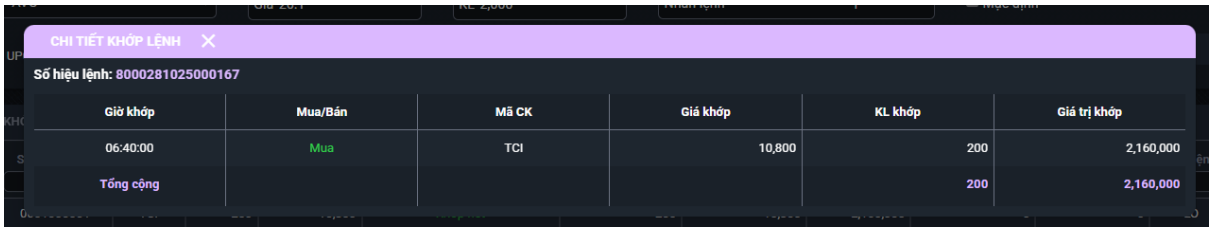

Hình: Màn hình Chi tiết khớp lệnh

3.1.1.5. Tổng hợp khớp lệnh

Tổng hợp khớp lệnh cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Mã CK, Lệnh, KL khớp, Gía khớp TB, Gía khớp, Gía trị khớp, Phí giao dịch…

Hình: Màn hình Tổng hợp khớp lệnh

3.1.1.6. Lệnh trong ngày

- Màn hình quản lí lệnh Lệnh trong ngày cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh đã đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh…
- Dòng cuối sổ lệnh có các thông tin:
  - Số lệnh: là tổng số lệnh hiện có trong sổ lệnh.
  - Tổng: khối lượng đặt, KL khớp, Giá trị khớp, KL còn lại.

Click vào tài khoản để xem thông tin lệnh khớp theo tài khoản

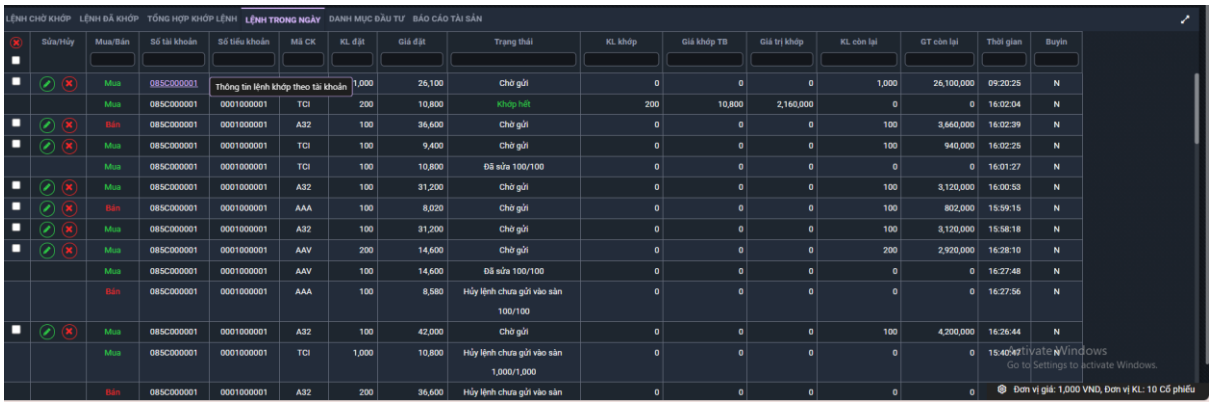

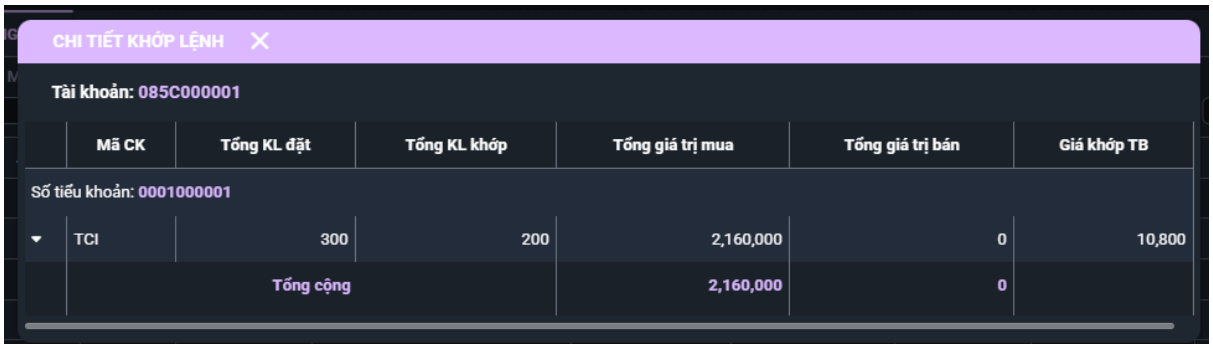

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tài khoản

Click vào Tiểu khoản để xem thông tin chi tiết lệnh khớp theo Tiểu khoản.

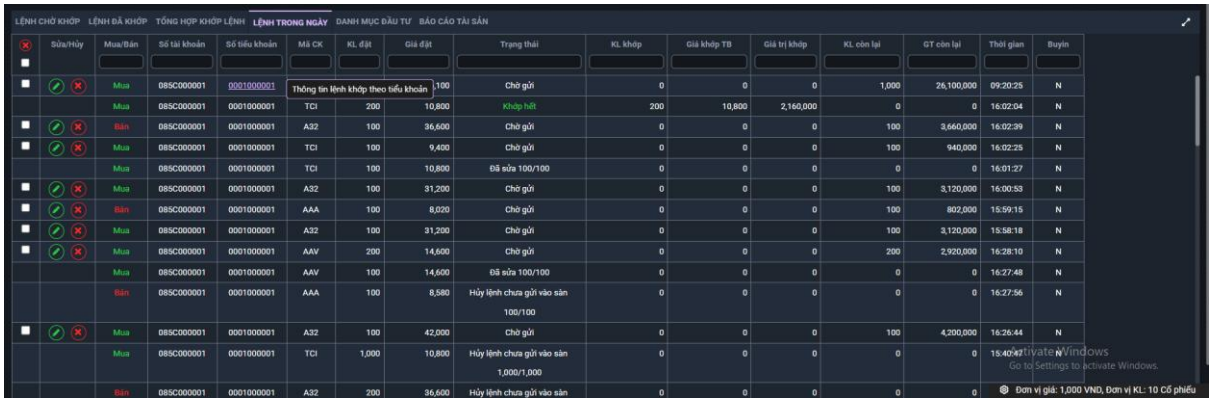

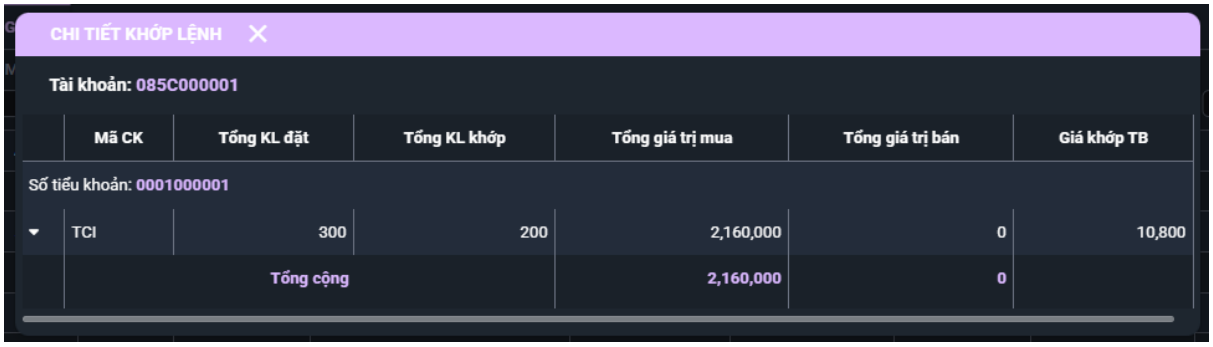

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tiểu khoản

Click vào khối lượng đặt để xem chi tiết thông tin lệnh

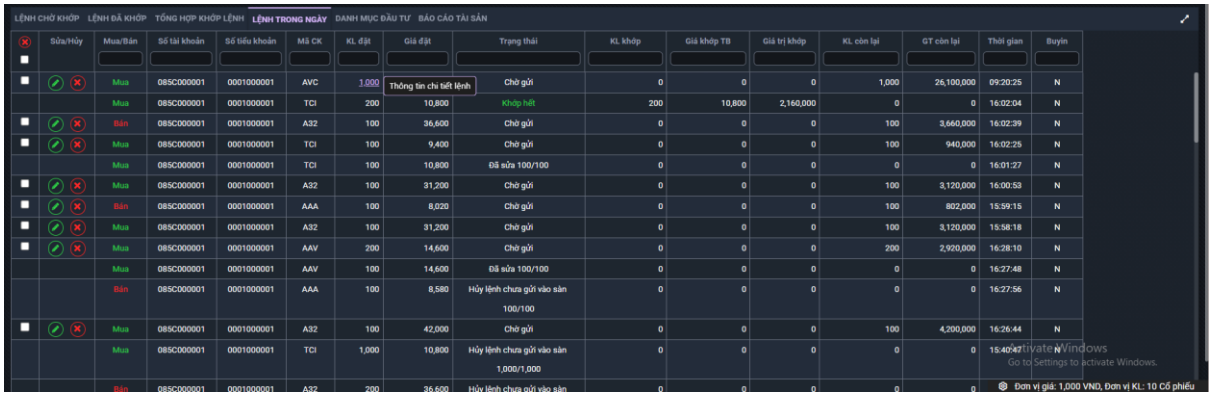

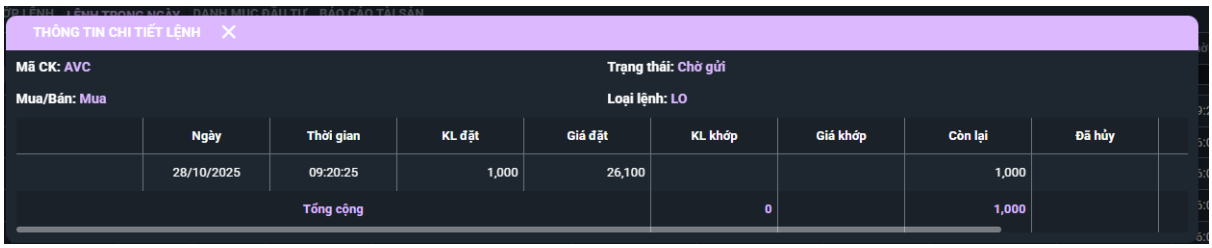

Hình: Màn hình thông tin chi tiết lệnh

Click vào ô filter dưới tên cột trên sổ lệnh, nhập điều kiện tìm kiếm cho phép khách hàng xem thông tin theo điều kiện đã nhập.

Click vào tên cột để tùy chỉnh sắp xếp lệnh, click lần 1 đối với các dữ liệu là chữ sẽ sắp xếp từ Z → A, với các dữ liệu là số sẽ sắp xếp theo chiều giảm dần, click lần 2 sắp xếp ngược lại so với chiều lần 1.

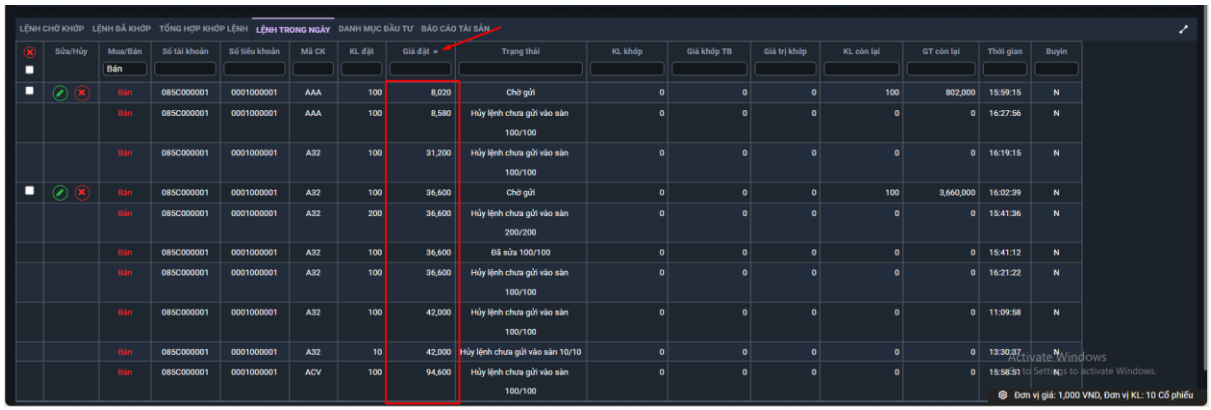

3.1.1.7. Danh mục đầu tư

Danh mục đầu tư cho phép khách hàng theo dõi chứng khoán hiện đang nắm giữ theo từng tiểu khoản, lãi lỗ dự tính trên từng mã chứng khoán.

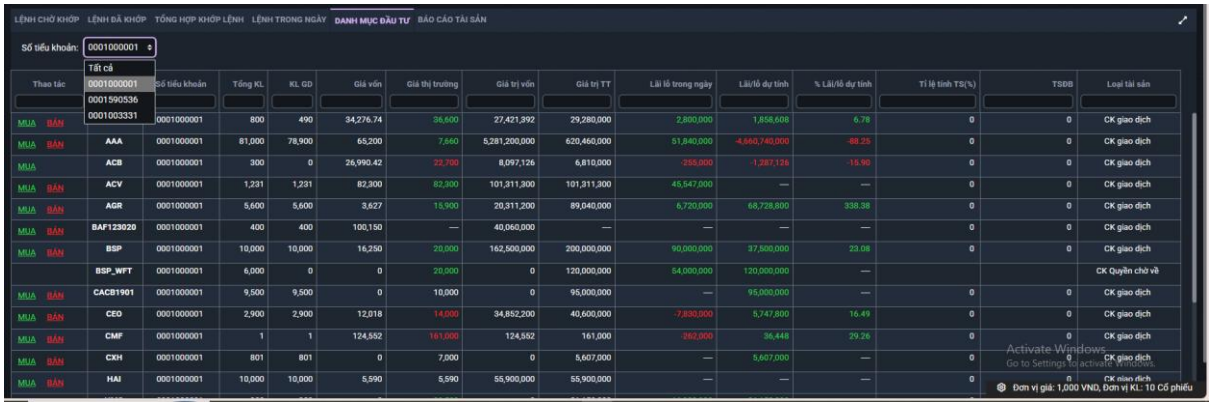

Hình: Màn hình chọn tiểu khoản

- **Click vào thao tác "MUA"** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện mua, tự động chọn loại Mua, hiển thị Mã CK vừa chọn
- **Click vào thao tác "BÁN"** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện bán, tự động chọn loại Bán, hiển thị Mã CK vừa chọn

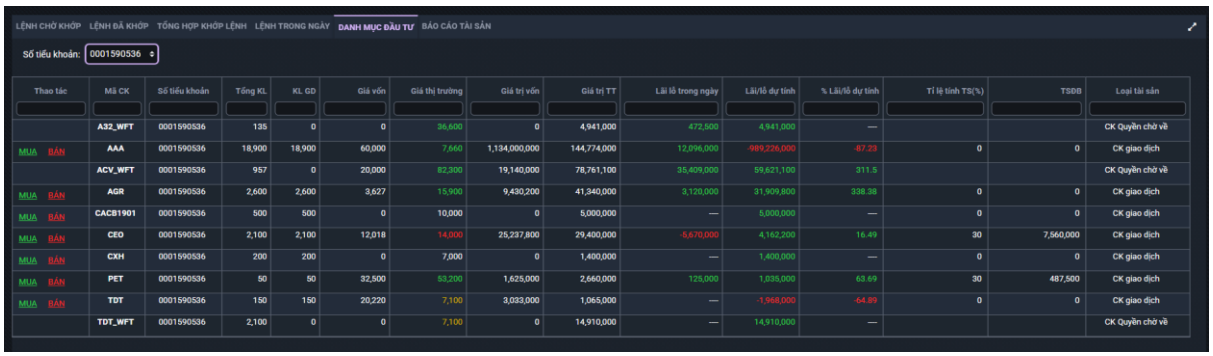

Hình: Màn hình Danh mục đầu tư

- Dòng cuối tab danh mục đầu tư có các thông tin:
  - Tổng: Giá trị vốn, giá trị TT, lãi/lỗ dự tính, % lãi/lỗ dự tính.

3.1.1.8. Báo cáo tài sản

- Cho phép khách hàng theo dõi các thông tin:
  - Tiền tại TCSC
  - Chứng khoán
  - Các khoản nợ
  - Tài sản thực có

Hình: Màn hình Báo cáo tài sản

3.1.2. Giao dịch lệnh nâng cao

3.1.2.1. Biểu đồ phân tích kỹ thuật

Hình: Biểu đồ phân tích kỹ thuật

3.1.2.2. Lịch sử khớp lệnh

Cho phép Khách hàng xem thông tin các lệnh đã khớp.

LỊCH SỬ KHỚP LỆNH - VNM

Thời gian	M/B	Giá	+/-	KL	Tổng KL
09:30:26	Bán	55.20	-5.30	100	179,400
09:30:25	Mua	55.30	-5.20	100	179,300
09:30:24	Mua	55.30	-5.20	100	179,200
09:30:22	Mua	55.30	-5.20	300	179,100
09:30:21	Mua	55.30	-5.20	200	178,800
09:30:20	Mua	55.30	-5.20	100	178,600
09:30:15	Mua	55.30	-5.20	100	178,500
09:30:12	Mua	55.30	-5.20	300	178,400
09:30:07	Mua	55.30	-5.20	500	178,100
09:30:05	Mua	55.30	-5.20	1,100	177,600
09:30:02	Mua	55.30	-5.20	5,800	176,500
09:30:00	Bán	55.20	-5.30	4,300	170,700
09:29:51	Mua	55.20	-5.30	29,100	166,400
09:29:51	Mua	55.20	-5.30	1,000	137,300
09:29:50	Mua	55.20	-5.30	13,200	136,300
09:29:46	Mua	55.20	-5.30	5,000	123,100
09:29:42	Mua	55.20	-5.30	100	118,100

Hình: Màn hình Lịch sử khớp lệnh

3.1.2.3. Giao dịch

Bước 1: Chọn tab Giao dịch cơ sở → Lệnh nâng cao

Bước 2: Chi tiết màn hình giao dịch

- **Chọn tiểu khoản** muốn giao dịch
- **Chọn lệnh Mua/Bán:** *<Khách hàng lựa chọn lệnh muốn đặt>*
- **Mã chứng khoán:** *<Nhập mã chứng khoán muốn giao dịch>,* khi nhập có hiển thị gợi ý mã. Có thể dùng nút lên xuống trong bàn phím để chọn mã, sau đó Click chuột hoặc nhấn Enter.
- Khi chọn mã chứng khoán, bên dưới hiển thị các thông Mã thuộc sàn nào, Giá trần, Giá tham chiếu, Giá sàn. Di chuột các Giá có hiển thị tooltip.
- **Khối lượng:** *<Nhập khối lượng giao dịch>.* Có thể dùng nút tăng giảm hỗ trợ nhập khối lượng. Tăng/giảm khối lượng theo trường "Đơn vị khối lượng giao dịch" ở màn hình 020004/TT CK dưới back.

- **Giá:** *<Nhập giá giao dịch>*. Giá phải nằm trong khoản trần sàn đối với lệnh LO, tích nút để tăng/giảm giá theo bước giá giao dịch của từng sàn. Đối với lệnh thị trường khách nhập các giá ATO, ATO, MAK, MOK…để giao dịch.
- **Nhân lệnh:** *<Nhập khối lượng nhân lệnh>*. Checkbox Mặc định có tick thì trường Nhân lệnh disable và dữ liệu mặc định = 1. Checkbox Mặc định không tick thì trường Nhân lệnh enable cho phép user nhập.

Hình: Màn hình giao dịch

Bước 3: Chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để duyệt như hình dưới:

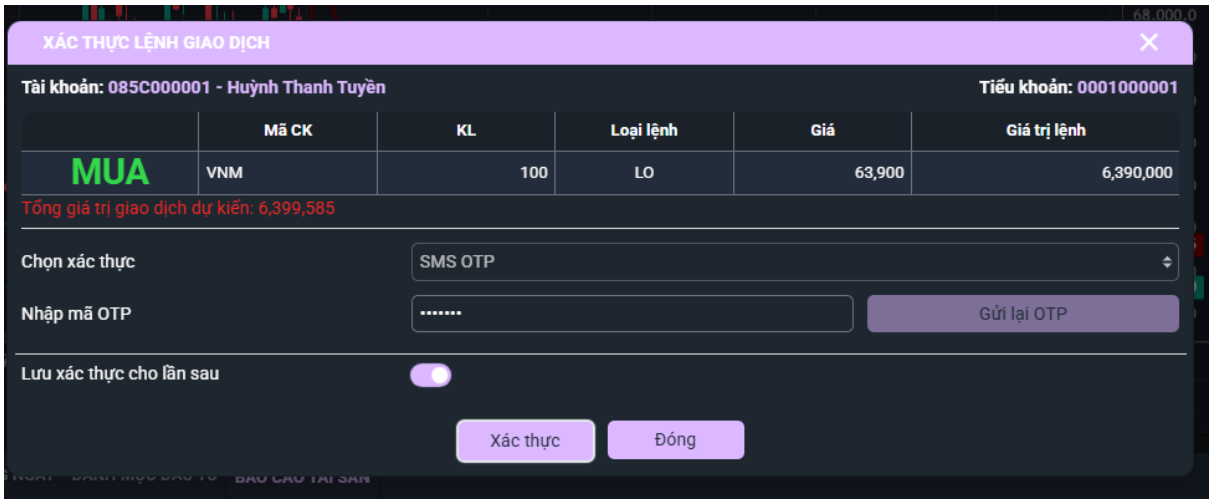

Hình: Màn hình Xác thực lệnh đặt

Bước 4: Kiểm tra lại thông tin giao dịch, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút để lưu xác thực cho lần sau.

Bước 5: Nhấn nút Xác thực để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ khớp ở hình bên dưới:

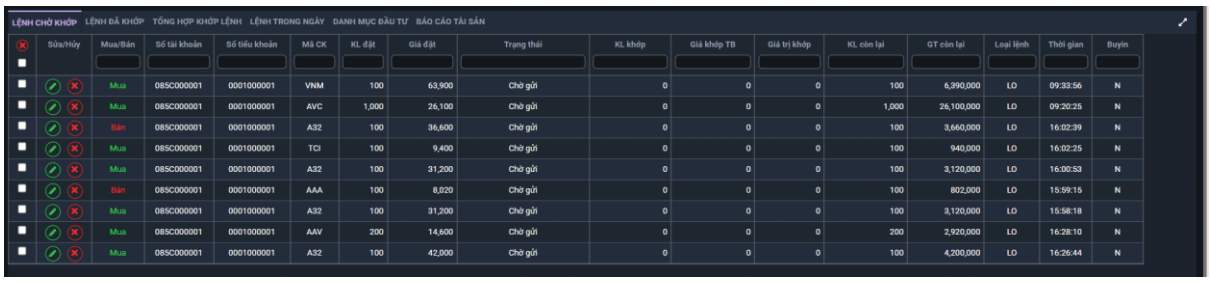

Hình: Màn hình Lệnh chờ khớp

Và hiển thị ở màn hình Lệnh trong ngày

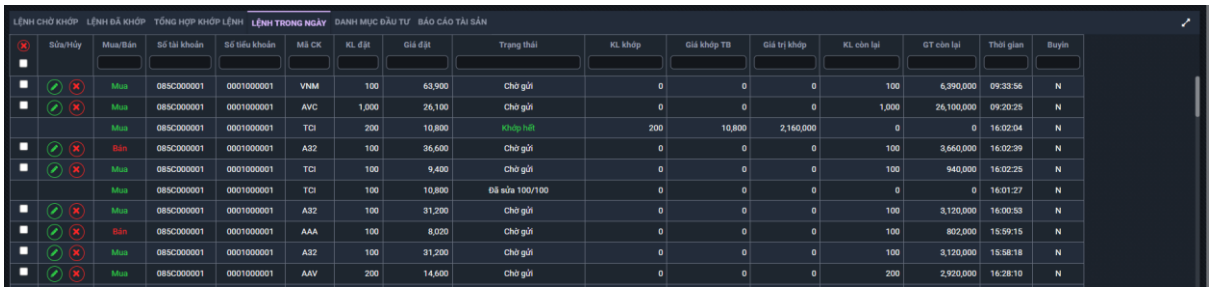

Hình: Màn hình Sổ lệnh trong ngày

THANHCONG SECURITIES CO.
www.tcsc.vn (028) 38 27 05 27 (+84 28) 3821 80 10

3.1.2.4. Lệnh chờ khớp

Màn hình quản lí lệnh Lệnh chờ khớp cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh vừa đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh…

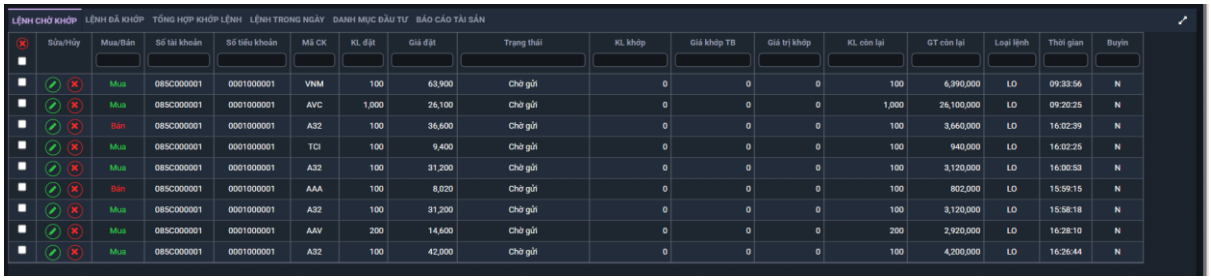

Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Loại lệnh	Thời gian	Buyin
	Mua	085C000001	0001000001	VNM	100	63,900	Chờ gửi	0	0	0	100	6,390,000	LO	09:33:56	N
	Mua	085C000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	1,000	26,100,000	LO	09:20:25	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	LO	16:02:39	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	LO	16:02:25	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	LO	16:00:53	N
	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	LO	15:59:15	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	LO	15:58:18	N
	Mua	085C000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	200	2,920,000	LO	16:28:10	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	42,000	Chờ gửi	0	0	0	100	4,200,000	LO	16:26:44	N

Hình: Màn hình Lệnh chờ khớp

❖ **Sửa lệnh:**

Những lệnh được phép sửa sẽ hiển thị nút trên dòng lệnh, những lệnh không được phép sửa sẽ không hiển thị nút này.

Bước 1: Click nút trong sổ lệnh để chọn lệnh cần sửa, lệnh cần sửa lên màn hình giao dịch như hình

THANHCONG SECURITIES CO.
www.tcsc.vn (028) 38 27 05 27 (+84 28) 3821 80 10

Hình: Màn hình Sửa lệnh

Bước 2: Nhập lại thông tin cần sửa, chọn Mua/bán, hệ thống hiển thị màn hình xác nhận sửa lệnh (chọn để bỏ thao tác sửa lệnh).

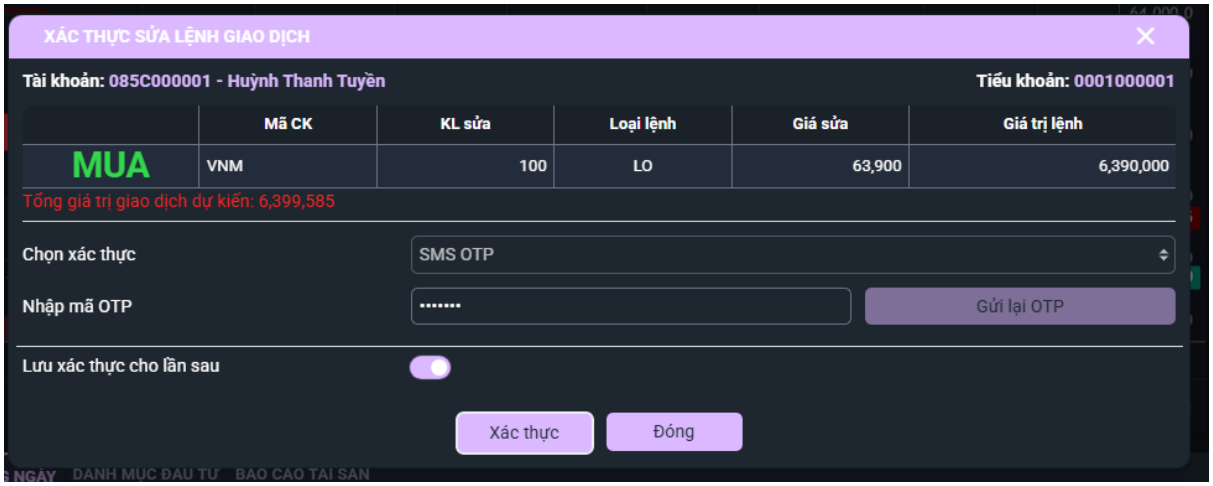

Hình: Màn hình xác thực sửa lệnh

Bước 3: Kiểm tra lại thông tin sửa lệnh, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh.

Bước 4: Nhấn nút 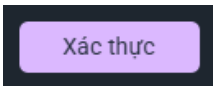

để sửa lệnh. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh sửa sẽ hiển thị trong lệnh chờ khớp

❖ Hủy lệnh

Bước 1: Nhấn nút để chọn lệnh khách hàng muốn hủy trên màn hình Lệnh chờ khớp lệnh, có thể tích chọn hủy nhiều lệnh cùng 1 lúc.

Bước 2: Kiểm tra thông tin, xác thực lệnh cần hủy

Hình: Màn hình xác thực hủy lệnh

Bước 3: Nhấn nút 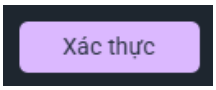

để hủy lệnh. Sau khi xác thực hủy lệnh thành công, trạng thái lệnh trong sổ lệnh là Đã hủy.

3.1.2.5. Lệnh đã khớp

Lệnh đã khớp cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Thời gian, Mã CK, KL khớp, Giá khớp TB…

- Dòng cuối tab lệnh đã khớp có các thông tin:
  - Tổng: KL khớp, Giá khớp TB, Giá trị khớp, Phí GD, Thuế TNCN, Thuế cổ tức, Phải trả/thực nhận.

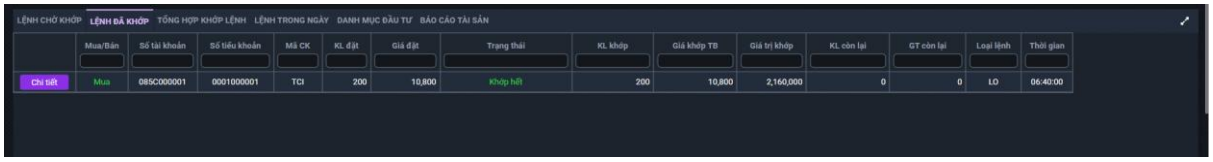

Hình: Màn hình Lệnh đã khớp

Click vào button “Chi tiết” để xem thông tin chi tiết khớp lệnh

Giờ khớp	Mua/Bán	Mã CK	Giá khớp	KL khớp	Giá trị khớp
06:40:00	Mua	TCI	10,800	200	2,160,000
Tổng cộng				200	2,160,000

Hình: Màn hình Chi tiết khớp lệnh

3.1.2.6. Tổng hợp khớp lệnh

Tổng hợp khớp lệnh cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Mã CK, Lệnh, KL khớp, Gía khớp TB, Gía khớp, Gía trị khớp, Phí giao dịch…

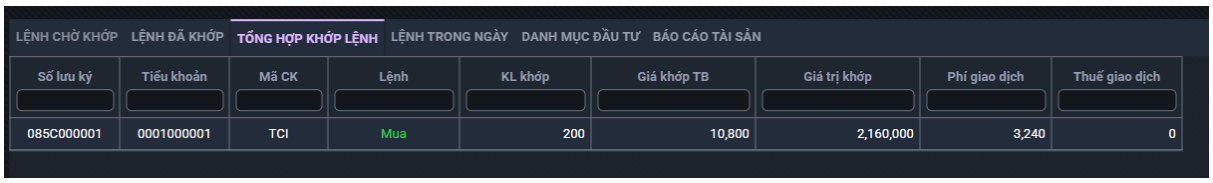

Số lưu ký	Tiểu khoản	Mã CK	Lệnh	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Phí giao dịch	Thuế giao dịch
085C000001	0001000001	TCI	Mua	200	10,800	2,160,000	3,240	0

Hình: Màn hình Tổng hợp khớp lệnh

3.1.2.7. Lệnh trong ngày

- Màn hình quản lí lệnh Lệnh trong ngày cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh đã đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh…
- Dòng cuối sổ lệnh có các thông tin:
  - Số lệnh: là tổng số lệnh hiện có trong sổ lệnh.
  - Tổng: khối lượng đặt, KL khớp, Giá trị khớp, KL còn lại.

Click vào tài khoản để xem thông tin lệnh khớp theo tài khoản

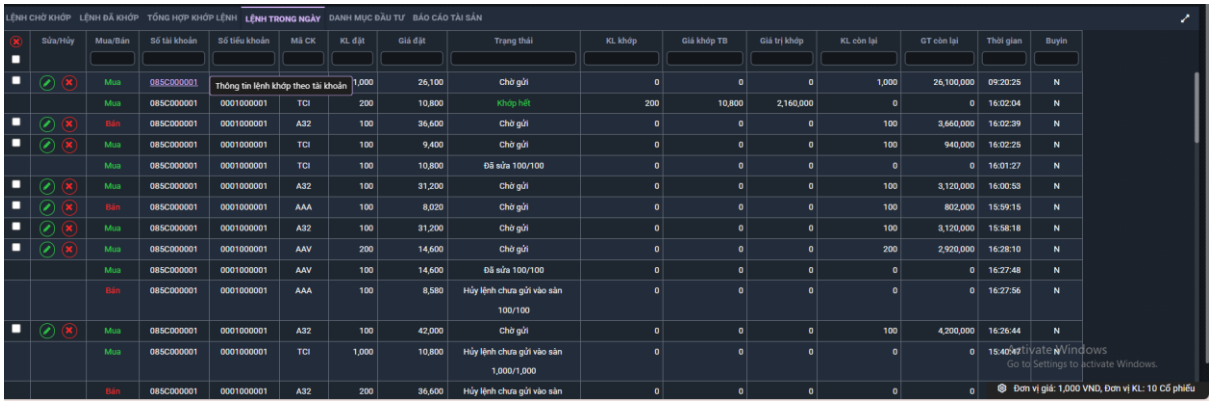

Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin
	Mua	085C000001			1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	1,000	26,100,000	09:20:25	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	200	10,800	Khớp hết	200	10,800	2,160,000	0	0	16:02:04	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	16:02:25	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	10,800	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	16:01:27	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	16:00:53	N
	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	15:58:18	N
	Mua	085C000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	200	2,920,000	16:28:10	N
	Mua	085C000001	0001000001	AAV	100	14,600	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	16:27:48	N
	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	16:27:56	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	42,000	Chờ gửi	0	0	0	100	4,200,000	16:26:44	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	1,000	10,800	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 1,000/1,000	0	0	0	0	0	15:40:42	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	200	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn	0	0	0	0	0		

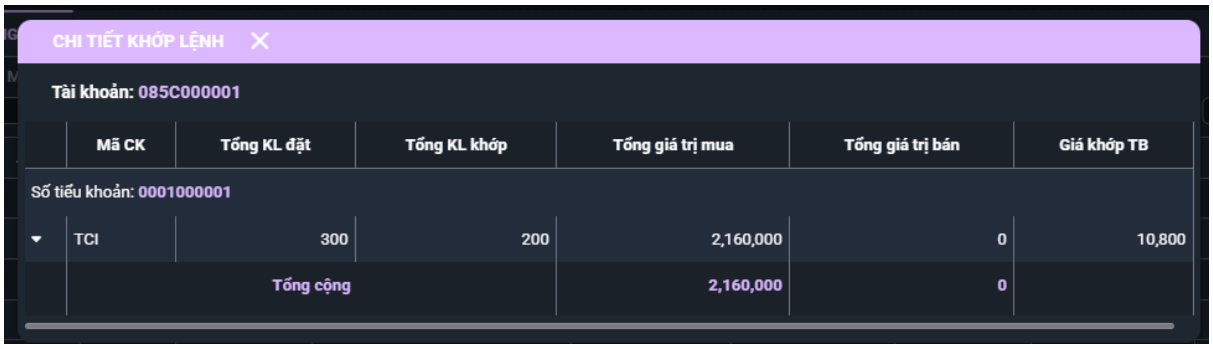

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tài khoản

Click vào Tiểu khoản để xem thông tin chi tiết lệnh khớp theo Tiểu khoản.

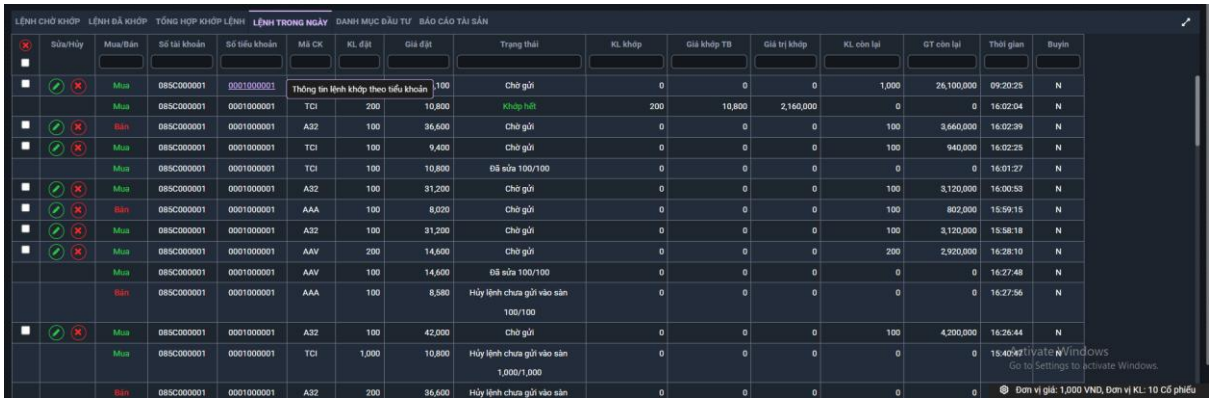

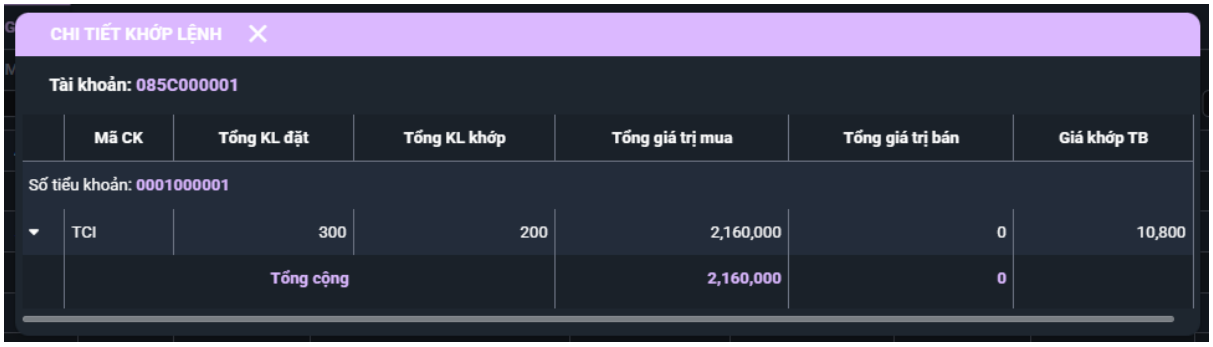

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tiểu khoản

Click vào khối lượng đặt để xem chi tiết thông tin lệnh

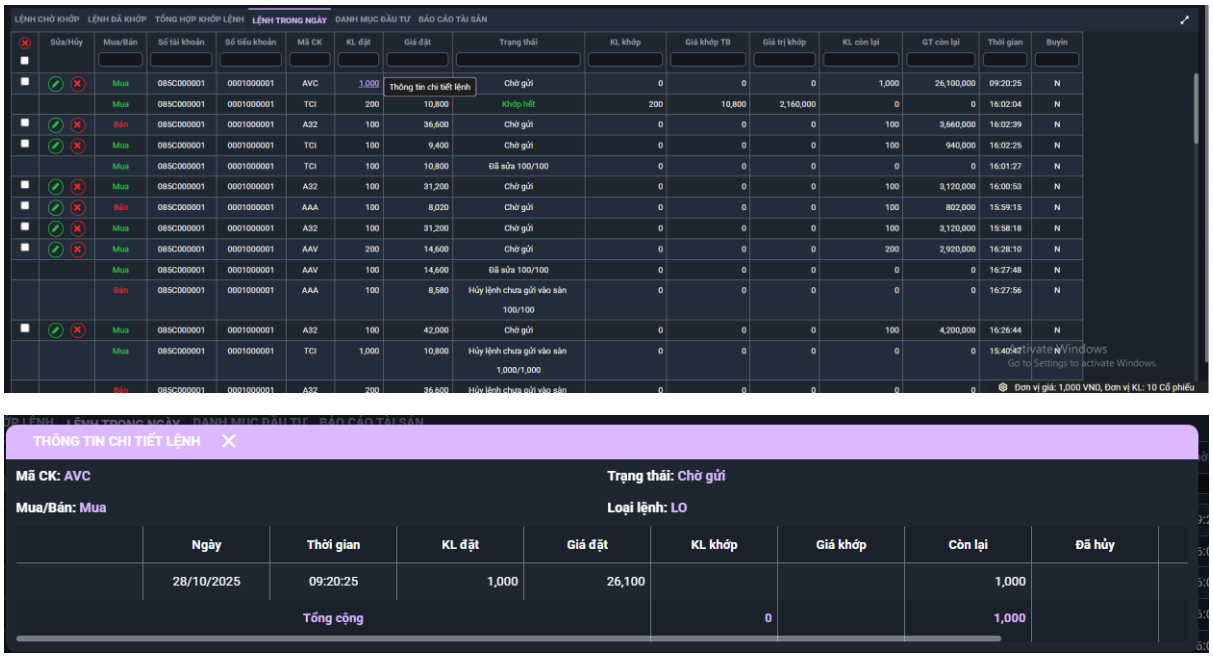

Hình: Màn hình thông tin chi tiết lệnh

Click vào ô filter dưới tên cột trên sổ lệnh, nhập điều kiện tìm kiếm cho phép khách hàng xem thông tin theo điều kiện đã nhập.

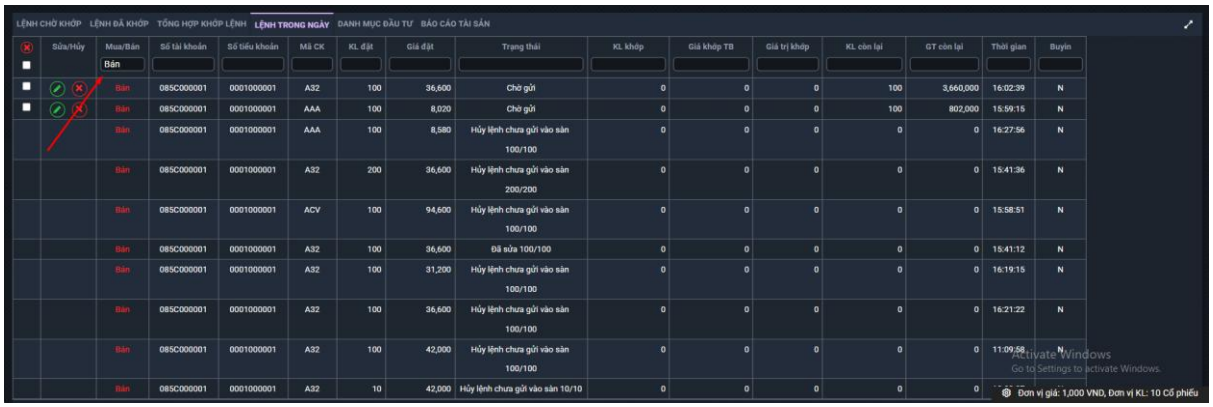

Click vào tên cột để tùy chỉnh sắp xếp lệnh, click lần 1 đối với các dữ liệu là chữ sẽ sắp xếp từ Z → A, với các dữ liệu là số sẽ sắp xếp theo chiều giảm dần, click lần 2 sắp xếp ngược lại so với chiều lần 1.

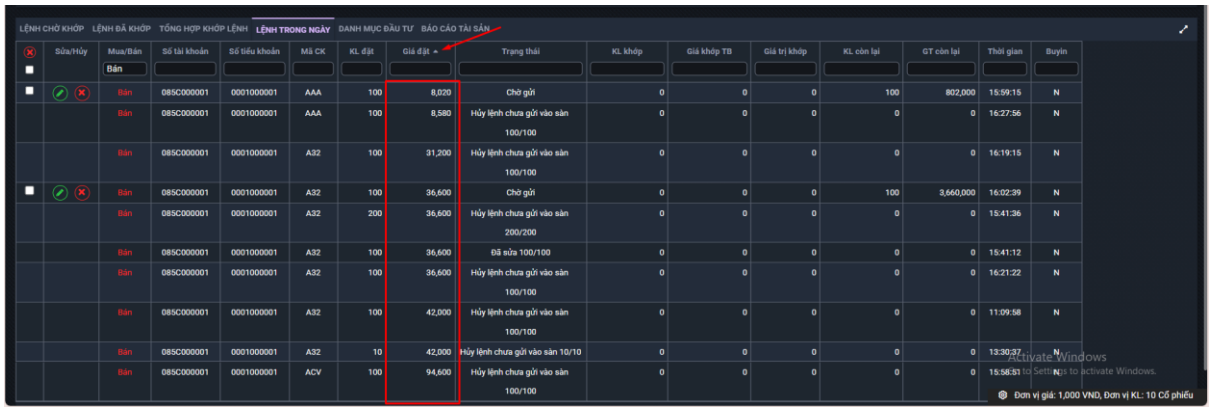

3.1.2.8. Danh mục đầu tư

Danh mục đầu tư cho phép khách hàng theo dõi chứng khoán hiện đang nắm giữ theo từng tiểu khoản, lãi lỗ dự tính trên từng mã chứng khoán.

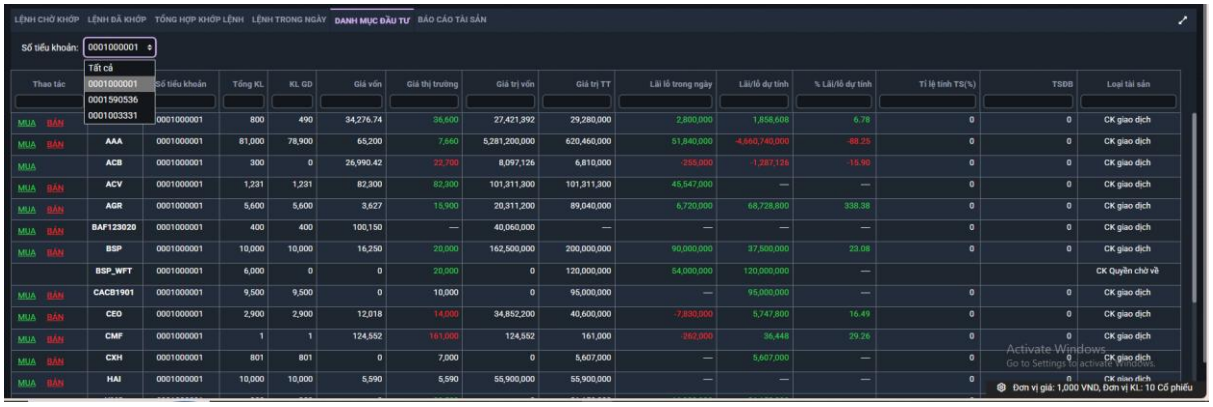

Hình: Màn hình chọn tiểu khoản

- **Click vào thao tác "MUA"** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện mua, tự động chọn loại Mua, hiển thị Mã CK vừa chọn
- **Click vào thao tác "BÁN"** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện bán, tự động chọn loại Bán, hiển thị Mã CK vừa chọn

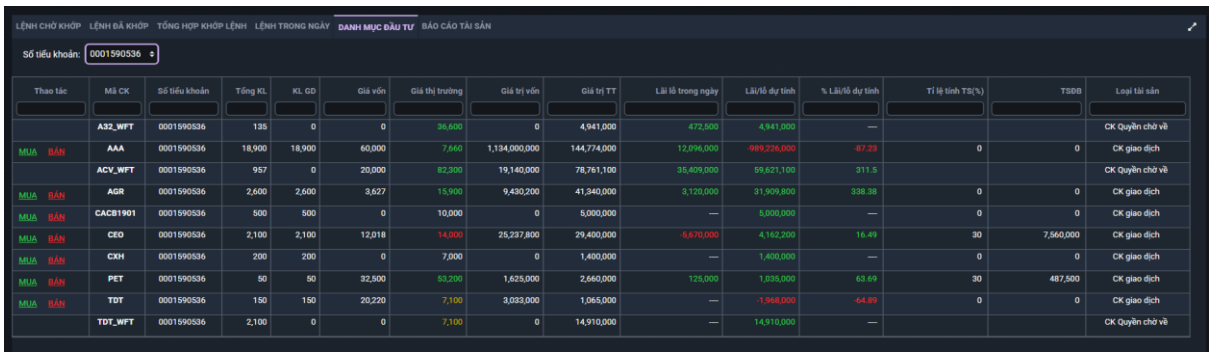

Hình: Màn hình Danh mục đầu tư

- Dòng cuối tab danh mục đầu tư có các thông tin:
  - Tổng: Giá trị vốn, giá trị TT, lãi/lỗ dự tính, % lãi/lỗ dự tính.

3.1.2.9. Báo cáo tài sản

- Cho phép khách hàng theo dõi các thông tin:
  - Tiền tại TCSC
  - Chứng khoán
  - Các khoản nợ
  - Tài sản thực có

Hình: Màn hình Báo cáo tài sản

3.1.3. Giao dịch lệnh nhóm

Mô tả: Lệnh nhóm cho phép khách hàng giao dịch nhanh một lệnh hoặc nhiều lệnh cùng một lúc. Khách hàng có thể đặt trước nhiều lệnh sau đó kích hoạt tất cả các lệnh đặt để đẩy lệnh vào sở giao dịch. Khi thực hiện kích hoạt thì hệ thống mới thực hiện ký quỹ lệnh đặt của khách hàng. Tất cả các lệnh đặt của khách hàng thỏa mãn sẽ được đẩy vào hệ thống giao dịch của sở GDCK cùng một lúc. Các lệnh không hợp lệ vẫn sẽ được giữ lại trong màn hình Sổ lệnh nhóm.

3.1.3.1. Giao dịch nhóm

Bước 1: Chọn tab Giao dịch cơ sở -> Lệnh nhóm

Bước 2: Nhập các thông tin giao dịch như lệnh thường

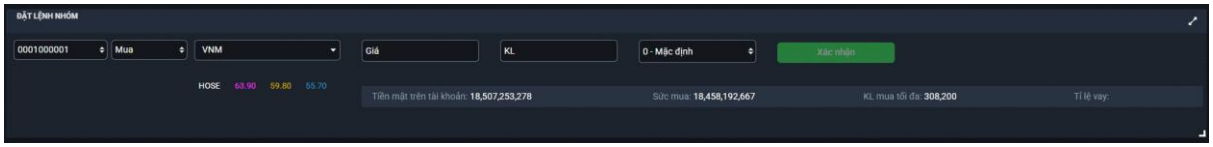

Hình: Màn hình Giao dịch nhóm

Lưu ý: Trong giao dịch nhóm, khách hàng có nhóm “Mặc định”. Để thêm nhóm quản lí, vào tab Thiết lập → Chọn Quản lí lệnh nhóm → Thêm mới.

Bước 3: Chọn nút Mua/Bán để giao dịch, lệnh được lưu vào Sổ lệnh nhóm.

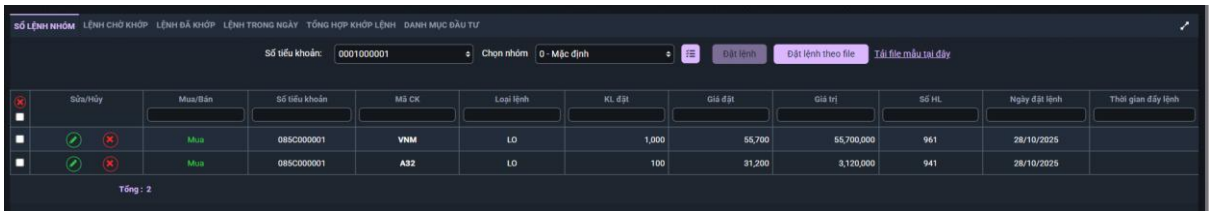

Hình: Màn hình Sổ lệnh nhóm

3.1.3.2. Giao dịch theo file

Mô tả: Chức năng giao dịch theo file cho phép khách hàng giao dịch theo file excel, để tải định dạng file mẫu, khách hàng bấm vào link Tải file mẫu tại đây trên màn hình Sổ lệnh nhóm hoặc trong tab Thiết lập -> Quản lí nhóm lệnh.

Bước 1: Khách hàng bấm nút Đặt lệnh theo file

Bước 2: Chọn file trên thư mục máy tính đã lưu (file phải đúng định dạng excel, có đuôi file dạng .xlsx .xls .csv, tối đa 500 dòng lệnh, và dung lượng < 1MB). Chọn file hợp lệ, hệ hống hiển thị màn hình thông tin lệnh.

Hình: Màn hình giao dịch nhóm theo file

Màn hình thông tin lệnh nhóm theo file hiển thị thông tin Số lệnh hợp lệ, Không hợp lê, Phản hồi lỗi của các lệnh không hợp lệ.

Bước 3: Bấm nút Đặt lệnh để giao dịch, lệnh đặt thành công sẽ lưu vào Sổ lệnh nhóm.

Sổ lệnh nhóm

3.1.3.3. Kích hoạt lệnh

Bước 1: Chọn lệnh muốn kích hoạt: Khách hàng chọn lệnh muốn đẩy vào sở GDCK bằng cách tích chọn vào các ô vuông bên trái dòng lệnh.

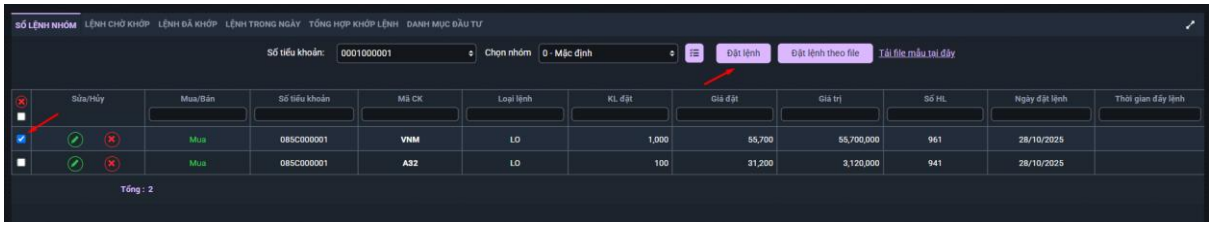

Bước 2: Chọn nút Giao dịch, hệ thống hiển thị màn hình thông tin xác nhận lệnh bao gồm các thông tin số lệnh hợp lệ, lệnh không hợp lệ (Có thông báo lỗi về lệnh không hợp lệ).

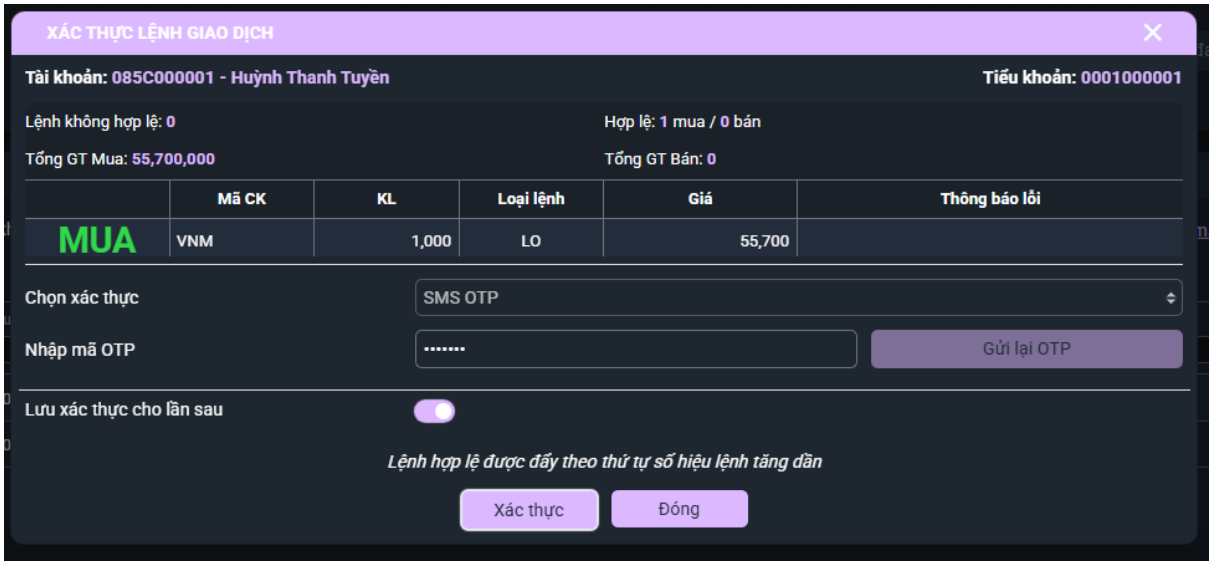

Hình: Màn hình xác thực đẩy lệnh nhóm

Bước 3: Khách hàng kiểm tra thông tin của các lệnh đặt và nhập mã MÃ SMARTOTP hoặc mã OTP.

Bước 4: Nhấn nút 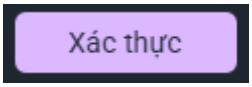

để giao dịch.

3.1.3.4. Sửa lệnh

Bước 1: Chọn lệnh cần sửa, nhấn vào nút trên dòng lệnh.

Bước 2: Nhập thông tin sửa trong màn hình giao dịch.

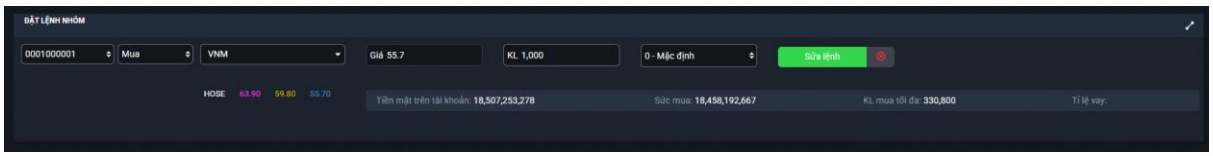

Hình: Màn hình giao dịch nhóm

Bước 3: Nhấn Mua/Bán để Sửa lệnh, nút để hủy thao tác sửa lệnh.

3.1.3.5. Hủy lệnh

Nhấn nút để chọn lệnh khách hàng muốn hủy trên màn hình Lệnh trong ngày, có thể tích chọn hủy nhiều lệnh cùng 1 lúc. Ấn chấp nhận để hủy các lệnh đã chọn.

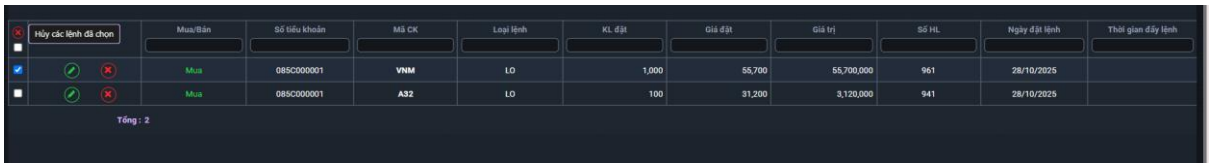

Hình: Màn hình sổ lệnh khi tích chọn hủy lệnh

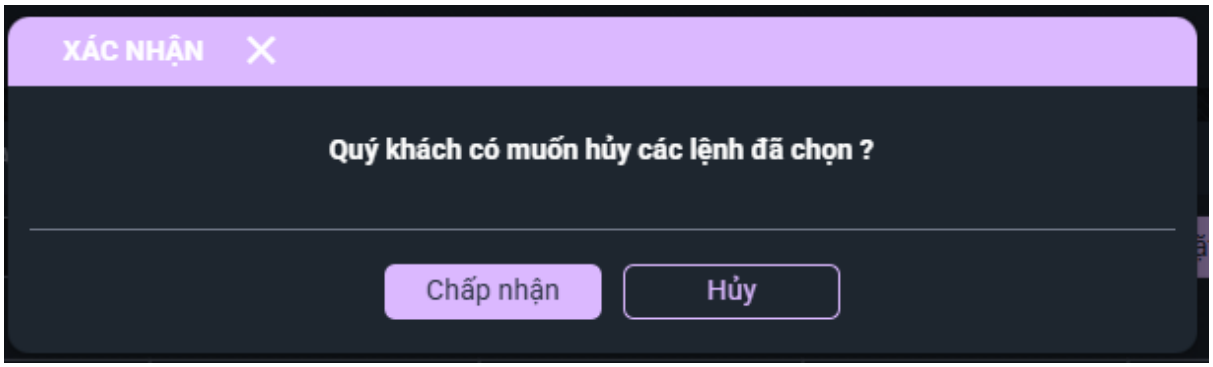

Hình: Màn hình xác nhận hủy lệnh

3.1.3.6. Lệnh chờ khớp

Màn hình quản lí lệnh Lệnh chờ khớp cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh vừa đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh…

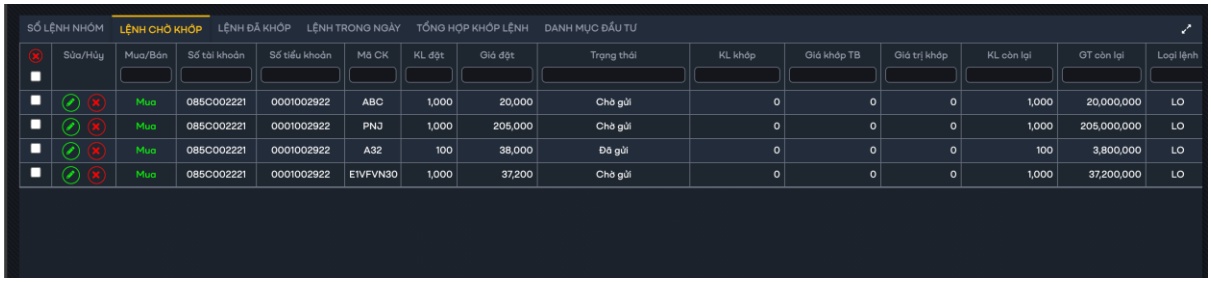

Hình: Màn hình Lệnh chờ khớp

3.1.3.7. Sửa lệnh

Những lệnh được phép sửa sẽ hiển thị nút trên dòng lệnh, những lệnh không được phép sửa sẽ không hiển thị nút này.

Bước 1: Click nút trong sổ lệnh để chọn lệnh cần sửa, lệnh cần sửa lên màn hình giao dịch như hình

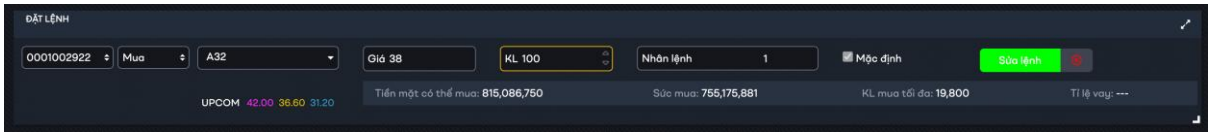

Hình: Màn hình Sửa lệnh

Bước 2: Nhập lại thông tin cần sửa, chọn Mua/bán, hệ thống hiển thị màn hình xác nhận sửa lệnh (chọn để bỏ thao tác sửa lệnh).

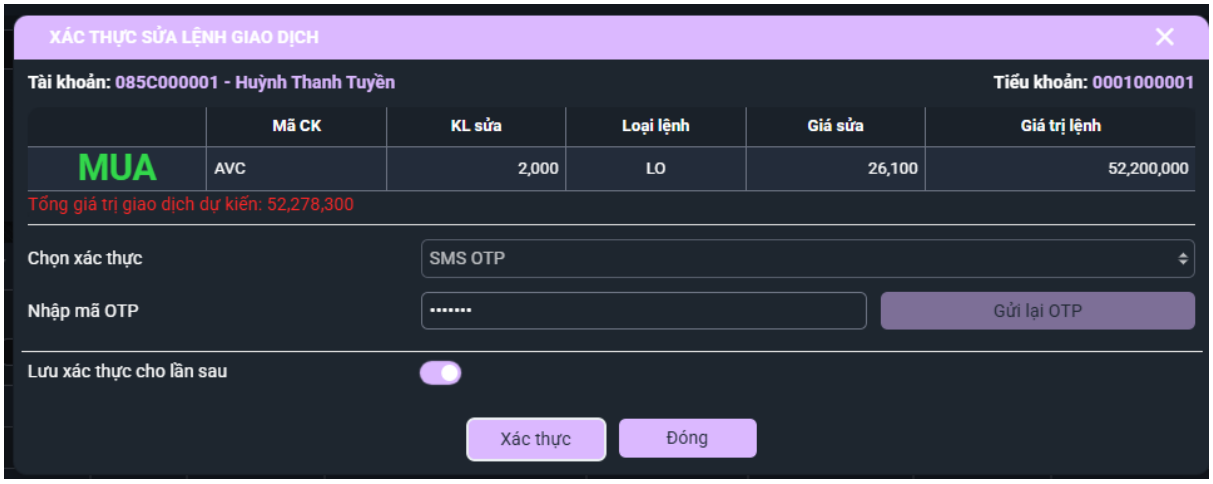

Hình: Màn hình xác thực sửa lệnh

Bước 3: Kiểm tra lại thông tin sửa lệnh, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh.

Bước 4: Nhấn nút 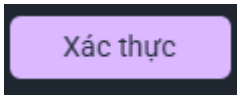

để sửa lệnh. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh sửa sẽ hiển thị trong lệnh chờ khớp.

3.1.3.8. Hủy lệnh

Bước 1: Nhấn nút để chọn lệnh khách hàng muốn hủy trên màn hình Lệnh chờ khớp lệnh, có thể tích chọn hủy nhiều lệnh cùng 1 lúc.

Bước 2: Kiểm tra thông tin, xác thực lệnh cần hủy

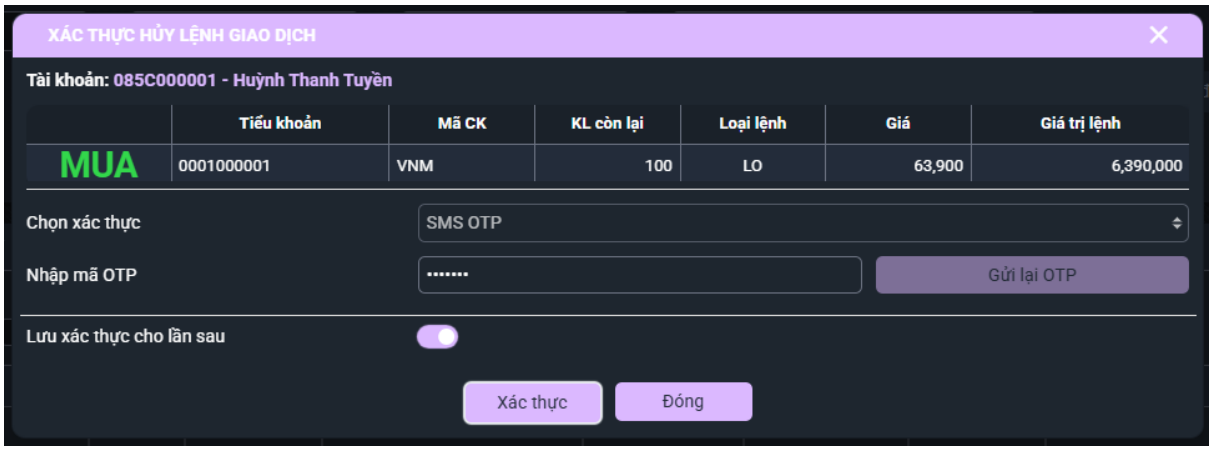

Hình: Màn hình xác thực hủy lệnh

Bước 3: Nhấn nút 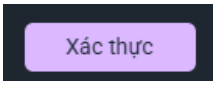

để hủy lệnh. Sau khi xác thực hủy lệnh thành công, trạng thái lệnh trong sổ lệnh là Đã hủy.

3.1.3.9. Lệnh đã khớp

Lệnh đã khớp cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Thời gian, Mã CK, KL khớp, Giá khớp TB…

- Dòng cuối tab lệnh đã khớp có các thông tin:
  - Tổng: KL khớp, Giá khớp TB, Giá trị khớp, Phí GD, Thuế TNCN, Thuế cổ tức, Phải trả/thực nhận.

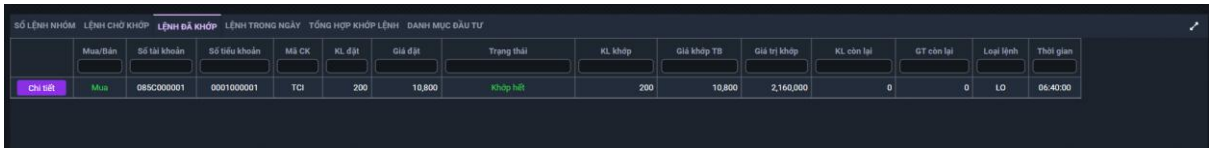

Hình: Màn hình Lệnh đã khớp

Click vào button “Chi tiết” để xem thông tin chi tiết khớp lệnh

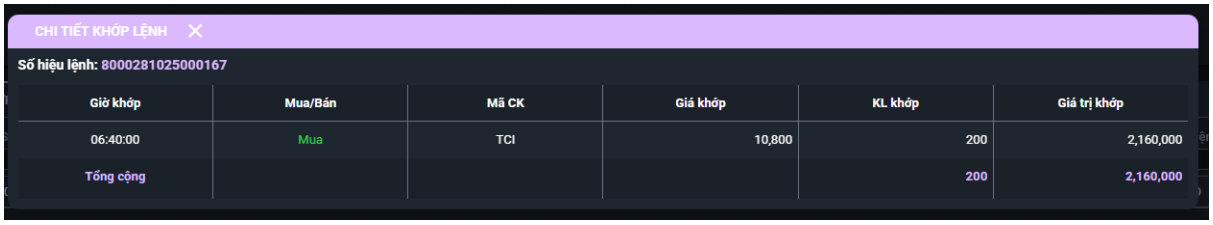

Hình: Màn hình Chi tiết khớp lệnh

3.1.3.10. Lệnh trong ngày

Màn hình quản lí lệnh Lệnh trong ngày cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh đã đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh…

- Dòng cuối sổ lệnh có các thông tin:
  - Số lệnh: là tổng số lệnh hiện có trong sổ lệnh.
  - Tổng: khối lượng đặt, KL khớp, Giá trị khớp, KL còn lại.

Click vào tài khoản để xem thông tin lệnh khớp theo tài khoản

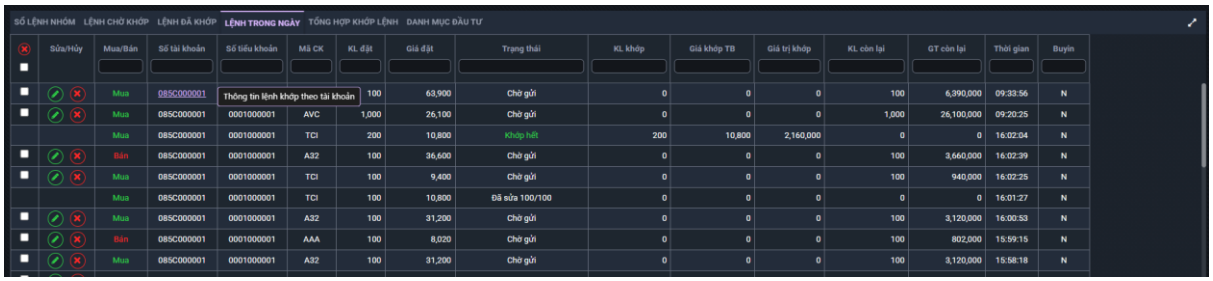

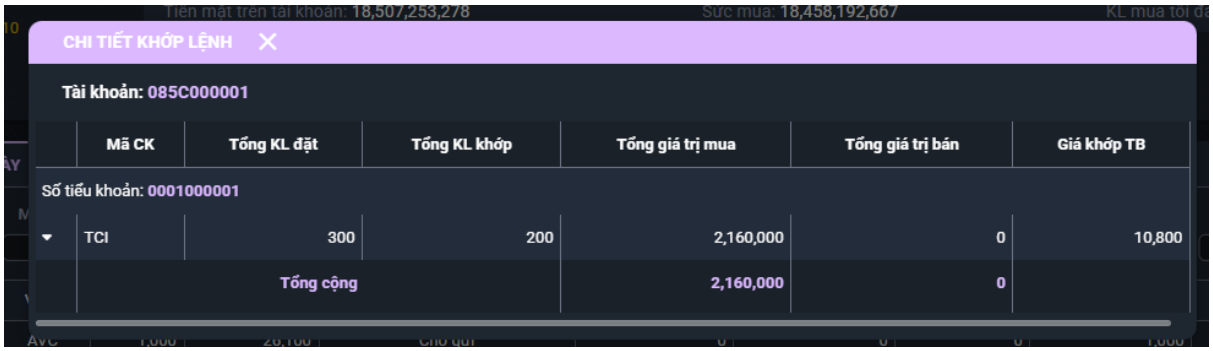

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tài khoản

Click vào Tiểu khoản để xem thông tin chi tiết lệnh khớp theo Tiểu khoản.

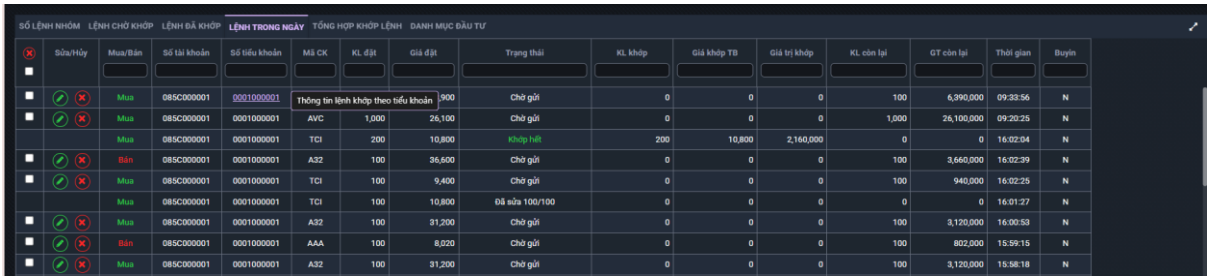

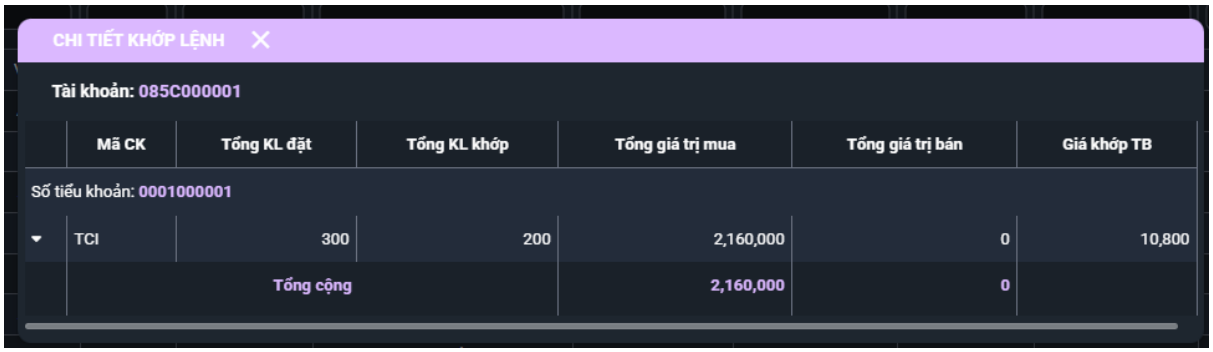

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tiểu khoản

Click vào khối lượng đặt để xem chi tiết thông tin lệnh

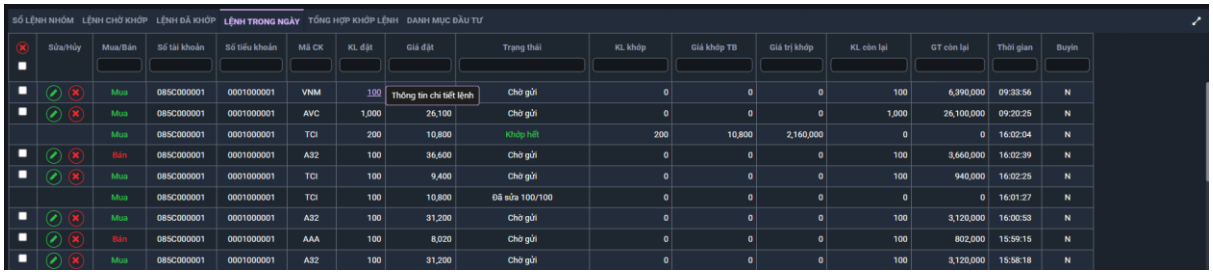

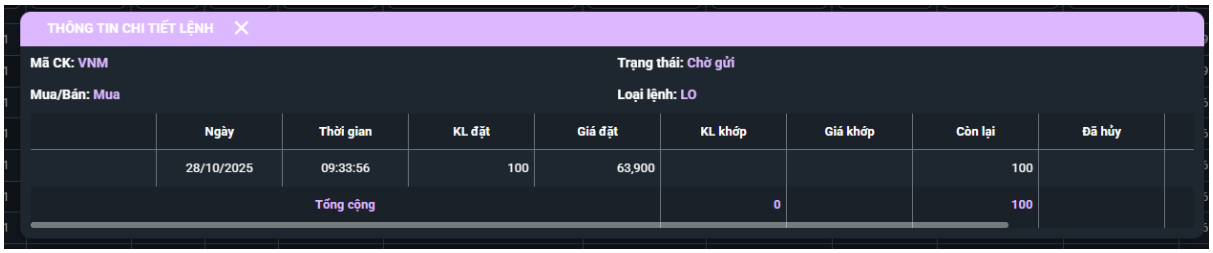

Hình: Màn hình thông tin chi tiết lệnh

Click vào ô filter dưới tên cột trên sổ lệnh, nhập điều kiện tìm kiếm cho phép khách hàng xem thông tin theo điều kiện đã nhập.

Click vào tên cột để tùy chỉnh sắp xếp lệnh, click lần 1 đối với các dữ liệu là chữ sẽ sắp xếp từ Z → A, với các dữ liệu là số sẽ sắp xếp theo chiều giảm dần, click lần 2 sắp xếp ngược lại so với chiều lần 1.

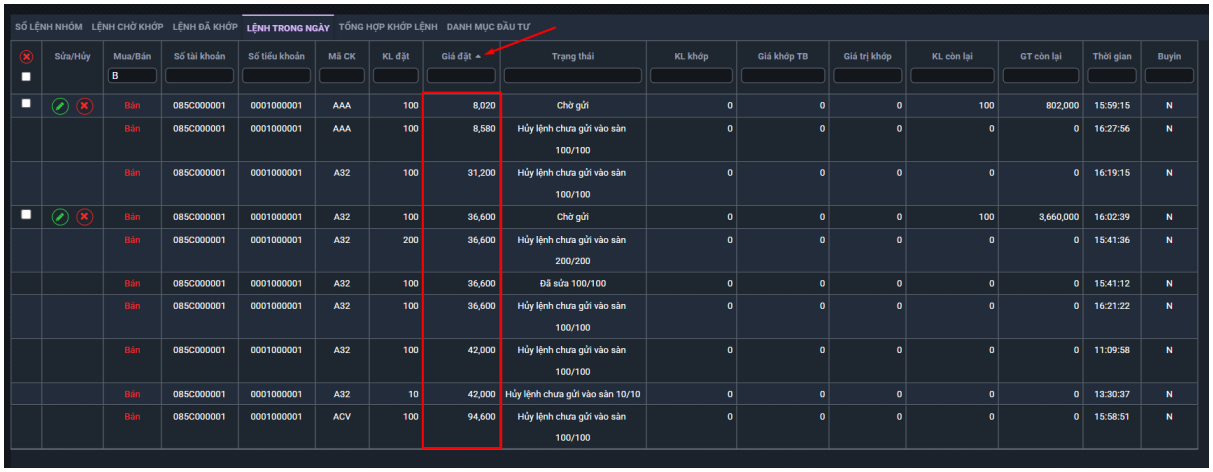

Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin
	B													
	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N
	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	16:27:56	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	16:19:15	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	200	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 200/200	0	0	0	0	0	15:41:36	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	15:41:12	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	16:21:22	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	42,000	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	11:09:58	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	10	42,000	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 10/10	0	0	0	0	0	13:30:37	N
	Bán	085C000001	0001000001	ACV	100	94,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	15:58:51	N

3.1.3.11. Tổng hợp khớp lệnh

Tổng hợp khớp lệnh cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Mã CK, Lệnh, KL khớp, Gía khớp TB, Gía khớp, Gía trị khớp, Phí giao dịch…

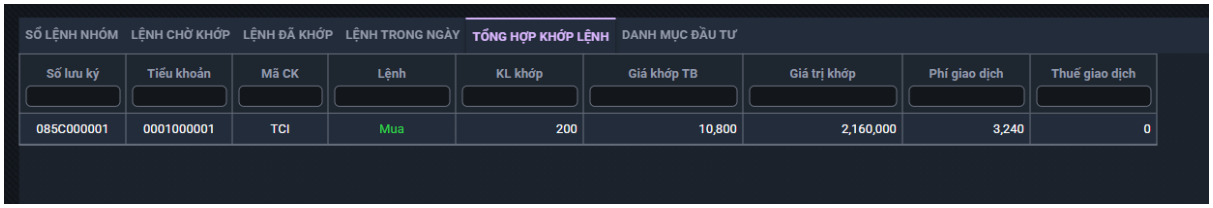

Số lưu ký	Tiểu khoản	Mã CK	Lệnh	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Phí giao dịch	Thuế giao dịch
085C000001	0001000001	TCI	Mua	200	10,800	2,160,000	3,240	0

Hình: Màn hình Tổng hợp khớp lệnh

3.1.3.12. Danh mục đầu tư

Danh mục đầu tư cho phép khách hàng theo dõi chứng khoán hiện đang nắm giữ theo từng tiểu khoản, lãi lỗ dự tính trên từng mã chứng khoán.

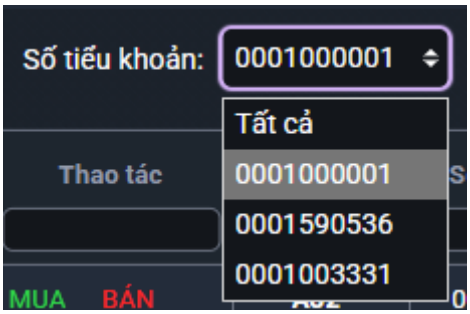

Hình: Màn hình chọn tiểu khoản

- **Click vào thao tác "MUA"** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện mua, tự động chọn loại Mua, hiển thị Mã CK vừa chọn
- **Click vào thao tác "BÁN"** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện bán, tự động chọn loại Bán, hiển thị Mã CK vừa chọn

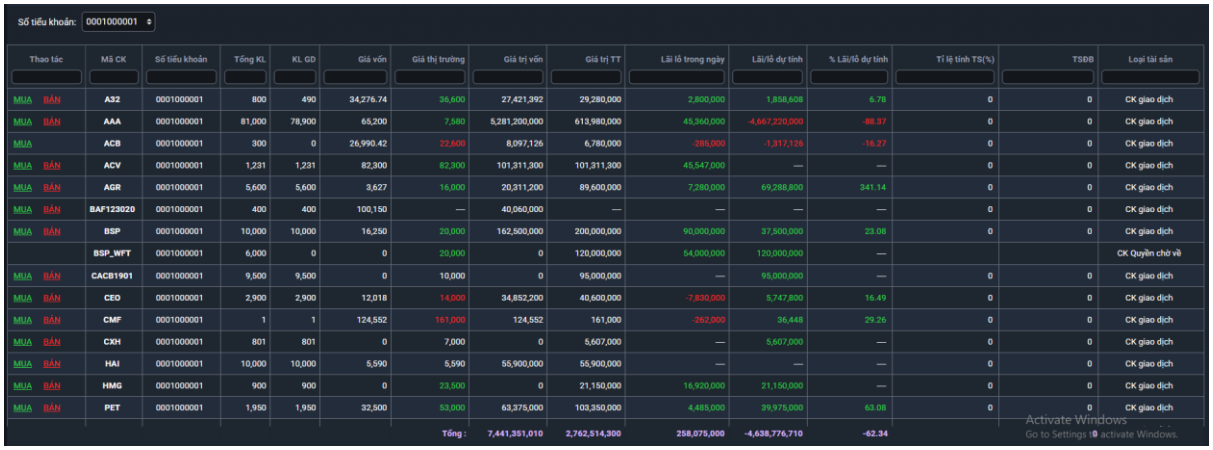

Số tiểu khoản: 0001000001

Thao tác	Mã CK	Số tiểu khoản	Tổng KL	KL GD	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi lỗ trong ngày	Lãi/lỗ dự tính	% Lãi/lỗ dự tính	Tỉ lệ tính TS(%)	TSĐB	Loại tài sản
MUA BÁN	A32	0001000001	800	490	34,276.74	36,600	27,421,392	29,280,000	2,800,000	1,858,608	6.78	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	AAA	0001000001	81,000	78,900	65,200	7,580	5,281,200,000	613,980,000	45,360,000	-4,667,220,000	-88.37	0	0	CK giao dịch
MUA	ACB	0001000001	300	0	26,990.42	22,600	8,097,126	6,780,000	-285,000	-1,317,126	-16.27	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	ACV	0001000001	1,231	1,231	82,300	82,300	101,311,300	101,311,300	45,547,000	—	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	AGR	0001000001	5,600	5,600	3,627	16,000	20,311,200	89,600,000	7,280,000	69,288,800	341.14	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	BAF123020	0001000001	400	400	100,150	—	40,060,000	—	—	—	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	BSP	0001000001	10,000	10,000	16,250	20,000	162,500,000	200,000,000	90,000,000	37,500,000	23.08	0	0	CK giao dịch
	BSP_WFT	0001000001	6,000	0	0	20,000	0	120,000,000	54,000,000	120,000,000	—			CK Quyền chờ về
MUA BÁN	CACB1901	0001000001	9,500	9,500	0	10,000	0	95,000,000	—	95,000,000	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	CEO	0001000001	2,900	2,900	12,018	14,000	34,852,200	40,600,000	-7,830,000	5,747,800	16.49	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	CMF	0001000001	1	1	124,552	161,000	124,552	161,000	-262,000	36,448	29.26	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	CXH	0001000001	801	801	0	7,000	0	5,607,000	—	5,607,000	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	HAI	0001000001	10,000	10,000	5,590	5,590	55,900,000	55,900,000	—	—	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	HMG	0001000001	900	900	0	23,500	0	21,150,000	16,920,000	21,150,000	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	PET	0001000001	1,950	1,950	32,500	53,000	63,375,000	103,350,000	4,485,000	39,975,000	63.08	0	0	CK giao dịch
						Tổng :	7,441,351,010	2,762,514,300	258,075,000	-4,638,776,710	-62.34			

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Danh mục đầu tư

- Dòng cuối tab danh mục đầu tư có các thông tin:
  - Tổng: Giá trị vốn, giá trị TT, lãi/lỗ dự tính, % lãi/lỗ dự tính.

3.1.4. Giao dịch lệnh điều kiện

Mô tả: Khách hàng có thể sử dụng chức năng này để đặt trước lệnh mua hoặc lệnh bán chứng khoán với một mức giá nhất định và yêu cầu lệnh này có hiệu lực trong một khoảng thời gian do khách hàng lựa chọn. Trong thời gian hiệu lực này, khi giá đặt của nhà đầu tư nằm trong khoảng Trần - Sàn của ngày giao dịch và số dư chứng khoán/sức mua của tài khoản tại thời điểm đó đủ đáp ứng cho việc ký quỹ lệnh đặt thì lệnh sẽ được kiểm tra đẩy lên sàn và có thể được khớp với giá đặt hoặc tốt hơn (tùy theo điều kiện của thị trường).

3.1.4.1. Giao dịch điều kiện

Bước 1: Chọn tab Giao dịch cơ sở/ Lệnh điều kiện

Hiển thị màn hình mô tả chi tiết lệnh điều kiện:

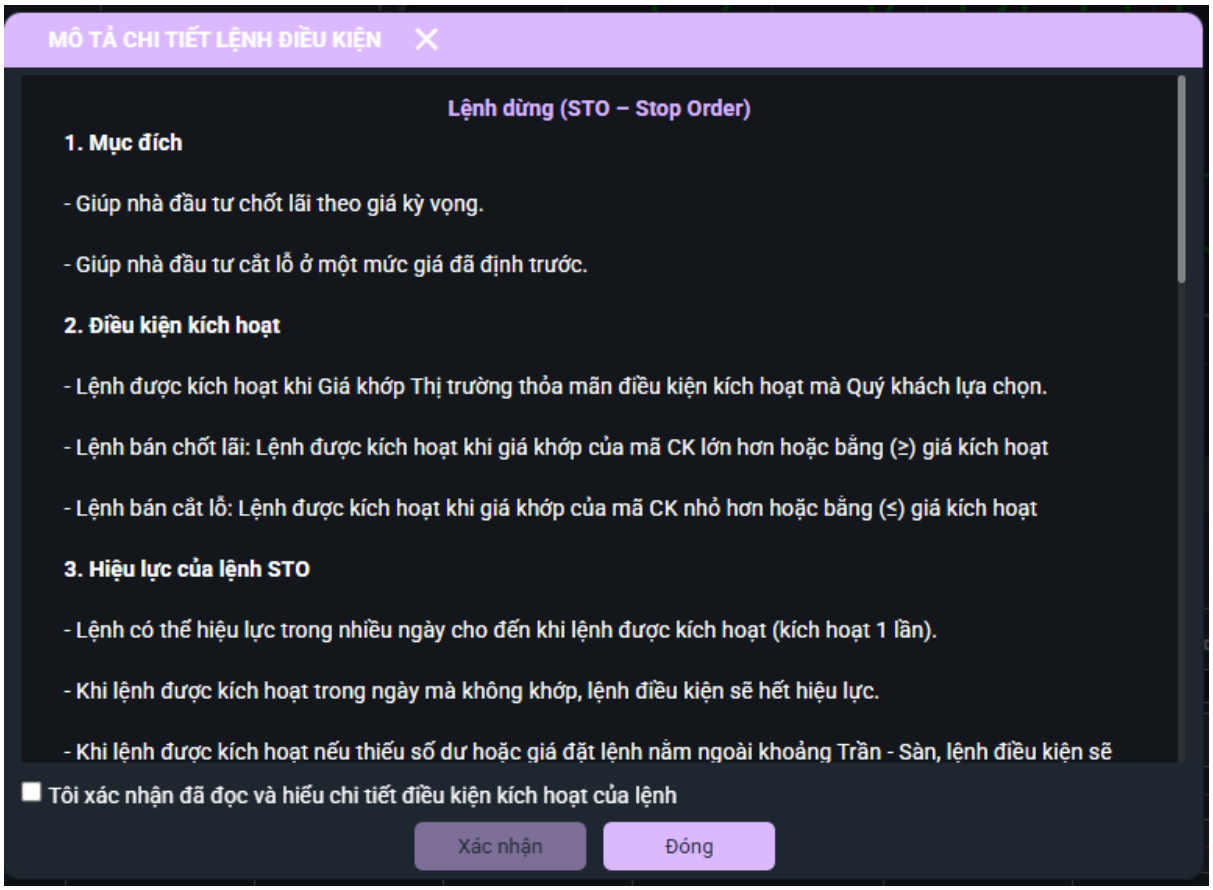

Hình: Màn hình mô tả chi tiết lệnh điều kiện

Bước 2:

- Chọn Loại lệnh điều kiện muốn thực hiện

- Nhập các thông tin vào màn hình giao dịch

Hình: Màn hình giao dịch điều kiện GTC

Bước 3: Nhấn nút 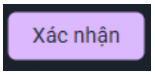

để giao dịch.

Bước 4: Xác thực lệnh đặt

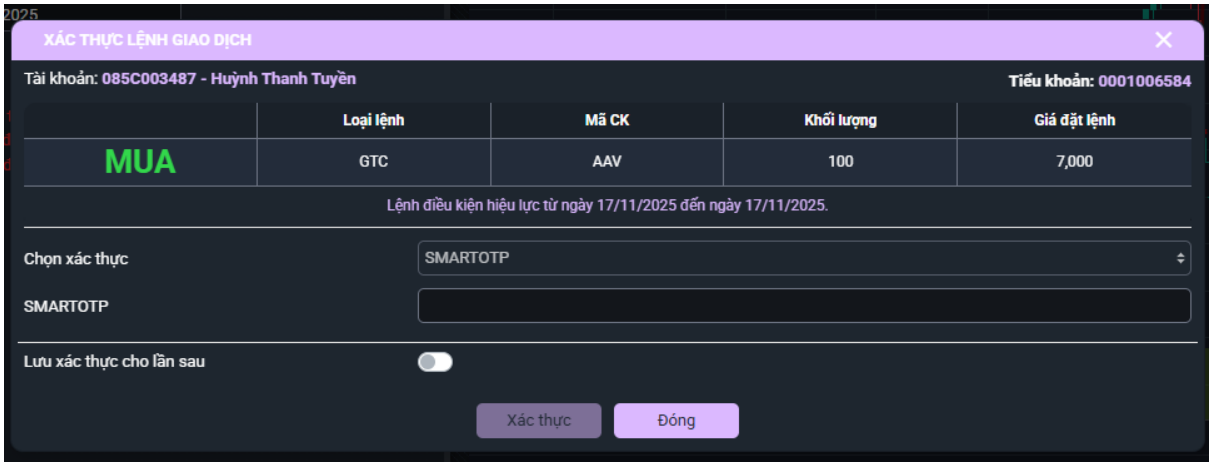

Hình: Màn hình xác thực giao dịch điều kiện

Bước 5: Kiểm tra lại thông tin giao dịch, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút để lưu xác thực cho lần sau.

Bước 6: Nhấn nút 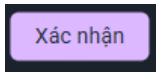

để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên sổ lệnh điều kiện như hình bên dưới, khi lệnh thỏa mãn các điều kiện của thị trường cũng như điều kiện kiểm tra của hệ thống thì lệnh sẽ được đẩy vào Sở giao dịch và hiển thị trên màn hình quản lý của Tab “Lệnh điều kiện”.

Hình: Màn hình sổ lệnh điều kiện

3.1.4.2. Lệnh điều kiện

Màn hình quản lí lệnh điều kiện cho phép người dùng xem, hủy lệnh. Hiển thị thông tin của Lệnh vừa đặt bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh…

Hình: Tab lệnh điều kiện

Hủy lệnh điều kiện

Bước 1: Nhấn nút để chọn lệnh khách hàng muốn hủy, có thể tích chọn hủy nhiều lệnh cùng 1 lúc.

Bước 2: Xác thực hủy lệnh điều kiện

Hình: Màn hình xác thực hủy lệnh điều kiện

Bước 3: Khách hàng kiểm tra lại thông tin giao dịch, nhập SmartOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút để lưu xác thực cho lần sau.

Bước 4: Nhấn nút Xác thực để giao dịch.

Ghi chú: Đối với Lệnh điều kiện chưa được đặt vào hệ thống giao dịch của Sở giao dịch thì có thể hủy Lệnh điều kiện trực tiếp trên màn hình Lệnh điều kiện. Đối với Lệnh điều kiện đã đặt vào hệ thống giao dịch của Sở giao dịch thì việc hủy lệnh thực hiện như đối với lệnh thông thường. Khi hủy Lệnh điều kiện đã đặt vào hệ thống giao dịch thành công thì Lệnh điều kiện này cũng hết hiệu lực luôn.

- Các trạng thái của Lệnh điều kiện:
  + **Chờ xử lý:** <Lệnh điều kiện đã được đặt vào hệ thống nhưng chưa đẩy lên sàn>
  + **Đã kích hoạt:** < Lệnh điều kiện đã được gửi lên sàn>
  + **Đã khớp:** < Lệnh điều kiện đã được khớp 1 phần>
  + **Hoàn tất:** < Lệnh điều kiện đã khớp hết>
  + **Đã hủy:** < Lệnh điều kiện đã được hủy>

3.1.4.3. Lệnh chờ khớp

Màn hình quản lí lệnh Lệnh chờ khớp cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh vừa đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh…

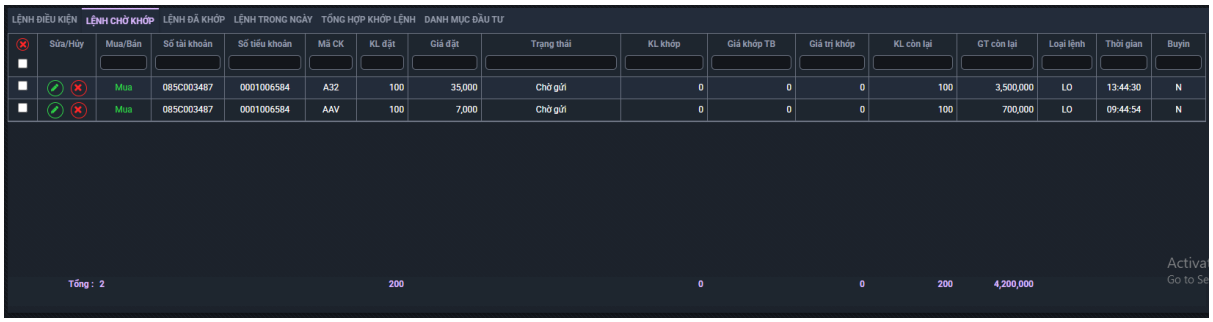

Hình: Màn hình Lệnh chờ khớp

Sửa lệnh:

Những lệnh được phép sửa sẽ hiển thị nút trên dòng lệnh, những lệnh không được phép sửa sẽ không hiển thị nút này.

Bước 1: Click nút trong sổ lệnh để chọn lệnh cần sửa, lệnh cần sửa lên màn hình giao dịch như hình

Hình: Màn hình Sửa lệnh

Bước 2: Nhập lại thông tin cần sửa, chọn Mua/bán, hệ thống hiển thị màn hình xác nhận sửa lệnh (chọn để bỏ thao tác sửa lệnh).

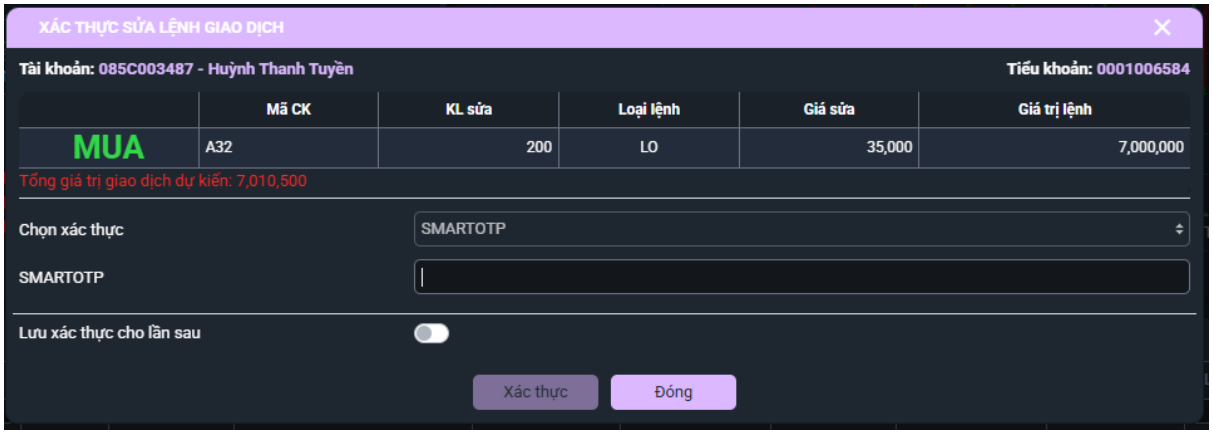

Hình: Màn hình xác thực sửa lệnh

Bước 3: Kiểm tra lại thông tin sửa lệnh, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh.

Bước 4: Nhấn nút

để sửa lệnh. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh sửa sẽ hiển thị trong lệnh chờ khớp

Hủy lệnh

Bước 1: Nhấn nút để chọn lệnh khách hàng muốn hủy trên màn hình Lệnh chờ khớp lệnh, có thể tích chọn hủy nhiều lệnh cùng 1 lúc.

Bước 2: Kiểm tra thông tin, xác thực lệnh cần hủy

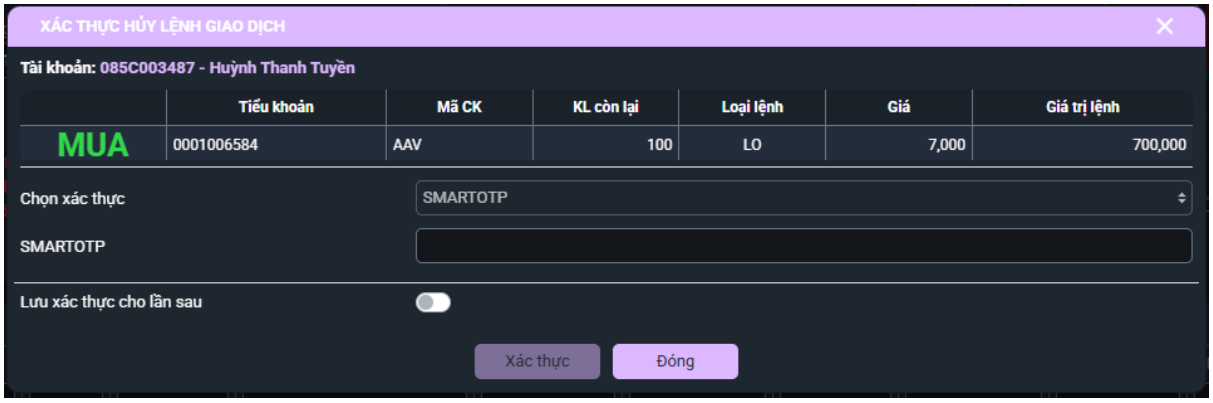

Hình: Màn hình xác thực hủy lệnh

Bước 3: Nhấn nút

để hủy lệnh. Sau khi xác thực hủy lệnh thành công, trạng thái lệnh trong sổ lệnh là Đã hủy.

3.1.4.4. Lệnh đã khớp

Lệnh đã khớp cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Thời gian, Mã CK, KL khớp, Giá khớp TB…

- Dòng cuối tab lệnh đã khớp có các thông tin:
  - Tổng: KL khớp, Giá khớp TB, Giá trị khớp, Phí GD, Thuế TNCN, Thuế cổ tức, Phải trả/thực nhận.

Hình: Màn hình Lệnh đã khớp

Click vào button “Chi tiết” để xem thông tin chi tiết khớp lệnh

Hình: Màn hình Chi tiết khớp lệnh

3.1.4.5. Lệnh trong ngày

Màn hình quản lí lệnh Lệnh trong ngày cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh đã đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh…

- Dòng cuối sổ lệnh có các thông tin:
  - Số lệnh: là tổng số lệnh hiện có trong sổ lệnh.
  - Tổng: khối lượng đặt, KL khớp, Giá trị khớp, KL còn lại.

Click vào tài khoản để xem thông tin lệnh khớp theo tài khoản

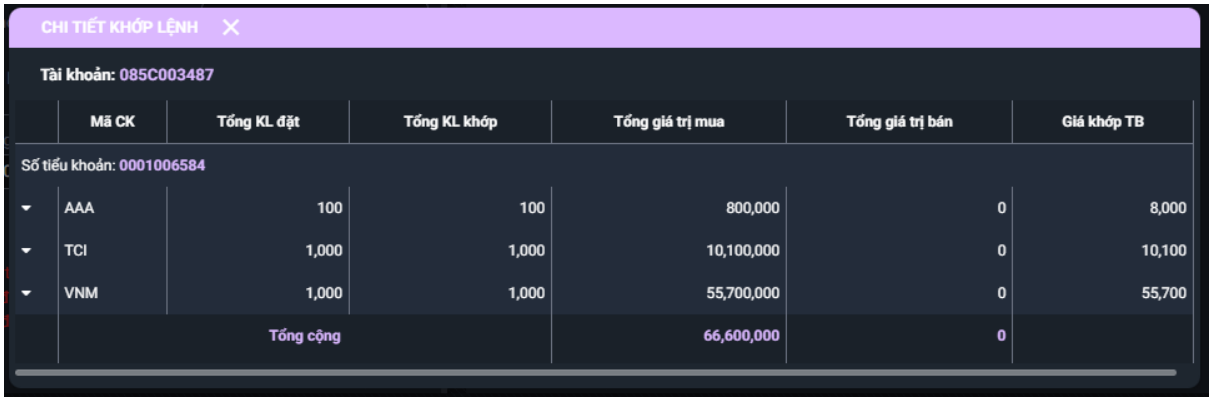

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tài khoản

Click vào Tiểu khoản để xem thông tin chi tiết lệnh khớp theo Tiểu khoản.

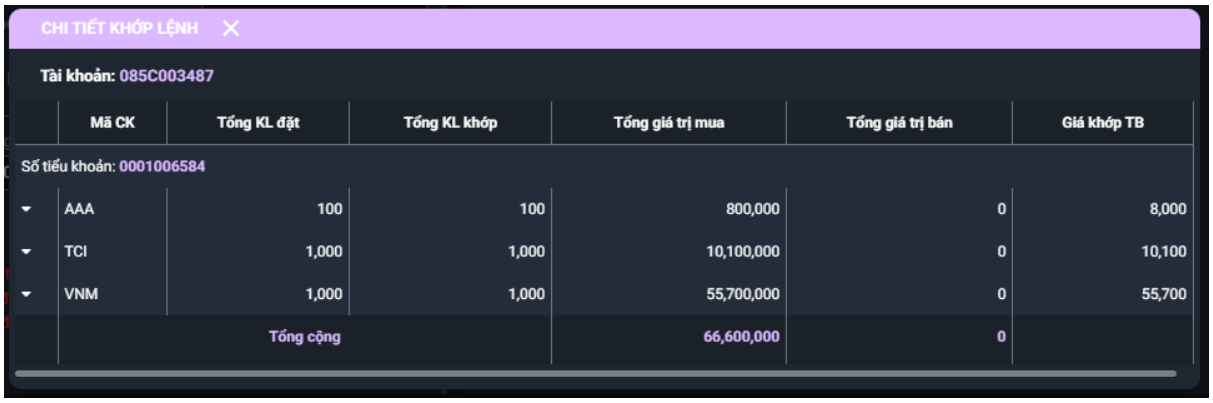

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tiểu khoản

Click vào khối lượng đặt để xem chi tiết thông tin lệnh

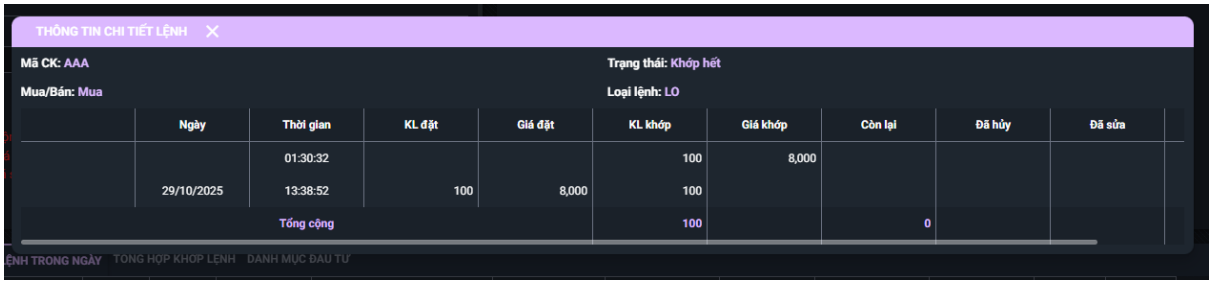

Hình: Màn hình thông tin chi tiết lệnh

Click vào ô filter dưới tên cột trên sổ lệnh, nhập điều kiện tìm kiếm cho phép khách hàng xem thông tin theo điều kiện đã nhập.

Click vào tên cột để tùy chỉnh sắp xếp lệnh, click lần 1 đối với các dữ liệu là chữ sẽ sắp xếp từ Z → A, với các dữ liệu là số sẽ sắp xếp theo chiều giảm dần, click lần 2 sắp xếp ngược lại so với chiều lần 1.

LỆNH ĐIỀU KIỆN | LỆNH CHỜ KHỚP | LỆNH ĐÃ KHỚP | LỆNH TRONG NGÀY | TỔNG HỢP KHỚP LỆNH | DANH MỤC ĐẦU TƯ

Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin
	Mua	085C003487	0001006584	VNM	100	79,000	Từ chối 100/100	0	0	0	0	0	13:46:05	N
	Mua	085C003487	0001006584	VNM	1,000	90,600	Từ chối 1,000/1,000	0	0	0	0	0	17:23:12	N
	Bán	085C003487	0001006584	TCI	100	9,090	Từ chối 100/100	0	0	0	0	0	09:14:13	N
	Mua	085C003487	0001006584	AAA	400	20,700	Từ chối 400/400	0	0	0	0	0	09:13:32	N
	Mua	085C003487	0001006584	AAA	200	20,700	Từ chối 200/200	0	0	0	0	0	10:34:03	N
	Mua	085C003487	0001006584	A32	100	35,000	Chờ gửi	0	0	0	100	3,500,000	13:44:30	N
	Mua	085C003487	0001006584	AAA	100	20,700	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	10:33:54	N
	Mua	085C003487	0001006584	AAV	100	7,000	Chờ gửi	0	0	0	100	700,000	09:44:54	N
	Mua	085C003487	0001006584	AAA	100	20,700	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	09:13:23	N

3.1.4.6. Danh mục đầu tư

Danh mục đầu tư cho phép khách hàng theo dõi chứng khoán hiện đang nắm giữ theo từng tiểu khoản, lãi lỗ dự tính trên từng mã chứng khoán.

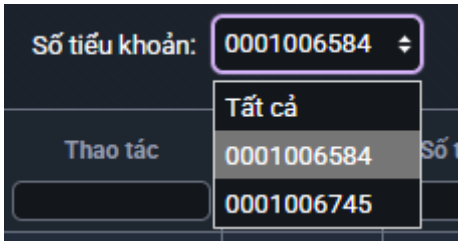

Hình: Màn hình chọn tiểu khoản

- **Click vào thao tác "MUA"** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện mua, tự động chọn loại Mua, hiển thị Mã CK vừa chọn
- **Click vào thao tác "BÁN"** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện bán, tự động chọn loại Bán, hiển thị Mã CK vừa chọn

LỆNH ĐIỀU KIỆN | LỆNH CHỜ KHỚP | LỆNH ĐÃ KHỚP | LỆNH TRONG NGÀY | TỔNG HỢP KHỚP LỆNH | DANH MỤC ĐẦU TƯ

Số tiểu khoản: 0001006584

Thao tác	Mã CK	Số tiểu khoản	Tổng KL	KL GD	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi lỗ trong ngày	Lãi/lỗ dự tính	% Lãi/lỗ dự tính	Tỉ lệ tính TS(%)	TSDB	Loại tài sản
MUA BÁN	A32	0001006584	90	90	44,867.20	31,500	4,038,048	2,835,000	189,000	-1,203,048	-29.79	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	AAM	0001006584	100	100	6,920.36	6,600	692,036	660,000	—	-32,036	-4.63	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	TCI	0001006584	600	600	7,930	8,500	4,758,000	5,100,000	-1,110,000	342,000	7.19	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	VNM	0001006584	93	93	57,566.67	55,600	5,353,700.31	5,170,800	18,600	-182,900.31	-3.42	0	0	CK giao dịch
	VNM_WFT	0001006584	4	4	0	55,600	0	222,400	800	222,400	—			CK Quyền chờ về
						Tổng :	14,841,784.31	13,988,200	-901,600	-853,584.31	-5.75		0	

Hình: Màn hình Danh mục đầu tư

- Dòng cuối tab danh mục đầu tư có các thông tin:
  - Tổng: Giá trị vốn, giá trị TT, lãi/lỗ dự tính, % lãi/lỗ dự tính.

3.1.4.7. Tổng hợp khớp lệnh

Tổng hợp khớp lệnh cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Mã CK, Lệnh, KL khớp, Gía khớp TB, Gía khớp, Gía trị khớp, Phí giao dịch…

Hình: Màn hình Tổng hợp khớp lệnh

3.1.5. Đặt lệnh theo danh mục

Mô tả: Giao dịch theo danh mục là công cụ để khách hàng có thể giao dịch nhanh các mã chứng khoán trong danh mục.

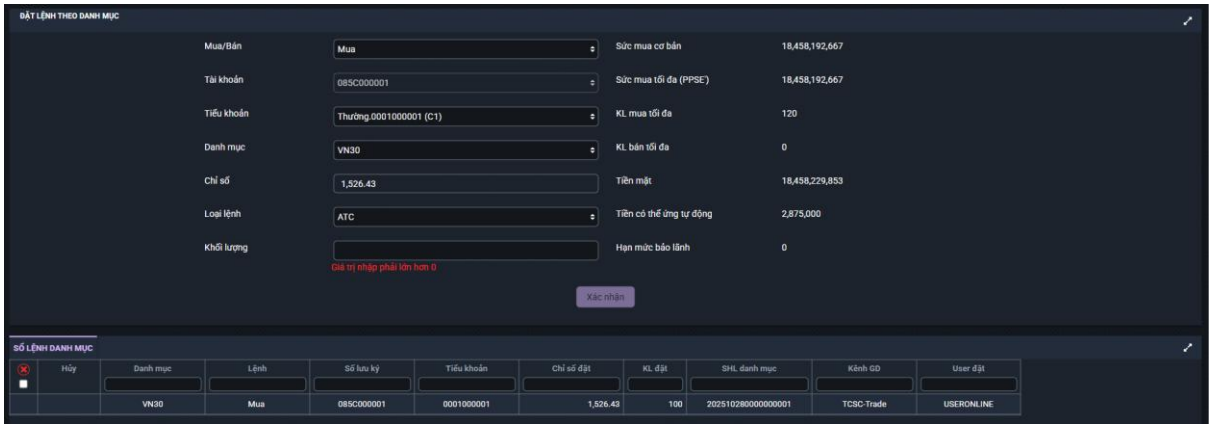

Hình: Màn hình Giao dịch theo danh mục

Bước 1: Chọn tab Giao dịch cơ sở → Đặt lệnh theo Danh mục

Bước 2: Nhập các thông tin giao dịch

- **Khung giao dịch gồm các thông tin**

Mua/Bán	Combobox cho user chọn lệnh Mua hoặc Bán.
Tài khoản	Textbox, mặc định hiển thị số tài khoản đăng nhập. Trường disable không được phép sửa.
Tiểu khoản	Combobox chọn tiểu khoản giao dịch.
Danh mục	Combobox cho khách hàng chọn mã rổ CK cần giao dịch (các rổ CK đã được khai báo ở chức năng 032022).

Mua/Bán	Combobox cho user chọn lệnh Mua hoặc Bán.
Chỉ số	Mặc định hiển thị theo chỉ số của rổ CK chọn giao dịch, chỉ số lấy từ chức năng 032022, không được phép sửa ở đây. Trường disable không được phép sửa.
Loại lệnh	Combobox gồm các giá trị: ATO/ATC/MP, user chọn loại lệnh cần đặt.
Khối lượng	Nhập khối lượng khách hàng cần giao dịch Khối lượng > 0
Checkbox "Bán hết danh mục"	Checkbox này sử dụng cho lệnh bán Khách hàng nhấn vào check box "Bán hết danh mục" để bán hết số dư của các mã CK trong danh mục được chọn.
Nút Mua/Bán	
Nút Làm lại	

Khách hàng sau khi nhập thông tin Mua/Bán → Nhấn nút Xác nhận, gọi tới màn hình Xác nhận lệnh; Nhập Mã SmartOTP/Mã xác thực OTP → Nhấn nút Xác nhận để hoàn tất quá trình giao dịch.

Khung Thông tin tài khoản

Hiển thị các thông tin:

- Sức mua cơ bản
- Khối lượng mua tối đa, công thức = Sức mua cơ bản/chỉ số khai báo ở 032022
- Tiền mặt
- Hạn mức bảo lãnh
- Tiền có thể ứng tự động
- Dữ liệu ở khung thông tin tài khoản sẽ hiển thị sau khi khách hàng chọn tiểu khoản giao dịch ở khung Giao dịch.

Khung Sổ lệnh danh mục:

- Lưới dữ liệu xử lý cho phép filter.
- Cho phép huỷ 1 hoặc nhiều lệnh hoặc tất cả lệnh trong danh mục.
- Lưới dữ liệu gồm các thông tin:

Check box "Chọn tất cả"	Chọn tất cả để huỷ tất cả lệnh
Nút Huỷ lệnh đã chọn	Dùng để Huỷ nhiều lệnh đã chọn hoặc huỷ tất cả lệnh
Nút Huỷ	Khách hàng nhấn vào nút Huỷ trước dòng lệnh cần huỷ

Danh mục	Danh mục giao dịch
Lệnh	Mua/Bán
Tài khoản	Tài khoản lưu ký đăng nhập
Tiểu khoản	Tiểu khoản giao dịch
Chỉ số đặt	Chỉ số giao dịch theo danh mục
KL đặt	Khối lượng giao dịch
SHL danh mục	Số hiệu lệnh danh mục
Kênh	Kênh giao dịch danh mục
User đặt	User giao dịch

Ví dụ dữ liệu hiển thị ở lưới dữ liệu:

Để xem chi tiết lệnh con của từng lệnh danh mục, khách hàng double click vào dòng lệnh cần xem lệnh chi tiết, xuất hiện popup Sổ lệnh chi tiết:

Sổ lệnh chi tiết:

- Gồm các thông tin: Lệnh, Loại lệnh, Tài khoản, Tiểu khoản, Mã CK, Khối lượng, Giá đặt, Trạng thái, Số hiệu lệnh, Số hiệu lệnh danh mục, Phiên, Giờ cập nhật.
- Popup hiển thị các lệnh con sinh ra từ lệnh danh mục đã chọn.
- Cho phép huỷ 1 hoặc nhiều lệnh hoặc tất cả lệnh con của lệnh danh mục được chọn.

3.2. Giao dịch phái sinh

- Sau khi đăng nhập thành công, giao diện hiển thị màn hình chính sau:

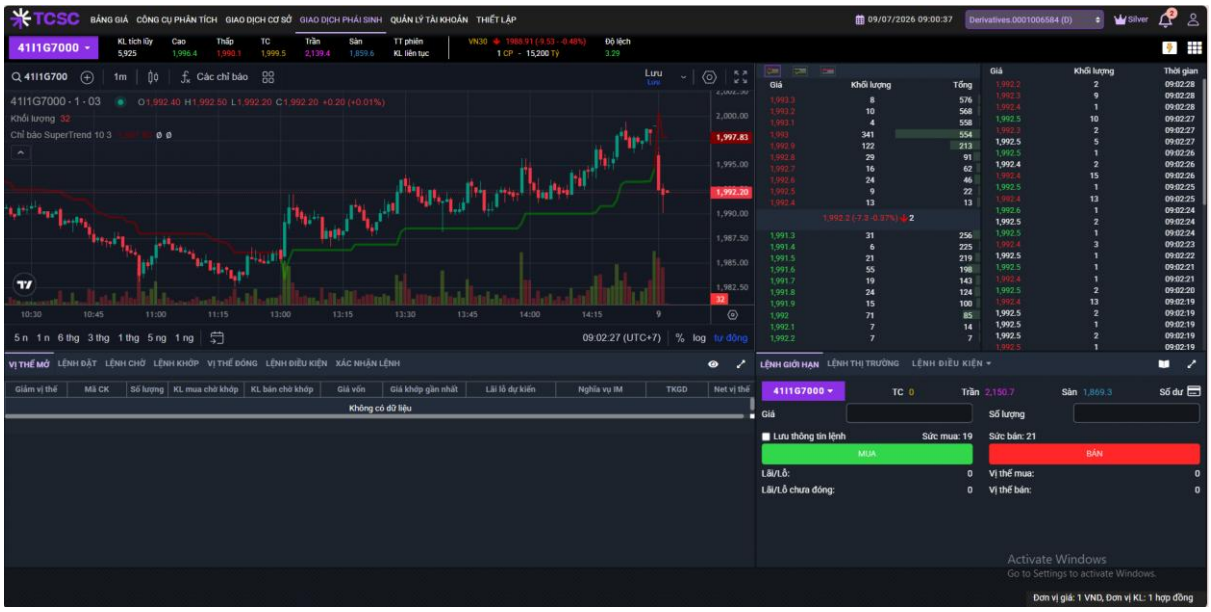

Hình: Giao dịch phái sinh

3.2.1. Thông tin chi tiết các mã hợp đồng tương lai

Trên giao diện chính: Click vào combobox mã chứng khoán

để xem thông tin chi tiết các mã HĐTL.

Yêu thích | Chứng khoán phái sinh

Mã CK	TSCS	Ngày ĐH	OI
41I1G7000	VN30	16/07/2026	29039
41I1G8000	VN30	20/08/2026	1273
41I1G9000	VN30	17/09/2026	633

Hình: Danh sách mã chứng khoán

- **Tab chứng khoán phái sinh**

Hình: Tab chứng khoán phái sinh

- Hiển thị thông tin các mã HĐTL:

Tên trường	Ý nghĩa
Mã CK	Mã hợp đồng tương lai
TSCS	Mã Tài sản cơ sở của HĐTL
Ngày ĐH	Ngày đáo hạn mã chứng khoán
OI	Khối lượng vị thể mở OI toàn thị trường

- Click chọn 1 dòng bất kì để chọn mã HĐTL muốn giao dịch.
- Click vào nút để chọn mã CK yêu thích

Tab yêu thích

Click vào nút "**Yêu thích**" để hiển thị thông tin các mã CK yêu thích gồm các mã hợp đồng đã chọn

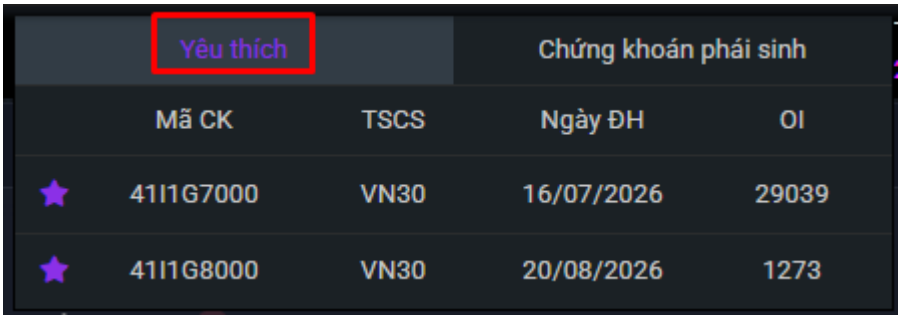

Hình: Tab yêu thích

3.2.2. Thông tin mã hợp đồng và bảng giá

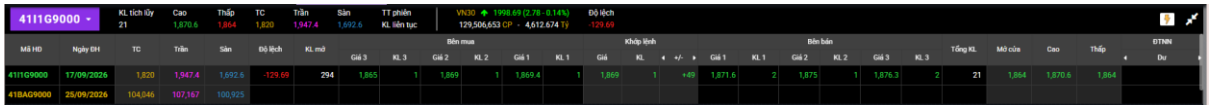

Hình: Thông tin mã chứng khoán & bảng giá

Thông tin:

- **KL tích lũy:** Khối lượng tích lũy trong ngày của mã được chọn.
- **Cao, Thấp:** Giá cao nhất và thấp nhất trong phiên của mã được chọn.
- **TC:** Giá tham chiếu của mã được chọn.
- **Trần và Sàn:** Giá trần và giá sàn của mã được chọn.
- **TT phiên:** Tình trạng phiên giao dịch (ở đây hiển thị "Đã đóng cửa").
- **VN30 và Độ lệch:** Chỉ số VN30 và độ lệch hiện tại của mã chứng khoán.

Chi tiết bảng giá:

- **Danh sách hợp đồng:**
  + Mã HĐ và Ngày ĐH: Hiển thị mã hợp đồng và ngày đáo hạn tương ứng (ví dụ: VN30F2412 đáo hạn vào 19/12/2024).
  + Giá: Hiển thị giá của các bên mua và bên bán tại các mức giá khác nhau (Giá 1, Giá 2, Giá 3) với khối lượng giao dịch đi kèm.
- **Bên Mua và Bên Bán:**
  + Bên mua: Hiển thị các mức giá và khối lượng lệnh đặt mua của các nhà đầu tư.
  + Bên bán: Hiển thị các mức giá và khối lượng lệnh đặt bán.ư
- **Thông tin khớp lệnh**
  + Khớp Lệnh: Phần này cho biết các giao dịch đã được khớp thành công, hiển thị tổng khối lượng, giá khớp và sự thay đổi giá (+/-) so với lần khớp trước đó.

3.2.3. Đồ thị kỹ thuật

Hình: Đồ thị kỹ thuật

- Khung đồ thị cho phép Khách hàng quan sát được thị trường
- Sử dụng biểu đồ (cung cấp bởi TradingView) để theo dõi biến động giá theo thời gian.
- Tùy chỉnh khoảng thời gian hiển thị (5 phút, 1 ngày, 1 tuần, v.v.).

- Các thanh màu sắc biểu diễn khối lượng giao dịch, giúp nhận diện xu hướng tăng hoặc giảm.

3.2.4. Thông tin thị trường

- Khung hiển thị bao gồm các chân giá với khối lượng dự khớp chi tiết và tổng khối lượng hợp đồng giao dịch tại mỗi mức giá. Tại mỗi mức giá đều có cột khối lượng dự khớp để Khách hàng có thể nhận biết rõ hơn các mức giá đang có khối lượng dự khớp cao nhất:

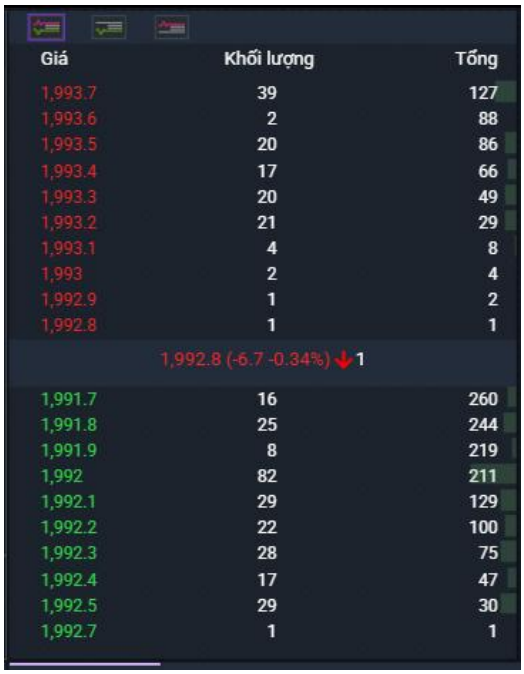

Giá	Khối lượng	Tổng
1,993.7	39	127
1,993.6	2	88
1,993.5	20	86
1,993.4	17	66
1,993.3	20	49
1,993.2	21	29
1,993.1	4	8
1,993	2	4
1,992.9	1	2
1,992.8	1	1
1,992.8 (-6.7 -0.34%)	1	
1,991.7	16	260
1,991.8	25	244
1,991.9	8	219
1,992	82	211
1,992.1	29	129
1,992.2	22	100
1,992.3	28	75
1,992.4	17	47
1,992.5	29	30
1,992.7	1	1

Hình: Dư mua, dư bán

- Bên cạnh đó còn có bảng hiển thị giá và khối lượng khớp theo các mốc thời gian khớp lệnh

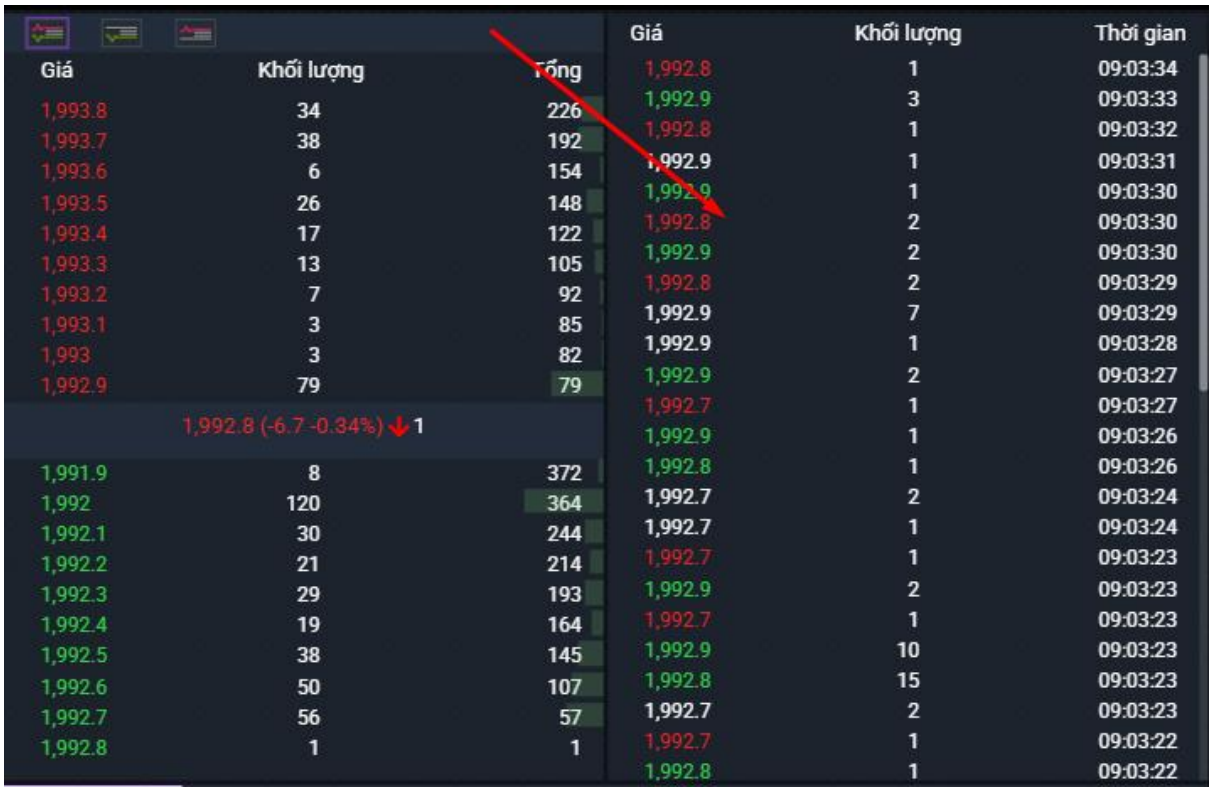

Giá	Khối lượng	Tổng
1,993.8	34	226
1,993.7	38	192
1,993.6	6	154
1,993.5	26	148
1,993.4	17	122
1,993.3	13	105
1,993.2	7	92
1,993.1	3	85
1,993	3	82
1,992.9	79	79
1,992.8 (-6.7 -0.34%) ↓ 1		
1,991.9	8	372
1,992	120	364
1,992.1	30	244
1,992.2	21	214
1,992.3	29	193
1,992.4	19	164
1,992.5	38	145
1,992.6	50	107
1,992.7	56	57
1,992.8	1	1

Giá	Khối lượng	Thời gian
1,992.8	1	09:03:34
1,992.9	3	09:03:33
1,992.8	1	09:03:32
1,992.9	1	09:03:31
1,992.9	1	09:03:30
1,992.8	2	09:03:30
1,992.9	2	09:03:30
1,992.8	2	09:03:29
1,992.9	7	09:03:29
1,992.9	1	09:03:28
1,992.9	2	09:03:27
1,992.7	1	09:03:27
1,992.9	1	09:03:26
1,992.8	1	09:03:26
1,992.7	2	09:03:24
1,992.7	1	09:03:24
1,992.7	1	09:03:23
1,992.9	2	09:03:23
1,992.7	1	09:03:23
1,992.9	10	09:03:23
1,992.8	15	09:03:23
1,992.7	2	09:03:23
1,992.7	1	09:03:22
1,992.8	1	09:03:22

Hình: Chi tiết bảng giá

- Khách hàng có thể lọc ra thông tin thị trường của mã HĐTL loại mua/bán hoặc cả mua/bán bằng cách chọn các icon ở phần trên khung thông tin thị trường

3.2.5. Thông tin vị thế và sổ lệnh

Thông tin vị thế bao gồm các cửa sổ nhằm hiển thị đầy đủ và chi tiết nhất về vị thế của khách hàng, trong đó:

3.2.5.1. Tab vị thế mở

Bao gồm đầy đủ thông tin của mã hợp đồng tương lai đã/đang chờ khớp cùng thông tin về khối lượng, giá khớp gần nhất, giá vốn, lãi lỗ dự kiến, nghĩa vụ IM của tài khoản đang giao dịch.

VỊ THẾ MỞ | LỆNH ĐẶT | LỆNH CHỜ | LỆNH KHỚP | VỊ THẾ ĐÓNG | LỆNH ĐIỀU KIỆN | XÁC NHẬN LỆNH

Giảm vị thế	Mã CK	Số lượng	KL mua chờ khớp	KL bán chờ khớp	Giá vốn	Giá khớp gần nhất	Lãi lỗ dự kiến	Nghĩa vụ IM	TKGD	Net vị thế
Đóng	41I1G4000	42	5	2	1,723	1,870.3	618,660,000	1,335,394,200	0001000001	Có
Đóng	41I1G5000	-20	0	0	1,750	1,870.7	-241,400,000	636,038,000	0001000001	Có
Đóng	41I1G6000	15	0	0	1,750	1,872.1	183,150,000	477,385,500	0001000001	Có
Đóng	41I2G4000	9	0	0	1,700	1,807	96,300,000	276,471,000	0001000001	Có

Hình: Vị thế mở

- Tab vị thế mở bao gồm các thông tin:
  + **Giảm vị thế:** Nút "Đóng" màu đỏ giúp người dùng đóng vị thế nếu muốn chốt lời hoặc cắt lỗ cho mã chứng khoán cụ thể.
  + **Mã CK:** Mã chứng khoán của vị thế đang mở.
  + **Số lượng:** Số lượng hợp đồng cho từng mã chứng khoán, trong đó giá trị âm biểu thị số lượng bán và ngược lại.
  + **KL Mua chờ khớp và KL Bán chờ khớp:** Khối lượng lệnh mua và bán đang chờ khớp cho mỗi vị thế.
  + **Giá vốn:** Giá vốn của mỗi vị thế, tức là giá mua vào hoặc giá vốn của giao dịch ban đầu.
  + **Giá khớp gần nhất:** Giá khớp lệnh gần nhất của mã chứng khoán.
  + **Lãi lỗ dự kiến:** Phần này hiển thị lợi nhuận hoặc lỗ dự kiến cho từng vị thế dựa trên giá khớp gần nhất và giá vốn.
  + **Nghĩa vụ IM:** Nghĩa vụ ký quỹ cần thiết cho vị thế.
  + **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của khách hàng.
  + **Net vị thế:** Trạng thái vị thế của tài khoản.
- Nhấn nút “Đóng” để đóng vị thế

Giảm vị thế	Mã CK	Số lượng	KL mua chờ khớp	KL bán chờ khớp	Giá vốn	Giá khớp gần nhất	Lãi lỗ dự kiến	Nghĩa vụ IM	TKGD	Net vị thế
Đóng	41I1G4000	42	5	2	1,723	1,870.3	618,660,000	1,335,394,200	0001000001	Có
Đóng	41I1G5000	-20	0	0	1,750	1,870.7	-241,400,000	636,038,000	0001000001	Có
Đóng	41I1G6000	15	0	0	1,750	1,872.1	183,150,000	477,385,500	0001000001	Có
Đóng	41I2G4000	9	0	0	1,700	1,807	96,300,000	276,471,000	0001000001	Có

Hình: Vị thế mở - Đóng

Hệ thống tự đổi mã CK mặc định là mã CK được chọn. Tại khung đặt lệnh, giá mua tự fill = giá bán gần nhất, giá bán tự fill = giá mua gần nhất, số lượng = số lượng tương ứng để đóng vị thế của mã CK

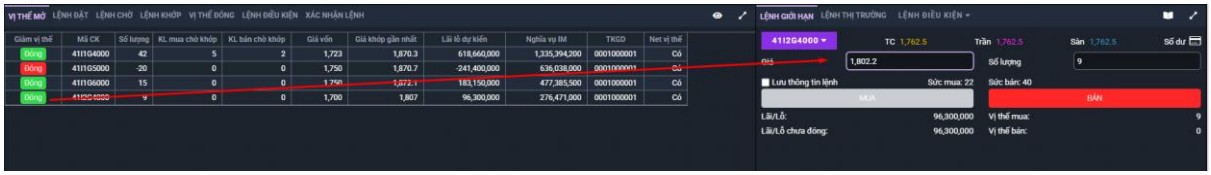

Hình: Thao tác đóng vị thế

3.2.5.2. Tab lệnh đặt

VỊ THẾ MỞ | LỆNH ĐẶT | LỆNH CHỜ | LỆNH KHỚP | VỊ THẾ ĐÓNG | LỆNH ĐIỀU KIỆN | XÁC NHẬN LỆNH

Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	KL sửa	KL hủy
16:08:24	41I1G4000	Mua	LO	5	1,869.7	Chờ gửi	0	0	0	5	0	0
16:06:10	41I1G9000	Bán	LO	2	1,869	Chờ gửi	0	0	0	2	0	0
16:05:48	41I1G9000	Bán	LO	1	1,869	Lệnh sửa gửi thành công	0	0	0	0	2	0
16:44:51	41I1F7000	Bán	LO	20	1,350	Chờ gửi	0	0	0	20	0	0
16:44:29	41I1G9000	Bán	MTL	1	1,832.1	Chờ gửi	0	0	0	1	0	0
16:44:23	41I1G9000	Mua	MOK	1	2,107.9	Chờ gửi	0	0	0	1	0	0
16:44:18	41I1G9000	Mua	LO	1	2,007	Chờ gửi	0	0	0	1	0	0
16:39:12	41I1G9000	Bán	MAK	1	1,832.1	Chờ gửi	0	0	0	1	0	0
16:38:53	41I1G9000	Bán	LO	2	2,006.5	Chờ gửi	0	0	0	2	0	0

Hình: Tab lệnh đặt

- Là sổ lệnh hiển thị tất cả các lệnh đặt theo thời gian trong ngày bao gồm các thông tin:
  + **Giờ đặt:** Thời gian người dùng đặt lệnh, hiển thị theo giờ-phút-giây.
  + **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh đặt.
  + **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị là "Mua" hoặc "Bán" tương ứng với loại lệnh đặt.
  + **Loại lệnh:** Loại lệnh được đặt (LO, ATO, ATC, MAK, MOK, MTL).
  + **Giá đặt:** Giá mà khách hàng đặt cho lệnh mua hoặc bán.
  + **Trạng thái:** Hiển thị trạng thái hiện tại của lệnh (Chờ gửi, Đã gửi, Đã hủy, Khớp hết, Khớp một phần,…)
  + **KL đặt:** Khối lượng đặt ban đầu cho lệnh.
  + **KL khớp:** Khối lượng đã khớp tính đến thời điểm hiện tại.
  + **Giá khớp TB:** Giá khớp trung bình của lệnh (nếu có khớp).
  + **Giá trị khớp:** Giá trị giao dịch đã khớp tính đến thời điểm hiện tại
  + **KL còn lại:** Khối lượng còn lại chưa khớp của lệnh.
  + **KL Sửa và KL Hủy:** Khối lượng đã sửa hoặc hủy của lệnh (nếu có).
  + **Thường/Thỏa Thuận:** Loại giao dịch, có thể là giao dịch thường hoặc giao dịch thỏa thuận.
  + **Người đặt lệnh:** Tên hoặc vai trò của người đặt lệnh
  + **Kênh đặt lệnh:** Thiết bị hoặc kênh mà lệnh được đặt từ đó.

3.2.5.3. Tab lệnh chờ

VỊ THẾ MỞ | LỆNH ĐẶT | LỆNH CHỜ | LỆNH KHỚP | VỊ THẾ ĐÓNG | LỆNH ĐIỀU KIỆN | XÁC NHẬN LỆNH

Hủy			Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	Thường/Thỏa thuận	Trạng
	Hủy	Sửa	16:08:24	41I1G4000	Mua	5	1,869.7	0	0	0	5	Thông thường	
	Hủy	Sửa	16:06:10	41I1G9000	Bán	2	1,869	0	0	0	2	Thông thường	
	Hủy	Sửa	16:44:51	41I1F7000	Bán	20	1,350	0	0	0	20	Thông thường	
	Hủy		16:44:29	41I1G9000	Bán	1	1,832.1	0	0	0	1	Thông thường	
	Hủy		16:44:23	41I1G9000	Mua	1	2,107.9	0	0	0	1	Thông thường	
	Hủy	Sửa	16:44:18	41I1G9000	Mua	1	2,007	0	0	0	1	Thông thường	

Hình: Tab lệnh chờ

THANHCONG SECURITIES CO.
www.tcsc.vn (028) 38 27 05 27 (+84 28) 3821 80 10

- Cửa sổ này giúp khách hàng quản lý được các lệnh chưa được khớp, gồm các thông tin:
  + **Giờ đặt:** Thời gian người dùng đặt lệnh, hiển thị theo giờ-phút-giây.
  + **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh đặt.
  + **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị là "Mua" hoặc "Bán" tương ứng với loại lệnh đặt.
  + **Loại lệnh:** Loại lệnh được đặt (LO, ATO, ATC, MAK, MOK, MTL).
  + **Giá đặt:** Giá mà khách hàng đặt cho lệnh mua hoặc bán.
  + **Trạng thái:** Hiển thị trạng thái hiện tại của lệnh (Chờ gửi, Khớp một phần,…)
  + **KL đặt:** Khối lượng đặt ban đầu cho lệnh.
  + **KL khớp:** Khối lượng đã khớp tính đến thời điểm hiện tại.
  + **Giá khớp TB:** Giá khớp trung bình của lệnh (nếu có khớp một phần).
  + **Giá trị khớp:** Giá trị giao dịch đã khớp tính đến thời điểm hiện tại
  + **KL còn lại:** Khối lượng còn lại chưa khớp của lệnh.
  + **KL Sửa và KL Hủy:** Khối lượng đã sửa hoặc hủy của lệnh (nếu có).
  + **Thường/Thỏa Thuận:** Loại giao dịch, có thể là giao dịch thường hoặc giao dịch thỏa thuận.
  + **Người đặt lệnh:** Tên hoặc vai trò của người đặt lệnh
  + **Kênh đặt lệnh:** Thiết bị hoặc kênh mà lệnh được đặt từ đó.

3.2.5.3.1. Sửa lệnh

- **Bước 1**: Click nút Sửa tại dòng lệnh muốn sửa.

Hiển thị màn hình Sửa lệnh:

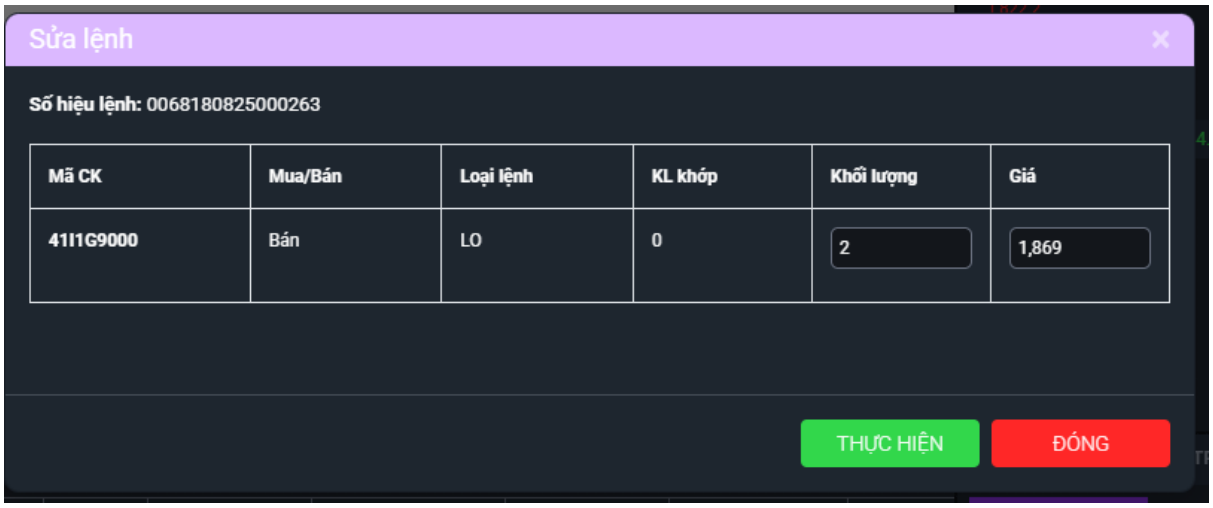

- **Bước 2**: Nhập các thông tin sửa về Khối lượng hoặc Giá hoặc cả hai Khối lượng, Giá
- **Bước 3**:

  + Nhấn nút ĐÓNG để đóng màn hình Sửa lệnh.

  + Nhấn nút THỰC HIỆN, hiển thị màn hình xác thực tài khoản

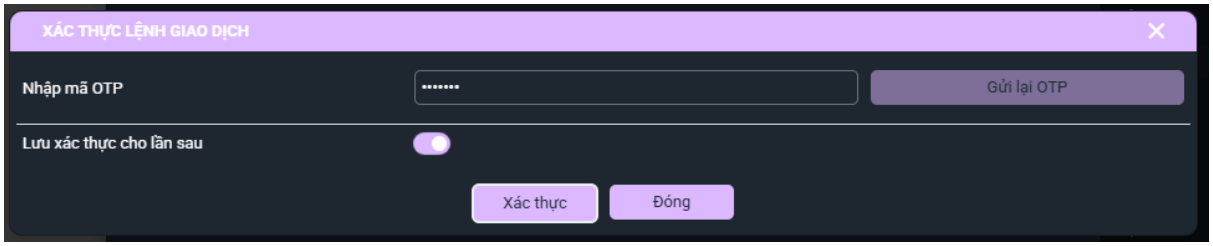

- **Bước 4**: Nhập mã SmartOT hoặc mã OTP (tùy theo đăng ký xác thực). Nhấn nút Xác thực Hiển thị thông báo "Đặt lệnh thành công". Nhấn nút Đóng để hủy để quay về màn hình xác nhận sửa.

3.2.5.3.2. Hủy lệnh

- **Bước 1**: Click nút Hủy tại dòng lệnh muốn sửa.

Hiển thị màn hình Hủy lệnh:

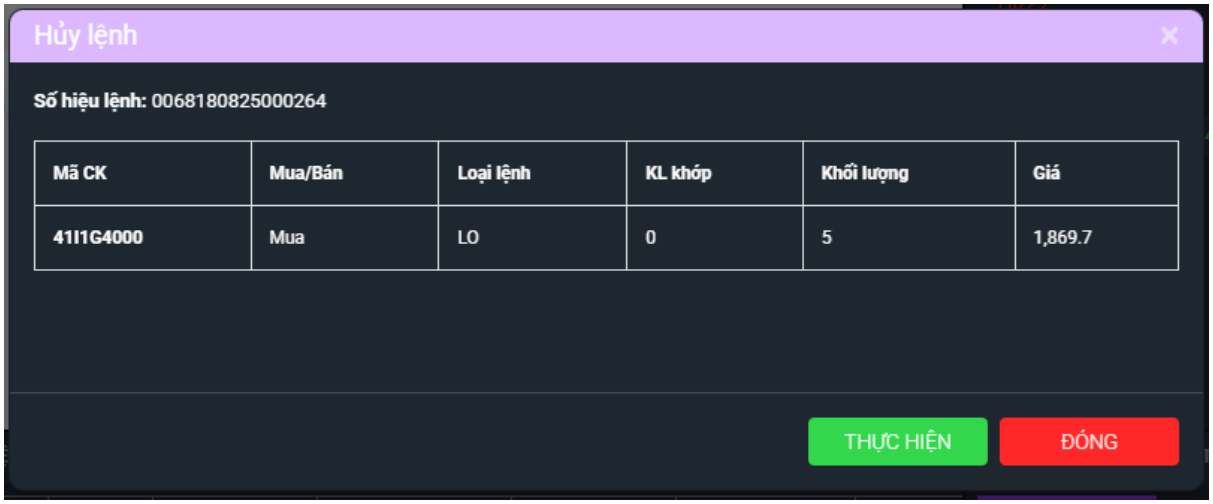

- **Bước 2**:
  + Nhấn nút ĐÓNG để đóng màn hình Hủy lệnh.
  + Nhấn nút THỰC HIỆN, hiển thị màn hình xác thực tài khoản

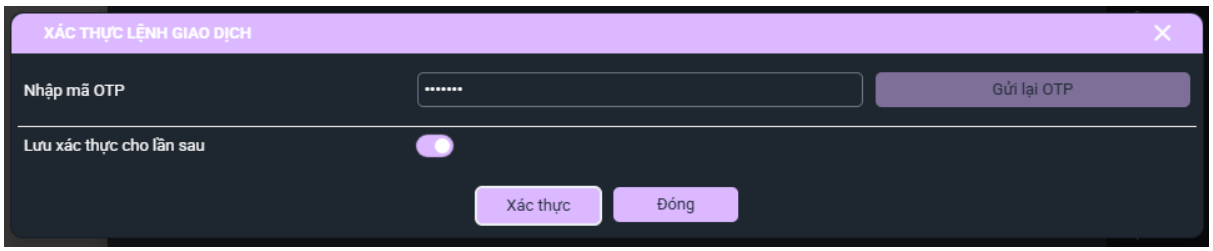

- **Bước 3**: Nhập mã SmartOTP hoặc mã OTP (tùy theo đăng ký xác thực). Nhấn nút Xác thực Hiển thị thông báo "Hủy lệnh thành công". Nhấn nút Đóng để hủy để quay về màn hình xác nhận sửa.

3.2.5.4. Tab lệnh khớp

Thời gian	Mã CK	Mua/Bán	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Thường/Thỏa thuận	Phí giao dịch	Thuế giao dịch	TKGD
11:24:50	41I1G9000	Bán	2	1,869	373,800,000	Thông thường	4,000	31,773	0001000001
11:24:51	41I1G4000	Bán	2	1,869.4	373,880,000	Thông thường	4,000	31,780	0001000001
11:24:51	41I1G9000	Bán	1	2,001.9	200,190,000	Thông thường	2,000	17,016	0001000001

Hình: Tab lệnh khớp

- Hiển thị các lệnh đã khớp trong ngày với thông tin:
  + **Thời gian:** Hiển thị thời gian khớp lệnh theo giờ-phút-giây.
  + **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh đã khớp.

+ **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị "Mua" hoặc "Bán" tùy thuộc vào lệnh đã khớp.
+ **KL khớp:** Khối lượng lệnh đã khớp.
+ **Giá khớp TB:** Giá khớp trung bình cho khối lượng đã khớp.
+ **Giá trị khớp:** Giá trị giao dịch đã khớp của lệnh.
+ **Thường/Thỏa Thuận:** Loại giao dịch
+ **Phí giao dịch:** Chi phí giao dịch phải trả cho mỗi lệnh đã khớp.
+ **Thuế giao dịch:** Mức thuế áp dụng cho giao dịch.
+ **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của khách hàng.

3.2.5.5. Tab vị thế đóng

Mã CK	Số lượng đã đóng	Giá vốn	Giá đóng	Chênh lệch giá	Hệ số nhân	Lãi lỗ VM	TKGD
41I1G4000	2	1,723	1,869.4	146.4	100,000	29,280,000	0001000001

Hình: Tab vị thế đóng

- Tổng kết các cặp vị thế đã đóng cùng thông tin lãi lỗ và tài khoản giao dịch cho từng mã hợp đồng:
  + **Mã CK:** Mã chứng khoán của các vị thế đã đóng.
  + **Số lượng đã đóng:** Số lượng hợp đồng của vị thế đã được đóng
  + **Giá vốn:** Giá vốn của vị thế khi mở.
  + **Giá đóng:** Giá tại thời điểm đóng vị thế.
  + **Chênh lệch giá:** Sự chênh lệch giữa giá vốn và giá đóng, thể hiện sự thay đổi giá trị của vị thế.
  + **Hệ số nhân:** Hệ số nhân áp dụng cho hợp đồng tương lai của mã chứng khoán, ví dụ: 100,000 hoặc 10,000.
  + **Lãi lỗ VM:** Lợi nhuận hoặc lỗ (VM - Value Margin) của vị thế, được tính dựa trên chênh lệch giá và hệ số nhân.
  + **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của khách hàng.

3.2.5.6. Tab lệnh điều kiện

Hủy	Sửa	Xem	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh ĐK	KL đặt	Giá đặt	Biên độ	Bước giá	Trạng thái	TKGD
Hủy	Sửa	Xem	14:47:55	41I1G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:47:08	41I1G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:40	41I1G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,984			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:24	41I1G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,854			Chờ kích hoạt	0001006584

Hình: Tab lệnh điều kiện

Hiển thị thông tin chi tiết các lệnh điều kiện mà khách hàng đặt gồm các thông tin về mã HĐTL, loại lệnh và thông tin lệnh đặt:

- Nút hành động:
  + Hủy: Nút màu đỏ cho phép hủy lệnh điều kiện.
  + Sửa: Nút màu vàng cho phép sửa đổi các thông số của lệnh điều kiện.
  + Xem: Nút màu xanh lá cho phép xem chi tiết lệnh.
- Thông tin lệnh:
  + Giờ đặt: Thời gian đặt lệnh điều kiện, hiển thị theo giờ-phút-giây.
  + Mã CK: Mã chứng khoán của lệnh điều kiện.
  + Mua/Bán: Loại giao dịch, hiển thị "Mua" hoặc "Bán" tùy thuộc vào lệnh.
  + Loại lệnh: Loại lệnh được sử dụng.
  + Lệnh ĐK: Loại lệnh điều kiện như STO, OCO, TSO, BB
  + KL đặt: Khối lượng của lệnh điều kiện.
  + Giá đặt: Giá mà người dùng muốn đặt cho lệnh điều kiện.
  + Biên độ: Biên độ giá đặt điều kiện TSO
  + Bước giá: Bước giá của lệnh điều kiện TSO
  + Trạng thái: Hiển thị trạng thái hiện tại của lệnh (Chờ kích hoạt, Đã kích hoạt,…)
  + TKGD: Số tài khoản giao dịch của khách hàng.

3.2.5.6.1. Sửa lệnh:

- **Bước 1**: Click nút Sửa tại dòng lệnh muốn sửa.

Hủy	Sửa	Xem	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh ĐK	KL đặt	Giá đặt	Biên độ	Bước giá	Trạng thái	TKGD
Hủy	Sửa	Xem	14:47:55	41I1G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:47:08	41I1G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:40	41I1G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,984			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:24	41I1G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,854			Chờ kích hoạt	0001006584

Hiển thị màn hình Sửa lệnh:

- **Bước 2**: Nhập các thông tin sửa về Khối lượng, Giá
- **Bước 3**:

  + Nhấn nút ĐÓNG để đóng màn hình Sửa lệnh.

  + Nhấn nút THỰC HIỆN, hiển thị màn hình xác thực tài khoản

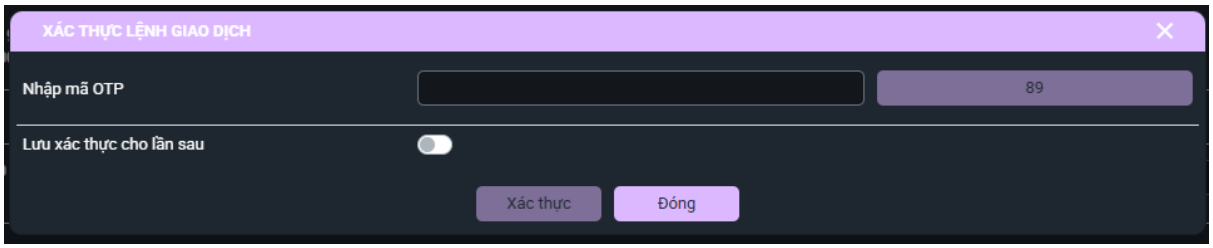

- **Bước 4**: Nhập mã SmartOT hoặc mã OTP (tùy theo đăng ký xác thực). Nhấn nút Xác thực Hiển thị thông báo "Đặt lệnh thành công". Nhấn nút Đóng để hủy để quay về màn hình xác nhận sửa.

3.2.5.3.3. *Hủy lệnh:*

- **Bước 1**: Click nút Hủy tại dòng lệnh muốn sửa.

Hiển thị màn hình Hủy lệnh:

- **Bước 2**:

  + Nhấn nút ĐÓNG để đóng màn hình Hủy lệnh.

  + Nhấn nút THỰC HIỆN, hiển thị thông báo “Hủy lệnh thành công”.

3.2.5.6.2. Xem chi tiết:

- Click nút Xem tại dòng lệnh muốn xem chi tiết.

Hiển thị màn hình chi tiết:

3.2.5.7. Tab xác nhận lệnh

Xác nhận	STT	Ngày	TKGD	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Kênh đặt lệnh	KL đặt	Giá đặt
	1	14/01/2026	0001006584	41I1G6000	Hủy mua	LO	Tại sàn	1	2,000
	2	14/01/2026	0001006584	41I1G6000	Mua	LO	Tại sàn	1	2,000

Hình: Tab xác nhận lệnh

- Hiển thị thông tin chi tiết các lệnh mà khách hàng đặt gồm các thông tin:
  + STT: Số thứ tự của lệnh trong danh sách.
  + Ngày: Ngày đặt lệnh.
  + TKGD: Số tài khoản giao dịch của khách hàng.
  + Mã CK: Mã chứng khoán của lệnh cần xác nhận.
  + Mua/Bán: Loại giao dịch, hiển thị "Mua" hoặc "Bán" tùy thuộc vào lệnh.
  + Loại Lệnh: Loại lệnh đặt.
  + Kênh Đặt Lệnh: Phương thức đặt lệnh.
  + KL Đặt: Khối lượng đặt ban đầu cho lệnh.
  + Giá Đặt: Giá mà người dùng muốn đặt cho lệnh.

Lưu ý: Đối với các khách hàng có đăng ký xác nhận lệnh thì tab xác nhận lệnh mới hiển thị.

3.2.6. Đặt lệnh phái sinh

3.2.6.1. Đặt lệnh giới hạn

Bước 1: Chọn tab Giao dịch phái sinh → Lệnh giới hạn

Bước 2: Chi tiết màn hình giao dịch

- Chọn mã hợp đồng tương lai (HĐTL) muốn giao dịch từ danh sách mã.

Khi chọn mã chứng khoán, bên phải sẽ hiển thị các thông tin quan trọng như Giá tham chiếu (TC), Giá trần, Giá sàn.

- Nhập khối lượng hợp đồng muốn giao dịch vào trường Số lượng. Có thể sử dụng nút tăng/giảm để điều chỉnh khối lượng giao dịch theo nhu cầu.
- Giá: Nhập mức giá mong muốn vào trường Giá. Giá đặt phải nằm trong khoảng giá trần và giá sàn. Sử dụng các nút tăng/giảm để điều chỉnh giá theo bước giá của từng giao dịch.
- Lưu thông tin lệnh: Chọn checkbox Lưu thông tin lệnh nếu muốn lưu các thông tin đã nhập
- Sức mua: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể mua dựa trên vốn khả dụng.
- Sức bán: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể bán dựa trên các vị thế hiện tại.

Hình: Đặt lệnh giới hạn

Bước 3: Đặt lệnh mua hoặc bán

- Nhấn nút MUA để đặt lệnh mua tại giá đã nhập.
- Nhấn nút BÁN để đặt lệnh bán tại giá đã nhập.

Bước 4: Sau khi chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để xác thực lệnh giao dịch → Nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút để lưu xác thực cho lần sau.

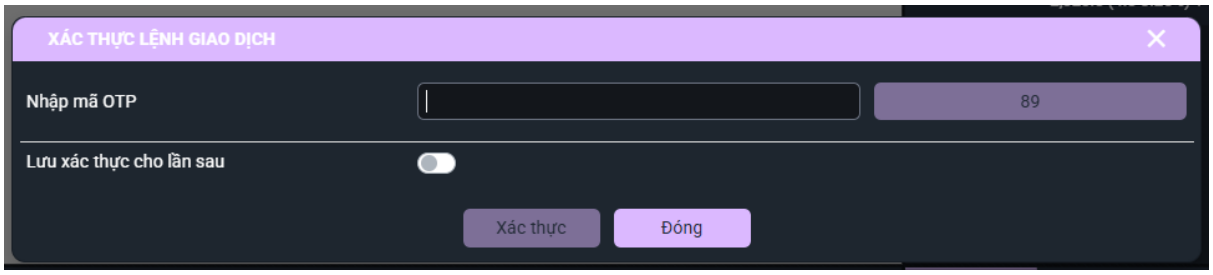

Bước 5: Nhấn nút Xác thực để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ ở hình bên dưới:

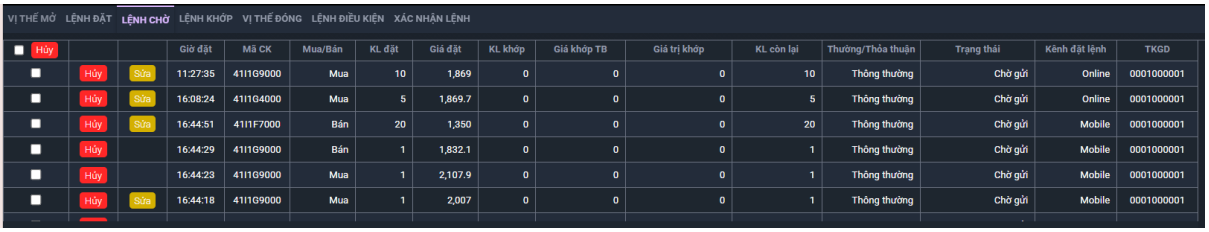

Hủy			Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	Thường/Thỏa thuận	Trạng thái	Kênh đặt lệnh	TKGD
	Hủy	Sửa	11:27:35	41I1G9000	Mua	10	1,869	0	0	0	10	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001000001
	Hủy	Sửa	16:08:24	41I1G4000	Mua	5	1,869.7	0	0	0	5	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001000001
	Hủy	Sửa	16:44:51	41I1F7000	Bán	20	1,350	0	0	0	20	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001
	Hủy		16:44:29	41I1G9000	Bán	1	1,832.1	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001
	Hủy		16:44:23	41I1G9000	Mua	1	2,107.9	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001
	Hủy	Sửa	16:44:18	41I1G9000	Mua	1	2,007	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001

Hình: Tab lệnh chờ

Lưu ý:

- Sau khi xác thực ở bước 5, hệ thống sẽ không yêu cầu mã xác thực cho các lệnh đặt tiếp theo cho đến khi tải lại website.
- Sau khi lệnh khớp, người dùng có thể theo dõi lãi hoặc lỗ dự kiến trong trường Lãi/Lỗ.
- Lãi hoặc lỗ từ các vị thế chưa đóng sẽ được hiển thị trong trường Lãi/Lỗ chưa đóng.
- Khách hàng có thể theo dõi số lượng vị thế mua hoặc bán trong trường Vị thế mua/bán sau khi lệnh được thực hiện để quản lý giao dịch hiệu quả.

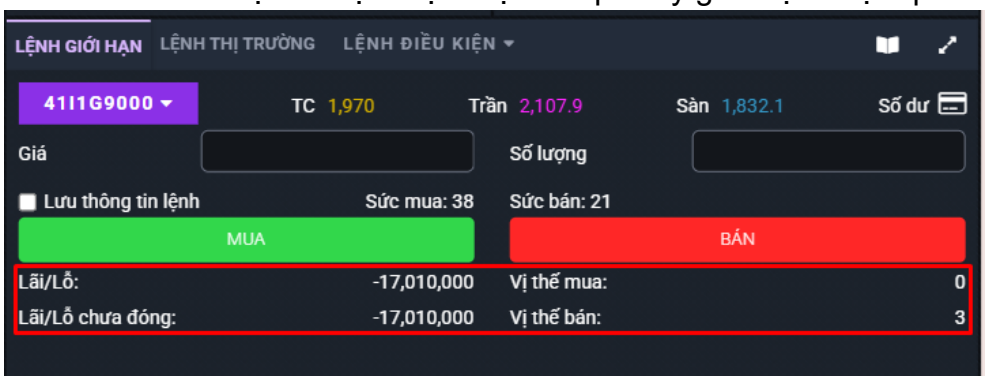

- Có thể xem thêm chi tiết số dư của tài khoản bằng cách nhấn vào biểu tượng số dư thông tin chi tiết về số dư tài khoản sẽ hiển thị, giúp dễ dàng theo dõi và quản lý tài khoản trong quá trình giao dịch.

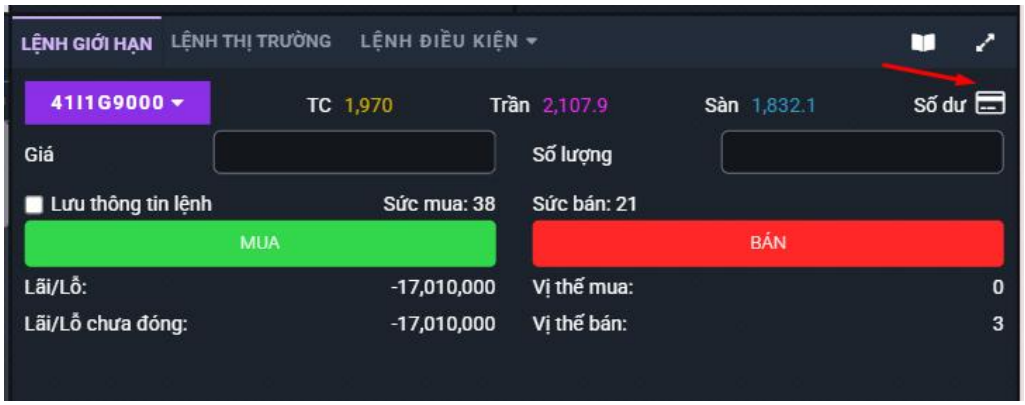

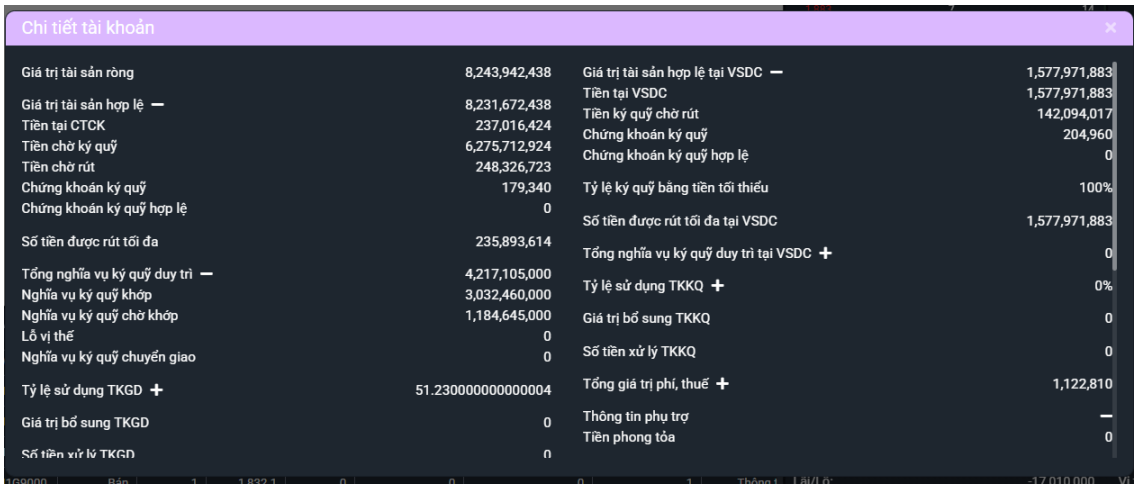

Hình: Chi tiết tài khoản

3.2.6.2. Đặt lệnh thị trường

Bước 1: Chọn tab Giao dịch phái sinh → Lệnh thị trường

Bước 2: Chi tiết màn hình giao dịch

- Chọn mã hợp đồng tương lai (HĐTL) muốn giao dịch từ danh sách mã.

Khi chọn mã chứng khoán, bên phải sẽ hiển thị các thông tin quan trọng như Giá tham chiếu (TC), Giá trần, Giá sàn.

- Chọn loại lệnh (ATO, ATC, MTL, MAK, MOK) muốn giao dịch từ danh sách.

- Nhập khối lượng hợp đồng muốn giao dịch vào trường Số lượng. Có thể sử dụng nút tăng/giảm để điều chỉnh khối lượng giao dịch theo nhu cầu.
- Lưu thông tin lệnh: Chọn checkbox Lưu thông tin lệnh nếu muốn lưu các thông tin đã nhập
- Sức mua: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể mua dựa trên vốn khả dụng.
- Sức bán: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể bán dựa trên các vị thế hiện tại.

Hình: Đặt lệnh giới hạn

Bước 3: Đặt lệnh mua hoặc bán

- Nhấn nút

để đặt lệnh mua tại giá đã nhập.
- Nhấn nút 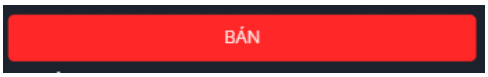

để đặt lệnh bán tại giá đã nhập.

Bước 4: Sau khi chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để xác thực lệnh giao dịch → Nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút để lưu xác thực cho lần sau.

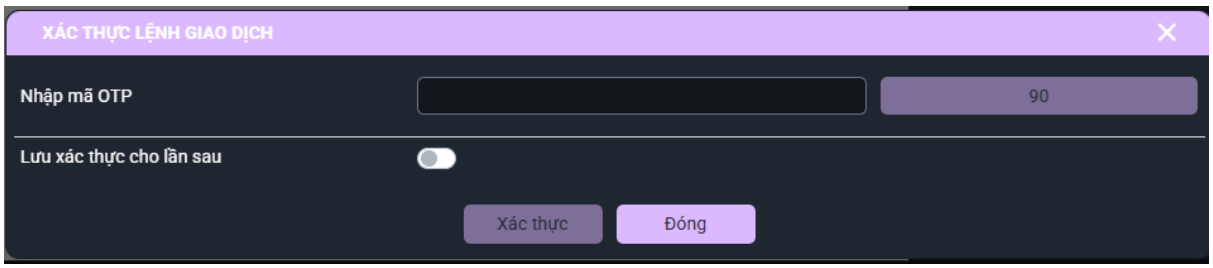

Bước 5: Nhấn nút 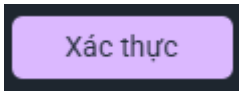

để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ ở hình bên dưới:

Hủy		Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	Thường/Thỏa thuận	Trạng thái	Kênh đặt lệnh	TKGD
Hủy		11:34:03	41I1G9000	Mua	20	2,107.9	0	0	0	20	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001000001
Hủy	Sửa	11:27:35	41I1G9000	Mua	10	1,869	0	0	0	10	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001000001
Hủy	Sửa	16:08:24	41I1G4000	Mua	5	1,869.7	0	0	0	5	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001000001
Hủy	Sửa	16:44:51	41I1F7000	Bán	20	1,350	0	0	0	20	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001
Hủy		16:44:29	41I1G9000	Bán	1	1,832.1	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001
Hủy		16:44:23	41I1G9000	Mua	1	2,107.9	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001

Hình: Tab lệnh chờ

Lưu ý:

- Sau khi xác thực ở bước 5, hệ thống sẽ không yêu cầu mã xác thực cho các lệnh đặt tiếp theo cho đến khi tải lại website.
- Sau khi lệnh khớp, người dùng có thể theo dõi lãi hoặc lỗ dự kiến trong trường Lãi/Lỗ.
- Lãi hoặc lỗ từ các vị thế chưa đóng sẽ được hiển thị trong trường Lãi/Lỗ chưa đóng.
- Khách hàng có thể theo dõi số lượng vị thế mua hoặc bán trong trường Vị thế mua/bán sau khi lệnh được thực hiện để quản lý giao dịch hiệu quả.

- Có thể xem thêm chi tiết số dư của tài khoản bằng cách nhấn vào biểu tượng số dư thông tin chi tiết về số dư tài khoản sẽ hiển thị, giúp dễ dàng theo dõi và quản lý tài khoản trong quá trình giao dịch.

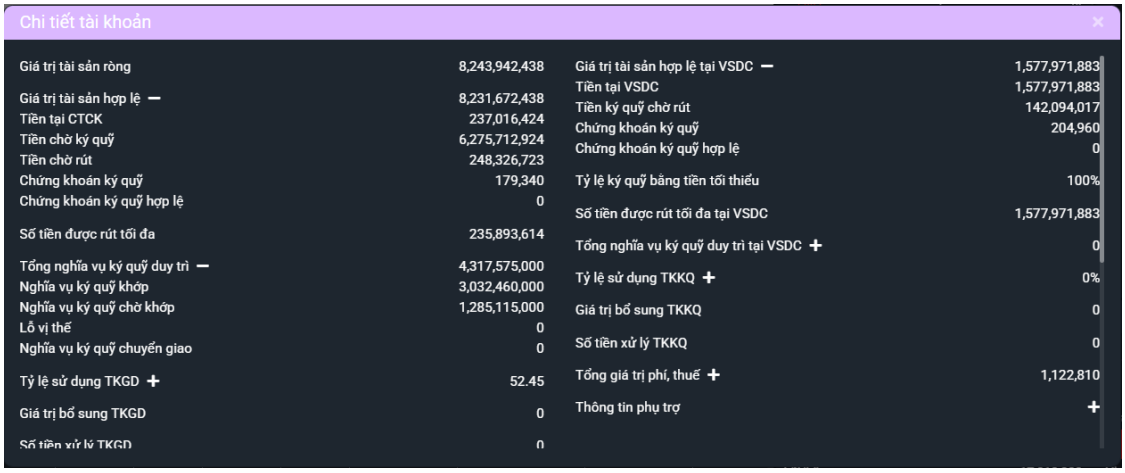

Hình: Chi tiết tài khoản

3.2.6.3. Đặt lệnh điều kiện

Bước 1: Chọn tab Giao dịch phái sinh → Lệnh thị trường → Chọn loại lệnh muốn giao dịch (Stop Up, Stop Down, Trailing Long, Trailing Short, OCO, Bull&Bear)

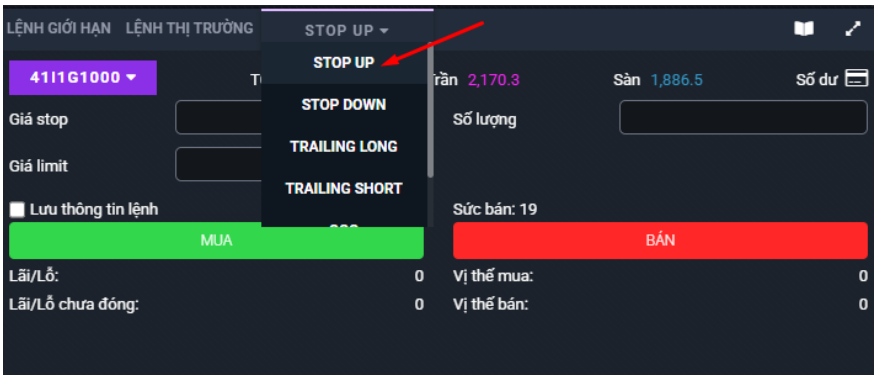

Bước 2: Chi tiết màn hình giao dịch

- Chọn mã hợp đồng tương lai (HĐTL) muốn giao dịch từ danh sách mã.

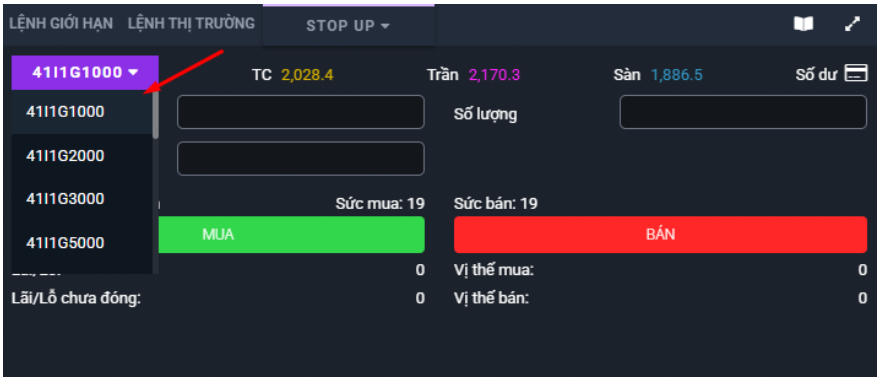

Khi chọn mã chứng khoán, bên phải sẽ hiển thị các thông tin quan trọng như Giá tham chiếu (TC), Giá trần, Giá sàn.

- Giá: Nhập mức giá mong muốn vào trường Giá. Sử dụng các nút tăng/giảm để điều chỉnh giá theo bước giá của từng giao dịch.
- Nhập khối lượng hợp đồng muốn giao dịch vào trường Số lượng. Có thể sử dụng nút tăng/giảm để điều chỉnh khối lượng giao dịch theo nhu cầu.
- Lưu thông tin lệnh: Chọn checkbox Lưu thông tin lệnh nếu muốn lưu các thông tin đã nhập
- Sức mua: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể mua dựa trên vốn khả dụng.
- Sức bán: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể bán dựa trên các vị thế hiện tại.

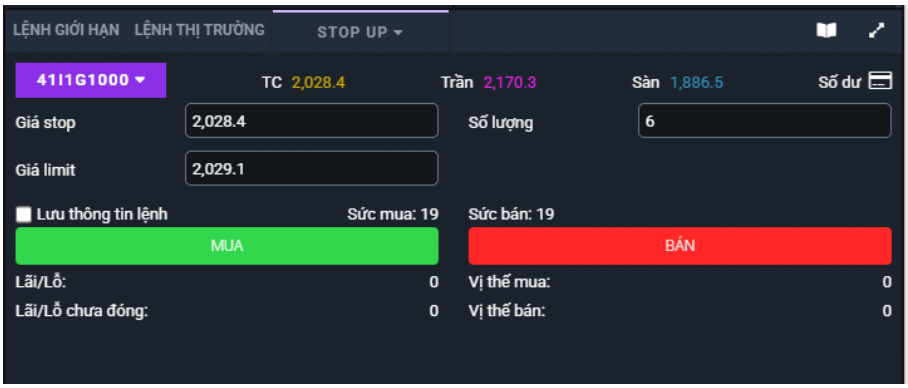

Hình: Đặt lệnh điều kiện

Bước 3: Đặt lệnh mua hoặc bán

- Nhấn nút MUA để đặt lệnh mua tại giá đã nhập.
- Nhấn nút BÁN để đặt lệnh bán tại giá đã nhập.

Bước 4: Sau khi chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để xác thực lệnh giao dịch -> nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút để lưu xác thực cho lần sau.

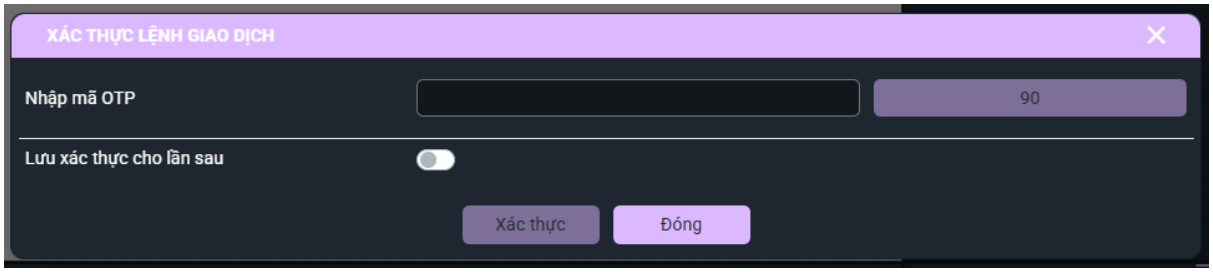

Bước 5: Nhấn nút Xác thực để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ ở hình bên dưới:

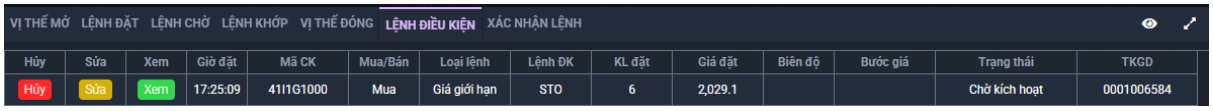

Hình: Tab lệnh chờ

Lưu ý:

- Sau khi xác thực ở bước 5, hệ thống sẽ không yêu cầu mã xác thực cho các lệnh đặt tiếp theo cho đến khi tải lại website.
- Sau khi lệnh khớp, người dùng có thể theo dõi lãi hoặc lỗ dự kiến trong trường Lãi/Lỗ.

- Lãi hoặc lỗ từ các vị thế chưa đóng sẽ được hiển thị trong trường Lãi/Lỗ chưa đóng.
- Khách hàng có thể theo dõi số lượng vị thế mua hoặc bán trong trường Vị thế mua/bán sau khi lệnh được thực hiện để quản lý giao dịch hiệu quả.

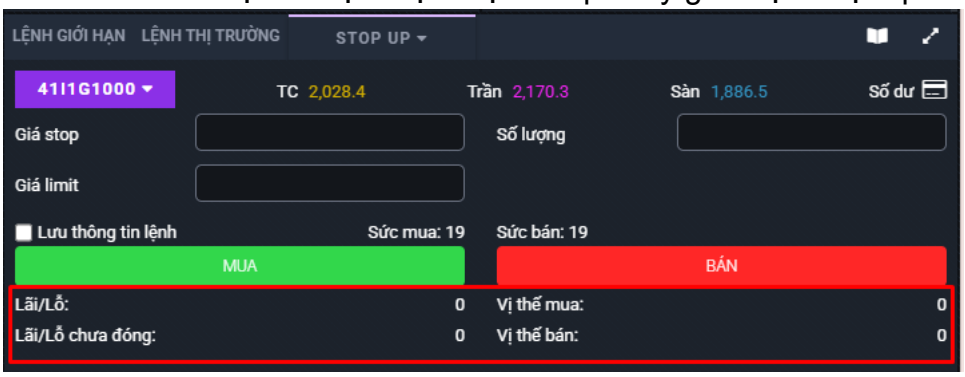

- Có thể xem thêm chi tiết số dư của tài khoản bằng cách nhấn vào biểu tượng số dư thông tin chi tiết về số dư tài khoản sẽ hiển thị, giúp dễ dàng theo dõi và quản lý tài khoản trong quá trình giao dịch.

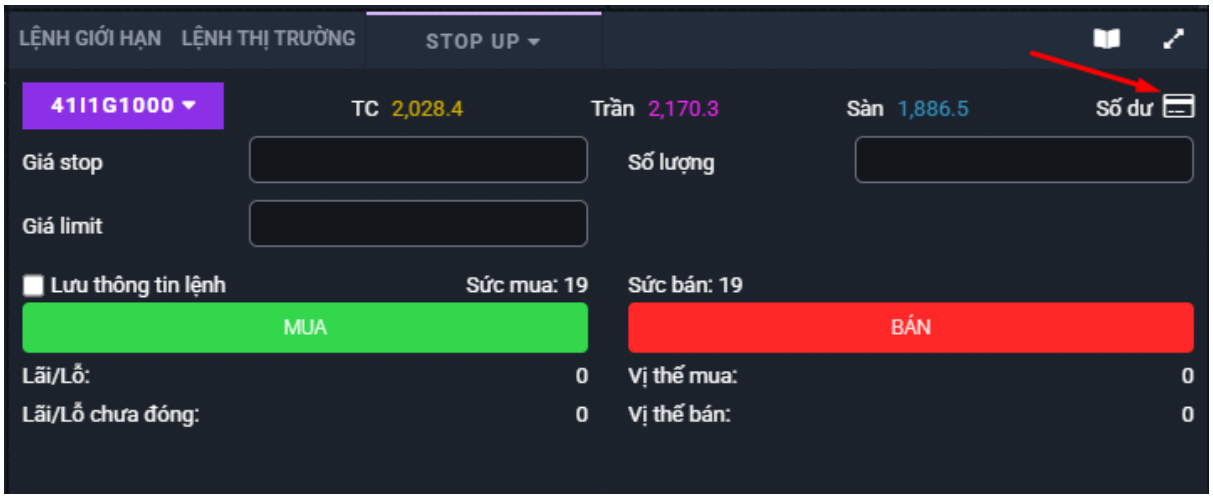

Hình: Chi tiết tài khoản

3.2.6.4. Xem hướng dẫn đặt lệnh

Tích vào biểu tượng để liên kết tới tài liệu hướng dẫn sử dụng lệnh điều kiện.

3.3. Tài khoản cơ sở

Đường dẫn: Quản lý tài khoản/Tài khoản cơ sở

3.3.1. Tổng hợp tài sản

Màn hình này hỗ trợ Khách hàng theo dõi tổng hợp tài sản của tiểu khoản đang được lựa chọn, bao gồm các thông tin về **Tiền, Chứng khoán, Các khoản nợ và các thông tin về tỷ lệ ký quỹ của tiểu khoản.**

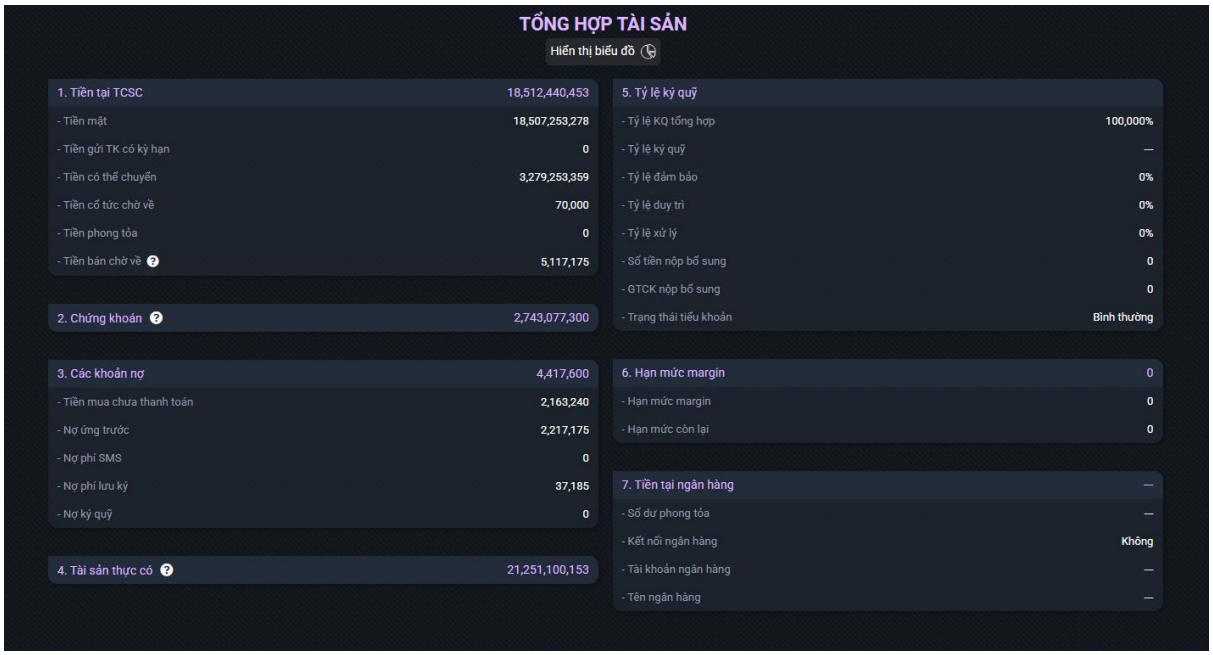

Hình: Tổng hợp tài sản

Ý nghĩa của từng loại tài sản chi tiết như sau:

Tiền tại TCSC

- Tiền mặt: Là số dư tiền mặt hiện có trên tiểu khoản đang được lựa chọn.
- Tiền có thể chuyển: Số tiền tối đa có thể chuyển khoản trên tiểu khoản đã chọn.
- Tiền cổ tức chờ về: là giá trị cổ tức bằng tiền đang chờ về trên tiểu khoản của Khách hàng. Nhấn vào dòng Tiền cổ tức chờ về để xem thông tin -> Hệ thống link đến menu Thông tin sự kiện quyền.

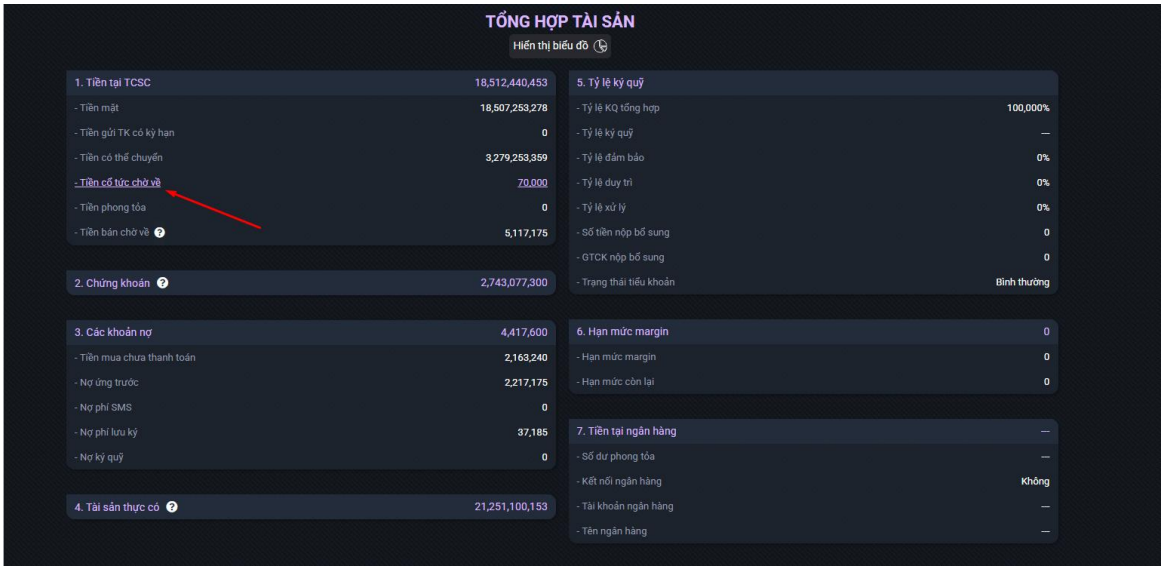

- Tiền phong tỏa: Số tiền trên tiểu khoản đang chọn bị phong tỏa tại TCSC
- Tiền chờ về: Nhấn vào dòng Tiền bán chờ về để xem thông tin Tiền bán chờ về của từng ngày bán.

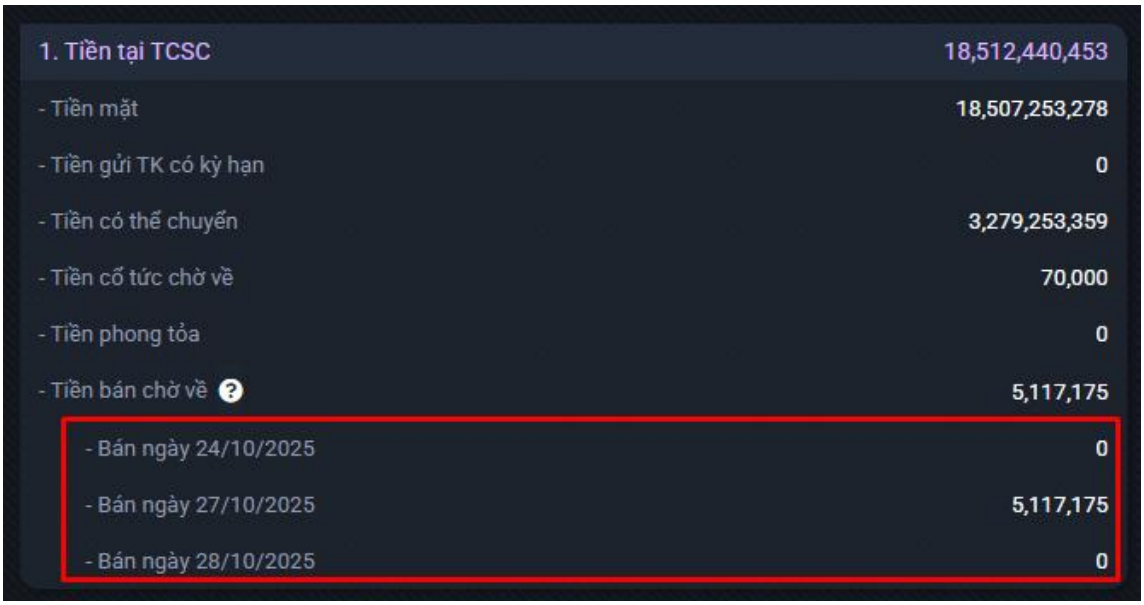

Chứng khoán

- Tra cứu giá trị chứng khoán có trên tiểu khoản đang chọn. Nhấn vào dòng Chứng khoán → Hệ thống link đến menu danh mục đầu tư để xem thông tin chi tiết

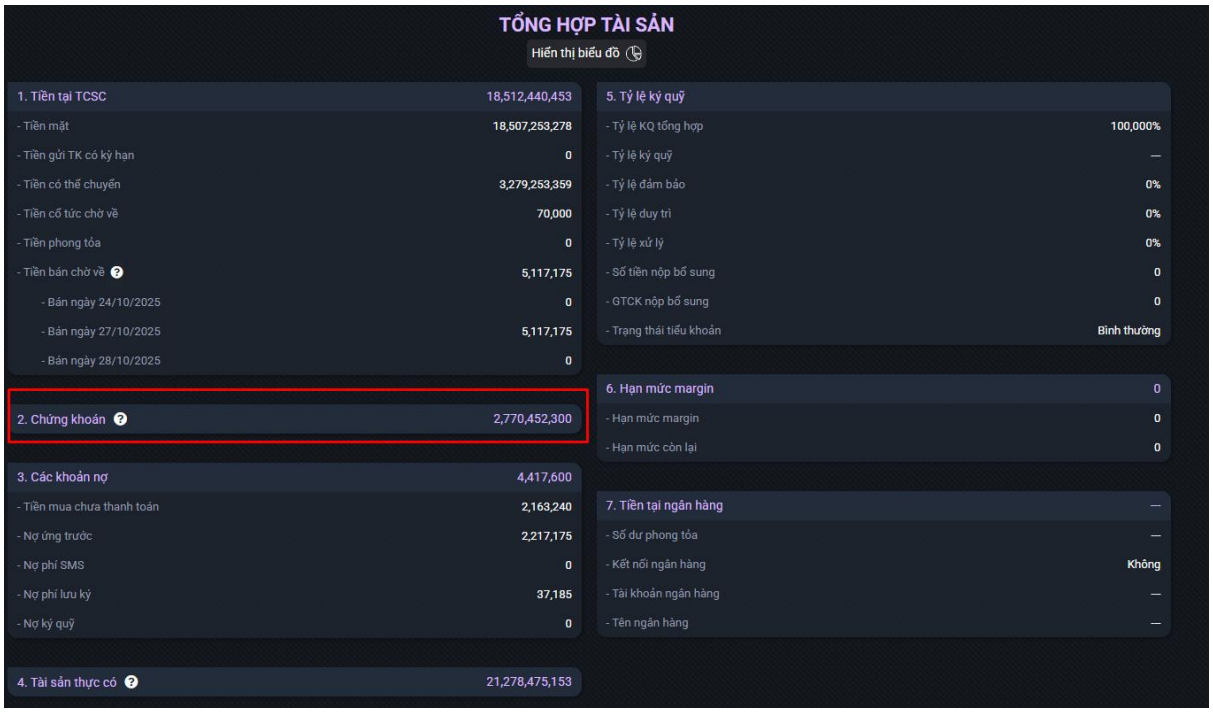

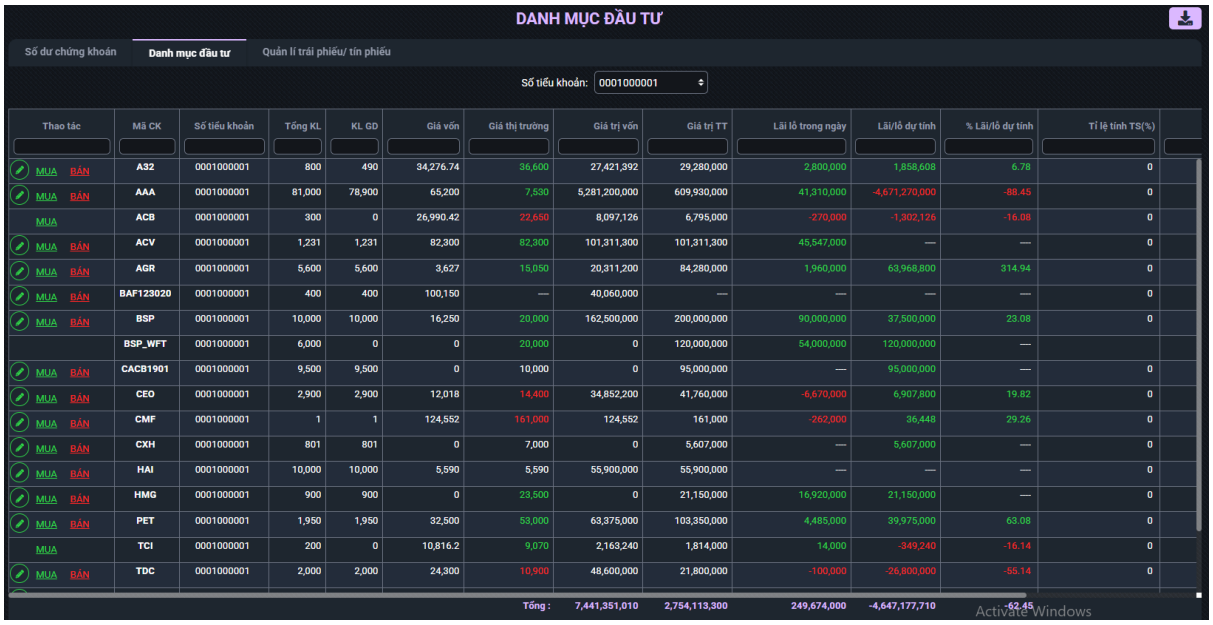

Các khoản nợ:

- Nhấn vào dòng Nợ ứng trước → Hệ thống link đến menu Nợ ứng trước (Các khoản nợ) để xem chi tiết thông tin nợ ứng trước.

3. Các khoản nợ	4,417,600
- Tiền mua chưa thanh toán	2,163,240
- Nợ ứng trước	2,217,175
- Nợ phí SMS	0
- Nợ phí lưu ký	37,185
- Nợ ký quỹ	0

NỢ ỨNG TRƯỚC

Ngày ứng	Ngày bán	Ngày thanh toán	Tiền bán	Tiền ứng	Lãi suất (%)	Phí ứng	Tiền ứng thực nhận	Số ngày ứng
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	550,000	4.5455000000000005	25,000	525,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	500,000	5	25,000	475,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	50,000	50	25,000	25,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	100,000	25	25,000	75,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	79,398	31.486900000000002	25,000	54,398	1
27/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	522,222	2.3936	25,000	497,222	2
27/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	55,555	22.5002	25,000	30,555	2
27/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	360,000	3.4722	25,000	335,000	2
Tổng cộng				2,217,175		200,000	2,017,175	

- Nhấn vào dòng Nợ ký quỹ → Hệ thống link đến menu Nợ quý kỹ (Các khoản nợ) để xem chi tiết thông tin nợ ký quỹ: **Nợ ký quỹ = Nợ gốc còn lại + Nợ lãi.**

3. Các khoản nợ	20,075,785
- Tiền mua chưa thanh toán	0
- Nợ ứng trước	0
- Nợ phí SMS	0
- Nợ phí lưu ký	2,970
- Nợ ký quỹ	20,072,815

NỢ KÝ QUỸ

Các khoản nợ ký quỹ | Lịch sử trả nợ

Ngày giải ngân gốc	Ngày đáo hạn	Nợ gốc	Nợ đã trả	Nợ gốc còn lại	Lãi suất (%)	Tổng nợ lãi	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi đã trả	Số ngày nợ quá hạn	Lãi suất quá hạn (%)	Tổng tiền phải trả	Trạng thái
	15/09/2025	30,875,489	16,860,212	14,015,277	13.14	154,337	0	154,337	400,654	43	19.14	14,169,614	Quá hạn
06/10/2025	10/10/2025	5,841,752	0	5,841,752	13.14	61,449	0	61,449	0	18	19.14	5,903,201	Quá hạn
Tổng cộng		36,717,241	16,860,212	19,857,029		215,786	0	215,786	400,654			20,072,815	

- **Tài sản thực có:** tài sản thực có trên tiểu khoản đã chọn.
- **Tỷ lệ ký quỹ:** Bộ tỷ lệ ký quỹ của tiểu khoản đã chọn.

5. Tỷ lệ ký quỹ	
- Tỷ lệ KQ tổng hợp	100,000%
- Tỷ lệ ký quỹ	—
- Tỷ lệ đảm bảo	0%
- Tỷ lệ duy trì	0%
- Tỷ lệ xử lý	0%
- Số tiền nộp bổ sung	0
- GTCK nộp bổ sung	0
- Trạng thái tiểu khoản	Bình thường

- **Hạn mức margin:** Tiểu khoản thường hiển thị giá trị = 0. Tiểu khoản margin hiển thị hạn mức margin hiện tại của tiểu khoản.
- **Tiền tại ngân hàng:**

7. Tiền tại ngân hàng	—
- Số dư phong tỏa	—
- Kết nối ngân hàng	Không
- Tài khoản ngân hàng	—
- Tên ngân hàng	—

3.3.2. Danh mục đầu tư

Mô tả: Phần Danh mục đầu tư tính toán và quản lý toàn bộ danh mục của khách hàng giúp cho việc quản lý hoạt động đầu tư của khách hàng ngày một tốt và hiệu quả hơn.

Khách hàng chọn tab Quản lý tài khoản => Tài khoản cơ sở => “Danh mục đầu tư”

3.3.2.1. Số dư chứng khoán

- Mục đích: giúp khách hàng theo dõi chứng khoán hiện đang nắm giữ:
  - Tổng khối lượng nắm giữ, KLGD khả dụng
  - Chi tiết các chứng khoán bị hạn chế: Phong toả, Cầm cố, HCCN
  - Chứng khoán mua chờ về theo từng ngày T0, T1, T2
  - Quyền chờ về
  - CK chờ rút
  - Bán chờ khớp

- Chờ giao
- Chờ lưu ký

- Nút "Mua" giúp khách hàng có thể thực hiện giao dịch nhanh mua chứng khoán trong mục Số dư chứng khoán.
- Nút "Bán" giúp khách hàng có thể thực hiện giao dịch nhanh bán chứng khoán trong mục Số dư chứng khoán.
- Nhấn nút để kết xuất Số dư chứng khoán ra file Excel hoặc PDF.

DANH MỤC ĐẦU TƯ

Số dư chứng khoán | Danh mục đầu tư | Quản lí trái phiếu/ tín phiếu

Thao tác	Mã CK	Tổng	KLGD khả dụng	CK bị hạn chế				Mua chờ về			Quyền chờ về	CK chờ rút	Bán chờ khớp	Chờ giao	Chờ lưu ký
				Phong tỏa	Cầm cố VSDC	Cầm cố CTY	HCCN	28/10/2025	29/10/2025	30/10/2025					
MUA BÁN	A32	800	490	210	0	0	0	0	0	0	0	0	100	0	0
MUA BÁN	AAA	81,000	78,900	2,000	0	0	0	0	0	0	0	0	100	0	0
MUA	ACB	300	0	0	0	0	0	0	300	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	ACV	1,231	1,231	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	AGR	5,600	5,600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	0
MUA BÁN	BAF123020	400	400	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	BSP	10,000	10,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	BSP_WFT	6,000	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	0	0	0	0
MUA BÁN	CACB1901	9,500	9,500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	CEO	2,900	2,900	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	CMF	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	CXH	801	801	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	HAI	10,000	10,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	HMG	900	900	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	PET	1,950	1,950	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA	TCI	200	0	0	0	0	0	0	0	200	0	0	0	0	0
MUA BÁN	TDC	2,000	2,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	TDT	9,850	9,850	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	VID	6,000	6,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Số dư chứng khoán

3.3.2.2. Danh mục đầu tư

- Mục đích: giúp khách hàng theo dõi chứng khoán hiện đang nắm giữ, lãi lỗ dự tính trên từng mã:
  - CK chờ về
  - CK chờ rút
  - Bán chờ khớp

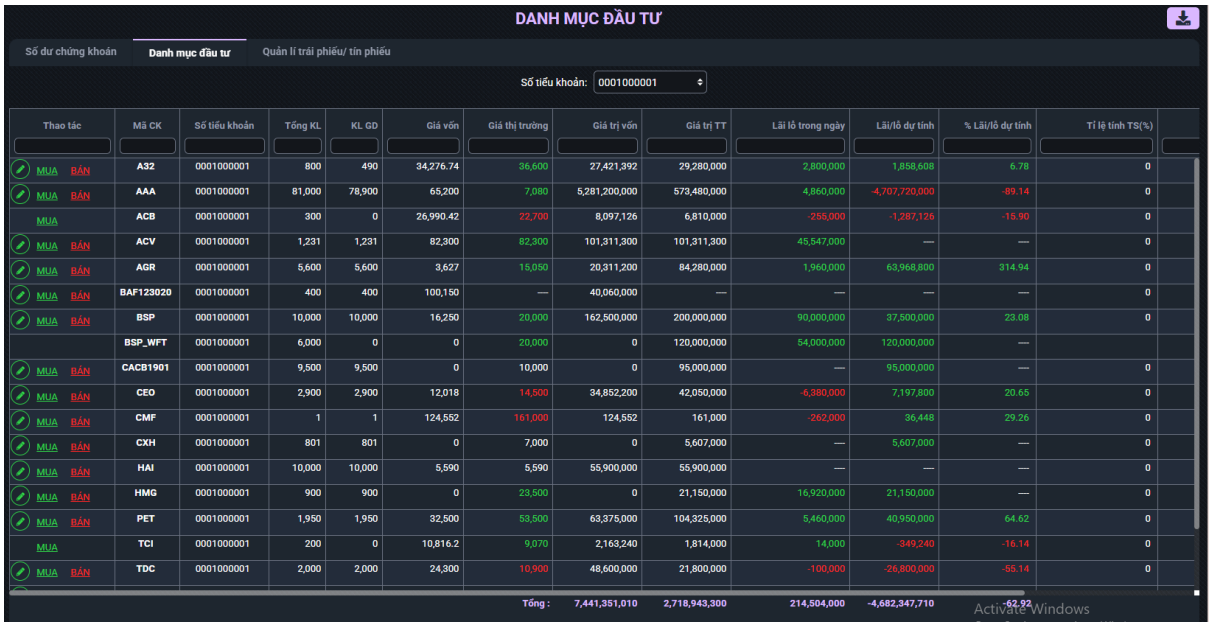

Thao tác	Mã CK	Số tiểu khoản	Tổng KL	KL GD	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi lỗ trong ngày	Lãi/lỗ dự tính	% Lãi/lỗ dự tính	Tỉ lệ tính TS(%)
MUA BÁN	A32	0001000001	800	490	34,276.74	36,600	27,421,392	29,280,000	2,800,000	1,858,608	6.78	0
MUA BÁN	AAA	0001000001	81,000	78,900	65,200	7,080	5,281,200,000	573,480,000	4,860,000	-4,707,720,000	-89.14	0
MUA	ACB	0001000001	300	0	26,990.42	22,700	8,097,126	6,810,000	-255,000	-1,287,126	-15.90	0
MUA BÁN	ACV	0001000001	1,231	1,231	82,300	82,300	101,311,300	101,311,300	45,547,000	—	—	0
MUA BÁN	AGR	0001000001	5,600	5,600	3,627	15,050	20,311,200	84,280,000	1,960,000	63,968,800	314.94	0
MUA BÁN	BAF123020	0001000001	400	400	100,150	—	40,060,000	—	—	—	—	0
MUA BÁN	BSP	0001000001	10,000	10,000	16,250	20,000	162,500,000	200,000,000	90,000,000	37,500,000	23.08	0
	BSP_WFT	0001000001	6,000	0	0	20,000	0	120,000,000	54,000,000	120,000,000	—	
MUA BÁN	CACB1901	0001000001	9,500	9,500	0	10,000	0	95,000,000	—	95,000,000	—	0
MUA BÁN	CEO	0001000001	2,900	2,900	12,018	14,500	34,852,200	42,050,000	-6,380,000	7,197,800	20.65	0
MUA BÁN	CMF	0001000001	1	1	124,552	161,000	124,552	161,000	-262,000	36,448	29.26	0
MUA BÁN	CXH	0001000001	801	801	0	7,000	0	5,607,000	—	5,607,000	—	0
MUA BÁN	HAI	0001000001	10,000	10,000	5,590	5,590	55,900,000	55,900,000	—	—	—	0
MUA BÁN	HMG	0001000001	900	900	0	23,500	0	21,150,000	16,920,000	21,150,000	—	0
MUA BÁN	PET	0001000001	1,950	1,950	32,500	53,500	63,375,000	104,325,000	5,460,000	40,950,000	64.62	0
MUA	TCI	0001000001	200	0	10,816.2	9,070	2,163,240	1,814,000	14,000	-349,240	-16.14	0
MUA BÁN	TDC	0001000001	2,000	2,000	24,300	10,900	48,600,000	21,800,000	-100,000	-26,800,000	-55.14	0
						Tổng :	7,441,351,010	2,718,943,300	214,504,000	-4,682,347,710	-62.92	

Hình: Danh mục đầu tư

- Nút "Mua" giúp khách hàng có thể thực hiện giao dịch nhanh mua chứng khoán trong mục Danh mục đầu tư.
- Nút "Bán" giúp khách hàng có thể thực hiện giao dịch nhanh bán chứng khoán trong mục Danh mục đầu tư.
- Nhấn nút để kết xuất Danh mục đầu tư ra file Excel hoặc PDF.
- Số tiểu khoản

3.3.2.3. Quản lý trái phiếu/tín phiếu

Mục đích: Giúp khách hàng theo dõi Trái phiếu/tín phiếu hiện đang nắm giữ:

3.3.3. Phân bổ tài sản

3.3.3.1. Tài sản và nguồn vốn

Bước 1: Chọn Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Tài khoản" => " Phân bổ tài sản"

Bước 2: Chọn xem theo Tất cả/từng tiểu khoản. Khách hàng có thể xem được các thông tin về Tiền mặt, Tiền chờ về, Tiền gửi TK,… với giá trị và tỷ lệ phần trăm tương ứng.

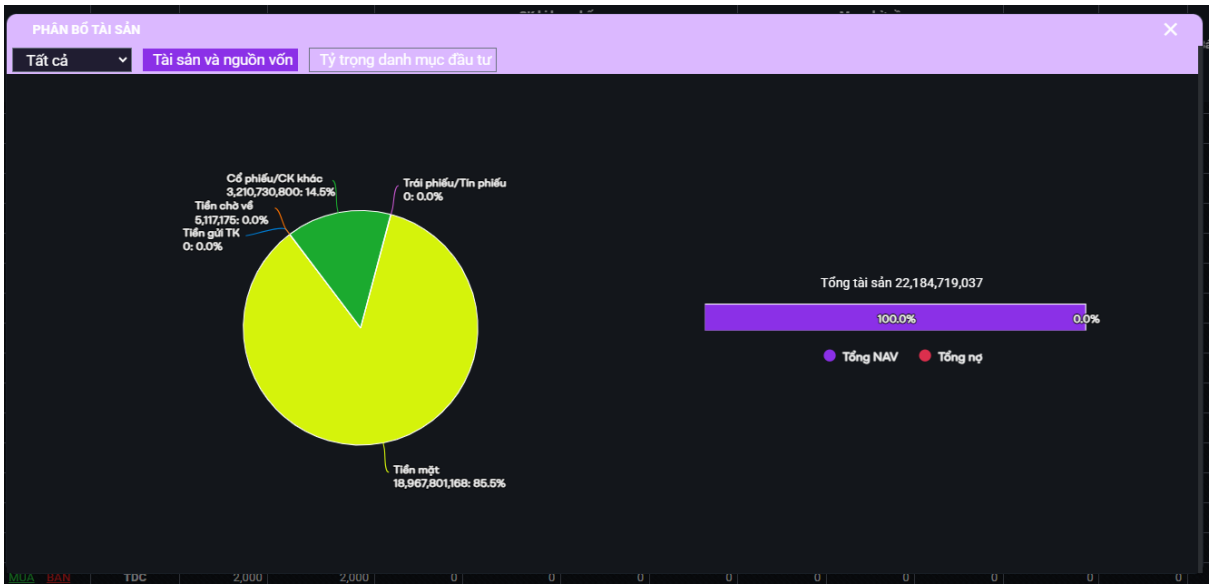

Hình: Màn hình Phân bổ tài sản

3.3.3.2. Tỷ trọng danh mục đầu tư

Bước 1: Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Tài khoản" => " Phân bổ tài sản" → Chọn tab Tỷ trọng danh mục đầu tư

Bước 2: Chọn xem theo Tất cả/từng tiểu khoản. Chức năng giúp xem được tỷ lệ của các mã CK mà khách hàng đang nắm giữ

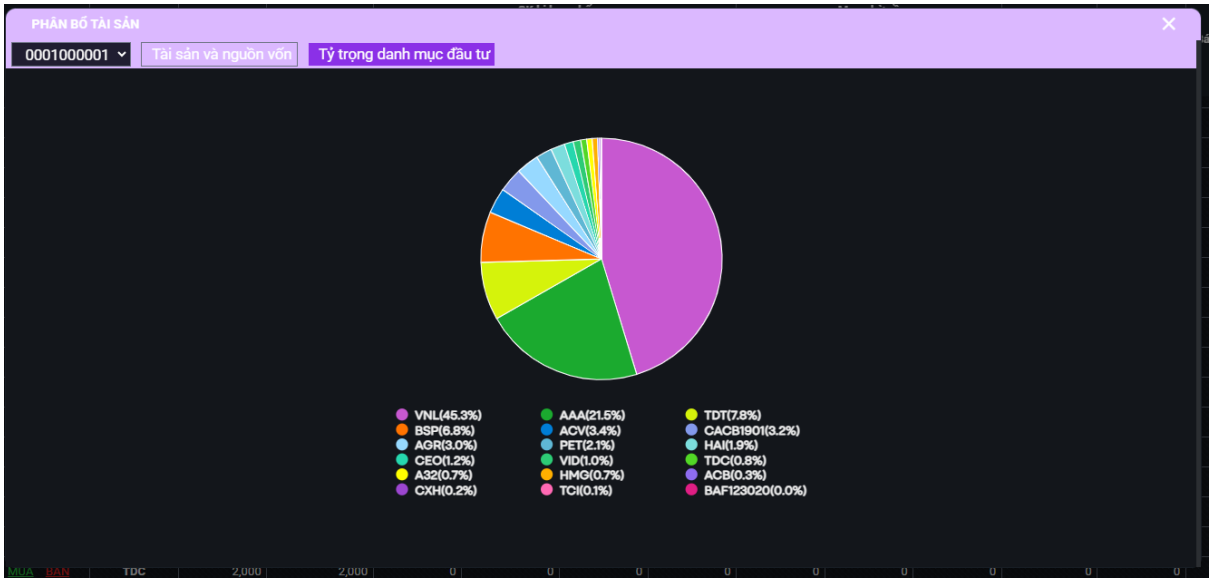

Hình: Màn hình Tỷ trọng danh mục đầu tư

3.3.4. Các khoản nợ

3.3.4.1. Nợ ký quỹ

Mục đích: Giúp khách hàng theo dõi chi tiết các khoản vay và trạng thái các khoản vay hiện tại chưa tất toán, bao gồm: các khoản vay kí quỹ, vay bảo lãnh, vay cầm cố chưa tất toán của tiểu khoản.

NỢ KÝ QUỸ

Các khoản nợ ký quỹ | Lịch sử trả nợ

Ngày giải ngân gốc	Ngày đáo hạn	Nợ gốc	Nợ đã trả	Nợ gốc còn lại	Lãi suất (%)	Tổng nợ lãi	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi đã trả	Số ngày nợ quá hạn	Lãi suất quá hạn (%)	Tổng tiền phải trả	Trạng thái
	15/09/2025	30,875,489	16,860,212	14,015,277	13.14	154,337	0	154,337	400,654	43	19.14	14,169,614	Quá hạn
06/10/2025	10/10/2025	5,841,752	0	5,841,752	13.14	61,449	0	61,449	0	18	19.14	5,903,201	Quá hạn
Tổng cộng		36,717,241	16,860,212	19,857,029		215,786	0	215,786	400,654			20,072,815	

Hình: Nợ ký quỹ

3.3.4.2. Nợ ứng trước

Mục đích: Hiển thị thông tin các khoản vay ứng trước chưa hoàn ứng của tiểu khoản.

NỢ ỨNG TRƯỚC

Ngày ứng	Ngày bán	Ngày thanh toán	Tiền bán	Tiền ứng	Lãi suất (%)	Phí ứng	Tiền ứng thực nhận	Số ngày ứng
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	550,000	4.5455000000000005	25,000	525,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	500,000	5	25,000	475,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	50,000	50	25,000	25,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	100,000	25	25,000	75,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	79,398	31.486900000000002	25,000	54,398	1
27/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	522,222	2.3936	25,000	497,222	2
27/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	55,555	22.5002	25,000	30,555	2
27/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	360,000	3.4722	25,000	335,000	2
Tổng cộng				2,217,175		200,000	2,017,175	

Hình: Nợ ứng trước

Nhấn nút để kết xuất Nợ ứng trước ra file Excel hoặc PDF.

3.3.5. Tra cứu lãi lỗ

3.3.5.1. Báo cáo chi tiết chứng khoán theo thời gian

Mô tả: Khách hàng có thể vào tra cứu lịch sử mua/ bán của từng mã chứng khoán theo thời gian trên tiểu khoản đang tra cứu.

BÁO CÁO CHI TIẾT CHỨNG KHOÁN THEO THỜI GIAN

Từ ngày: 28/09/2025 | Đến ngày: 28/10/2025 | Mã CK: Tất cả | Tìm kiếm

Mã CK	Ngày	KL mua	Giá mua TB	GT khớp mua	KL bán	Giá bán TB	GT khớp bán	Phí mua	Phí bán	Thuế bán
A32		0	0	0	300	41,700	12,510,000	0	18,765	12,510
ACB		300	26,950	8,085,000	0	0	0	12,127	0	0
AGR		0	0	0	300	17,100	5,130,000	0	7,695	5,130
CEO		15,000	12,000	180,000,000	0	0	0	270,000	0	0
TCI		200	10,800	2,160,000	0	0	0	3,240	0	0
VNL		0	0	0	1,000	22,650	22,650,000	0	33,975	22,650
Tổng		15,500		190,245,000	1,600		40,290,000	285,367	60,435	40,290

THANHCONG SECURITIES CO.
www.tcsc.vn (028) 38 27 05 27 (+84 28) 3821 80 10

Hình: Báo cáo chi tiết chứng khoán theo thời gian

- Nhập thời gian từ ngày … đến ngày ….. Chọn mã chứng khoán: ALL. Ấn Tìm kiếm: Tra cứu lịch sử mua/ bán của tất cả mã chứng khoán theo dòng thời gian tra cứu.
- Nhập thời gian từ ngày … đến ngày ….. Chọn mã chứng khoán: từng mã chứng khoán. Ấn Tìm kiếm : Tra cứu lịch sử mua/ bán của mã chứng khoán chọn theo dòng thời gian tra cứu.
- Ấn kết xuất dữ liệu theo định dạng excel hoặc pdf.

3.3.5.2. Lãi/ lỗ theo dòng tiền

Mô tả chung: Báo cáo lãi lỗ gồm 3 tab thông tin

- **Báo cáo lãi lỗ:** Bao gồm thông tin chi tiết tiền, chứng khoán và các khoản nợ của khách hàng tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ
- **Phát sinh tiền:** Là thông tin tăng giảm tiền của khách hàng trong khoảng thời gian tìm kiếm.
  + Giao dịch tăng: Nộp tiền, nhận chuyển khoản tiền
  + Giao dịch giảm: Rút tiền, Chuyển tiền đi
- **Phát sinh chứng khoán:** Lấy thông tin phát sinh tăng giảm chứng khoán trong khoảng thời gian tìm kiếm.
  + Giao dịch tăng vốn: Nhận CK, Gửi lưu kí, Đăng kí quyền mua không cắt tiền CI
  + Giao dịch giảm vốn: Rút chứng khoán, Chuyển khoản CK

Báo cáo lãi/lỗ:

Mô tả: Khách hàng kiểm tra nhật ký lãi lỗ trên từng thời kỳ. Có cái nhìn tổng quan trực diện nhất trên tiểu khoản đang chọn.

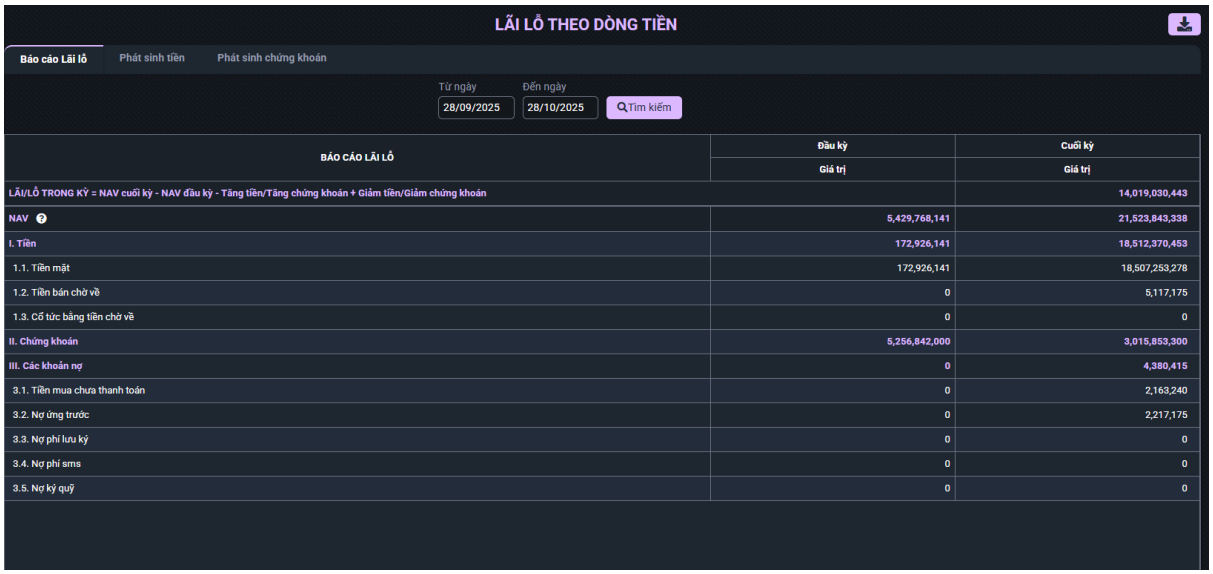

BÁO CÁO LÃI LỖ	Đầu kỳ	Cuối kỳ
	Giá trị	Giá trị
LÃI/LỖ TRONG KỲ = NAV cuối kỳ - NAV đầu kỳ - Tăng tiền/Tăng chứng khoán + Giảm tiền/Giảm chứng khoán		14,019,030,443
NAV	5,429,768,141	21,523,843,338
I. Tiền	172,926,141	18,512,370,453
1.1. Tiền mặt	172,926,141	18,507,253,278
1.2. Tiền bán chờ về	0	5,117,175
1.3. Cổ tức bằng tiền chờ về	0	0
II. Chứng khoán	5,256,842,000	3,015,853,300
III. Các khoản nợ	0	4,380,415
3.1. Tiền mua chưa thanh toán	0	2,163,240
3.2. Nợ ứng trước	0	2,217,175
3.3. Nợ phí lưu ký	0	0
3.4. Nợ phí sms	0	0
3.5. Nợ ký quỹ	0	0

Hình: Màn hình báo cáo lãi

Bước 1: Đăng nhập vào tài khoản

Bước 2: Chọn menu Tài khoản/ Tài khoản/Tra cứu lãi lỗ/Lãi lỗ theo dòng tiền/tab Báo cáo lãi lỗ

Bước 3: Nhập giá trị đầu vào từ ngày … đến ngày …Ấn nút 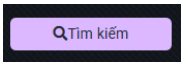

hiển thị tổng giá trị lãi lỗ trong kỳ theo dõi

Bước 4: Ấn kết xuất dữ liệu theo định dạng excel hoặc pdf.

Phát sinh tiền:

Liệt kê lịch sử tăng giảm tiền trong khoảng thời gian tra cứu

THANHCONG SECURITIES CO.
www.tcsc.vn (028) 38 27 05 27 (+84 28) 3821 80 10

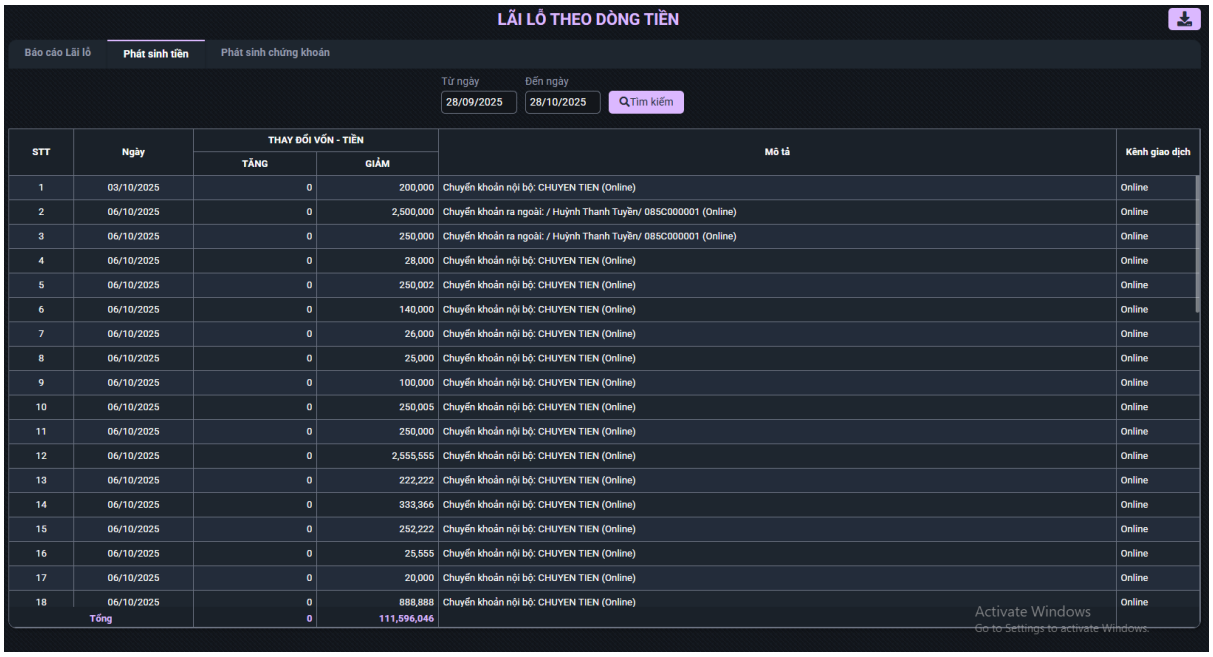

STT	Ngày	THAY ĐỔI VỐN - TIỀN		Mô tả	Kênh giao dịch
		TĂNG	GIẢM		
1	03/10/2025	0	200,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
2	06/10/2025	0	2,500,000	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001 (Online)	Online
3	06/10/2025	0	250,000	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001 (Online)	Online
4	06/10/2025	0	28,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
5	06/10/2025	0	250,002	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
6	06/10/2025	0	140,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
7	06/10/2025	0	26,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
8	06/10/2025	0	25,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
9	06/10/2025	0	100,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
10	06/10/2025	0	250,005	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
11	06/10/2025	0	250,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
12	06/10/2025	0	2,555,555	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
13	06/10/2025	0	222,222	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
14	06/10/2025	0	333,366	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
15	06/10/2025	0	252,222	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
16	06/10/2025	0	25,555	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
17	06/10/2025	0	20,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
18	06/10/2025	0	888,888	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
Tổng		0	111,596,046		

Hình: Màn hình phát sinh tiền

Bước 1: Đăng nhập vào tài khoản

Bước 2: Chọn menu Tài khoản/ Tài khoản/ Tra cứu lãi lỗ/Lãi lỗ theo dòng tiền/tab Phát sinh tiền

Bước 3: Nhập giá trị đầu vào từ ngày … đến ngày… → Ấn nút 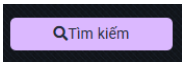

hiển thị phát sinh tăng/giảm tiền trong khoảng thời gian tra cứu.

Bước 4: Ấn kết xuất dữ liệu theo định dạng excel hoặc pdf.

Phát sinh chứng khoán:

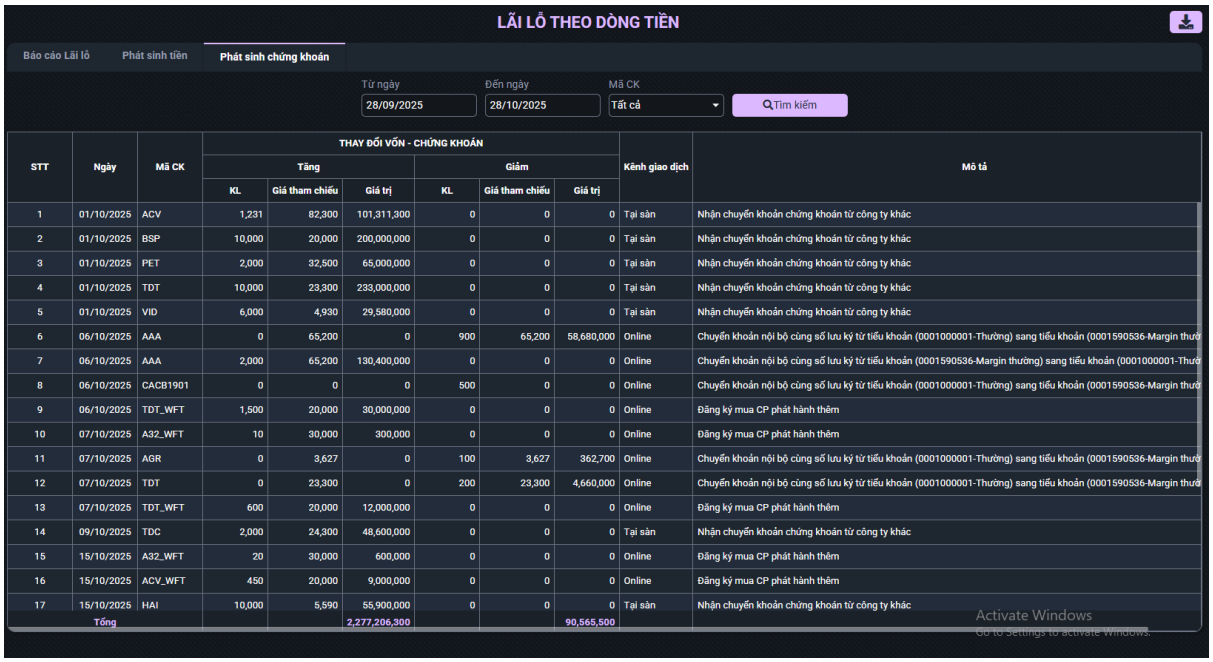

STT	Ngày	Mã CK	THAY ĐỔI VỐN - CHỨNG KHOÁN						Kênh giao dịch	Mô tả
			Tăng			Giảm				
			KL	Giá tham chiếu	Giá trị	KL	Giá tham chiếu	Giá trị		
1	01/10/2025	ACV	1,231	82,300	101,311,300	0	0	0	Tại sàn	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
2	01/10/2025	BSP	10,000	20,000	200,000,000	0	0	0	Tại sàn	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
3	01/10/2025	PET	2,000	32,500	65,000,000	0	0	0	Tại sàn	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
4	01/10/2025	TDT	10,000	23,300	233,000,000	0	0	0	Tại sàn	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
5	01/10/2025	VID	6,000	4,930	29,580,000	0	0	0	Tại sàn	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
6	06/10/2025	AAA	0	65,200	0	900	65,200	58,680,000	Online	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thườ
7	06/10/2025	AAA	2,000	65,200	130,400,000	0	0	0	Online	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001590536-Margin thường) sang tiểu khoản (0001000001-Thườ
8	06/10/2025	CACB1901	0	0	0	500	0	0	Online	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thườ
9	06/10/2025	TDT_WFT	1,500	20,000	30,000,000	0	0	0	Online	Đăng ký mua CP phát hành thêm
10	07/10/2025	A32_WFT	10	30,000	300,000	0	0	0	Online	Đăng ký mua CP phát hành thêm
11	07/10/2025	AGR	0	3,627	0	100	3,627	362,700	Online	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thườ
12	07/10/2025	TDT	0	23,300	0	200	23,300	4,660,000	Online	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thườ
13	07/10/2025	TDT_WFT	600	20,000	12,000,000	0	0	0	Online	Đăng ký mua CP phát hành thêm
14	09/10/2025	TDC	2,000	24,300	48,600,000	0	0	0	Tại sàn	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
15	15/10/2025	A32_WFT	20	30,000	600,000	0	0	0	Online	Đăng ký mua CP phát hành thêm
16	15/10/2025	ACV_WFT	450	20,000	9,000,000	0	0	0	Online	Đăng ký mua CP phát hành thêm
17	15/10/2025	HAI	10,000	5,590	55,900,000	0	0	0	Tại sàn	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
Tổng					2,277,206,300			90,565,500		

Hình: Báo cáo phát sinh chứng khoán

Bước 1: Đăng nhập vào tài khoản

Bước 2: Chọn menu Tài khoản/ Thanh toán/ Lãi lỗ thực hiện

Bước 3: Nhập giá trị đầu vào từ ngày … đến ngày…→ Ấn nút 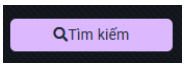

hiển thị tổng giá trị lãi lỗ trong kỳ theo dõi

Bước 4: Ấn kết xuất dữ liệu theo định dạng excel hoặc pdf.

3.3.5.3. Nhật ký lãi lỗ

Mục đích: Giúp khách hàng có cái nhìn tổng quan về những mã chứng khoán, lãi lỗ thực tế theo từng mã.

Mã CK	Khối lượng bán	Giá trị bán	Giá trị vốn	Lãi/lỗ thực tế	% Lãi/lỗ thực tế
Tổng thực tế		12,269,250	7,608,100	4,661,150	61.27
AAA	100	7,152,075	6,520,000	632,075	9.69
AGR	300	5,117,175	1,088,100	4,029,075	370.29

Hình: Nhật ký lãi lỗ

- Nhập thời gian từ ngày … đến ngày ….. Chọn mã chứng khoán: ALL . Ấn 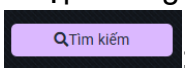

: Tra cứu nhật ký lãi lỗ của tất cả mã chứng khoán theo dòng thời gian tra cứu.

- Nhập thời gian từ ngày … đến ngày ….. Chọn mã chứng khoán: từng mã chứng khoán . Ấn Tìm kiếm: Tra cứu nhật ký lãi lỗ của mã chứng khoán chọn theo dòng thời gian tra cứu
- Nhấn nút để kết xuất nhật ký lãi lỗ ra file Excel hoặc PDF.

3.3.6. Nộp tiền bằng QR

3.3.6.1. Qua tài khoản định doanh

Mô tả: Cho phép khách hàng thực hiện chuyển tiền vào tài khoản bằng mã QR.

Để thực hiện được giao dịch, khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" =>"Thanh toán" => "Nộp tiền bằng QR" => "Qua tài khoản định doanh".

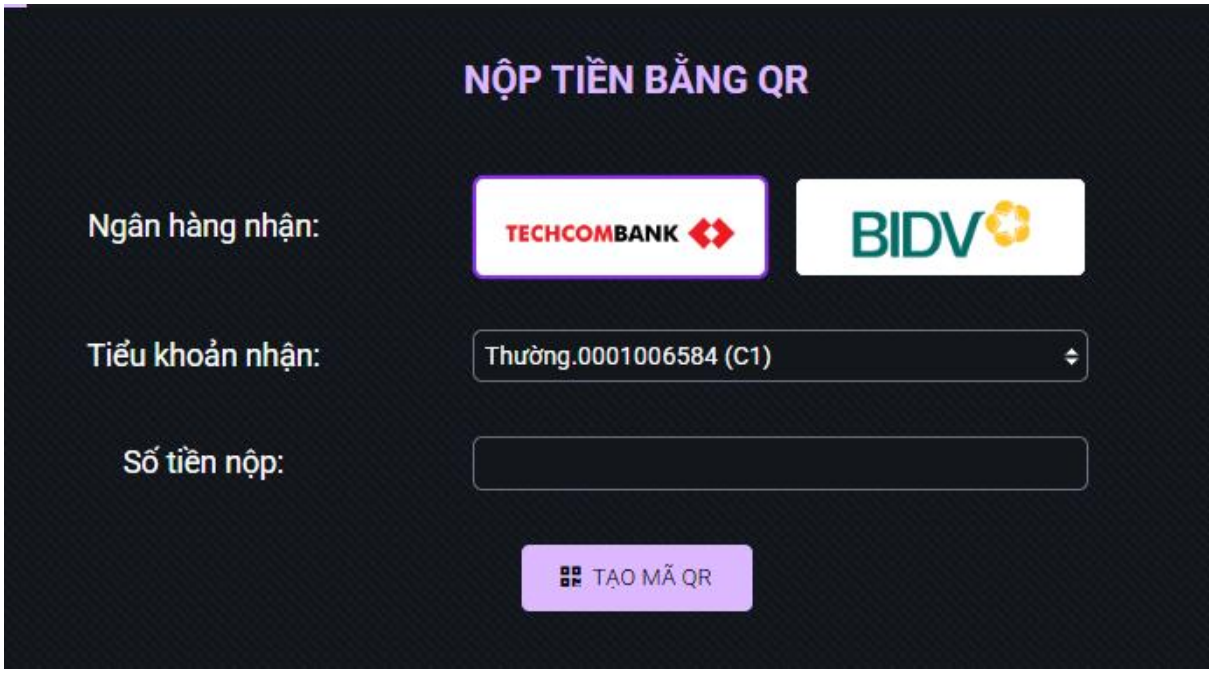

Hình: Giao diện màn hình Nộp tiền bằng QR qua tài khoản định doanh

Bước 2: Chọn ngân hàng, tiểu khoản và điền số tiền nộp

Bước 3: Nhấn tạo mã QR

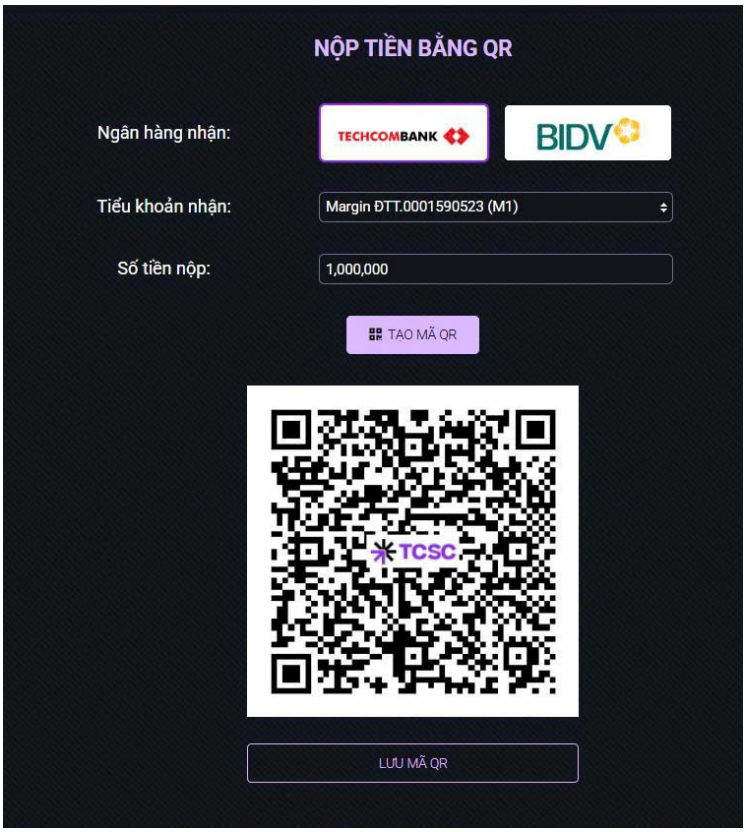

Hình: Giao diện Màn hình mã QR

Bước 4: Thực hiện quét mã QR trên app ngân hàng để chuyển tiền.

Lưu ý: Nếu muốn lưu mã QR về máy tính, nhấn **"Lưu mã QR"** để tải về máy.

3.3.6.2. Qua tài khoản chuyên dụng TCSC

Mô tả: Cho phép khách hàng thực hiện chuyển tiền vào tài khoản bằng mã QR.

Để thực hiện được giao dịch, khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" =>"Thanh toán" => "Nộp tiền bằng QR" => "Qua tài khoản chuyên dụng TCSC".

Hình: Giao diện màn hình Nộp tiền bằng QR qua tài khoản chuyên dụng

Bước 2: Chọn ngân hàng, tiểu khoản và điền số tiền nộp

Bước 3: Nhấn tạo mã QR

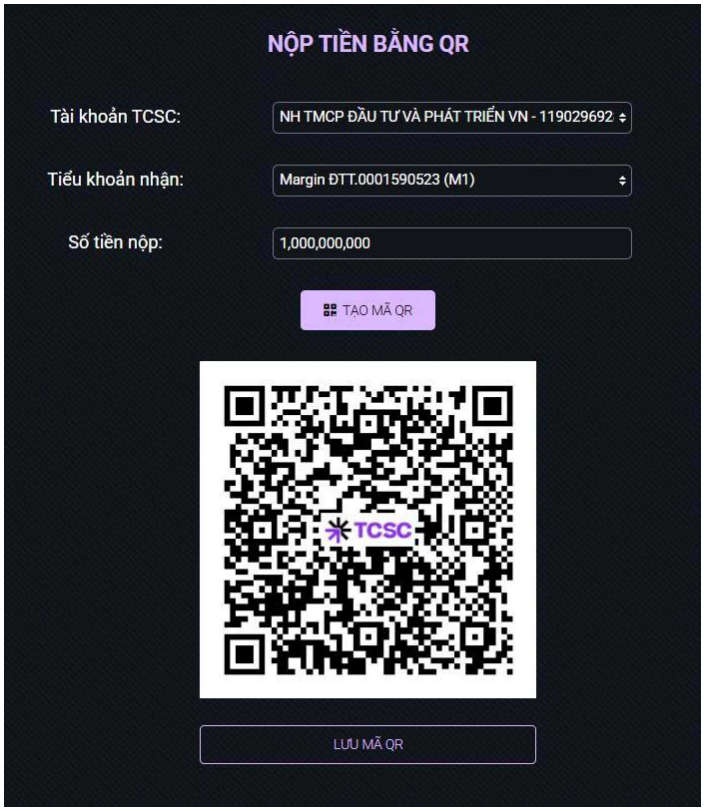

Hình: Giao diện Màn hình mã QR

Bước 4: Thực hiện quét mã QR trên app ngân hàng để chuyển tiền.

Lưu ý: Nếu muốn lưu mã QR về máy tính, nhấn **"Lưu mã QR"** để tải về máy.

3.3.7. Chuyển tiền

3.3.7.1. Chuyển tiền ra ngoài

Mô tả: Khách hàng có thể chuyển tiền ra ngoài theo số tài khoản ngân hàng, tên người nhận đã được khách hàng đăng ký trong hồ sơ đăng ký giao dịch trực tuyến. Nếu khách hàng chưa đăng ký trước thông tin tài khoản ngân hàng để thực hiện chuyển khoản ra bên ngoài thì hệ thống sẽ từ chối thực hiện yêu cầu này của khách hàng.

Để thực hiện được giao dịch chuyển khoản ra bên ngoài khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" =>"Thanh toán" => "Chuyển tiền" => "Chuyển tiền ra ngoài đã đăng ký trước".

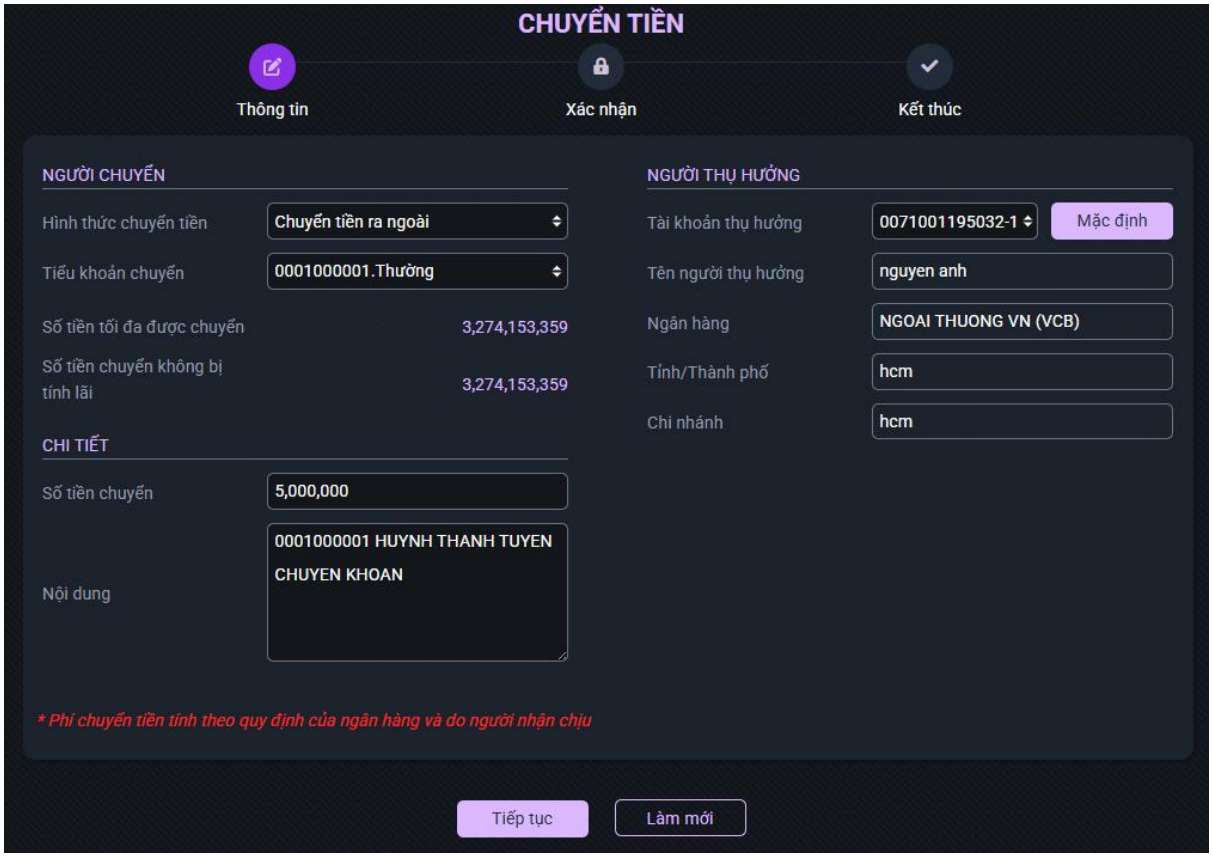

Hình: Màn hình chuyển tiền ra ngoài

Bước 2: Chọn số tiểu khoản thực hiện chuyển tiền ra ngoài. Các thông tin về tài khoản nhận tiền (người thụ hưởng) sẽ được hiển thị theo số tiểu khoản đã chọn.

Bước 3: Nhập số tiền chuyển thoả mãn điều kiện rút. Nhập Nội dung chuyển tiền (tối đa 200 ký tự).

Bước 4: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút “Làm mới” để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 5: Xác nhận thông tin chuyển khoản ra ngoài. Nhập mã OTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất chuyển tiền ra ngoài. Nhấn Quay lại để quay lại màn hình Thông tin.

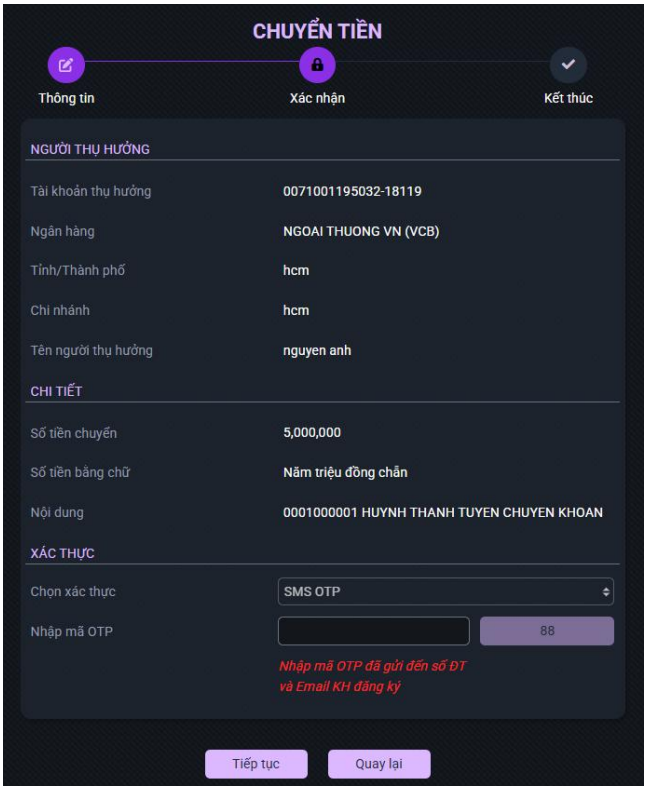

Hình: Màn hình xác nhận chuyển tiền ra ngoài

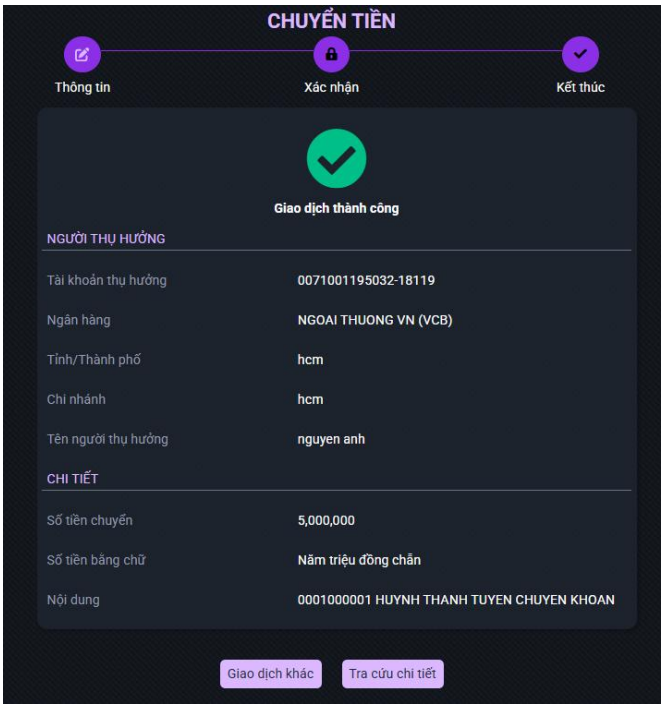

Hình: Màn hình kết thúc chuyển tiền ra ngoài

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch chuyển tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử chuyển tiền để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.3.7.2. Chuyển khoản nội bộ

Mô tả: Khách hàng có thể chuyển tiền giữa 2 tiểu khoản trong cùng 1 tài khoản.

Để thực hiện được giao dịch chuyển khoản nội bộ khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Thanh toán" => "Chuyển tiền"=> "Chuyển khoản nội bộ".

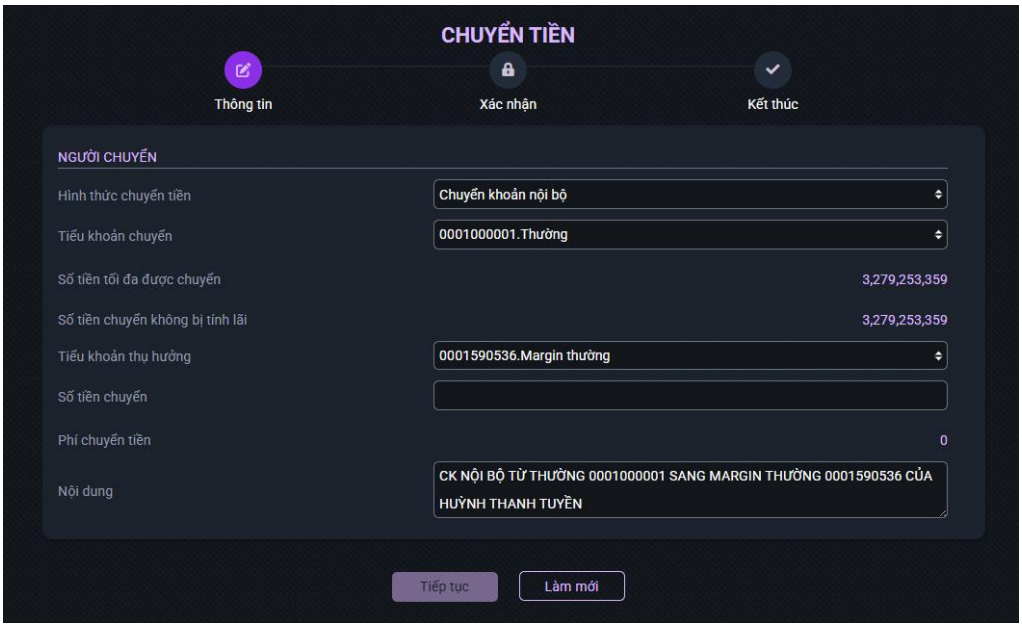

Hình: Màn hình chuyển khoản nội bộ

Bước 2:

- Chọn số tiểu khoản thực hiện chuyển.
- Chọn tiểu khoản thụ hưởng.

Bước 3: Nhập số tiền chuyển thoả mãn điều kiện < số tiền tối đa được chuyển. Nhập Nội dung chuyển tiền (tối đa 200 ký tự)

Bước 4: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển khoản. Nhấn nút “Làm mới” để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 5:

- Xác nhận thông tin chuyển khoản. Nhập mã OTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất chuyển khoản nội bộ. Nhấn Quay lại để quay lại màn hình Thông tin.

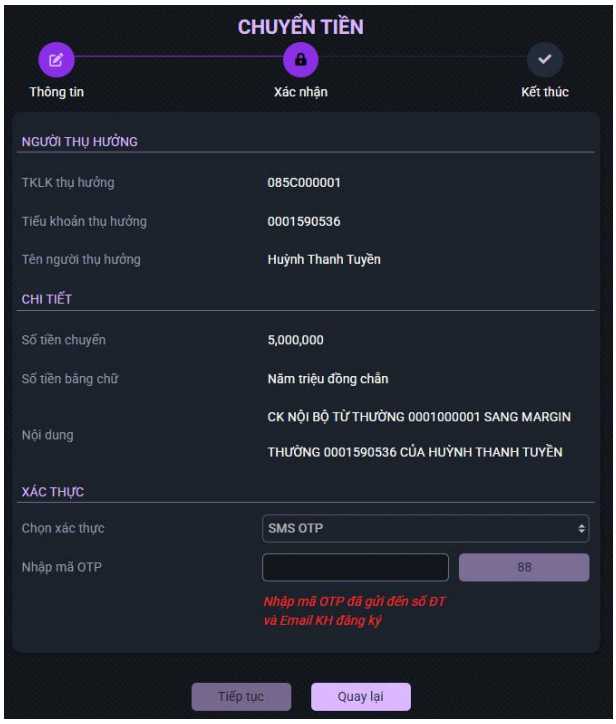

Hình: Màn hình xác nhận chuyển tiền nội bộ

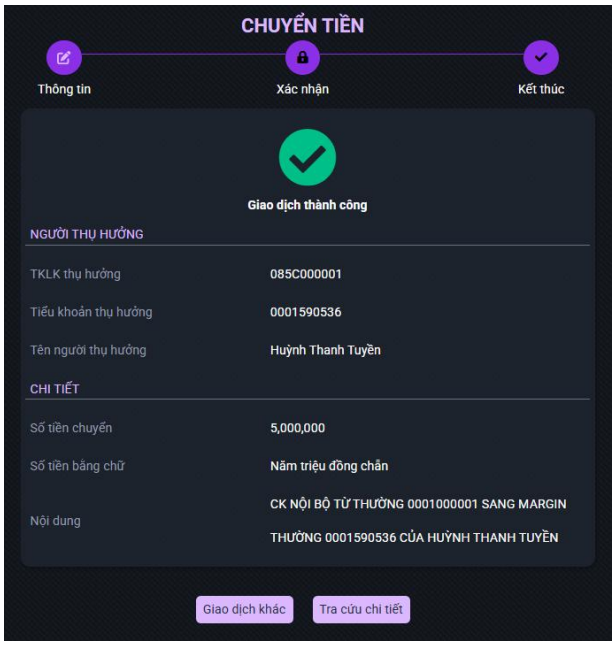

Hình: Màn hình kết thúc chuyển tiền nội bộ

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch chuyển tiền khác
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử chuyển tiền để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.3.8. Chuyển tiền trên sức mua

3.3.8.1. Chuyển tiền nội bộ trên sức mua

Mô tả: Khách hàng có thể chuyển tiền giữa 2 tiểu khoản trong cùng 1 tài khoản.

Để thực hiện được giao dịch chuyển khoản nội bộ khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Thanh toán" => "Chuyển tiền trên sức mua" => "Chuyển khoản nội bộ trên sức mua".

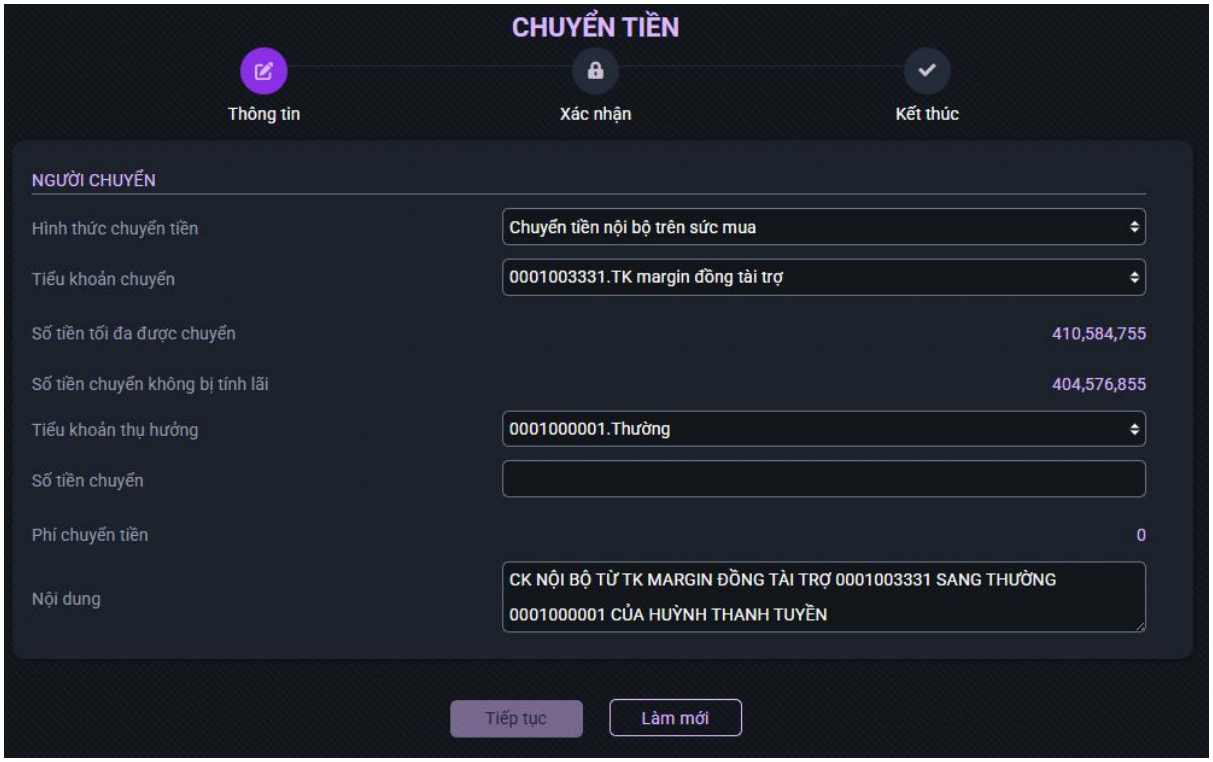

Hình: Màn hình chuyển khoản TK thường/TK margin

Bước 2:

- Chọn số tiểu khoản thực hiện chuyển.
- Chọn tiểu khoản thụ hưởng.

Bước 3: Nhập số tiền chuyển thoả mãn điều kiện < số tiền tối đa được chuyển. Nhập Nội dung chuyển tiền (tối đa 200 ký tự)

Bước 4: Nhấn nút "Tiếp tục" để thực hiện chuyển khoản. Nhấn nút "Làm mới" để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 5:

- Xác nhận thông tin chuyển khoản. Nhập mã OTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất chuyển khoản nội bộ. Nhấn Quay lại để quay lại màn hình Thông tin.

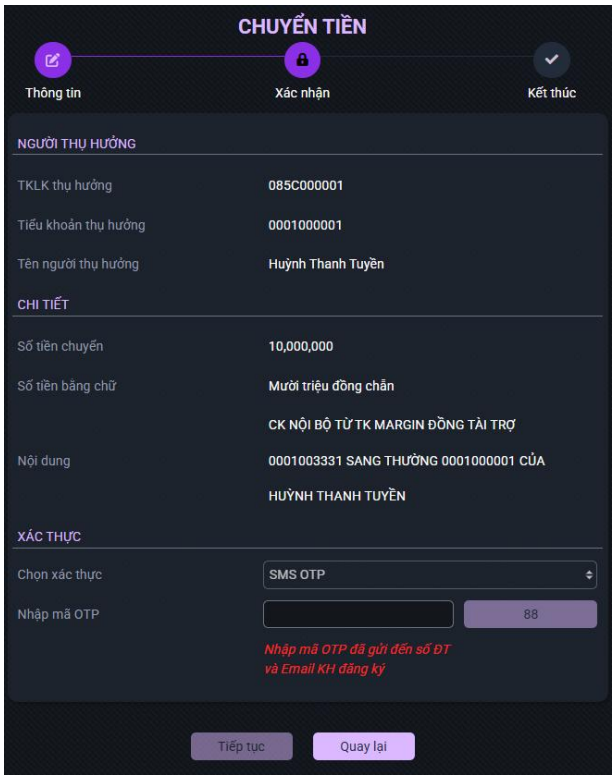

Hình: Màn hình xác nhận chuyển tiền nội bộ

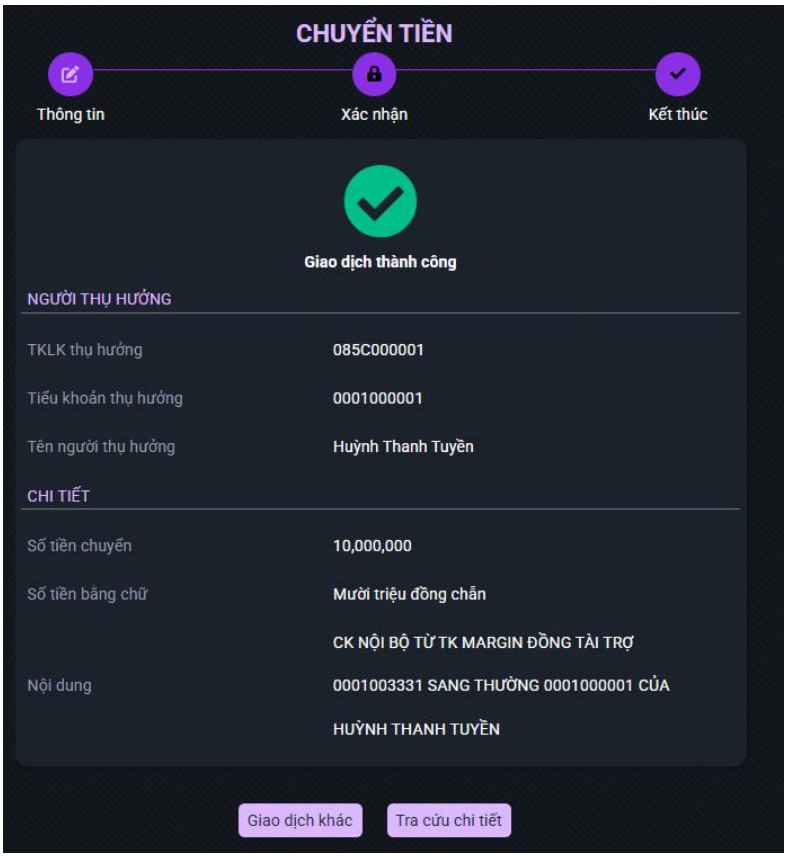

Hình: Màn hình kết thúc chuyển tiền nội bộ

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch chuyển tiền khác
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử chuyển tiền để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.3.8.2. Chuyển tiền ra ngoài trên sức mua

Mô tả: Khách hàng có thể chuyển tiền ra ngoài theo số tài khoản ngân hàng, tên người nhận đã được khách hàng đăng ký trong hồ sơ đăng ký giao dịch trực tuyến. Nếu khách hàng chưa đăng ký trước thông tin tài khoản ngân hàng để thực hiện chuyển khoản ra bên ngoài thì hệ thống sẽ từ chối thực hiện yêu cầu này của khách hàng.

Để thực hiện được giao dịch chuyển khoản ra bên ngoài khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Chuyển tiền trên sức mua” => “Chuyển tiền ra ngoài trên sức mua”.

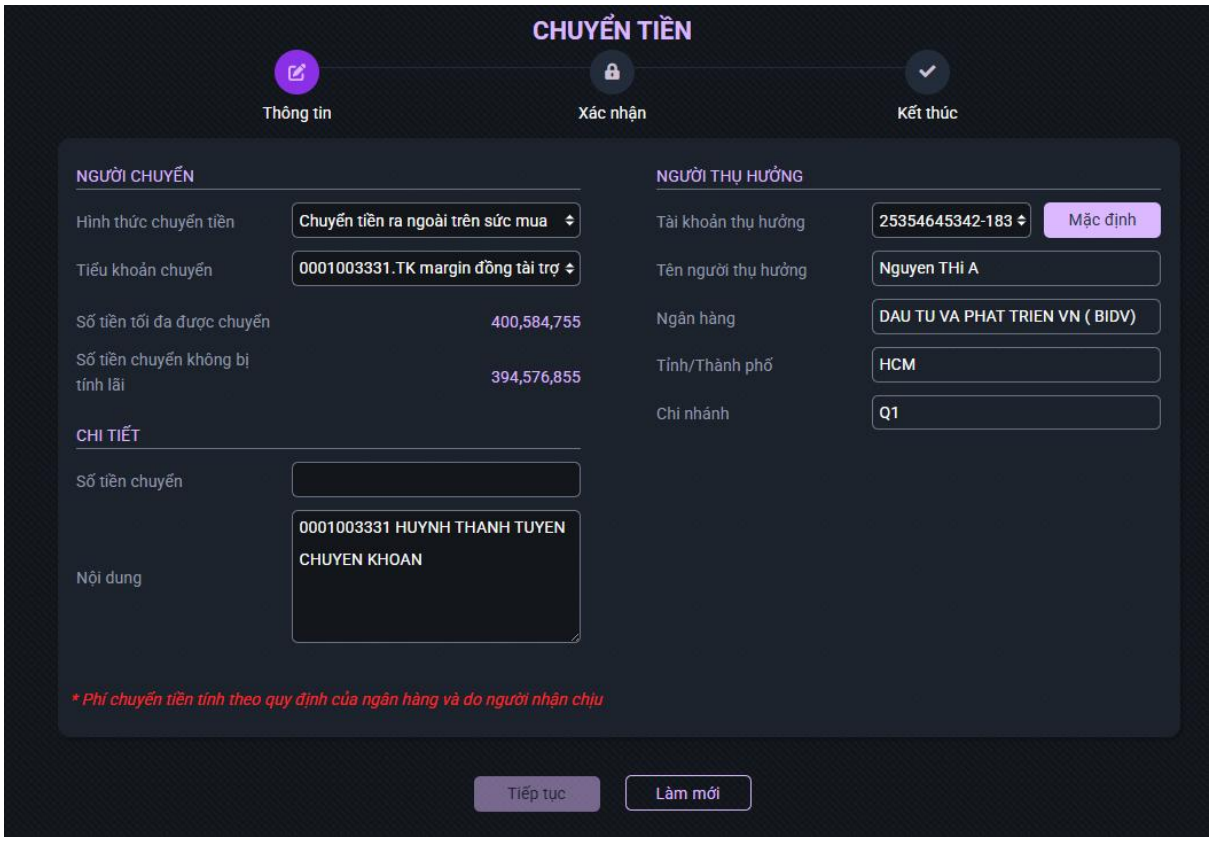

Hình: Màn hình chuyển tiền ra ngoài

Bước 2: Chọn số tiểu khoản thực hiện chuyển tiền ra ngoài. Các thông tin về tài khoản nhận tiền (người thụ hưởng) sẽ được hiển thị theo số tiểu khoản đã chọn.

Bước 3: Nhập số tiền chuyển thoả mãn điều kiện rút. Nhập Nội dung chuyển tiền (tối đa 200 ký tự).

Bước 4: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút “Làm mới” để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 5: Xác nhận thông tin chuyển khoản ra ngoài. Nhập mã OTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất chuyển tiền ra ngoài. Nhấn Quay lại để quay lại màn hình Thông tin.

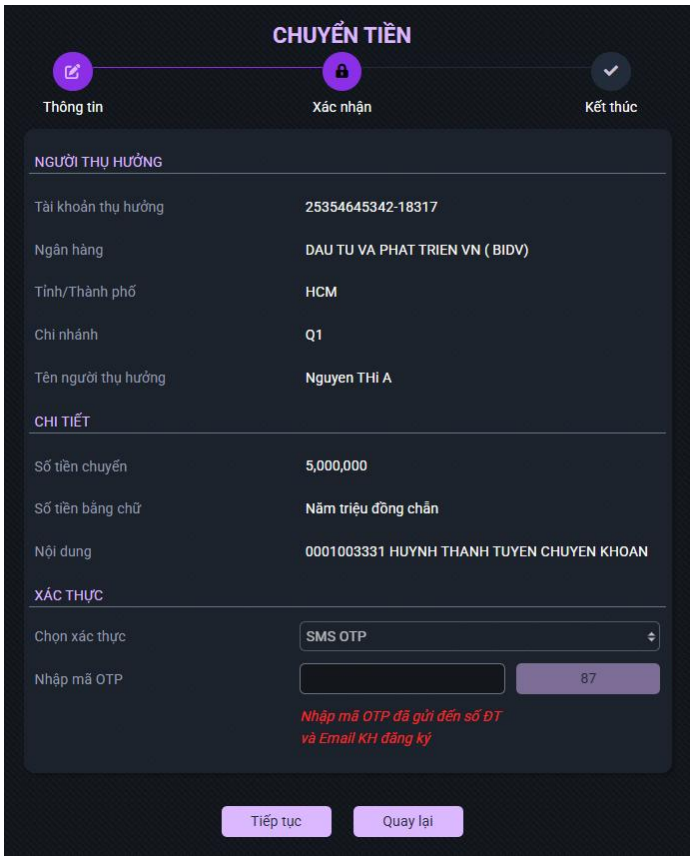

Hình: Màn hình xác nhận chuyển tiền ra ngoài

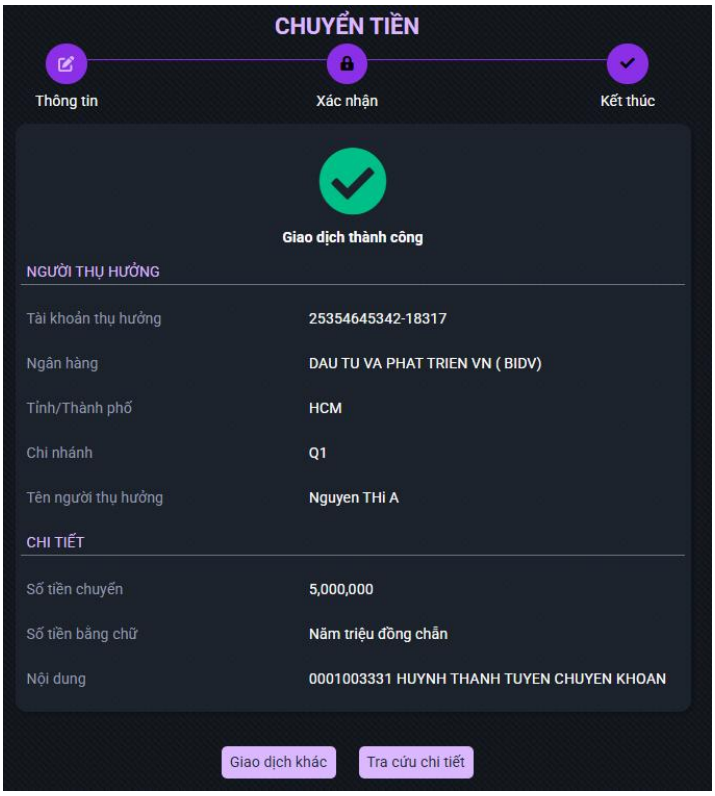

Hình: Màn hình kết thúc chuyển tiền ra ngoài

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch chuyển tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử chuyển tiền để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.3.9. Ứng trước tiền bán chứng khoán

Để thực hiện ứng trước khách hàng thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Ứng trước”.

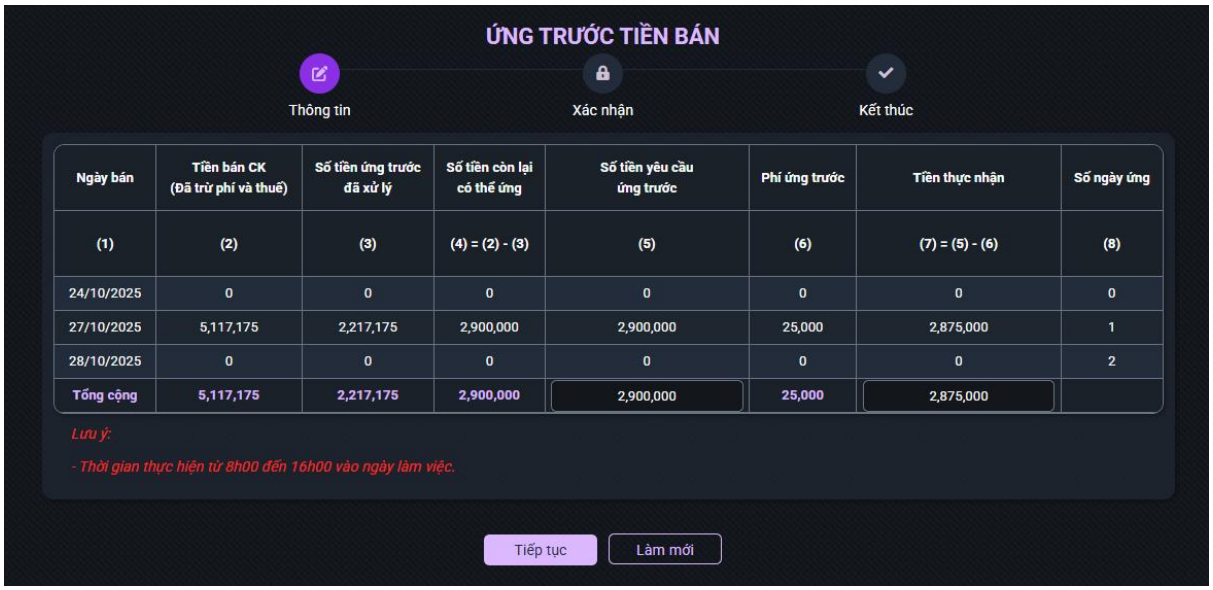

Hình: Màn hình ứng trước tiền bán chứng khoán

Bước 2: Nhập 1 trong 2 thông tin sau:

- Nhập Số tiền yêu cầu ứng trước: hệ thống tự tính phí ứng và số tiền ứng thực nhận.
- Nhập Tiền thực nhận: hệ thống tự tính phí ứng và Số tiền yêu cầu ứng trước

Bước 3: Xác nhận hoàn tất hoặc huỷ bỏ ứng trước

- Nhập mã OTP và nhấn Tiếp tục để hoàn tất ứng trước.
- Nhấn Làm mới để xoá thông tin đã nhập.

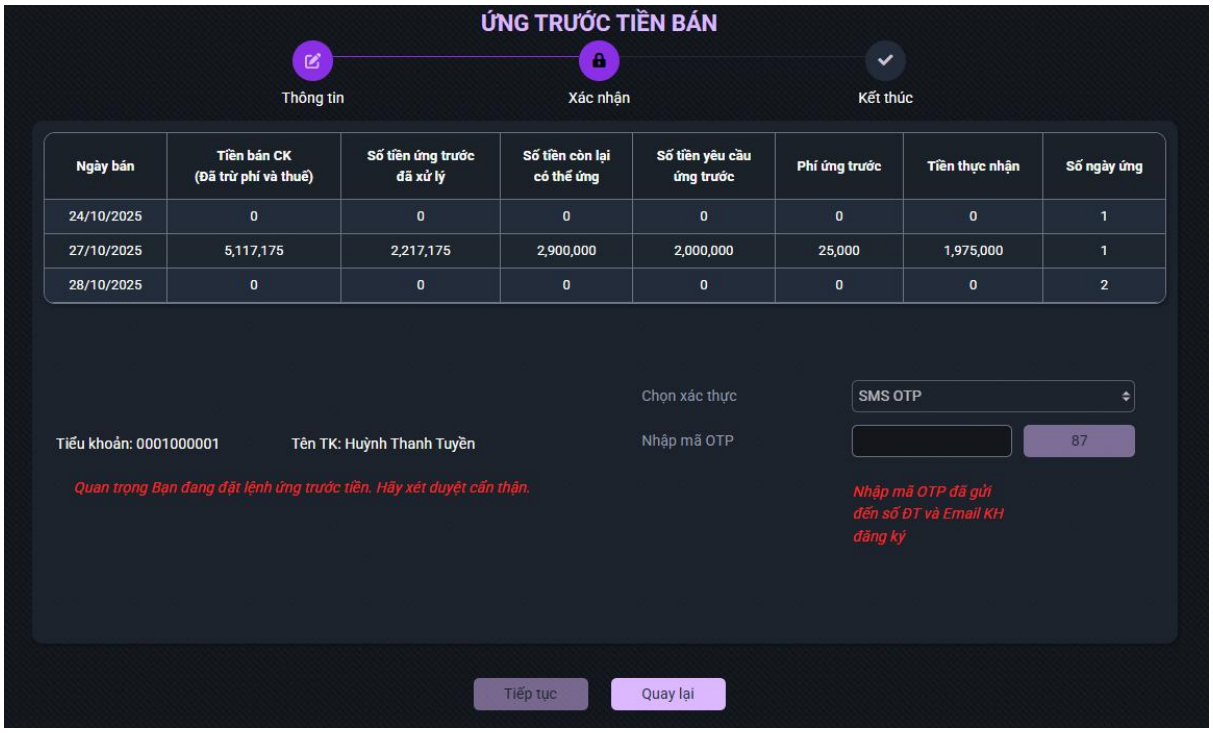

Hình: Màn hình xác nhận ứng trước

Hình: Màn hình kết thúc ứng trước

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin và thực hiện giao dịch ứng trước khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử ứng tiền để tra cứu giao dịch ứng tiền đã thực hiện.

3.3.10. Đăng ký quyền mua

Để thực hiện được giao dịch Đăng ký quyền mua khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Đăng ký quyền mua”

Hình: Danh sách quyền mua

Chọn quyền mua muốn xem thông tin chi tiết về đợt thực hiện quyền thì sẽ bấm "Xem" như hướng dẫn tại Hình, hệ thống sẽ hiển thị thông tin chi tiết về sự kiện quyền như Hình:

Hình: Thông tin chi tiết quyền mua

Bước 2: Để đăng ký quyền mua, Khách hàng sẽ nhấn nút "Đăng ký", hệ thống sẽ chuyển đến màn hình đăng ký thực hiện quyền mua chứng khoán.

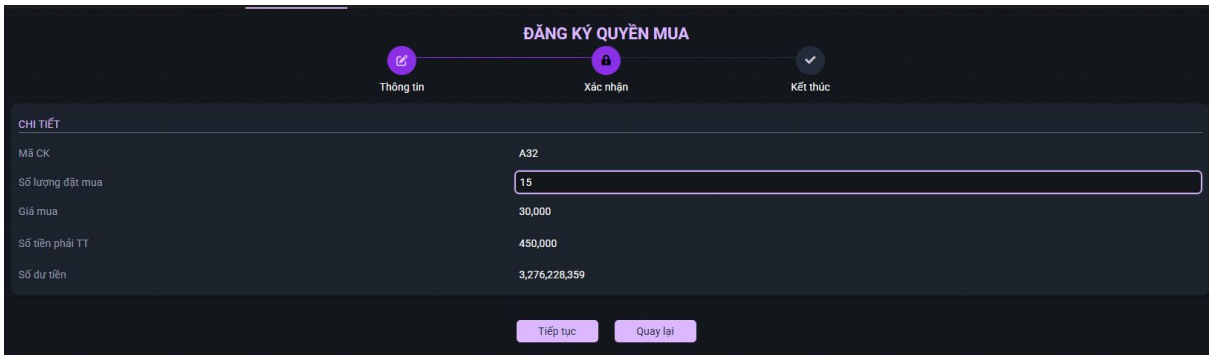

Hình: Màn hình đăng ký quyền mua

Bước 3: Khách hàng nhập các thông tin sau:

- Số lượng đặt mua: Khách hàng nhập số lượng chứng khoán muốn đăng ký mua, khách hàng có thể thực hiện đăng ký làm nhiều lần và được đăng ký tối đa bằng số lượng chứng khoán được mua trong thời gian còn hiệu lực.

- Nhấn Tiếp tục để hoàn tất đăng ký quyền mua.
- Nhấn Quay lại để quay lại màn hình Danh sách quyền mua.

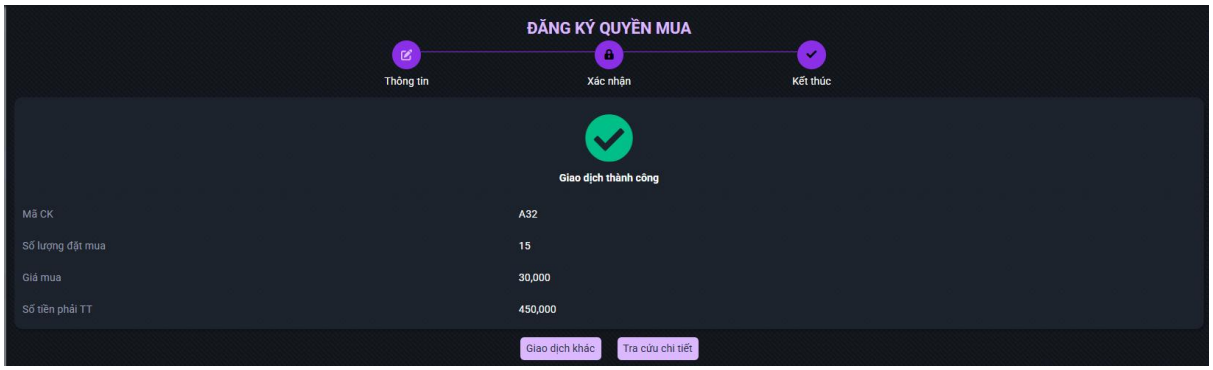

Hình: Màn hình hoàn tất đăng ký quyền mua

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình danh sách quyền mua
- Nhấn vào tiếp tục để thực hiện đăng ký tiếp theo

3.3.11. Xác nhận lệnh

Mô tả: Với khách hàng có lệnh chưa xác nhận, khi đăng nhập, hệ thống sẽ bắn thông báo cho khách hàng. Thông báo này của khách hàng sẽ hiển thị trong tab "Tài khoản" của chức năng Notify.

Để thực hiện xác nhận lệnh, khách hàng thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Thanh toán" => "Xác nhận lệnh".

Hình: Màn hình xác nhận lệnh

Bước 2: Nhập vào tiêu chí tìm kiếm hợp lệ => Nhấn "Tìm kiếm"

Bước 3: Chọn lệnh cần xác nhận hoặc có thể chọn tất cả lệnh => Nhấn "Xác nhận"

Bước 4:

- Nhập mã MÃ SMARTOTP/OTP và nhấn "Tiếp tục" để hoàn tất xác nhận lệnh hoặc nhấn "Quay lại" để quay lại màn hình xác nhận lệnh.

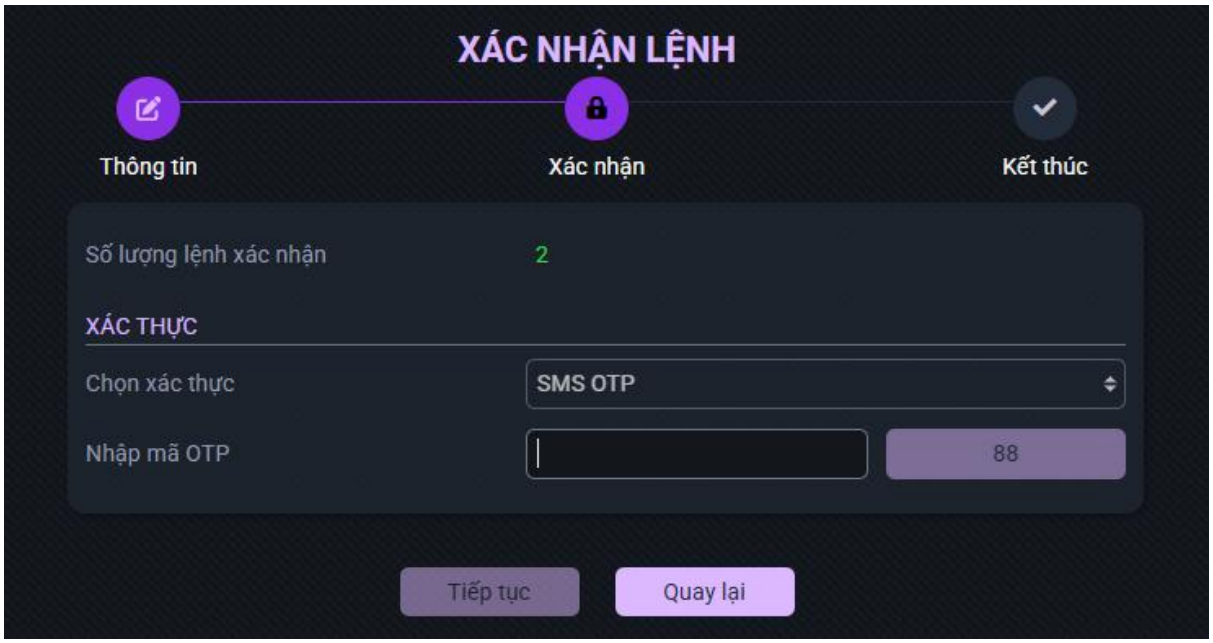

Hình: Màn hình xác nhận giao dịch

Hình: Màn hình kết thúc xác nhận lệnh

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình Thông tin Xác nhận lệnh.

3.3.12. Chuyển khoản chứng khoán nội bộ

Bước 1: Vào Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Thanh toán"=> "Chuyển khoản chứng khoán nội bộ"

Bước 2:

- Nhập số lượng.
- Nhấn tiếp tục.

Hình: Màn hình chuyển khoản chứng khoán nội bộ

Bước 3: Nhập mã MÃ SMARTOTP xác thực giao dịch

Hình: Màn hình xác nhận chuyển khoản chứng khoán nội bộ

Bước 4:

- Tra cứu lại giao dịch hoặc làm tiếp giao dịch mới

Hình: Màn hình hoàn tất chuyển khoản chứng khoán nội bộ

3.3.13. Gia hạn khoản vay ký quỹ

Mục đích: Dùng để gia hạn các khoản vay ký quỹ chưa có khả năng chi trả tránh chịu phí quá hạn.

Để gia hạn khoản vay ký quỹ, khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Gia hạn khoản vay ký quỹ”

Hình: Màn hình gian hạn khoản vay ký quỹ

Bước 2: Nhấn nút

để thực hiện gia hạn khoản vay

Hình: Màn hình xác nhận gia hạn khoản vay ký quỹ

Bước 3: Nhấn Tiếp tục để xác nhận gia hạn khoản vay

Hình: Màn hình kết thúc gia hạn khoản vay ký quỹ

3.3.14. Trả nợ

3.3.14.1. Trả nợ theo món

Để trả nợ theo món, khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Trả nợ” => “Trả nợ theo món”

Bước 2: Nhấn nút TRẢ NỢ để thực hiện trả nợ khoản vay

Bước 3: Nhấn

để xác nhận trả nợ

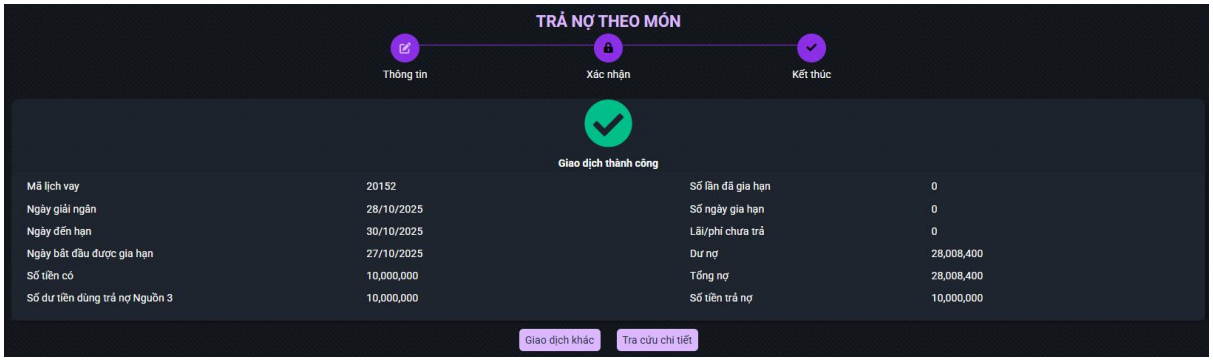

3.3.14.2. Trả nợ nguồn công ty

Để trả nợ, khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn “Tài khoản” => “Thanh toán” => “Trả nợ” => “Trả nợ nguồn công ty”

Bước 2: Nhập số tiền và nhấn nút Xác nhận để thực hiện trả nợ khoản vay

3.3.14.3. Trả nợ nguồn 3

Để trả nợ, khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Thanh toán" => "Trả nợ" => "Trả nợ nguồn 3"

Bước 2: Nhập số tiền và nhấn nút Xác nhận để thực hiện trả nợ khoản vay

3.3.15. Thông tin sự kiện quyền

Mục đích: Giúp khách hàng theo dõi các sự kiện quyền khách hàng đang nằm trong danh sách sở hữu (theo từng tiểu khoản)

Để tra cứu thông tin sự kiện quyền, khách hàng thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Tra cứu" => "Thông tin sự kiện quyền"

Mã CK	Loại sự kiện	Ngày chốt	Số lượng CK sở hữu	Tỷ lệ	Số lượng CK chờ về	Số tiền chờ về	Ngày thực hiện dự kiến	Trạng thái
Tổng						0		
VNM	Cổ phiếu thưởng	04/11/2025	93	200/10	4	0	17/11/2025	Hoàn tất phân bổ

Hình: Màn hình thông tin sự kiện quyền

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem lịch sử sự kiện quyền.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem lịch sử sự kiện quyền.
- Đã phân bổ: Chọn sự kiện quyền đã được phân bổ hoặc chưa được phân bổ.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Thông tin sự kiện quyền ra file Excel hoặc PDF.

3.3.16. Lịch sử lệnh

3.3.16.1. Lịch sử khớp lệnh

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Tra cứu" => "Lịch sử lệnh" => "Lịch sử khớp lệnh"

Số hiệu lệnh	Ngày	Mã CK	Loại GD	Loại lệnh	Loại khớp	Chi tiết giao dịch chứng khoán			% Phí GD	Phí	Thuế	Thuế cổ tức	Kênh đặt lệnh
						KL khớp	Giá khớp	GT khớp					
000032	06/10/2025	A32	Bán	LO		300	41,700	12,510,000	0.15	18,765	12,510	0	
000062	07/10/2025	CEO	Mua	LO		5,000	12,000	60,000,000	0.15	90,000	0	0	
000134	15/10/2025	VNL	Bán	LO		1,000	22,650	22,650,000	0.15	33,975	22,650	0	
000053	27/10/2025	AGR	Bán	LO		300	17,100	5,130,000	0.15	7,695	5,130	0	
000047	27/10/2025	ACB	Mua	MTL		300	26,950	8,085,000	0.15	12,128	0	0	
000167	28/10/2025	TCI	Mua	LO		200	10,800	2,160,000	0.15	3,240	0	0	
Tổng						7,100		110,535,000		165,803	40,290	0	

Hình: Màn hình Lịch sử khớp lệnh

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem..
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem..
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập
- Loại giao dịch: Chọn loại giao dịch của lệnh khớp: mua, bán, bán cầm cố.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

3.3.16.2. Lịch sử đặt lệnh

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Tra cứu" => "Lịch sử lệnh" => "Lịch sử giao dịch"

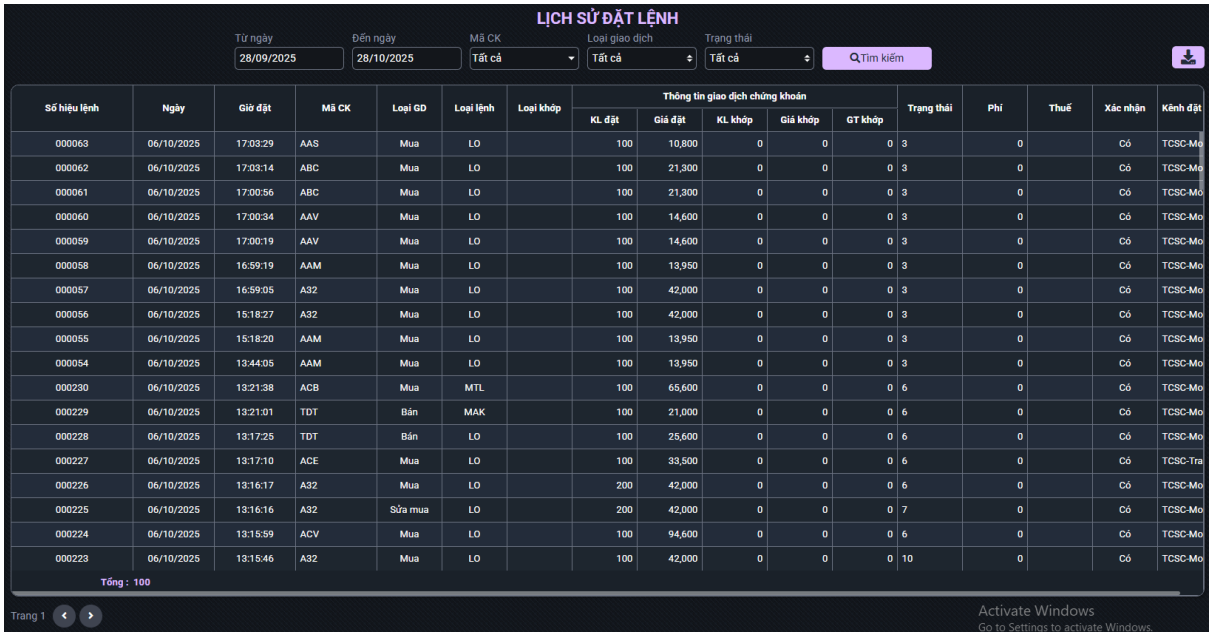

Số hiệu lệnh	Ngày	Giờ đặt	Mã CK	Loại GD	Loại lệnh	Loại khớp	Thông tin giao dịch chứng khoán					Trạng thái	Phí	Thuế	Xác nhận	Kênh đặt
							KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	GT khớp					
000063	06/10/2025	17:03:29	AAS	Mua	LO		100	10,800	0	0	0	3	0		Có	TCSC-Mo
000062	06/10/2025	17:03:14	ABC	Mua	LO		100	21,300	0	0	0	3	0		Có	TCSC-Mo
000061	06/10/2025	17:00:56	ABC	Mua	LO		100	21,300	0	0	0	3	0		Có	TCSC-Mo
000060	06/10/2025	17:00:34	AAV	Mua	LO		100	14,600	0	0	0	3	0		Có	TCSC-Mo
000059	06/10/2025	17:00:19	AAV	Mua	LO		100	14,600	0	0	0	3	0		Có	TCSC-Mo
000058	06/10/2025	16:59:19	AAM	Mua	LO		100	13,950	0	0	0	3	0		Có	TCSC-Mo
000057	06/10/2025	16:59:05	A32	Mua	LO		100	42,000	0	0	0	3	0		Có	TCSC-Mo
000056	06/10/2025	15:18:27	A32	Mua	LO		100	42,000	0	0	0	3	0		Có	TCSC-Mo
000055	06/10/2025	15:18:20	AAM	Mua	LO		100	13,950	0	0	0	3	0		Có	TCSC-Mo
000054	06/10/2025	13:44:05	AAM	Mua	LO		100	13,950	0	0	0	3	0		Có	TCSC-Mo
000230	06/10/2025	13:21:38	ACB	Mua	MTL		100	65,600	0	0	0	6	0		Có	TCSC-Mo
000229	06/10/2025	13:21:01	TDT	Bán	MAK		100	21,000	0	0	0	6	0		Có	TCSC-Mo
000228	06/10/2025	13:17:25	TDT	Bán	LO		100	25,600	0	0	0	6	0		Có	TCSC-Mo
000227	06/10/2025	13:17:10	ACE	Mua	LO		100	33,500	0	0	0	6	0		Có	TCSC-Tra
000226	06/10/2025	13:16:17	A32	Mua	LO		200	42,000	0	0	0	6	0		Có	TCSC-Mo
000225	06/10/2025	13:16:16	A32	Sửa mua	LO		200	42,000	0	0	0	7	0		Có	TCSC-Mo
000224	06/10/2025	13:15:59	ACV	Mua	LO		100	94,600	0	0	0	6	0		Có	TCSC-Mo
000223	06/10/2025	13:15:46	A32	Mua	LO		100	42,000	0	0	0	10	0		Có	TCSC-Mo

Hình: Màn hình Lịch sử đặt lệnh

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã đặt liên quan đến mã chứng khoán đã nhập
- Loại giao dịch: Chọn loại giao dịch của lệnh khớp: mua, bán, bán cầm cố.
- Trạng thái: Chọn trạng thái của lệnh đã đặt.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử giao dịch ra file Excel hoặc PDF.

3.3.16.3. Lịch sử lệnh điều kiện

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn tab Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Tra cứu" => "Lịch sử lệnh" => "Lịch sử lệnh điều kiện"

Loại lệnh	Loại GD	Tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	KL đã hủy	SHL gốc	Hiệu lực từ ngày	Hiệu lực đến ngày	Thời gian phát sinh	Mô tả lỗi
GTC	Mua	0001006584	AAV	100	7,000	Đã kích hoạt	0	0	003933	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 09:44:50	Giao dịch thực hiện thành công
STO	Bán	0001006584	TCI	200	7,920	Chờ xử lý	0	0	003935	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 09:45:40	
STO	Bán	0001006584	TCI	100	9,000	Đã kích hoạt	0	0	003934	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 09:45:40	

Hình: Màn hình lịch sử lệnh điều kiện

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- Trạng thái: Chọn trạng thái của lệnh đã đặt.
- Loại lệnh: Chọn loại lệnh của lệnh đã đặt.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử lệnh điều kiện ra file Excel hoặc PDF.

3.3.16.4. Lịch sử khớp lệnh thoả thuận

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn tab Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Tra cứu" => "Lịch sử lệnh" => "Lịch sử khớp thoả thuận"

Số hiệu lệnh	Ngày	Mã CK	Loại giao dịch	KL khớp	Giá khớp	GT khớp	Phí	Thuế
000062	07/10/2025	CEO	Mua	5,000	12,000	60,000,000	90,000	0

Hình: Màn hình Phiếu lệnh thoả thuận

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem phiếu lệnh thoả thuận.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem phiếu lệnh thoả thuận.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh thoả thuận liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.
- Loại giao dịch: Chọn loại giao dịch của lệnh thoả thuận: mua, bán.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất phiếu lệnh thoả thuận ra file Excel hoặc PDF.

3.3.17. Lịch sử GD tiền TKGD

3.3.17.1. Sao kê tiền

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Lịch sử GD tiền TKGD”

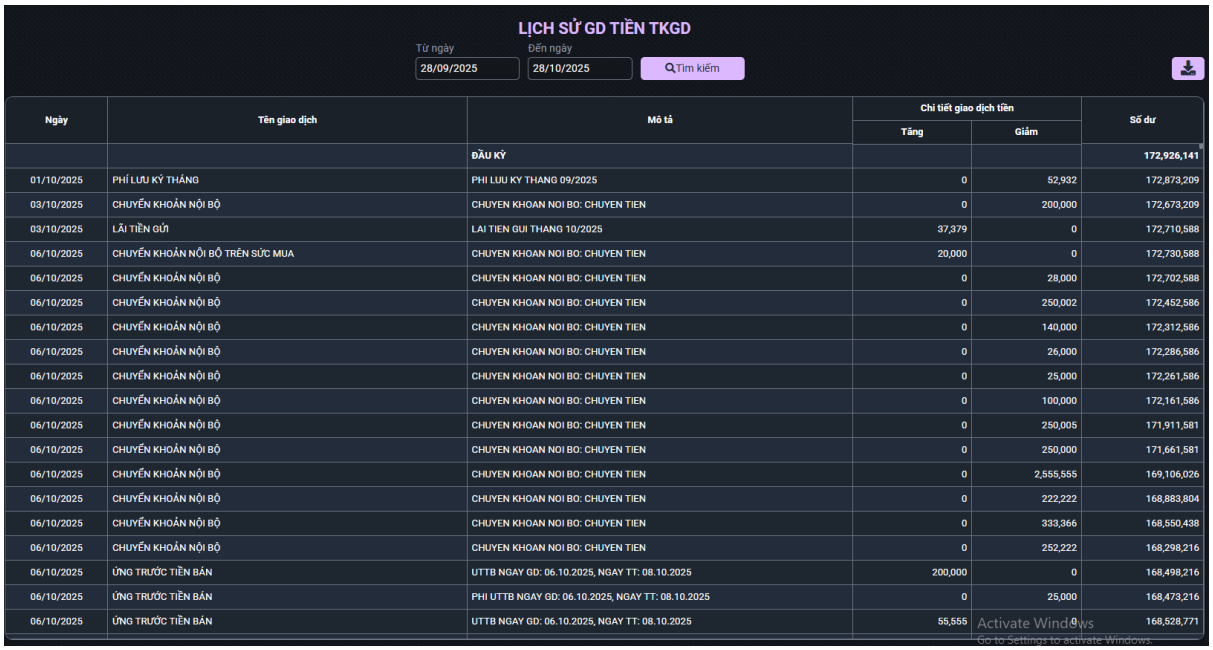

LỊCH SỬ GD TIỀN TKGD

Từ ngày 28/09/2025 Đến ngày 28/10/2025 Tìm kiếm

Ngày	Tên giao dịch	Mô tả	Chi tiết giao dịch tiền		Số dư
			Tăng	Giảm	
		ĐẦU KỲ			172,926,141
01/10/2025	PHÍ LƯU KÝ THÁNG	PHI LUU KY THANG 09/2025	0	52,932	172,873,209
03/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	0	200,000	172,673,209
03/10/2025	LÃI TIỀN GỬI	LAI TIEN GUI THANG 10/2025	37,379	0	172,710,588
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ TRÊN SỨC MUA	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	20,000	0	172,730,588
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	0	28,000	172,702,588
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	0	250,002	172,452,586
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	0	140,000	172,312,586
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	0	26,000	172,286,586
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	0	25,000	172,261,586
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	0	100,000	172,161,586
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	0	250,005	171,911,581
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	0	250,000	171,661,581
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	0	2,555,555	169,106,026
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	0	222,222	168,883,804
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	0	333,366	168,550,438
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYEN KHOAN NOI BO: CHUYEN TIEN	0	252,222	168,298,216
06/10/2025	ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN	UTTB NGAY GD: 06.10.2025, NGAY TT: 08.10.2025	200,000	0	168,498,216
06/10/2025	ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN	PHI UTTB NGAY GD: 06.10.2025, NGAY TT: 08.10.2025	0	25,000	168,473,216
06/10/2025	ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN	UTTB NGAY GD: 06.10.2025, NGAY TT: 08.10.2025	55,555	0	168,528,771

Hình: Màn hình Sao kê tiền

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem sao kê tiền.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem sao kê tiền.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất sao kê tiền ra file Excel hoặc PDF.

3.3.17.2. Sao kê chứng khoán

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Sao kê chứng khoán”

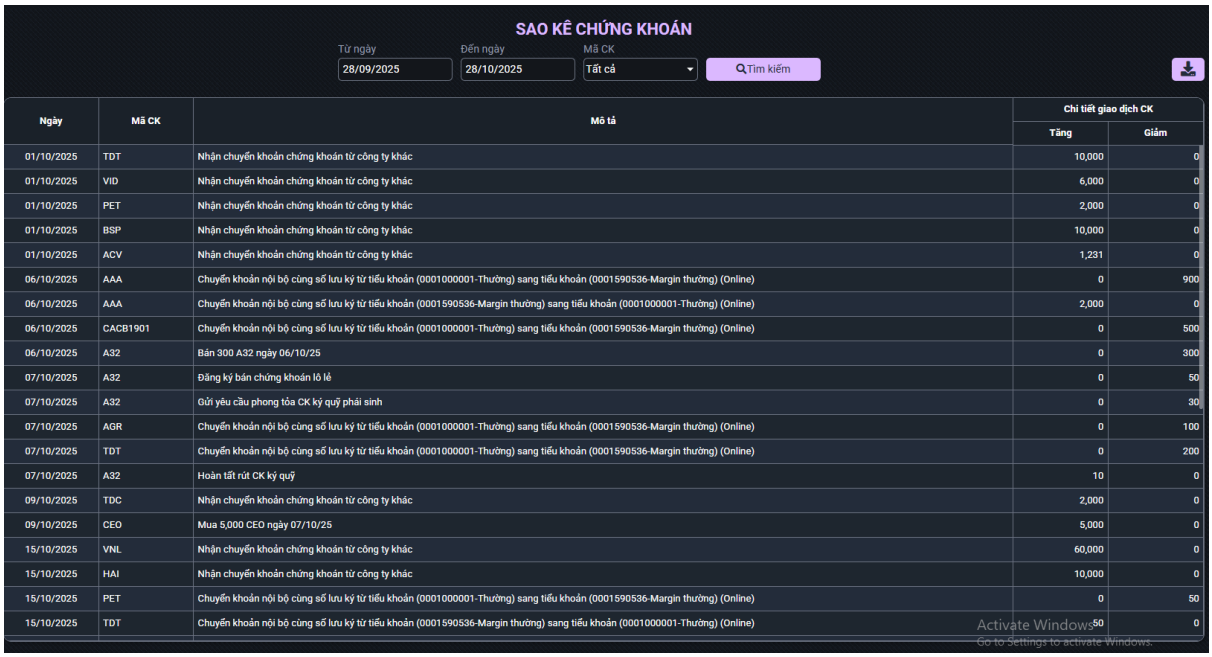

SAO KÊ CHỨNG KHOÁN

Từ ngày 28/09/2025 | Đến ngày 28/10/2025 | Mã CK Tất cả | Tìm kiếm

Ngày	Mã CK	Mô tả	Chi tiết giao dịch CK	
			Tăng	Giảm
01/10/2025	TDT	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	10,000	0
01/10/2025	VID	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	6,000	0
01/10/2025	PET	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	2,000	0
01/10/2025	BSP	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	10,000	0
01/10/2025	ACV	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	1,231	0
06/10/2025	AAA	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thường) (Online)	0	900
06/10/2025	AAA	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001590536-Margin thường) sang tiểu khoản (0001000001-Thường) (Online)	2,000	0
06/10/2025	CACB1901	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thường) (Online)	0	500
06/10/2025	A32	Bán 300 A32 ngày 06/10/25	0	300
07/10/2025	A32	Đăng ký bán chứng khoán lô lẻ	0	50
07/10/2025	A32	Gửi yêu cầu phong tỏa CK ký quỹ phái sinh	0	30
07/10/2025	AGR	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thường) (Online)	0	100
07/10/2025	TDT	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thường) (Online)	0	200
07/10/2025	A32	Hoàn tất rút CK ký quỹ	10	0
09/10/2025	TDC	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	2,000	0
09/10/2025	CEO	Mua 5,000 CEO ngày 07/10/25	5,000	0
15/10/2025	VNL	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	60,000	0
15/10/2025	HAI	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	10,000	0
15/10/2025	PET	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thường) (Online)	0	50
15/10/2025	TDT	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001590536-Margin thường) sang tiểu khoản (0001000001-Thường) (Online)	50	0

Hình: Màn hình Sao kê chứng khoán

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem sao kê chứng khoán.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem sao kê chứng khoán.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì để tra cứu sao kê liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất sao kê chứng khoán ra file Excel hoặc PDF.

3.3.18. Lịch sử giao dịch thanh toán

3.3.18.1. Lịch sử chuyển tiền

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch thanh toán” => “Lịch sử chuyển tiền”

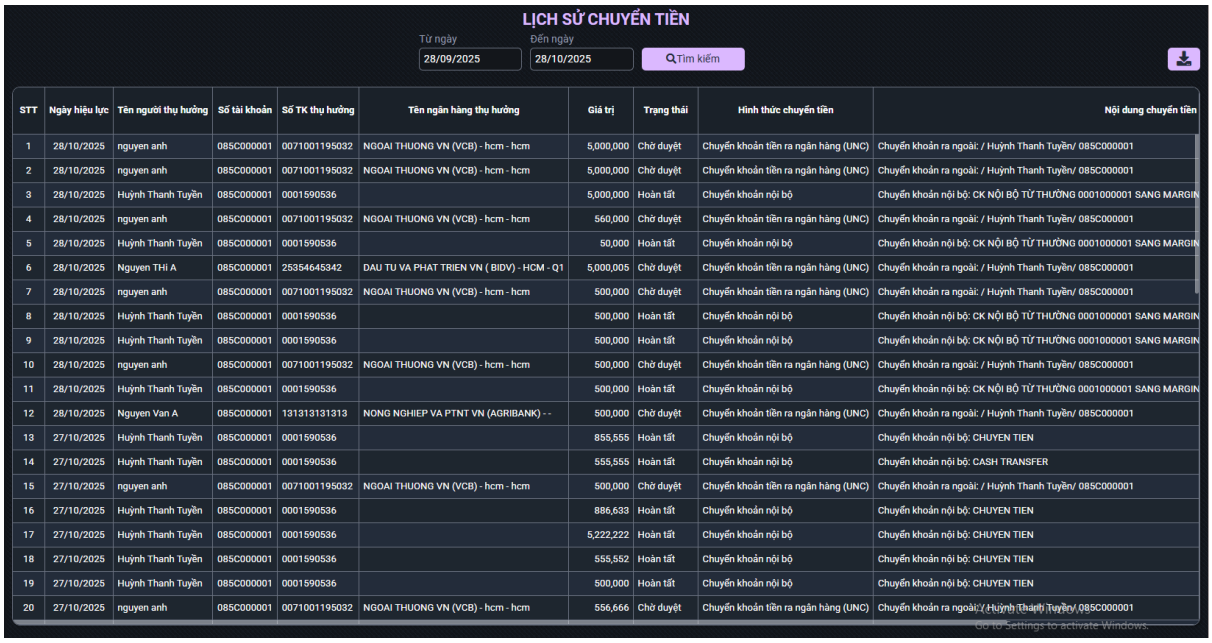

LỊCH SỬ CHUYỂN TIỀN

Từ ngày 28/09/2025 Đến ngày 28/10/2025 Tìm kiếm

STT	Ngày hiệu lực	Tên người thụ hưởng	Số tài khoản	Số TK thụ hưởng	Tên ngân hàng thụ hưởng	Giá trị	Trạng thái	Hình thức chuyển tiền	Nội dung chuyển tiền
1	28/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	5,000,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
2	28/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	5,000,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
3	28/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		5,000,000	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CK NỘI BỘ TỪ THƯỜNG 0001000001 SANG MARGIN
4	28/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	560,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
5	28/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		50,000	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CK NỘI BỘ TỪ THƯỜNG 0001000001 SANG MARGIN
6	28/10/2025	Nguyen THi A	085C000001	253546445342	DAU TU VA PHAT TRIEN VN (BIDV) - HCM - Q1	5,000,005	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
7	28/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	500,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
8	28/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		500,000	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CK NỘI BỘ TỪ THƯỜNG 0001000001 SANG MARGIN
9	28/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		500,000	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CK NỘI BỘ TỪ THƯỜNG 0001000001 SANG MARGIN
10	28/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	500,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
11	28/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		500,000	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CK NỘI BỘ TỪ THƯỜNG 0001000001 SANG MARGIN
12	28/10/2025	Nguyen Van A	085C000001	131313131313	NONG NGHIEP VA PTNT VN (AGRIBANK) - -	500,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
13	27/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		855,555	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN
14	27/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		555,555	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CASH TRANSFER
15	27/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	500,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
16	27/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		886,633	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN
17	27/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		5,222,222	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN
18	27/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		555,552	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN
19	27/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		500,000	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN
20	27/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	556,666	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001

Hình: Màn hình Lịch sử chuyển tiền

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem lịch sử chuyển tiền.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem lịch sử chuyển tiền.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất lịch sử chuyển tiền ra file Excel hoặc PDF.

3.3.18.2. Lịch sử ứng trước

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch thanh toán” => “Lịch sử ứng trước”

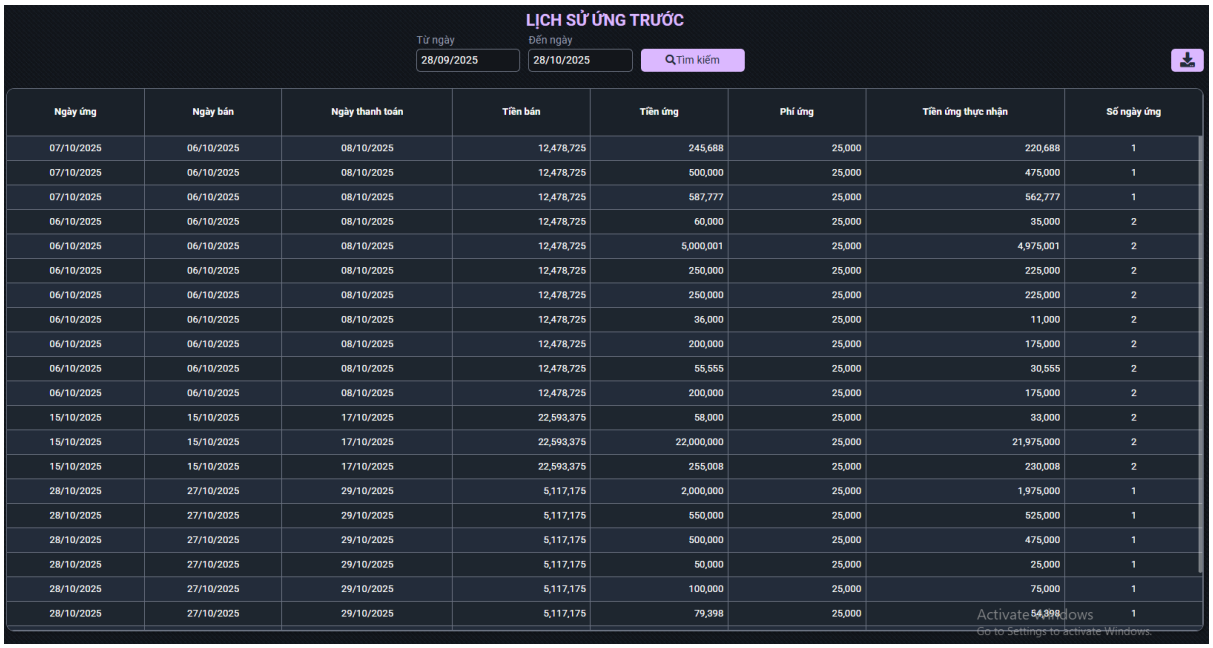

Ngày ứng	Ngày bán	Ngày thanh toán	Tiền bán	Tiền ứng	Phí ứng	Tiền ứng thực nhận	Số ngày ứng
07/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	245,688	25,000	220,688	1
07/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	500,000	25,000	475,000	1
07/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	587,777	25,000	562,777	1
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	60,000	25,000	35,000	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	5,000,001	25,000	4,975,001	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	250,000	25,000	225,000	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	250,000	25,000	225,000	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	36,000	25,000	11,000	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	200,000	25,000	175,000	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	55,555	25,000	30,555	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	200,000	25,000	175,000	2
15/10/2025	15/10/2025	17/10/2025	22,593,375	58,000	25,000	33,000	2
15/10/2025	15/10/2025	17/10/2025	22,593,375	22,000,000	25,000	21,975,000	2
15/10/2025	15/10/2025	17/10/2025	22,593,375	255,008	25,000	230,008	2
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	2,000,000	25,000	1,975,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	550,000	25,000	525,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	500,000	25,000	475,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	50,000	25,000	25,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	100,000	25,000	75,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	79,398	25,000	54,398	1

Hình: Màn hình Lịch sử ứng trước

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem lịch sử ứng trước.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem lịch sử ứng trước.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất lịch sử ứng tiền ra file Excel hoặc PDF.

3.3.18.3. Lịch sử đăng ký quyền mua

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Tra cứu" => "Lịch sử giao dịch chứng khoán" => "Lịch sử đăng ký quyền mua".

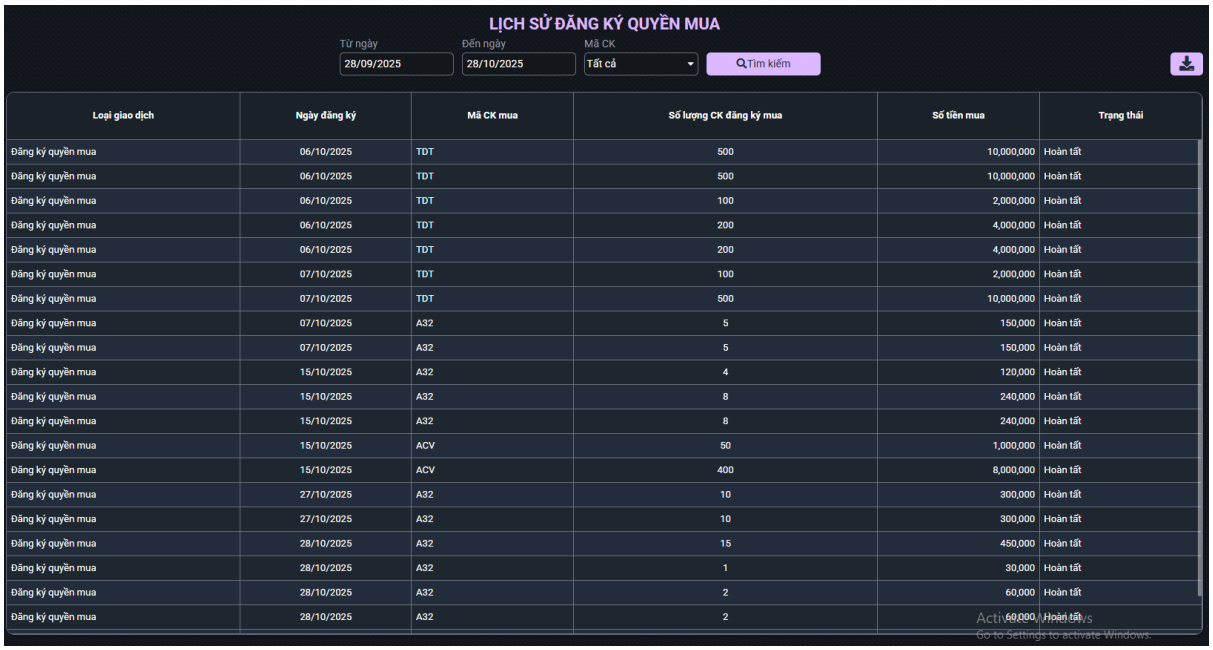

Loại giao dịch	Ngày đăng ký	Mã CK mua	Số lượng CK đăng ký mua	Số tiền mua	Trạng thái
Đăng ký quyền mua	06/10/2025	TDT	500	10,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	06/10/2025	TDT	500	10,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	06/10/2025	TDT	100	2,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	06/10/2025	TDT	200	4,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	06/10/2025	TDT	200	4,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	07/10/2025	TDT	100	2,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	07/10/2025	TDT	500	10,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	07/10/2025	A32	5	150,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	07/10/2025	A32	5	150,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	15/10/2025	A32	4	120,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	15/10/2025	A32	8	240,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	15/10/2025	A32	8	240,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	15/10/2025	ACV	50	1,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	15/10/2025	ACV	400	8,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	27/10/2025	A32	10	300,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	27/10/2025	A32	10	300,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	28/10/2025	A32	15	450,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	28/10/2025	A32	1	30,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	28/10/2025	A32	2	60,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	28/10/2025	A32	2	60,000	Hoàn tất

Hình: Màn hình Lịch sử đăng ký quyền mua

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử đăng ký quyền mua.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử đăng ký quyền mua.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì để tra cứu Lịch sử đăng ký quyền mua liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất lịch sử đăng ký quyền mua ra file Excel hoặc PDF.

3.3.18.4. Lịch sử bán chứng khoán lô lẻ

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Tra cứu" => "Lịch sử giao dịch chứng khoán" => "Lịch sử bán chứng khoán lô lẻ".

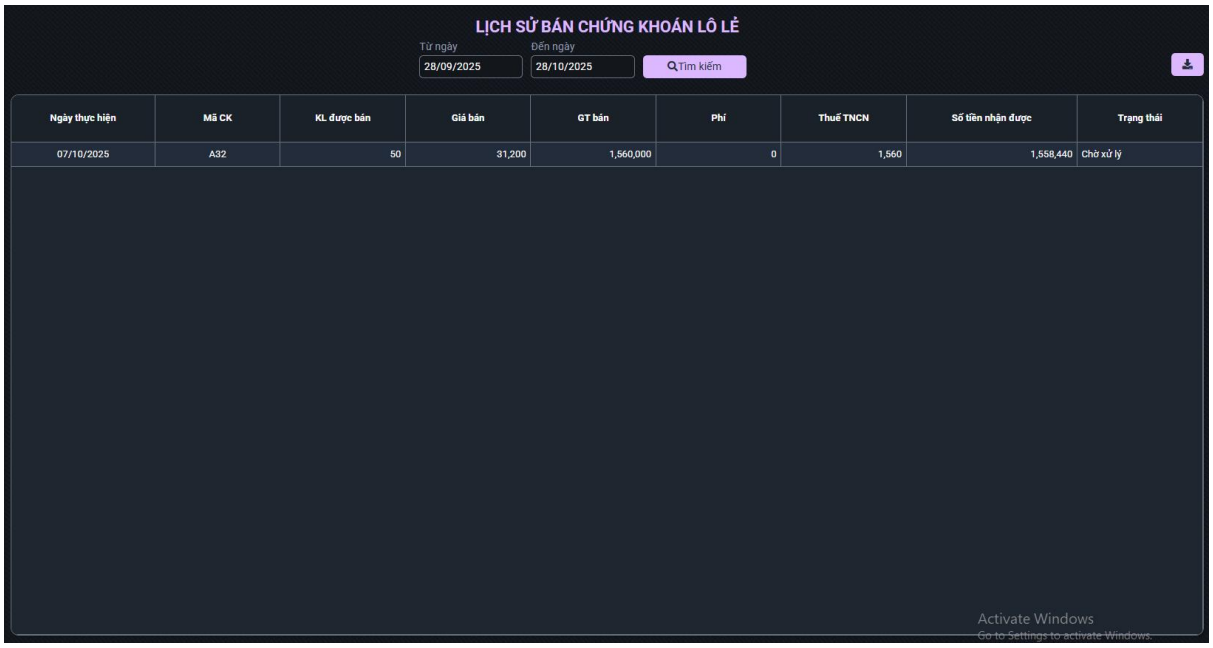

Hình: Màn hình Lịch sử bán chứng khoán lô lẻ

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử bán chứng khoán lô lẻ.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử bán chứng khoán lô lẻ.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất lịch sử bán chứng khoán lô lẻ ra file Excel hoặc PDF.

3.3.18.5. Lịch sử gia hạn khoản vay ký quỹ

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn tab Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Tra cứu" => "Lịch sử giao dịch chứng khoán" => "Lịch sử gia hạn khoản vay ký quỹ".

Hình: Màn hình lịch sử gia hạn khoản vay ký quỹ

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử gia hạn khoản vay ký quỹ.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử gia hạn khoản vay ký quỹ.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất lịch sử thanh toán nợ ký quỹ ra file Excel hoặc PDF.

3.3.18.6. Lịch sử thanh toán nợ ký quỹ

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản cơ sở" => "Tra cứu" => "Lịch sử giao dịch chứng khoán" => "Lịch sử thanh toán nợ ký quỹ".

Ngày nợ	Phát sinh nợ	Ngày trả nợ	Trả nợ	Trả lãi	Số ngày	Lãi suất
10/09/2025	30,875,489	07/10/2025	16,860,212	400,654	65	13.14
Tổng cộng			16,860,212	400,654		

Hình: Màn hình Lịch sử thanh toán nợ ký quỹ

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử thanh toán nợ ký quỹ.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử thanh toán nợ ký quỹ.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất lịch sử thanh toán nợ ký quỹ ra file Excel hoặc PDF.

3.3.19. Tra cứu danh mục ký quỹ

Tra cứu danh mục ký quỹ hiển thị các thông tin như sau:

- Mã CK
- Tỷ lệ tính tài sản
- Tỷ lệ cho vay
- Gía tính tài sản
- Gía tính cho vay

TRA CỨU DANH MỤC KÝ QUỸ

Mã CK	Tỷ lệ tính tài sản	Tỷ lệ cho vay	Giá tính tài sản	Giá tính cho vay
PVT	30	30	17,600	17,600
ASP	50	40	4,900	4,900
SRF	30	30	7,770	7,770
NT2	40	40	23,600	23,600
DHC	40	40	33,250	33,250
D2D	40	40	35,350	35,350
AAM	40	30	7,190	7,190
MSN	35	35	79,200	79,200
PNJ	50	50	89,400	89,400
PDR	50	50	20,000	20,000
BSI	30	30	41,800	41,800
CCL	20	20	6,450	6,450
MBB	50	50	23,700	23,700
CAV	30	30	59,000	59,000
TCB	50	50	35,000	35,000
VCI	40	40	36,600	36,600
AST	40	40	73,100	73,100
PHR	40	40	55,400	55,400
ASM	50	50	6,890	6,890
PGD	30	30	24,400	24,400
ACC	50	50	13,350	13,350
DHG	50	50	103,500	103,500
ACL	40	40	12,000	12,000

3.3.20. Sản phẩm

Trang hiển thị các thông tin về các sản phẩm của Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công.

Các thông số:

- Tài khoản sử dụng
- Số ngày miễn lãi
- Lãi suất sau thời gian miễn lãi
- Nguồn dư nợ được miễn lãi
- Phí giao dịch
- Hạn mức giao dịch

Sản phẩm TCI-M5

SẢN PHẨM TCI-M5

Thông số	Nội dung
Tài khoản sử dụng	Tiểu khoản MGTT hoặc MGĐTT
05 ngày đầu tiên (kể từ ngày giải ngân)	6%
Lãi suất từ ngày T+6 đến Tn	14.5%
Nguồn dư nợ áp dụng	Áp dụng đối với nguồn dư nợ giải ngân từ TCSC
Phí giao dịch	0.1%
Phí ƯT	13.25%
Hạn mức dư nợ	Theo hạn mức được duyệt trên tài khoản

Sản phẩm TCI-M9

SẢN PHẨM TCI-M9

Thông số	Nội dung
Tài khoản sử dụng	Tiểu khoản MGTT hoặc MGĐTT
09 ngày đầu tiên (kể từ ngày giải ngân)	6%
Lãi suất từ ngày T+10 đến Tn	17%
Nguồn dư nợ áp dụng	Áp dụng đối với nguồn dư nợ giải ngân từ TCSC
Phí giao dịch	0.1%
Phí ƯT	13.25%
Hạn mức dư nợ	Theo hạn mức được duyệt trên tài khoản

3.4. Tài khoản phái sinh

3.4.1. Tổng hợp tài sản

Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Tổng hợp tài sản

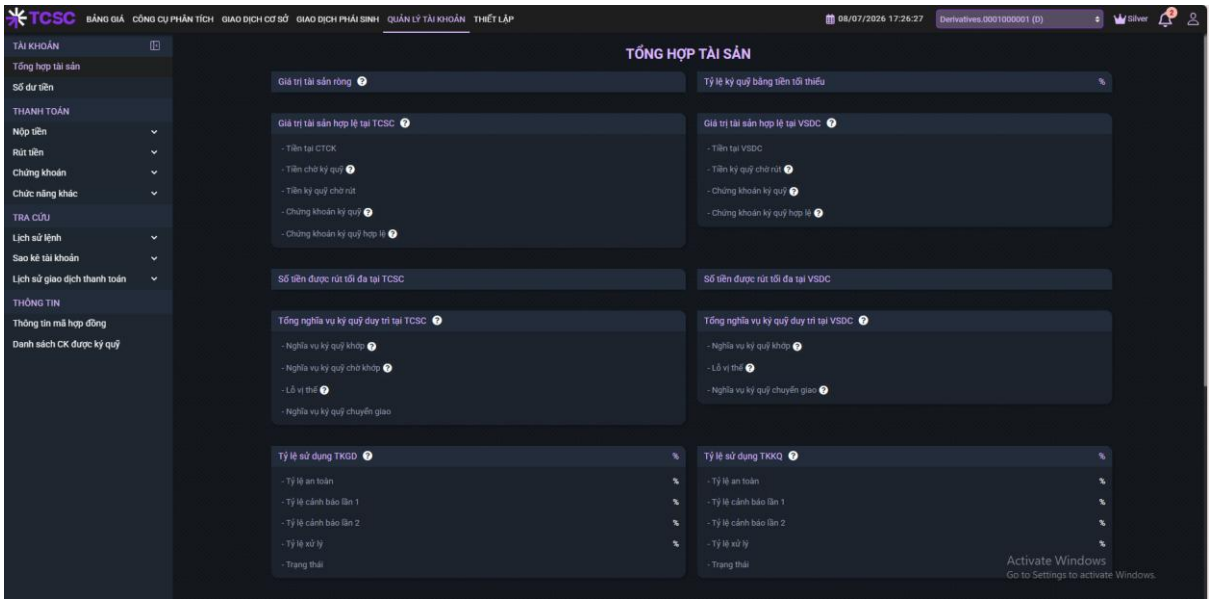

Hình: Màn hình tổng hợp tài sản

STT	Tên trường	Diễn giải
1.	**Giá trị tài sản ròng**	Tiền tại CTCK – Tổng số Tiền chậm trả – Tổng giá trị Phí,thuế + Tiền tại VSDC + Tiền chờ ký quỹ + Tiền ký quỹ chờ rút + Chứng khoán ký quỹ hợp lệ + Lãi vị thế hoặc – Lỗ vị thế
2.	**Giá trị tài sản hợp lệ tại TSCS**	Các chứng khoán được làm tài sản ký quỹ và qui định tỷ trọng tối thiểu của tiền mặt. Tiền tại VSD + Min (Chứng khoán ký quỹ, (1- Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ) * (Max (0, Tiền tại VSDC)/ Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ))
3.	Tiền tại CTCK	Số dư tiền tại công ty chứng khoán
4.	Tiền chờ ký quỹ	Tiền đã nộp ký quỹ nhưng chưa được VSD duyệt
5.	Tiền chờ rút	Tiền chờ rút (chuyển tiền ra tài khoản ngân hàng)
6.	Chứng khoán ký quỹ	Tổng số dư chứng khoán ký quỹ qui đổi: Số lượng * Giá tham chiếu * (1-Tỷ lệ giảm trừ) của các HĐ **TA =** $\sum \mathbf{Q_i} * \mathbf{Min}(\mathbf{P_i}; \mathbf{P_{Max\ i}})$ *** (1- Haircut)** - Haircut: Tỷ lệ giảm tài sản giảm trừ, nếu dùng tài sản làm cọc ký quĩ mở vị thế - Q_i: Khối lượng chứng khoán cơ sở đã ký quỹ trên CCP - P_i: Giá định giá làm TSĐB từng mã CK đảm bảo i - P_{max_i}: Giá tối đa của chứng khoán cơ sở được phép định giá làm TSĐB
7.	Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	Min (Chứng khoán ký quỹ, (1-Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ) * Max (0, Tiền tại VSD)/ Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ)) = $\min(\mathrm{TA}, (1-\mathrm{h}) * \frac{Max(0, IMcash)}{\mathrm{h}}$

STT	Tên trường	Diễn giải
8.	**Số tiền được rút tối đa tại TCSC**	$= \text{Max}\left(0, \text{Min}\left(TV_{cash} - \frac{RMA_{ccp} + RMO_{ccp}}{R_{atccp}} + Min\left(TA;\ (1-h) * \frac{RMA_{ccp} + RMO_{ccp}}{R_{atccp}}\right), \quad TV_{cash} - \frac{RMA_{DTA} + RMO_{DTA}}{R_{at_{ctck}}} + Min\ (TA; (1-h) * \frac{RMA_{DTA} + RMO_{DTA}}{R_{at_{ctck}}}, \ \text{TV}_{\text{cash}}\ , \quad FDS_{cash} - D - Fee\right)\right)$
9.	**Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì tại TCSC**	Nghĩa vụ ký quỹ khớp + Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp + Lỗ vị thế + Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao
10.	Nghĩa vụ ký quỹ khớp	Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu của các hợp đồng đã khớp **IM = $\sum$ IM Rate $*$ M $*$ PRICE_SECURED $*$ QNET** - IM Rate: Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của từng instrument - M: Hệ số nhân – Đơn giá của mỗi Instrument - PRICE_SECURED: Giá Realtime của mã chứng khoán - Q_{NET}: Khối lượng vị thế mở cần tới cọc dùng để tính ký quỹ cho trường hợp NET vị thế tự động
11.	Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp	Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu của các hợp đồng chưa khớp $\boldsymbol{RMO = \sum_{i}^{n} QP_{IM} * R_{IM} * Giá\ cọc\ i}$
12.	Lỗ vị thế	Lỗi vị thế hôm qua + Lỗ vị thế hôm nay - Lỗ vị thế hôm qua: Lỗ vị thế hôm qua khi áp dụng thanh toán lỗ cuối ngày mai (E+1)

STT	Tên trường	Diễn giải
		- Lỗ vị thế hôm nay: Lỗ vị thế trong ngày, bao gồm lỗ đã thực hiện + lỗ chưa thực hiện
13.	Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao	Là giá trị ký quỹ chuyển giao áp dụng cho các mã phái sinh có giao hàng vật chất và các vị thế từ ngày giao dịch cuối cùng (Expired date) đến ngày thanh toán cuối cùng (Settlement date)
14.	**Tỷ lệ sử dụng TKGD**	Là tỷ lệ giữa tổng giá trị ký quỹ yêu cầu so với Giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ trên TK giao dịch $= \frac{\mathrm{RMA_{DTA}} + \mathrm{RMO_{DTA}}}{\mathrm{TV_{cash}} + Min(TA, (1-h) * \frac{Max(0, TV_{cash})}{h})} * 100\%$ $\mathrm{RMA_{DTA}}$: Có bao gồm lỗ VM trong ngày, và lỗ VM hôm qua
15.	Tỷ lệ an toàn	Tỷ lệ an toàn áp dụng cho tài khoản giao dịch
16.	Tỷ lệ cảnh báo 1	Tỷ lệ cảnh báo 1 áp dụng cho tài khoản giao dịch
17.	Tỷ lệ cảnh báo 2	Tỷ lệ cảnh báo 2 áp dụng cho tài khoản giao dịch
18.	Tỷ lệ xử lý	Tỷ lệ xử lý áp dụng cho tài khoản giao dịch
19.	Trạng thái	Trạng thái hiện tại của tài khoản: - An toàn - Cảnh báo sớm - Cảnh báo lần 1 - Cảnh báo lần 2 - Xử lý
20.	**Giá trị bổ sung TKGD**	Max (Số tiền nộp thêm view DR02; Số tiền nộp thêm view DR04)

STT	Tên trường	Diễn giải
		$= \mathrm{Max}\left(0, \frac{\mathrm{RMA_{DTA}} + \mathrm{RMO_{DTA}}}{\mathrm{Rat}_{CTCK}} - \mathrm{TV_{cash}} - \mathrm{Min}\left(\mathrm{TA}, \frac{\mathrm{RMA_{DTA}} + \mathrm{RMO_{DTA}}}{\mathrm{Rat_{ctck}}} * (1 - \mathrm{h})\right)\right)$
21.	**Số tiền xử lý TKGD**	Số tiền xử lý TKGD
22.	**Sức mua cơ bản**	PP0 cơ bản của tài khoản DTA $\boldsymbol{PP} = \mathbf{ECA_{DTA}} * \mathbf{Rat_{DTA}} - \mathbf{RMA_{DTA}} - \mathbf{RMO_{DTA}}$
23.	**Sức bán cơ bản**	PP0 cơ bản của tài khoản DTA **PP= ECA_{DTA}*Rat_{DTA}– RMA_{DTA} – RMO_{DTA}**
24.	**Lãi/ lỗ vị thế trong ngày**	Lãi lỗ vị thế trong ngày: bao gồm lãi lỗ đã thực hiện và lỗ vị thế chưa thực hiện trong ngày - Giá trị > 0: Lãi - Giá trị < 0: Lỗ
25.	**Tổng tiền chậm trả đến hạn**	Max (VM lỗ hôm qua chưa thanh toán + Khoản chậm trả + Phí chậm trả - VM lãi hôm qua chưa thanh toán; 0)
26.	**Tổng tiền chậm trả còn thiếu**	Max (VM lỗ hôm qua chưa thanh toán + Khoản chậm trả + Phí chậm trả - Tiền tại CTCK- VM lãi hôm qua chưa thanh toán; 0)
27.	**Tổng số tiền chậm trả**	Khoản gốc chậm trả + Phí chậm trả
28.	Khoản chậm trả	Khoản gốc chậm trả
29.	Phí chậm trả	Phí chậm trả

THANHCONG SECURITIES CO.
www.tcsc.vn (028) 38 27 05 27 (+84 28) 3821 80 10

STT	Tên trường	Diễn giải
30.	**Giá trị tài sản hợp lệ tại VSD**	Các chứng khoán được làm tài sản ký quỹ và qui định tỷ trọng tối thiểu của tiền mặt. ECA_{DTA} = TVcash+ $\min(\mathrm{TA}, (1-\mathrm{h}) * \frac{Max(0,TVcash)}{\mathrm{h}})$ Tiền tại VSD + Min (Chứng khoán ký quỹ, (1- Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ) * (Max (0, Tiền tại VSD)/ Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ))
31.	Tiền tại VSD	Tiền đã nộp ký quỹ tại VSD
32.	Tiền ký quỹ chờ rút	Tiền đã rút ký quỹ nhưng chưa được VSD duyệt
33.	Chứng khoán ký quỹ	Tổng số dư chứng khoán ký quỹ qui đổi : Số lượng * Giá tham chiếu * (1-Tỷ lệ giảm trừ) của các HĐ TA = $\sum \mathbf{Q_i} * \mathbf{Min}(\mathbf{P_i}; \mathbf{P_{Max\,i}})$* (1- Haircut) - Haircut: Tỷ lệ giảm tài sản giảm trừ, nếu dùng tài sản làm cọc ký quĩ mở vị thế - Qi: Khối lượng chứng khoán cơ sở đã ký quỹ trên CCP - Pi: Giá định giá làm TSĐB từng mã CK đảm bảo i - P_{max_i} :Giá tối đa của chứng khoán cơ sở được phép định giá làm TSĐB
34.	Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	= Min (Chứng khoán ký quỹ, (1-Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ) * Max (0, Tiền tại VSD)/ Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ)) = $\min(\mathrm{TA}, (1-\mathrm{h}) * \frac{Max(0,IMcash)}{\mathrm{h}})$
35.	**Tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tối thiểu**	Tỷ lệ tiền mặt tối thiểu trong TSKQ
36.	**Số tiền được rút tối đa tại VSD**	= Max(0, Min($\mathrm{IM_{cash}}$, $IM_{cash} - \frac{RMA_{ccp}+RMO_{ccp}}{R_{at_{ccp}}} + Min\,(TA; \frac{RMA_{ccp}+RMO_{ccp}}{R_{at_{ccp}}}(1-h)))$

STT	Tên trường	Diễn giải
37.	**Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì tại VSD**	Nghĩa vụ ký quỹ khớp + Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp + Lỗ vị thế + Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao
38.	Nghĩa vụ ký quỹ khớp	Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu của các hợp đồng đã khớp $\mathbf{IM} = \sum \mathbf{IM\ Rate} * \boldsymbol{M} * \mathbf{PRICE_SECURED} * \mathbf{QNET}$ - IM Rate: Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của từng instrument - M: Hệ số nhân – Đơn giá của mỗi Instrument - PRICE_SECURED: Giá Realtime của mã chứng khoán - Q_{NET} : Khối lượng vị thế mở cần tới cọc dùng để tính ký quỹ cho trường hợp NET vị thế tự động
39.	Lỗ vị thế	Lỗ vị thế hôm qua + Lỗ vị thế hôm nay - Lỗ vị thế hôm qua: Lỗ vị thế hôm qua khi áp dụng thanh toán lỗ cuối ngày mai (E+1) - Lỗ vị thế hôm nay: Lỗ vị thế trong ngày, bao gồm lỗ đã thực hiện + lỗ chưa thực hiện
40.	Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao	Là giá trị ký quỹ chuyển giao áp dụng cho các mã phái sinh có giao hàng vật chất và các vị thế từ ngày giao dịch cuối cùng (Expired date) đến ngày thanh toán cuối cùng (Settlement date).
41.	**Tỷ lệ sử dụng TKKQ**	Là tỷ lệ giữa tổng giá trị ký quỹ yêu cầu so với Giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ trên TKKQ.
42.	Tỷ lệ an toàn	Tỷ lệ an toàn áp dụng cho tài khoản ký quỹ
43.	Tỷ lệ cảnh báo 1	Tỷ lệ cảnh báo 1 áp dụng cho tài khoản ký quỹ
44.	Tỷ lệ cảnh báo 2	Tỷ lệ cảnh báo 2 áp dụng cho tài khoản ký quỹ
45.	Tỷ lệ xử lý	Tỷ lệ xử lý áp dụng cho tài khoản ký quỹ
46.	Trạng thái	Trạng thái hiện tại của tài khoản: - An toàn

STT	Tên trường	Diễn giải
		- Cảnh báo sớm - Cảnh báo lần 1 - Cảnh báo lần 2 - Xử lý
47.	**Giá trị bổ sung TKKQ**	Số tiền cần nộp để đưa tỷ lệ TKKQ về ngưỡng an toàn =Max (Số tiền nộp thêm view DR01; Số tiền nộp thêm view DR03) $= Max(0, \frac{RMA_{CCP}}{R_{At_}ccp} - IM_{cash} - Min(TA, \frac{RMA_{ccp}}{R_{at_ccp}} * (1-h)))$ $= \min(\mathrm{TA}, (1-\mathrm{h}) * \frac{Max(0, IMcash)}{\mathrm{h}})$
48.	**Số tiền xử lý TKKQ**	Số tiền xử lý TKKQ
49.	**Tổng giá trị phí, thuế**	Phí vị thế tạm tính + Phí giao dịch trong ngày + Phí quản lý TSKQ tạm tính
50.	Phí vị thế tạm tính	Phí quản lý vị thế tạm tính để trả VSD
51.	Phí giao dịch trong ngày	Phí giao dịch CTCK thu + Phí giao dịch trả Sở
52.	*Phí giao dịch tại TCSC*	Phí giao dịch tại TCSC
53.	*Phí giao dịch trả sở*	Phí giao dịch trả sở
54.	Phí quản lý TSKQ tạm tính	Phí quản lý TSKQ tạm tính để trả VSD
55.	Thuế TNCN	Thuế thu nhập cá nhân
56.	Tiền phong toả	Tiền phong tỏa của tài khoản.

3.4.2. Số dư tiền

Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Số dư tiền

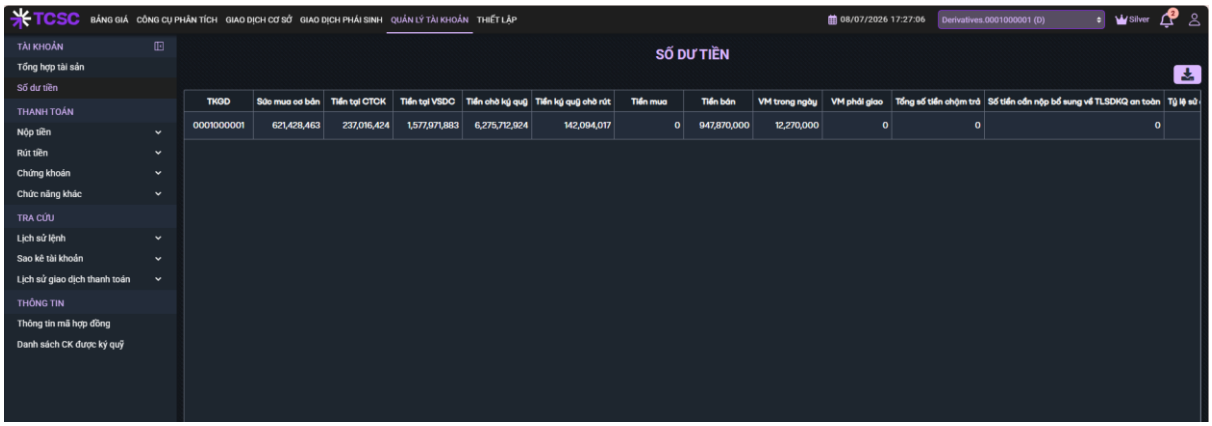

Hình: Màn hình số dư tiền

Gồm các trường:

- TKGD: Số tài khoản giao dịch của bạn.
- Sức mua cơ bản: Khả năng mua tối đa dựa trên tài sản hiện có.
- Tiền tại CTCK: Số tiền bạn đang có tại công ty chứng khoán (CTCK).
- Tiền tại VSDC: Số tiền lưu trữ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSDC).
- Tiền chờ ký quỹ: Số tiền đang chờ để ký quỹ cho các giao dịch tương lai.
- Tiền ký quỹ chờ rút: Số tiền ký quỹ đã yêu cầu rút nhưng chưa hoàn tất.
- Tiền mua: Số tiền các giao dịch mua.
- Tiền bán: Số tiền thu được từ các giao dịch bán.
- VM trong ngày: Giá trị margin (ký quỹ) trong ngày.
- VM phải giao: Số tiền ký quỹ phải giao.
- Tổng số tiền chậm trả: Tổng số tiền chưa thanh toán đúng hạn.
- Số tiền cần nộp bổ sung về TLSĐKQ an toàn: Số tiền cần nộp bổ sung để đảm bảo an toàn tài khoản.
- Tỷ lệ sử dụng TS ký quỹ: Tỷ lệ tài sản ký quỹ đang được sử dụng, hiển thị dưới dạng phần trăm.

3.4.3. Nộp tiền

3.4.3.1. Nộp tiền từ Từ TKCS vào TKPS

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Nộp tiền => Từ TKCS vào TKPS

Bước 2: Nhập số tiền nộp thoả mãn điều kiện rút (Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền được rút từ TKCS)

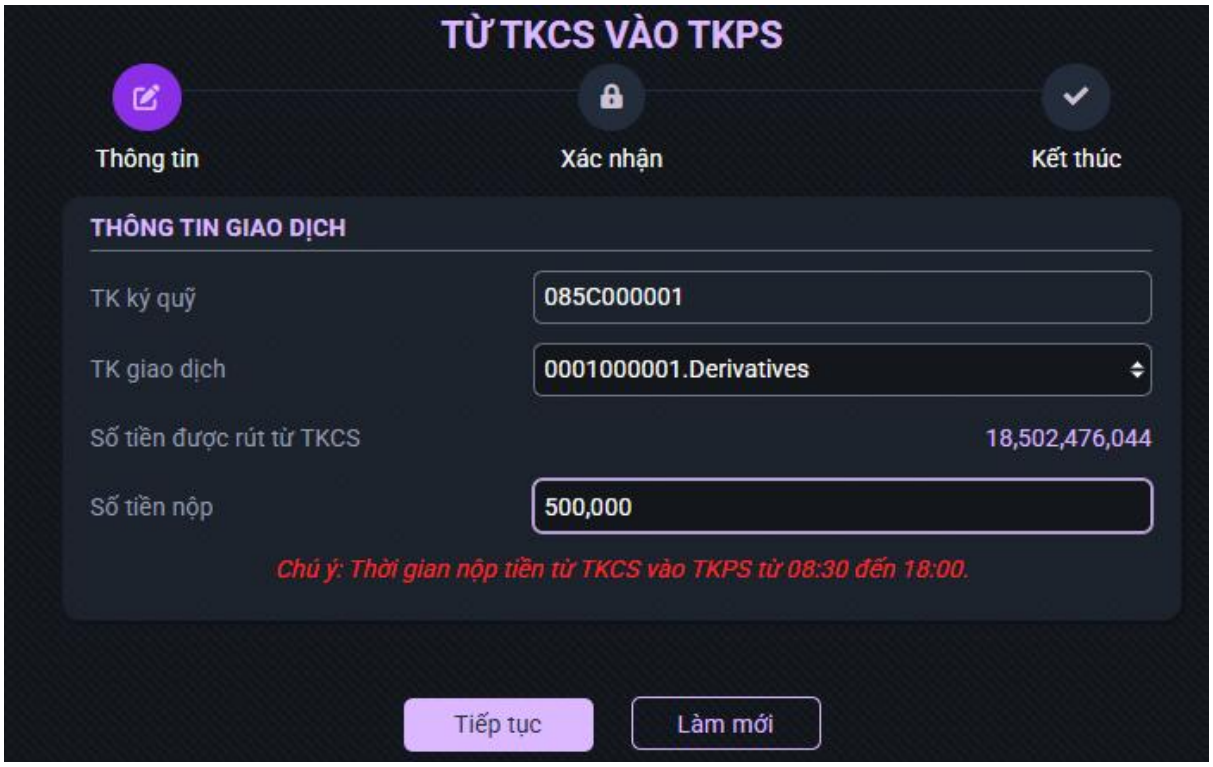

Bước 3: Nhấn nút "Tiếp tục" để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút "Làm mới" để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 4: Xác nhận thông tin nộp tiền. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn "Tiếp tục" để hoàn tất nộp tiền từ cơ sở sang phái sinh.

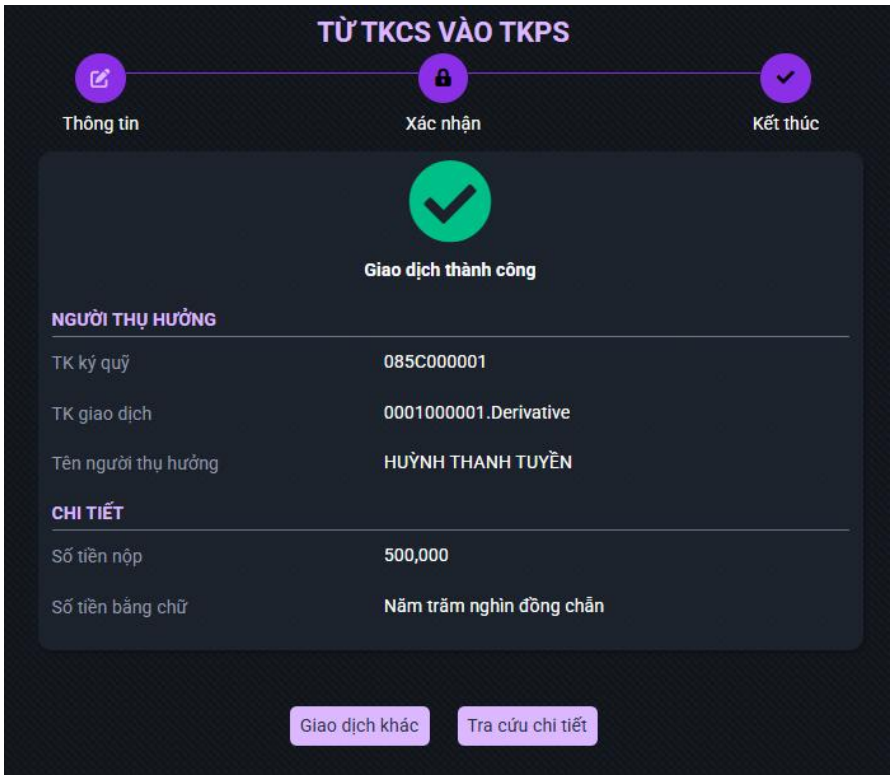

Hình: Màn hình kết thúc nộp tiền

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử nộp tiền từ TKCS sang TKPS để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.4.3.2. Nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Nộp tiền => Từ TKPS vào TKKQ (VSDC)

Bước 2: Nhập số tiền nộp thoả mãn điều kiện rút (Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền có thể dùng)

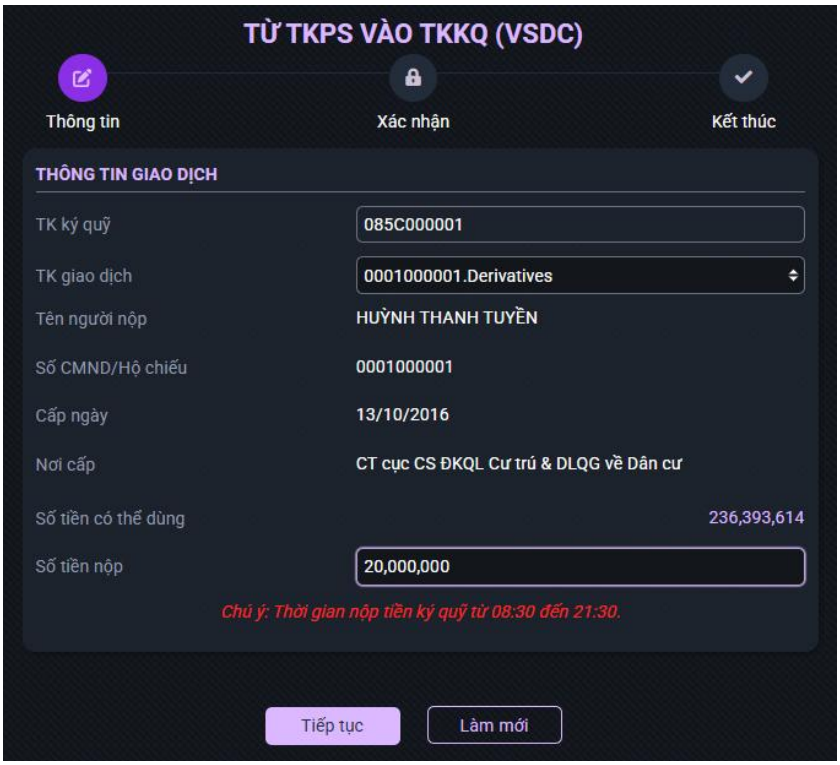

Bước 3: Nhấn nút "Tiếp tục" để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút "Làm mới" để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 4: Xác nhận thông tin nộp tiền. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn "Tiếp tục" để hoàn tất nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC).

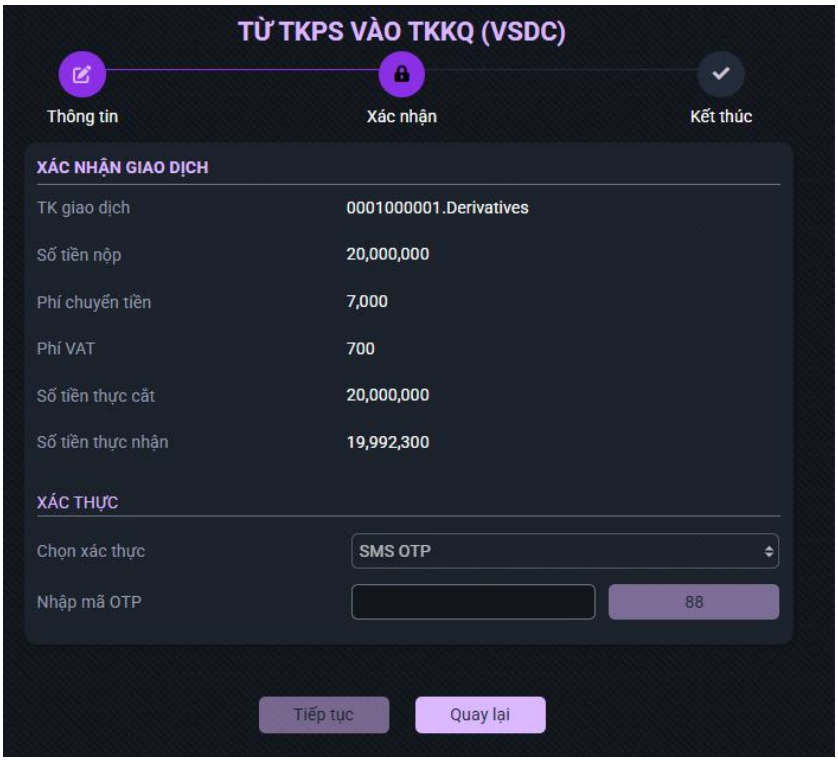

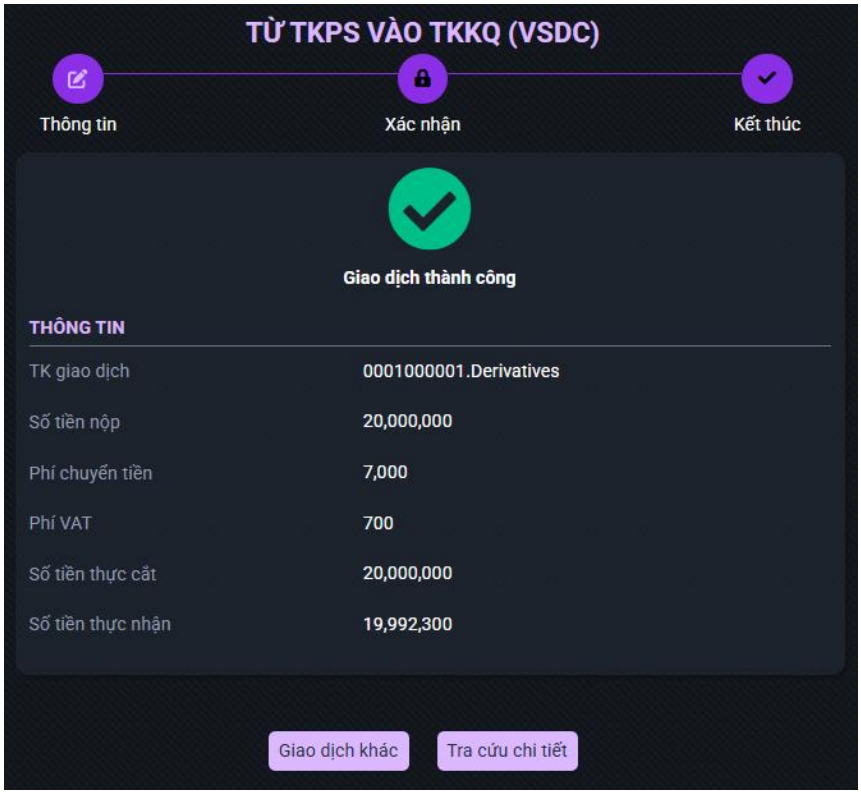

Hình: Màn hình kết thúc nộp tiền

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC) để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.4.4. Rút tiền

3.4.4.1. Rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Rút tiền => Từ TKKQ (VSDC) về TKPS

Bước 2: Nhập số tiền rút thoả mãn điều kiện rút (Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền tối đa được rudt)

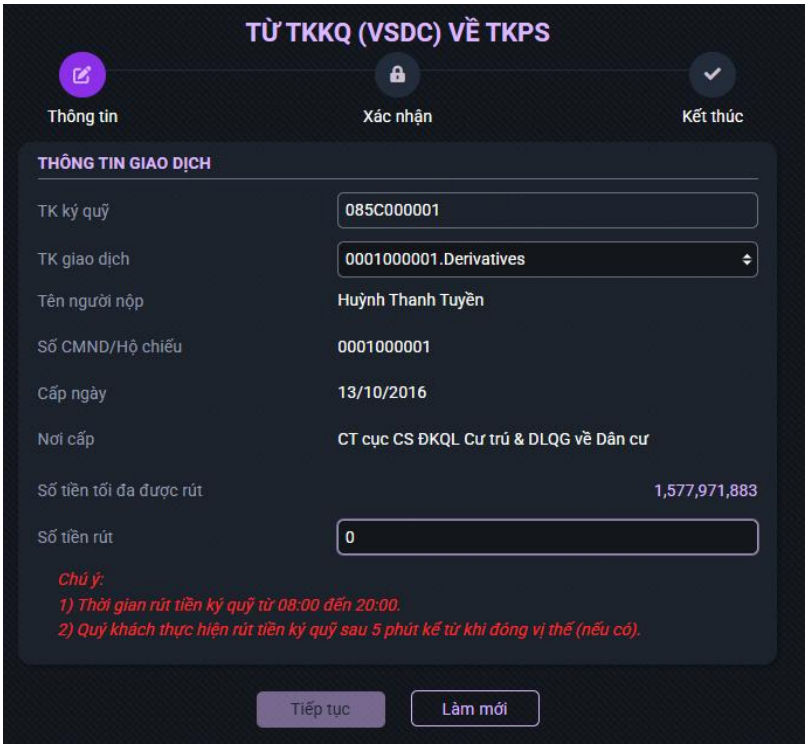

Bước 3: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút “Làm mới” để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 4: Xác nhận thông tin rút tiền. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS.

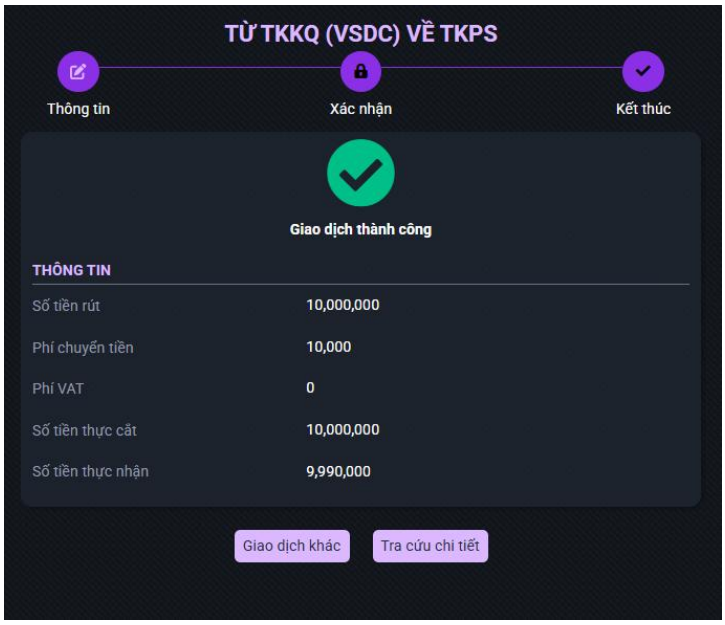

Hình: Màn hình kết thúc rút tiền

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) sang TKPS để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.4.4.2. Rút tiền từ TKPS về TKCS

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Rút tiền => Từ TKPS về TKCS

Bước 2: Nhập số tiền rút thoả mãn điều kiện rút (Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền tối đa được rút)

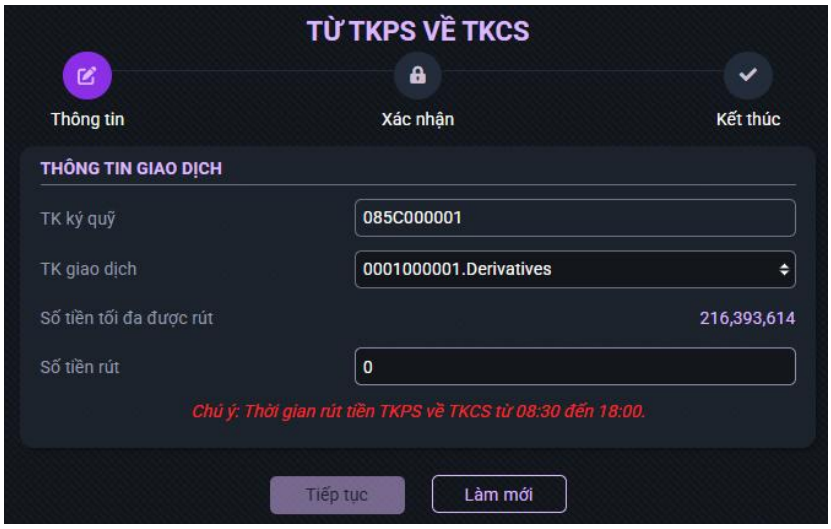

Bước 3: Nhấn nút "Tiếp tục" để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút "Làm mới" để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 4: Xác nhận thông tin rút tiền. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn "Tiếp tục" để hoàn tất rút tiền từ TKPS về TKCS.

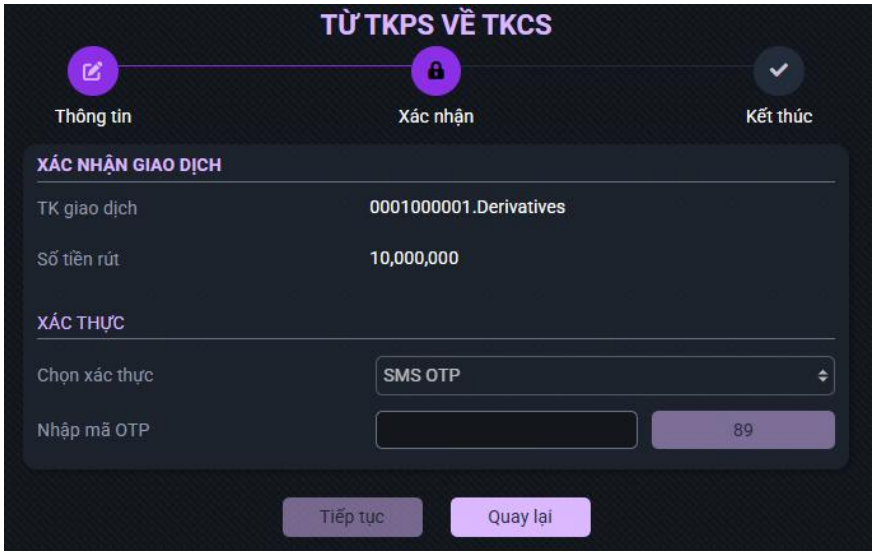

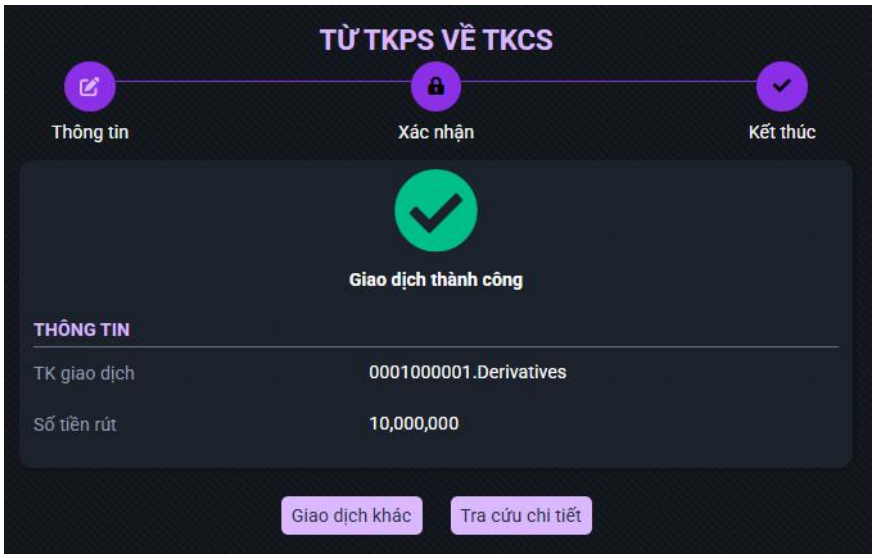

Hình: Màn hình kết thúc rút tiền

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.4.4.3. Rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Rút tiền => Từ TKPS về TKCS

Bước 2: Chọn tài khoản thụ hưởng, sau đó thông tin của người thụ hưởng , ngân hàng thụ hưởng, tỉnh/ thành phố và PGD/ Chi nhánh sẽ được load theo số tài khoản thụ hưởng.

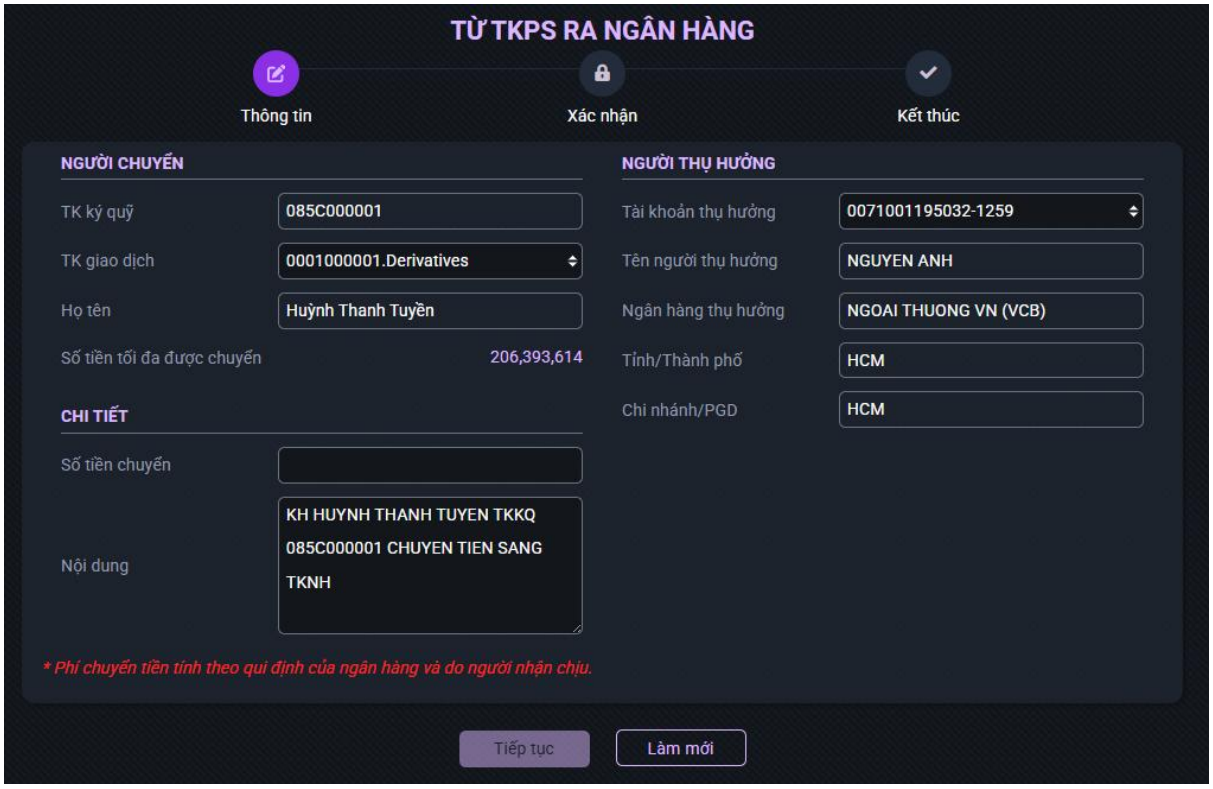

Bước 3: Nhập số tiền rút thoả mãn điều kiện rút (Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền tối đa được rút)

Bước 4: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút “Làm mới” để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 5: Xác nhận thông tin rút tiền. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng.

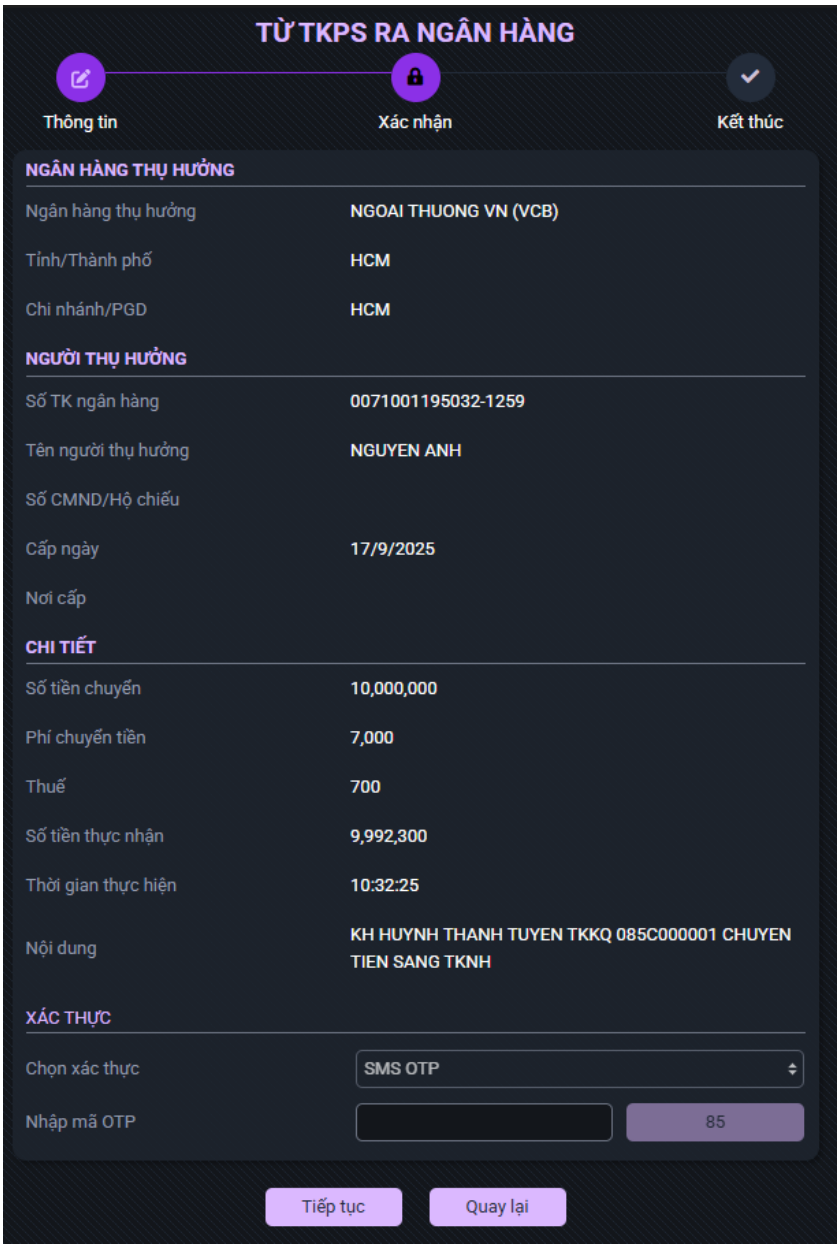
TỪ TKPS RA NGÂN HÀNG
Thông tin
Xác nhận
Kết thúc
NGÂN HÀNG THỤ HƯỞNG
Ngân hàng thụ hưởng
NGOAI THUONG VN (VCB)
Tỉnh/Thành phố
HCM
Chi nhánh/PGD
HCM
NGƯỜI THỤ HƯỞNG
Số TK ngân hàng
0071001195032-1259
Tên người thụ hưởng
NGUYEN ANH
Số CMND/Hộ chiếu
Cấp ngày
17/9/2025
Nơi cấp
CHI TIẾT
Số tiền chuyển
10,000,000
Phí chuyển tiền
7,000
Thuế
700
Số tiền thực nhận
9,992,300
Thời gian thực hiện
10:32:25
Nội dung
KH HUYNH THANH TUYEN TKKQ 085C000001 CHUYEN TIEN SANG TKNH
XÁC THỰC
Chọn xác thực
SMS OTP
Nhập mã OTP
85
Tiếp tục
Quay lại

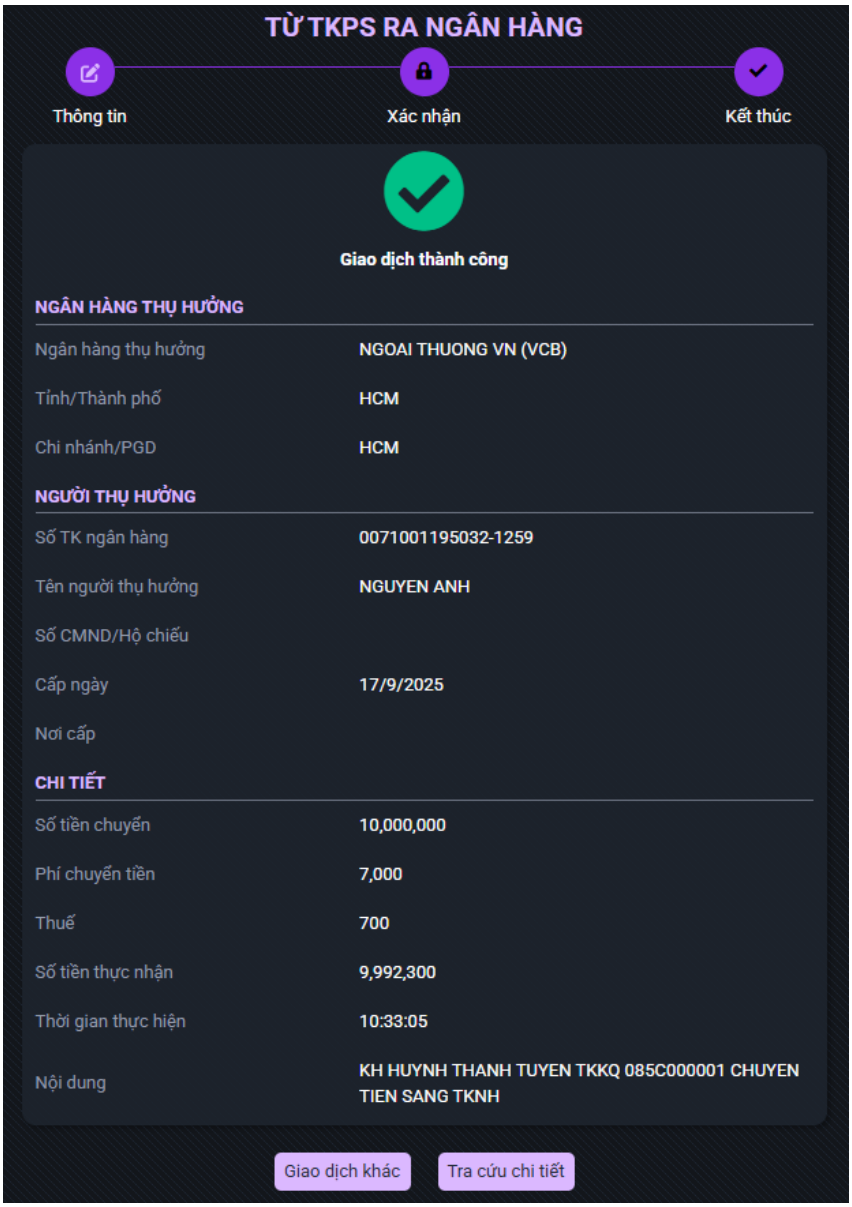

Hình: Màn hình kết thúc rút tiền

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử rút tiền từ TKPS về Ngân hàng để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.4.5. Chứng khoán

3.4.5.1. Nộp chứng khoán ký quỹ

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Chứng khoán=> Nộp chứng khoán ký quỹ

Bước 2: Chọn Mã chứng khoán cần nộp

Bước 3: Nhập khối lượng nộp thoả mãn điều kiện nộp (Khối lượng tối đa nộp ký quỹ)

Bước 4: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện nộp chứng khoán. Nhấn nút “Làm mới” để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 5: Xác nhận thông tin nộp chứng khoán. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất nộp chứng khoán.

Hình: Màn hình kết thúc nộp chứng khoán

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp chứng khoán khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử giao dịch tài sản đảm bảo để tra cứu giao dịch đã thực hiện.

3.4.5.2. Rút chứng khoán ký quỹ

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Chứng khoán=> Rút chứng khoán ký quỹ

Bước 2: Chọn Mã chứng khoán cần rút

Bước 3: Nhập khối lượng rút thoả mãn điều kiện rút (Khối lượng tối đa rút ký quỹ)

Bước 4: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện nộp chứng khoán. Nhấn nút “Làm mới” để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 5: Xác nhận thông tin nộp chứng khoán. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất nộp chứng khoán.

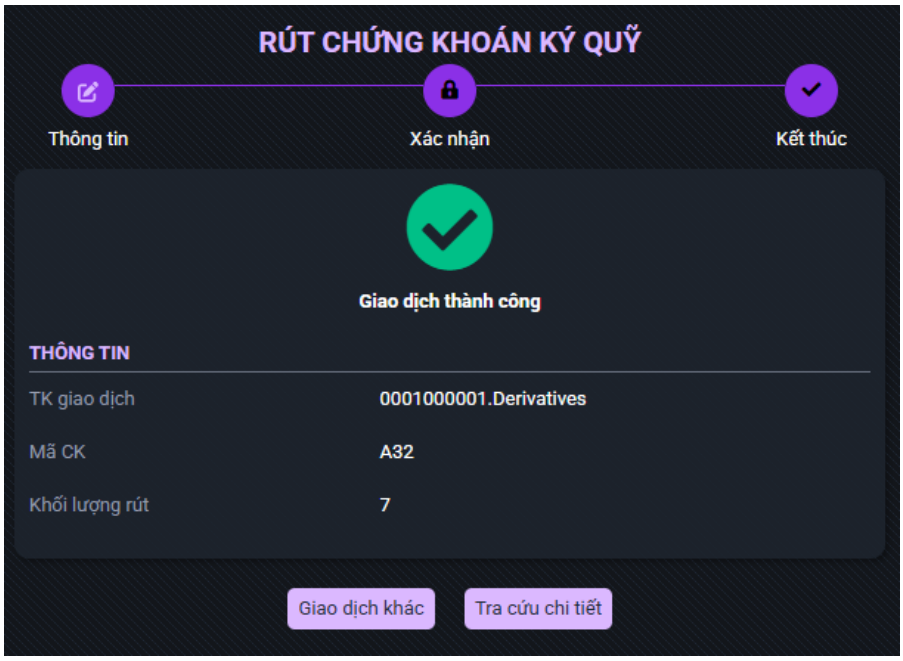

Hình: Màn hình kết thúc rút chứng khoán

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch rút chứng khoán khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử giao dịch tài sản đảm bảo để tra cứu giao dịch đã thực hiện.

3.4.6. Tất toán khoản chậm trả

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Chức năng khác => Tất toán khoản chậm trả

Bước 2: Nhập số tiền thanh toán

Bước 3: Nhấn nút "Tiếp tục" để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút "Làm mới" để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 4: Xác nhận thông tin thanh toán. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn "Tiếp tục" để hoàn tất thanh toán.

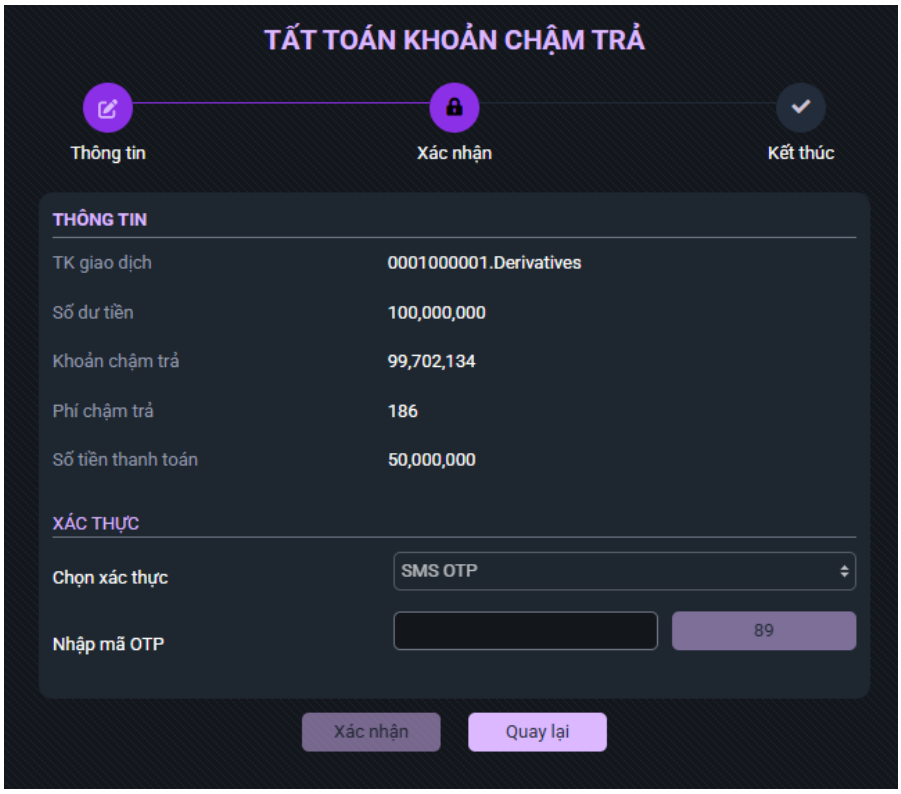

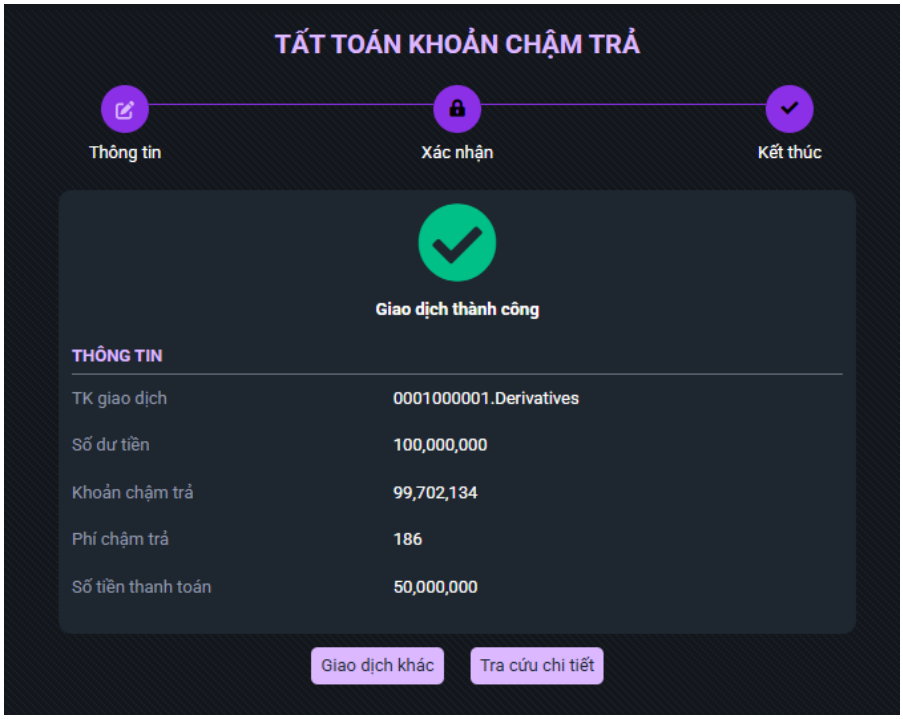

Hình: Màn hình kết thúc thanh toán

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch thanh toán.

- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả để tra cứu giao dịch đã thực hiện.

3.4.7. Đăng ký/Hủy nộp rút tiền ký quỹ tự động

Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Chức năng khác => Đăng ký/Hủy nộp rút tiền ký quỹ tự động

Hình: Màn hình Đăng ký/Hủy nộp rút tiền ký quỹ tự động

- Để tự động nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC), nhấn nút Đăng ký bên cạnh mục này. Nếu muốn hủy tự động nộp tiền, nhấn nút Hủy.
- Để tự động rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS, nhấn nút Đăng ký bên cạnh mục này. Nếu muốn hủy tự động rút tiền, nhấn nút Hủy.

3.4.8. Lịch sử lệnh

3.4.8.1. Lịch sử khớp lệnh

Báo cáo “Lịch sử khớp lệnh”, cho phép khách hàng xem được lịch sử của các lệnh mua/bán đã khớp lệnh thành công.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Lịch sử lệnh” => “Lịch sử khớp lệnh”

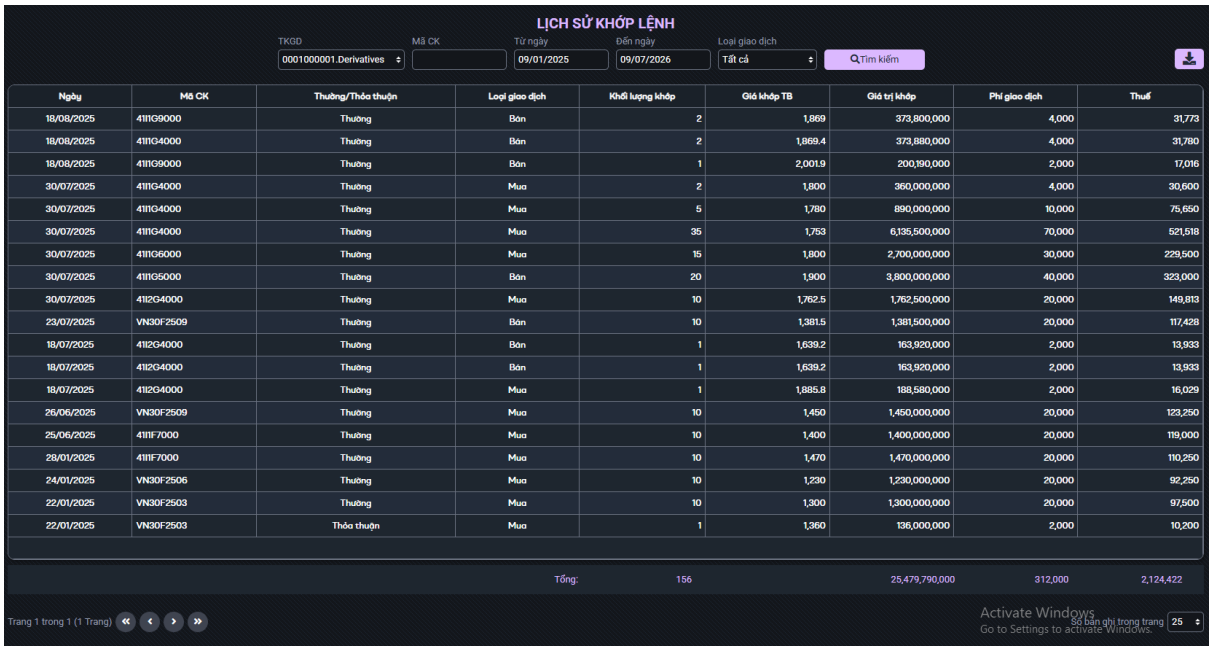

Ngày	Mã CK	Thường/Thỏa thuận	Loại giao dịch	Khối lượng khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Phí giao dịch	Thuế
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Bán	2	1,869	373,800,000	4,000	31,773
18/08/2025	41I1G4000	Thường	Bán	2	1,869.4	373,880,000	4,000	31,780
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Bán	1	2,001.9	200,190,000	2,000	17,016
30/07/2025	41I1G4000	Thường	Mua	2	1,800	360,000,000	4,000	30,600
30/07/2025	41I1G4000	Thường	Mua	5	1,780	890,000,000	10,000	75,650
30/07/2025	41I1G4000	Thường	Mua	35	1,753	6,135,500,000	70,000	521,518
30/07/2025	41I1G6000	Thường	Mua	15	1,800	2,700,000,000	30,000	229,500
30/07/2025	41I1G5000	Thường	Bán	20	1,900	3,800,000,000	40,000	323,000
30/07/2025	41I2G4000	Thường	Mua	10	1,762.5	1,762,500,000	20,000	149,813
23/07/2025	VN30F2509	Thường	Bán	10	1,381.5	1,381,500,000	20,000	117,428
18/07/2025	41I2G4000	Thường	Bán	1	1,639.2	163,920,000	2,000	13,933
18/07/2025	41I2G4000	Thường	Bán	1	1,639.2	163,920,000	2,000	13,933
18/07/2025	41I2G4000	Thường	Mua	1	1,885.8	188,580,000	2,000	16,029
26/06/2025	VN30F2509	Thường	Mua	10	1,450	1,450,000,000	20,000	123,250
25/06/2025	41I1F7000	Thường	Mua	10	1,400	1,400,000,000	20,000	119,000
28/01/2025	41I1F7000	Thường	Mua	10	1,470	1,470,000,000	20,000	110,250
24/01/2025	VN30F2506	Thường	Mua	10	1,230	1,230,000,000	20,000	92,250
22/01/2025	VN30F2503	Thường	Mua	10	1,300	1,300,000,000	20,000	97,500
22/01/2025	VN30F2503	Thỏa thuận	Mua	1	1,360	136,000,000	2,000	10,200
			Tổng:	156		25,479,790,000	312,000	2,124,422

Hình: Màn hình Lịch sử khớp lệnh

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định tiểu khoản phái sinh.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.
- Loại giao dịch: Chọn loại giao dịch của lệnh khớp: mua, bán, tất cả.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 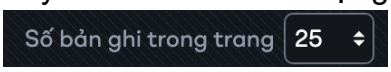

để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 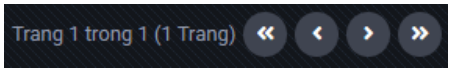

3.4.8.2. Lịch sử đặt lệnh

Báo cáo "Lịch sử đặt lệnh", cho phép khách hàng xem được lịch sử của các lệnh mua/bán đã đặt.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Lịch sử lệnh” => “Lịch sử đặt lệnh”

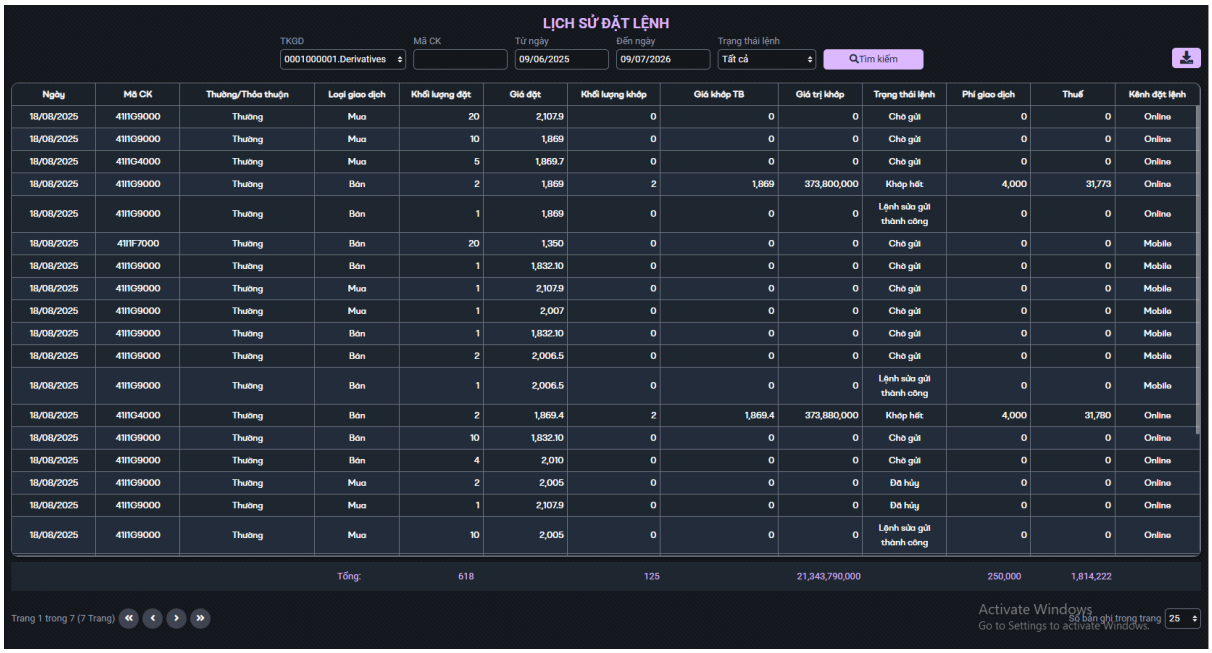

Ngày	Mã CK	Thường/Thỏa thuận	Loại giao dịch	Khối lượng đặt	Giá đặt	Khối lượng khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Trạng thái lệnh	Phí giao dịch	Thuế	Kênh đặt lệnh
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Mua	20	2,107.9	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Online
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Mua	10	1,869	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Online
18/08/2025	41I1G4000	Thường	Mua	5	1,869.7	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Online
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Bán	2	1,869	2	1,869	373,800,000	Khớp hết	4,000	31,773	Online
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Bán	1	1,869	0	0	0	Lệnh sửa gửi thành công	0	0	Online
18/08/2025	41I1F7000	Thường	Bán	20	1,350	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Mobile
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Bán	1	1,832.10	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Mobile
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Mua	1	2,107.9	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Mobile
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Mua	1	2,007	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Mobile
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Bán	1	1,832.10	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Mobile
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Bán	2	2,006.5	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Mobile
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Bán	1	2,006.5	0	0	0	Lệnh sửa gửi thành công	0	0	Mobile
18/08/2025	41I1G4000	Thường	Bán	2	1,869.4	2	1,869.4	373,880,000	Khớp hết	4,000	31,780	Online
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Bán	10	1,832.10	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Online
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Bán	4	2,010	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Online
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Mua	2	2,005	0	0	0	Đã hủy	0	0	Online
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Mua	1	2,107.9	0	0	0	Đã hủy	0	0	Online
18/08/2025	41I1G9000	Thường	Mua	10	2,005	0	0	0	Lệnh sửa gửi thành công	0	0	Online

Hình: Màn hình Lịch sử đặt lệnh

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định tiểu khoản phái sinh.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- Loại giao dịch: Chọn loại giao dịch của lệnh khớp: Chờ gửi, Đã gửi, Khớp hết, Khớp một phần,…

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 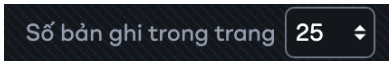

để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 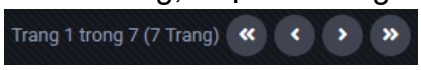

3.4.9. Sao kê tài khoản

3.4.9.1. *Lãi/lỗ hàng ngày*

Báo cáo "Lãi lỗ hàng ngày" cho phép khách hàng xem được lịch sử lãi/lỗ phát sinh hằng ngày từ việc thực hiện mua/bán chứng khoán phái sinh

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Tra cứu" => "Sao kê tài khoản" => Lãi/lỗ hàng ngày

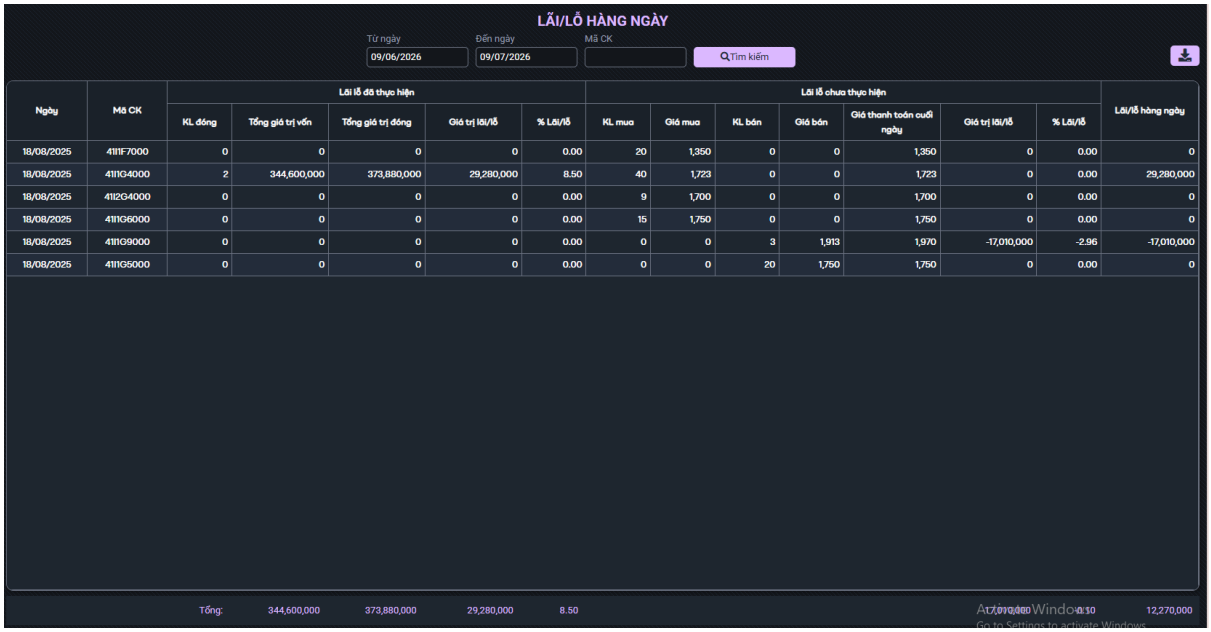

Ngày	Mã CK	Lãi lỗ đã thực hiện					Lãi lỗ chưa thực hiện							Lãi/lỗ hàng ngày
		KL đóng	Tổng giá trị vốn	Tổng giá trị đóng	Giá trị lãi/lỗ	% Lãi/lỗ	KL mua	Giá mua	KL bán	Giá bán	Giá thanh toán cuối ngày	Giá trị lãi/lỗ	% Lãi/lỗ	
18/08/2025	41111F7000	0	0	0	0	0.00	20	1,350	0	0	1,350	0	0.00	0
18/08/2025	41111G4000	2	344,600,000	373,880,000	29,280,000	8.50	40	1,723	0	0	1,723	0	0.00	29,280,000
18/08/2025	41112G4000	0	0	0	0	0.00	9	1,700	0	0	1,700	0	0.00	0
18/08/2025	41111G6000	0	0	0	0	0.00	15	1,750	0	0	1,750	0	0.00	0
18/08/2025	41111G9000	0	0	0	0	0.00	0	0	3	1,913	1,970	-17,010,000	-2.96	-17,010,000
18/08/2025	41111G5000	0	0	0	0	0.00	0	0	20	1,750	1,750	0	0.00	0

Hình: Màn hình Lãi/lỗ hàng ngày

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

3.4.9.2. Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả

"Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả" cho phép khách hàng theo dõi chi tiết việc giải ngân và trả nợ các khoản chậm trả

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Tra cứu" => "Sao kê tài khoản" => "Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả"

SAO KÊ GIẢI NGÂN VÀ THU KHOẢN CHẬM TRẢ

Từ ngày 09/06/2025 Đến ngày 09/07/2026 Tìm kiếm

Ngày	Số chứng từ	TK giao dịch	Diễn giải	Mã giao dịch	Phát sinh		Số dư
					Tăng	Giảm	
				Số dư đầu kỳ			0
19/06/2025	9900000094	0001000001	Giải ngân khoản chậm trả tài khoản:0001000001/ Late payment disbursement	DT42	981,922,193	0	981,922,193
23/06/2025	9900000141	0001000001	Giải ngân khoản chậm trả tài khoản:0001000001/ Late payment disbursement	DT42	454,150	0	982,376,343
23/06/2025	9900000202	0001000001	Chuyển phí chậm trả nhập gốc/ Transfer late payment fee added to principal	DT11	1,472,883	0	983,849,226
24/06/2025	9900000130	0001000001	Chuyển phí chậm trả nhập gốc/ Transfer late payment fee added to principal	DT11	491,925	0	984,341,151
25/06/2025	9900000322	0001000001	Thu khoản chậm trả (auto)/ Collect late payment (auto)	DT40	0	110,000	984,231,151
25/06/2025	9900000348	0001000001	Chuyển phí chậm trả nhập gốc/ Transfer late payment fee added to principal	DT11	492,171	0	984,723,322
25/06/2025	9900000398	0001000001	Giải ngân khoản chậm trả tài khoản:0001000001/ Late payment disbursement	DT42	50,000,000	0	1,034,723,322
26/06/2025	9900000117	0001000001	Giải ngân khoản chậm trả tài khoản:0001000001/ Late payment disbursement	DT42	143,250	0	1,034,866,572
26/06/2025	9900000142	0001000001	Chuyển phí chậm trả nhập gốc/ Transfer late payment fee added to principal	DT11	492,362	0	1,035,358,934
26/06/2025	9900000192	0001000001	Giải ngân khoản chậm trả tài khoản:0001000001/ Late payment disbursement	DT42	69,300,000	0	1,104,658,934
27/06/2025	9900000113	0001000001	Thu khoản chậm trả (auto)/ Collect late payment (auto)	DT40	0	273,999	1,104,384,935
27/06/2025	9900000137	0001000001	Chuyển phí chậm trả nhập gốc/ Transfer late payment fee added to principal	DT11	517,679	0	1,104,902,614
30/06/2025	9900000136	0001000001	Chuyển phí chậm trả nhập gốc/ Transfer late payment fee added to principal	DT11	1,657,353	0	1,106,559,967

Trang 1 trong 1 (1 Trang) Số bản ghi trong trang 25

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 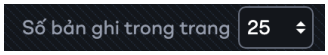

để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 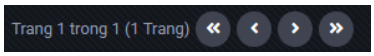

3.4.9.3. Sao kê vị thế

"Sao kê vị thế" cho phép khách hàng theo dõi chi tiết phái sinh vị thế Long/Short

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Tra cứu" => "Sao kê tài khoản" => "Sao kê vị thế"

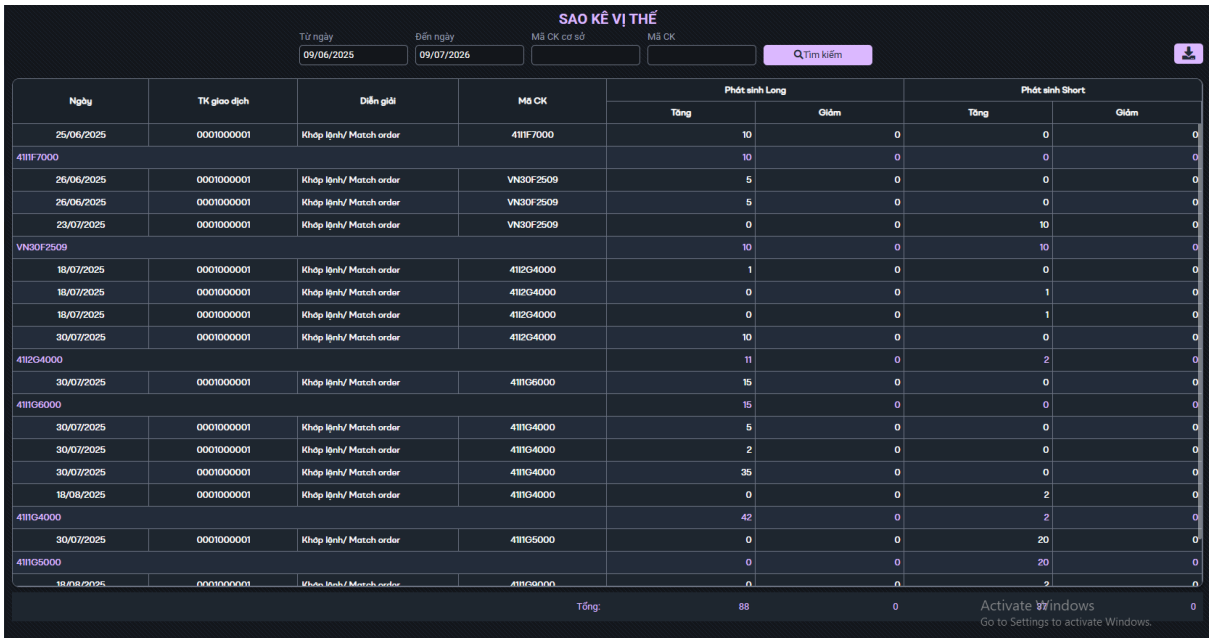

SAO KÊ VỊ THẾ

Từ ngày 09/06/2025 | Đến ngày 09/07/2026 | Mã CK cơ sở | Mã CK | Tìm kiếm

Ngày	TK giao dịch	Diễn giải	Mã CK	Phát sinh Long		Phát sinh Short	
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
25/06/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	41I1F7000	10	0	0	0
41I1F7000				10	0	0	0
26/06/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2509	5	0	0	0
26/06/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2509	5	0	0	0
23/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2509	0	0	10	0
VN30F2509				10	0	10	0
18/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	41I2G4000	1	0	0	0
18/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	41I2G4000	0	0	1	0
18/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	41I2G4000	0	0	1	0
30/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	41I2G4000	10	0	0	0
41I2G4000				11	0	2	0
30/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	41I1G6000	15	0	0	0
41I1G6000				15	0	0	0
30/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	41I1G4000	5	0	0	0
30/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	41I1G4000	2	0	0	0
30/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	41I1G4000	35	0	0	0
18/08/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	41I1G4000	0	0	2	0
41I1G4000				42	0	2	0
30/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	41I1G5000	0	0	20	0
41I1G5000				0	0	20	0
18/08/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	41I1G9000	0	0	2	0
			Tổng:	88	0	37	0

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Sao kê vị thế

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.
- Mã CK cơ sở: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

3.4.9.4. Bảng kê tài khoản

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Bảng kê tài khoản”

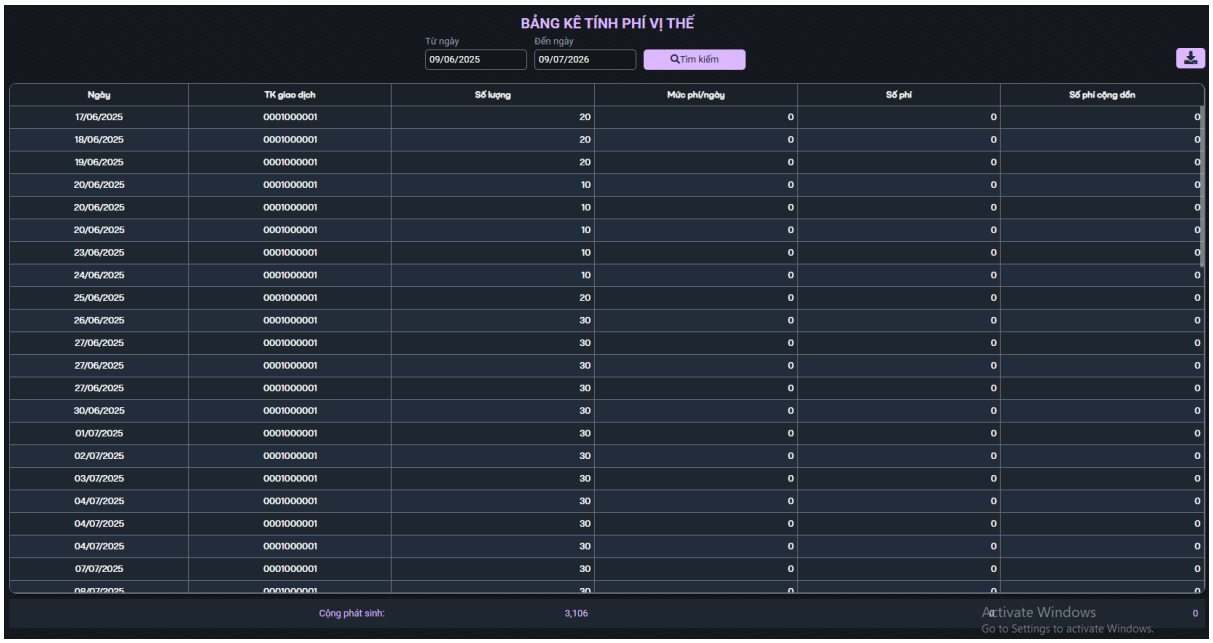

Ngày	TK giao dịch	Số lượng	Mức phí/ngày	Số phí	Số phí cộng dồn
17/06/2025	0001000001	20	0	0	0
18/06/2025	0001000001	20	0	0	0
19/06/2025	0001000001	20	0	0	0
20/06/2025	0001000001	10	0	0	0
20/06/2025	0001000001	10	0	0	0
20/06/2025	0001000001	10	0	0	0
23/06/2025	0001000001	10	0	0	0
24/06/2025	0001000001	10	0	0	0
25/06/2025	0001000001	20	0	0	0
26/06/2025	0001000001	30	0	0	0
27/06/2025	0001000001	30	0	0	0
27/06/2025	0001000001	30	0	0	0
27/06/2025	0001000001	30	0	0	0
30/06/2025	0001000001	30	0	0	0
01/07/2025	0001000001	30	0	0	0
02/07/2025	0001000001	30	0	0	0
03/07/2025	0001000001	30	0	0	0
04/07/2025	0001000001	30	0	0	0
04/07/2025	0001000001	30	0	0	0
04/07/2025	0001000001	30	0	0	0
07/07/2025	0001000001	30	0	0	0
08/07/2025	0001000001	30	0	0	0
Cộng phát sinh:		3,106			0

Hình: Màn hình Bảng kê tài khoản

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

3.4.9.5. Sao kê tài khoản

3.4.9.5.1 Sao kê tài khoản – Vị thế

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Sao kê tài khoản” => Tab “Vị thế”

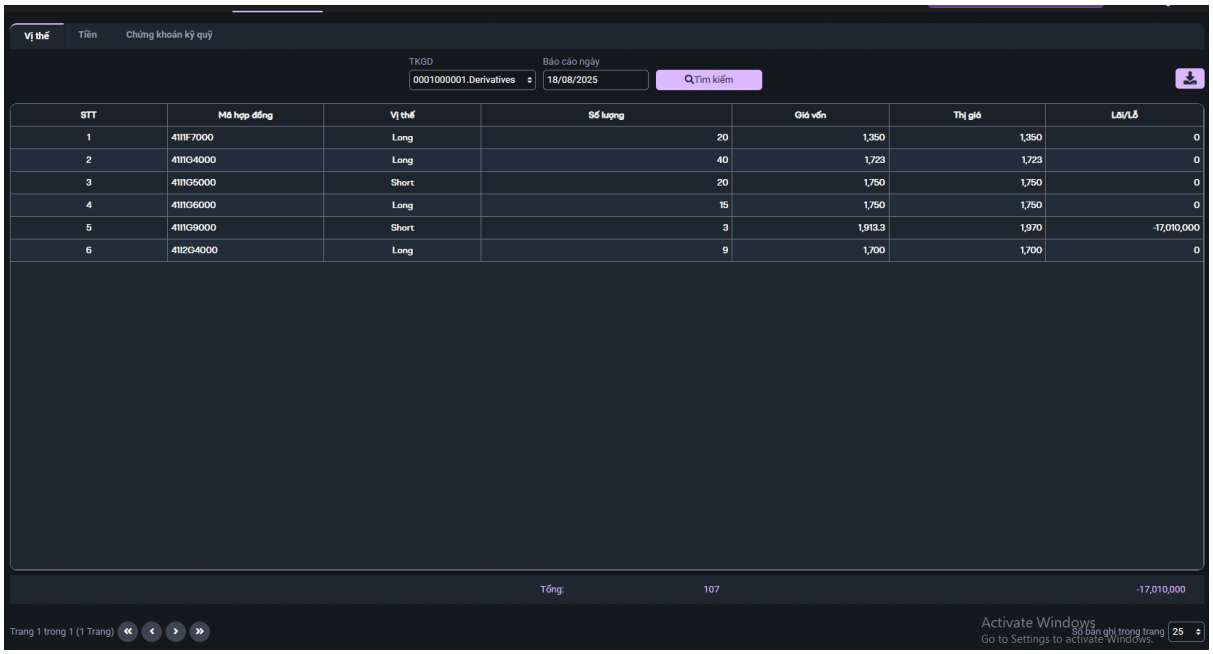

Hình: Màn hình Sao kê tài khoản – Vị thế

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định số tài khoản giao dịch phái sinh
- Báo cáo ngày: Nhập ngày muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 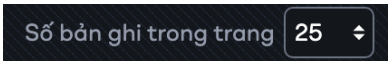

để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 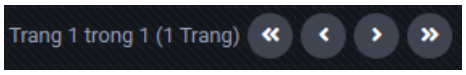

3.4.9.5.2 Sao kê tài khoản – Tiền

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Tra cứu" => "Sao kê tài khoản" => "Sao kê tài khoản" => Tab "Tiền"

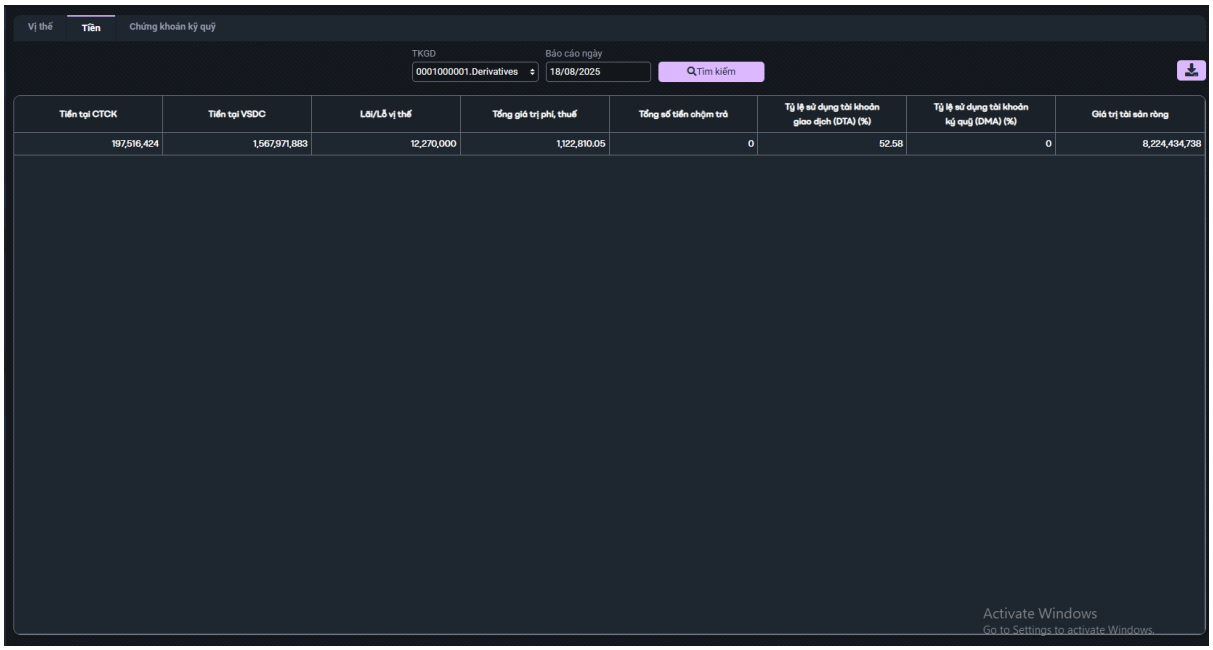

Hình: Màn hình Sao kê tài khoản – Tiền

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định số tài khoản giao dịch phái sinh.
- Báo cáo ngày: Nhập ngày muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

3.4.9.5.3 Sao kê tài khoản – Chứng khoán ký quỹ

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Tra cứu" => "Sao kê tài khoản" => "Sao kê tài khoản" => Tab "Chứng khoán ký quỹ"

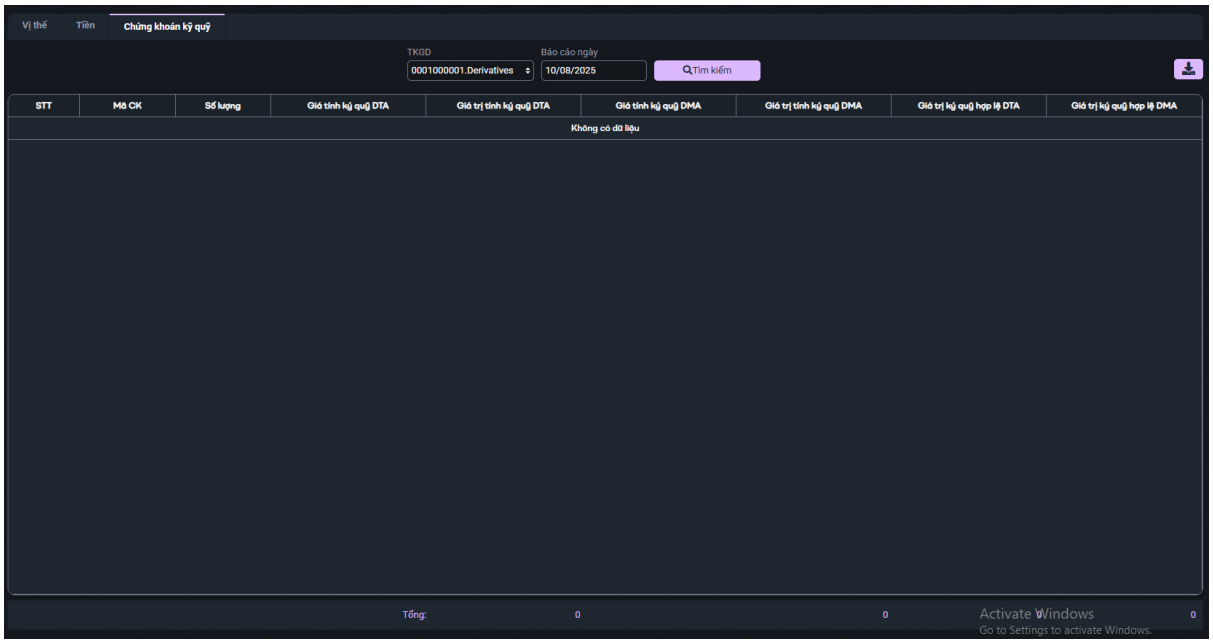

Hình: Màn hình Sao kê tài khoản – Chứng khoán kỹ quỹ

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định số tài khoản giao dịch phái sinh.
- Báo cáo ngày: Nhập ngày muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

3.4.9.6. Báo cáo xử lý vi phạm

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Báo cáo xử lý vi phạm”

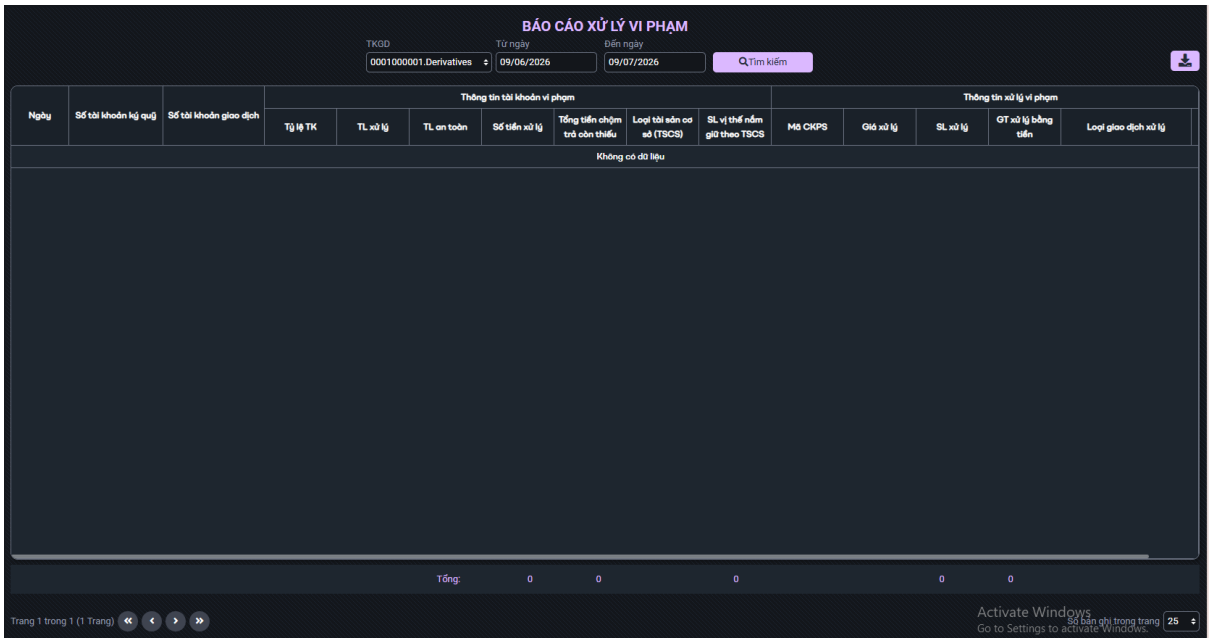

Hình: Màn hình Báo cáo xử lý vi phạm

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định số tài khoản giao dịch phái sinh.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 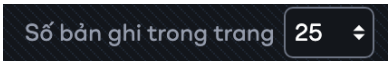

để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 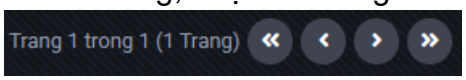

3.4.10. Lịch sử giao dịch thanh toán

3.4.10.1. Lịch sử GD tiền TKKQ (VSDC)

Báo cáo "Lịch sử giao dịch tiền TKKQ (VSDC)", cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch và số dư tiền mà VSD quản lý.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Tra cứu" => "Lịch sử giao dịch thanh toán" => "Lịch sử GD tiền TKKQ (VSDC)".

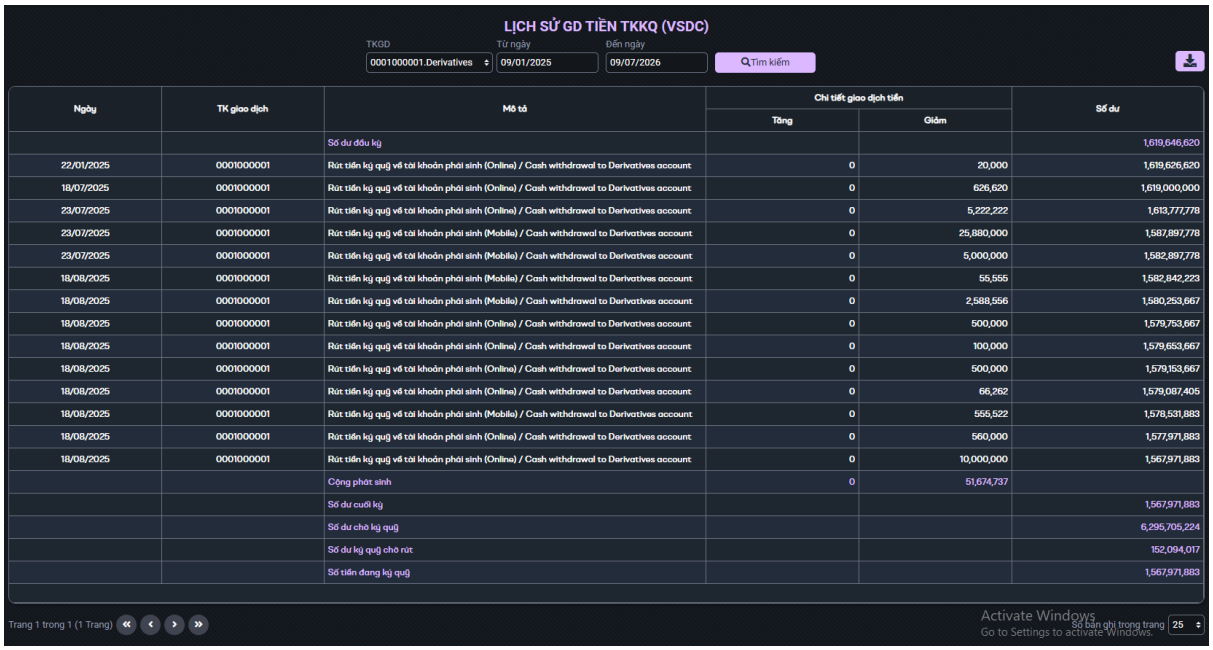

Ngày	TK giao dịch	Mô tả	Chi tiết giao dịch tiền		Số dư
			Tăng	Giảm	
		Số dư đầu kỳ			1,619,646,620
22/01/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	20,000	1,619,626,620
18/07/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	626,620	1,619,000,000
23/07/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	5,222,222	1,613,777,778
23/07/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Mobile) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	25,880,000	1,587,897,778
23/07/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Mobile) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	5,000,000	1,582,897,778
18/08/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Mobile) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	55,555	1,582,842,223
18/08/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Mobile) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	2,588,556	1,580,253,667
18/08/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	500,000	1,579,753,667
18/08/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	100,000	1,579,653,667
18/08/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	500,000	1,579,153,667
18/08/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	66,262	1,579,087,405
18/08/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Mobile) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	555,522	1,578,531,883
18/08/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	560,000	1,577,971,883
18/08/2025	0001000001	Rút tiền ký quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	10,000,000	1,567,971,883
		Cộng phát sinh	0	51,674,737	
		Số dư cuối kỳ			1,567,971,883
		Số dư chờ ký quỹ			6,295,705,224
		Số dư ký quỹ chờ rút			152,094,017
		Số tiền đang ký quỹ			1,567,971,883

Hình: Màn hình Lịch sử GD tiền TKKQ (VSDC)

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định tiểu khoản phái sinh phái sinh.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 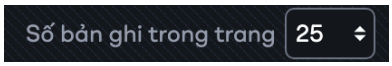

để tùy chỉnh theo ý muốn.-
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 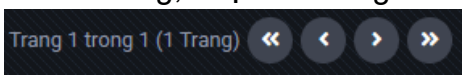

3.4.10.2. Lịch sử GD tiền TKGD

Báo cáo "Lịch sử giao dịch tiền TKGD" cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch và số dư tiền mà công ty chứng khoán quản lý.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Tra cứu" => "Lịch sử giao dịch thanh toán" => "Lịch sử GD tiền TKGD"

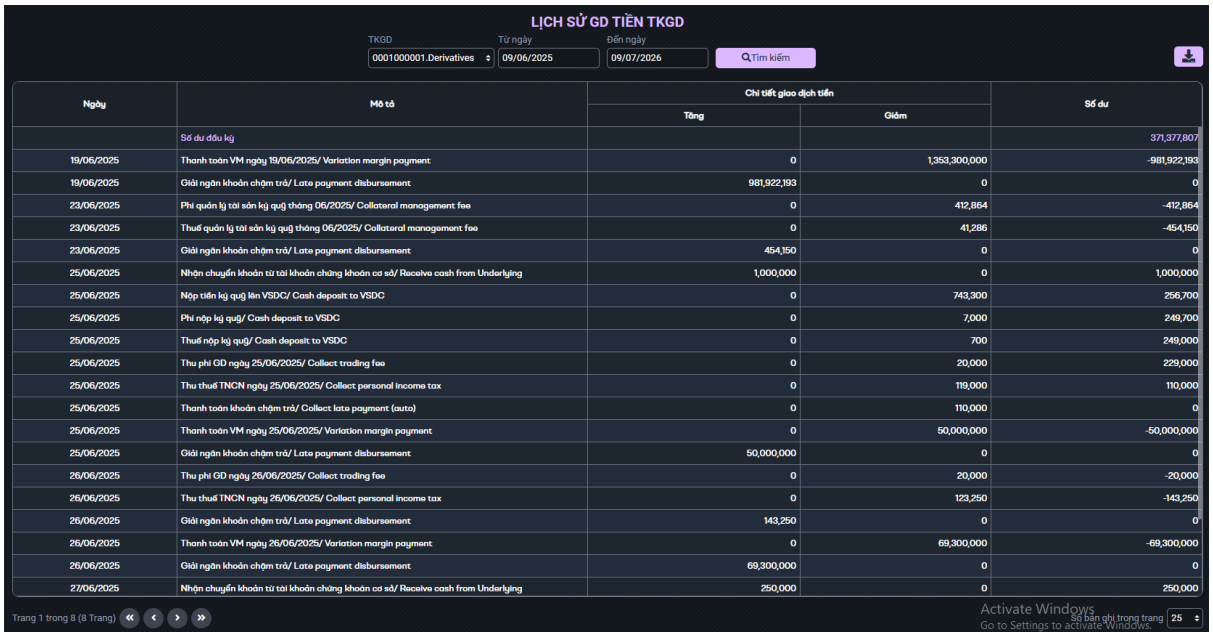

Ngày	Mô tả	Chi tiết giao dịch tiền		Số dư
		Tăng	Giảm	
	Số dư đầu kỳ			371,377,807
19/06/2025	Thanh toán VM ngày 19/06/2025/ Variation margin payment	0	1,353,300,000	-981,922,193
19/06/2025	Giải ngân khoản chậm trả/ Late payment disbursement	981,922,193	0	0
23/06/2025	Phí quản lý tài sản kỳ quỹ tháng 06/2025/ Collateral management fee	0	412,864	-412,864
23/06/2025	Thuế quản lý tài sản kỳ quỹ tháng 06/2025/ Collateral management fee	0	41,286	-454,150
23/06/2025	Giải ngân khoản chậm trả/ Late payment disbursement	454,150	0	0
25/06/2025	Nhận chuyển khoản từ tài khoản chứng khoán cơ sở/ Receive cash from Underlying	1,000,000	0	1,000,000
25/06/2025	Nộp tiền ký quỹ lên VSDC/ Cash deposit to VSDC	0	743,300	256,700
25/06/2025	Phí nộp ký quỹ/ Cash deposit to VSDC	0	7,000	249,700
25/06/2025	Thuế nộp ký quỹ/ Cash deposit to VSDC	0	700	249,000
25/06/2025	Thu phí GD ngày 25/06/2025/ Collect trading fee	0	20,000	229,000
25/06/2025	Thu thuế TNCN ngày 25/06/2025/ Collect personal income tax	0	119,000	110,000
25/06/2025	Thanh toán khoản chậm trả/ Collect late payment (auto)	0	110,000	0
25/06/2025	Thanh toán VM ngày 25/06/2025/ Variation margin payment	0	50,000,000	-50,000,000
25/06/2025	Giải ngân khoản chậm trả/ Late payment disbursement	50,000,000	0	0
26/06/2025	Thu phí GD ngày 26/06/2025/ Collect trading fee	0	20,000	-20,000
26/06/2025	Thu thuế TNCN ngày 26/06/2025/ Collect personal income tax	0	123,250	-143,250
26/06/2025	Giải ngân khoản chậm trả/ Late payment disbursement	143,250	0	0
26/06/2025	Thanh toán VM ngày 26/06/2025/ Variation margin payment	0	69,300,000	-69,300,000
26/06/2025	Giải ngân khoản chậm trả/ Late payment disbursement	69,300,000	0	0
27/06/2025	Nhận chuyển khoản từ tài khoản chứng khoán cơ sở/ Receive cash from Underlying	250,000	0	250,000

Hình: Màn hình Lịch sử GD tiền TKGD

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định tiểu khoản phái sinh phái sinh.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 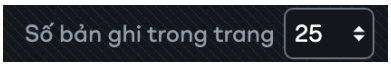

để tùy chỉnh theo ý muốn.-
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 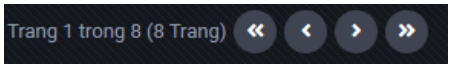

3.4.10.3. Lịch sử GD tài sản đảm bảo

Báo cáo "Lịch sử giao dịch tài sản đảm bảo" cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch chứng khoán ký quỹ mà khách hàng dùng làm tài sản đảm bảo.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Tra cứu" => "Lịch sử giao dịch thanh toán" => "Lịch sử GD tài sản đảm bảo"

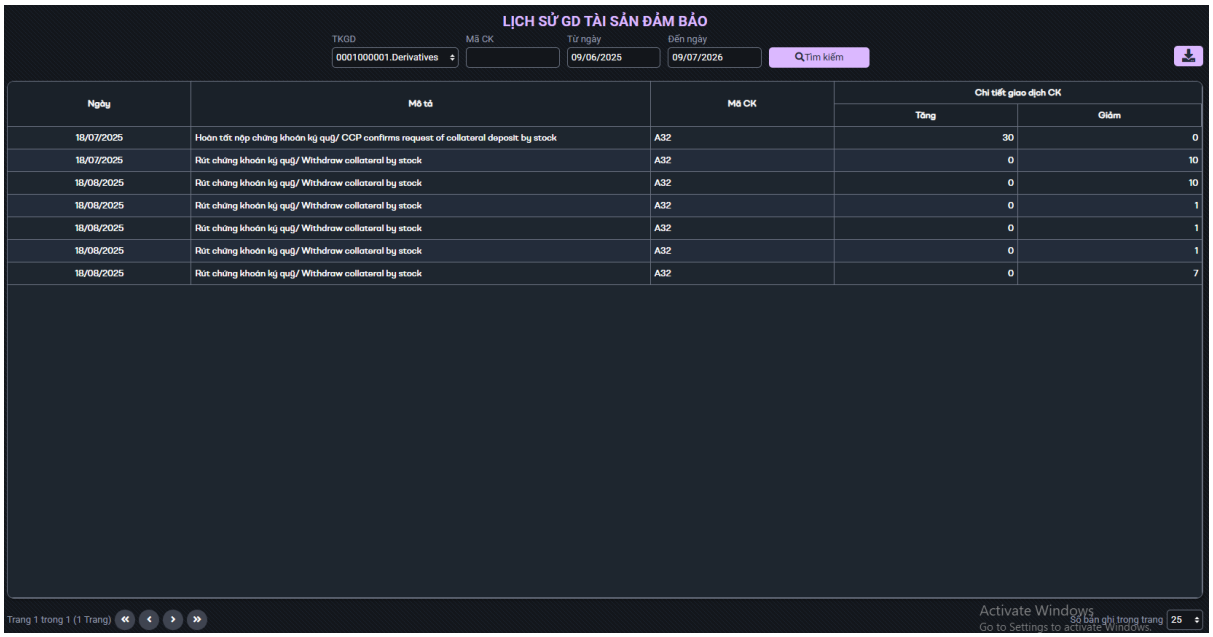

Hình: Màn hình Lịch sử GD tài sản đảm bảo

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định tiểu khoản phái sinh phái sinh.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 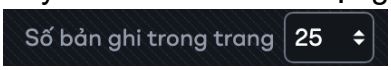

để tùy chỉnh theo ý muốn.-
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 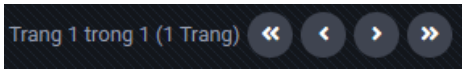

3.4.10.4. Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS

Báo cáo "Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS" cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch nộp tiền từ tài khoản cơ sở vào tài khoản phái sinh.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Tra cứu" => "Lịch sử giao dịch thanh toán" => "Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS"

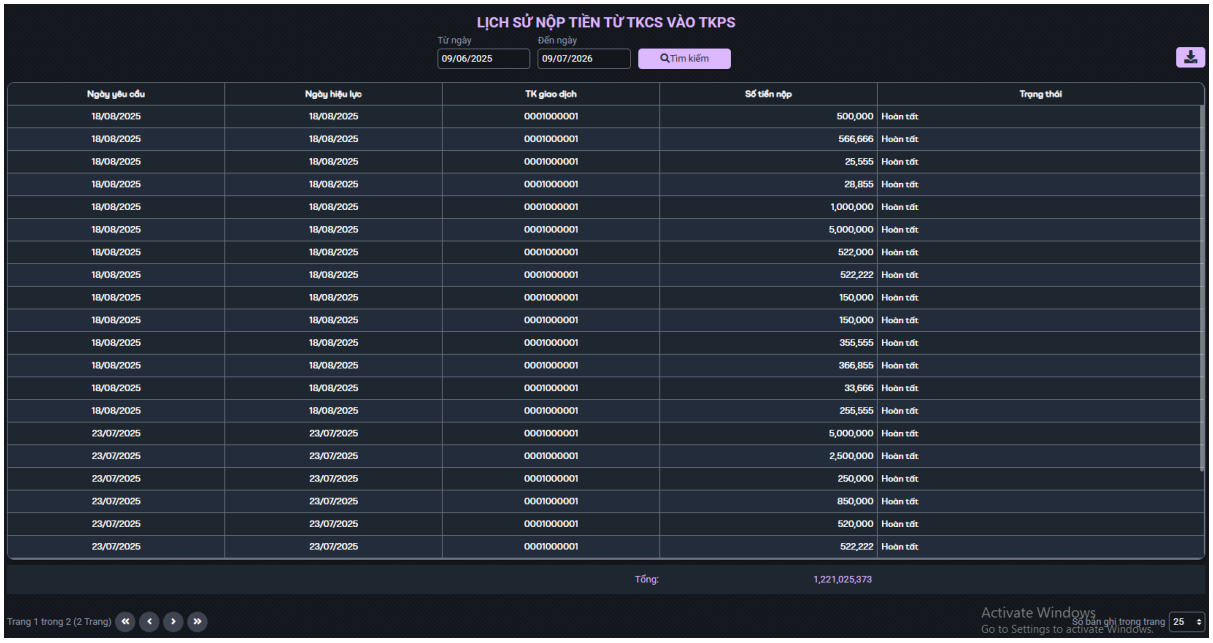

Ngày yêu cầu	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền nộp	Trạng thái
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	500,000	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	566,666	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	25,555	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	28,855	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	1,000,000	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	5,000,000	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	522,000	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	522,222	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	150,000	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	150,000	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	355,555	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	366,855	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	33,666	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	255,555	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	5,000,000	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	2,500,000	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	250,000	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	850,000	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	520,000	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	522,222	Hoàn tất

Hình: Màn hình Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 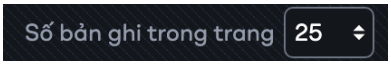

để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 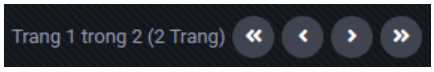

3.4.10.5. Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)

Báo cáo "Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)" cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch nộp tiền từ tài khoản phái sinh vào tài khoản ký quỹ.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Tra cứu" => "Lịch sử giao dịch thanh toán" => "Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)"

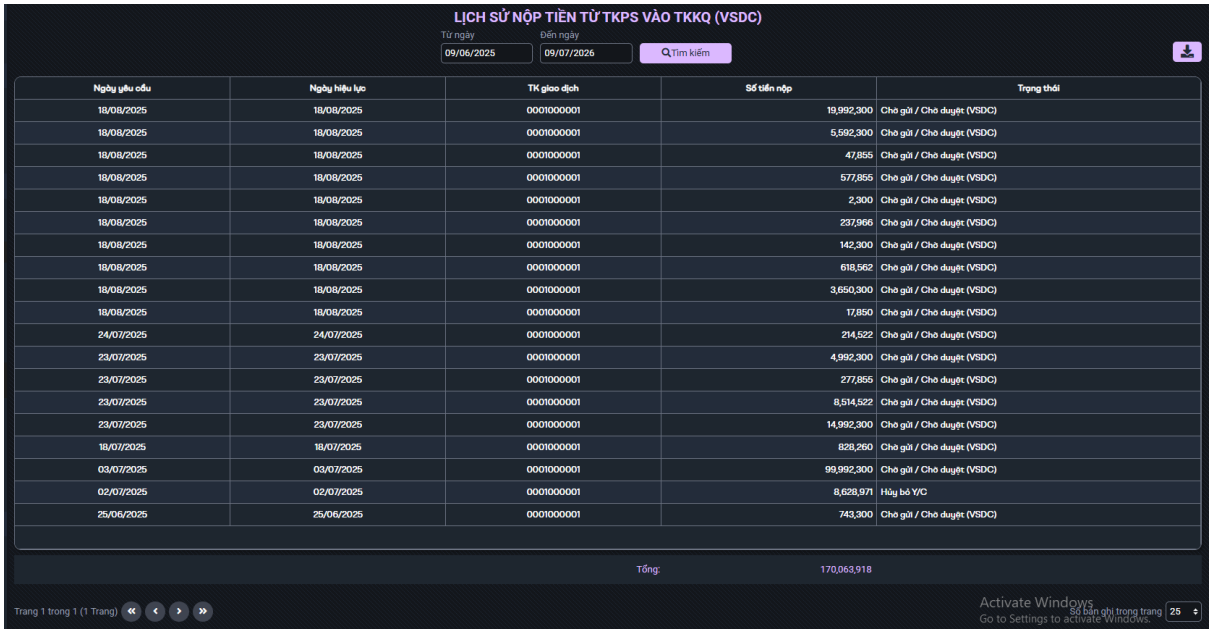

Ngày yêu cầu	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền nộp	Trạng thái
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	19,992,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	5,592,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	47,855	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	577,855	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	2,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	237,966	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	142,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	618,562	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	3,650,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	17,850	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
24/07/2025	24/07/2025	0001000001	214,522	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	4,992,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	277,855	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	8,514,522	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	14,992,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/07/2025	18/07/2025	0001000001	828,260	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	99,992,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
02/07/2025	02/07/2025	0001000001	8,628,971	Hủy bỏ Y/C
25/06/2025	25/06/2025	0001000001	743,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)

Hình: Màn hình Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 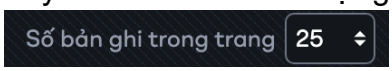

để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 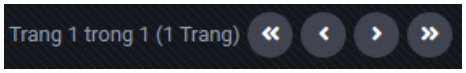

3.4.10.6. Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS

Báo cáo "Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS" cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch rút tiền từ tài khoản ký quỹ về tài khoản phái sinh.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Tra cứu" => "Lịch sử giao dịch thanh toán" => "Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS"

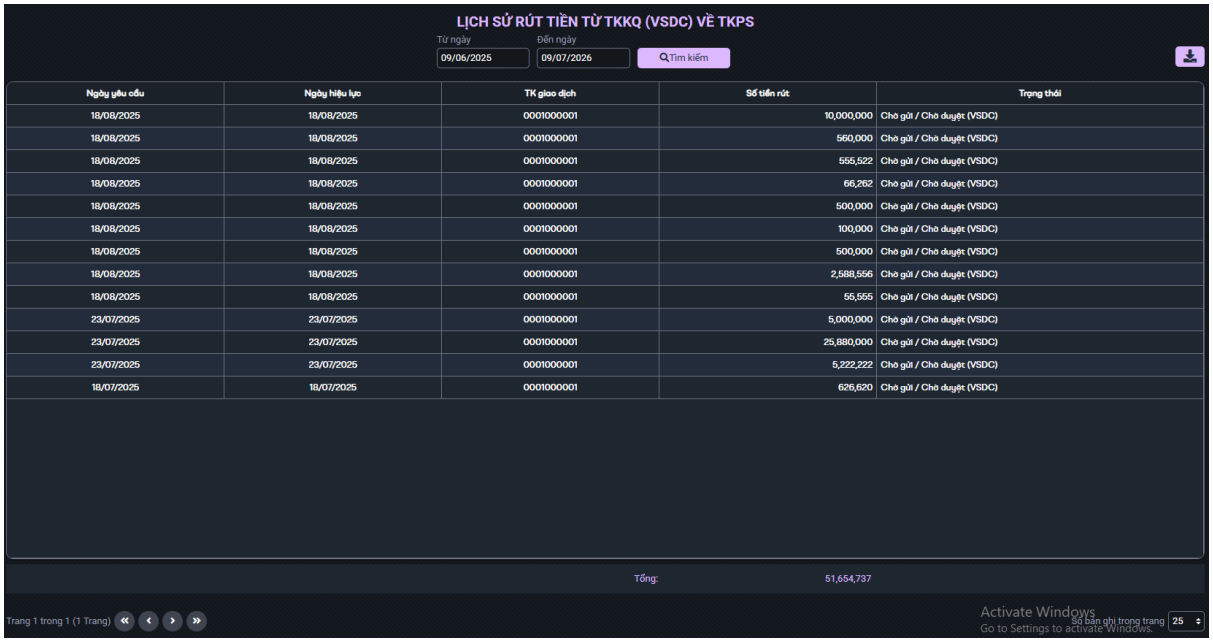

Ngày yêu cầu	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền rút	Trạng thái
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	10,000,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	560,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	555,522	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	66,262	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	500,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	100,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	500,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	2,588,556	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	55,555	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	5,000,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	25,880,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	5,222,222	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/07/2025	18/07/2025	0001000001	626,620	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)

Hình: Màn hình Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 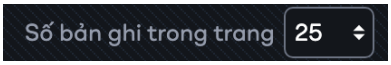

để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 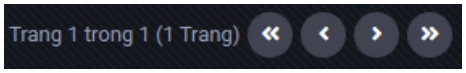

3.4.10.7. Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS

Báo cáo "Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS" cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch rút tiền từ tài khoản phái sinh về tài khoản cơ sở.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch thanh toán” => “Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS”

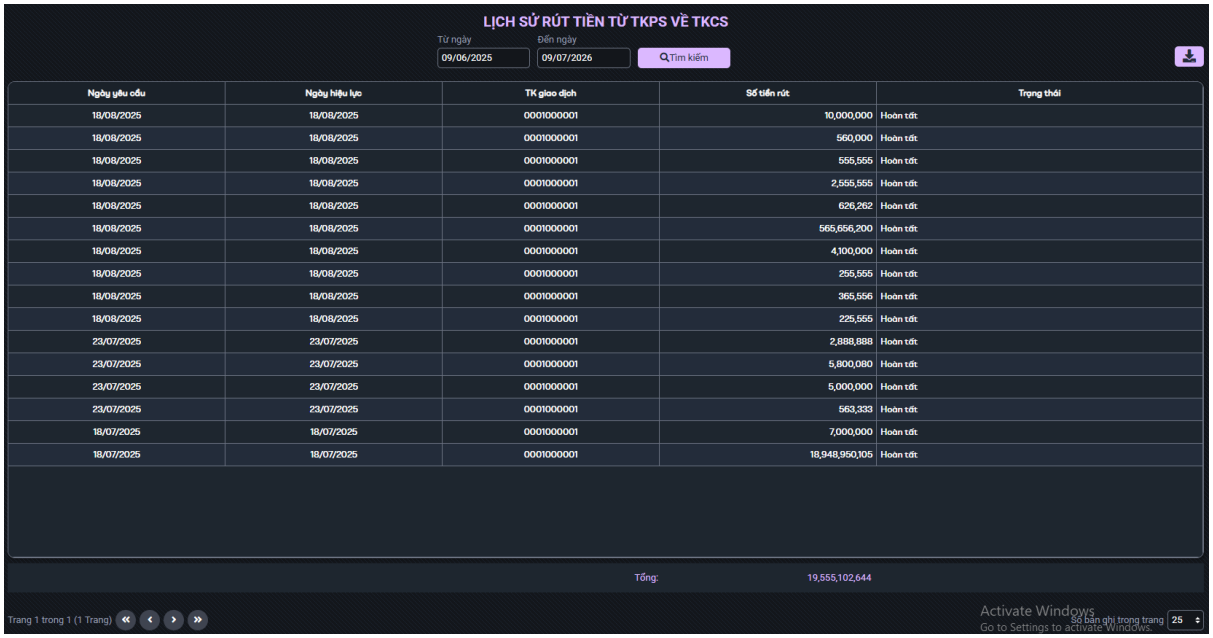

Ngày yêu cầu	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền rút	Trạng thái
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	10,000,000	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	560,000	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	555,555	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	2,555,555	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	626,262	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	565,656,200	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	4,100,000	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	255,555	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	365,556	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	225,555	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	2,888,888	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	5,800,080	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	5,000,000	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	563,333	Hoàn tất
18/07/2025	18/07/2025	0001000001	7,000,000	Hoàn tất
18/07/2025	18/07/2025	0001000001	18,948,950,105	Hoàn tất

Hình: Màn hình Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 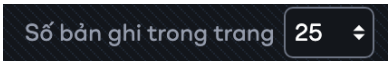

để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 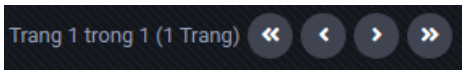

3.4.10.8. Lịch sử rút tiền từ TKPS ra ngân hàng

Báo cáo “Lịch sử rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng” cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch rút tiền từ tài khoản phái sinh về tài khoản cơ sở.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Tra cứu" => "Lịch sử giao dịch thanh toán" => "Lịch sử rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng"

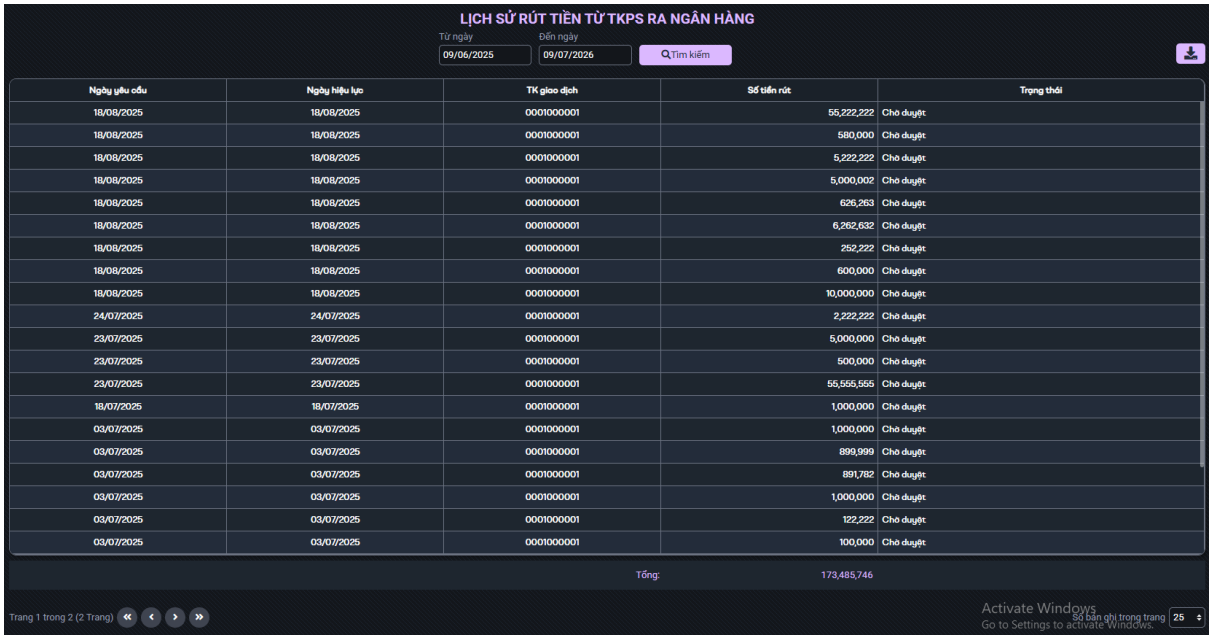

Ngày yêu cầu	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền rút	Trạng thái
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	55,222,222	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	580,000	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	5,222,222	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	5,000,002	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	626,263	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	6,262,632	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	252,222	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	600,000	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	10,000,000	Chờ duyệt
24/07/2025	24/07/2025	0001000001	2,222,222	Chờ duyệt
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	5,000,000	Chờ duyệt
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	500,000	Chờ duyệt
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	55,555,555	Chờ duyệt
18/07/2025	18/07/2025	0001000001	1,000,000	Chờ duyệt
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	1,000,000	Chờ duyệt
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	899,999	Chờ duyệt
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	891,782	Chờ duyệt
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	1,000,000	Chờ duyệt
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	122,222	Chờ duyệt
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	100,000	Chờ duyệt

Hình: Màn hình Lịch sử rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 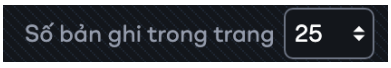

để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 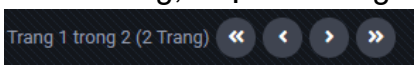

3.4.10.9. Lịch sử tất toán khoản chậm trả

Báo cáo "Lịch sử tất toán khoản chậm trả" cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch thanh toán khoảm chậm trả.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Tra cứu" => "Lịch sử giao dịch thanh toán" => "Lịch sử tất toán khoản chậm trả"

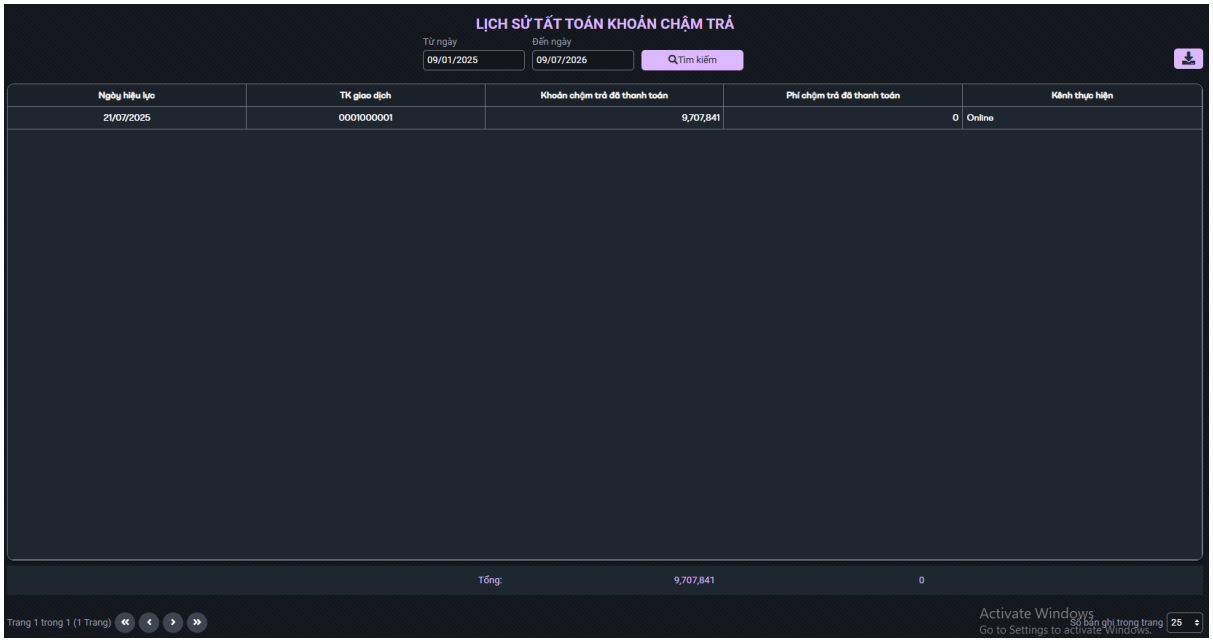

Hình: Màn hình Lịch sử tất toán khoản chậm trả

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút "Tìm kiếm" để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút 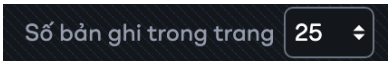

để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 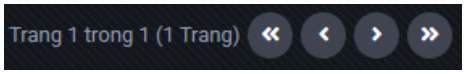

3.4.11. Thông tin mã hợp đồng

Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab "Quản lý tài khoản" => "Tài khoản phái sinh" => "Thông tin" => "Thông tin mã hợp đồng"

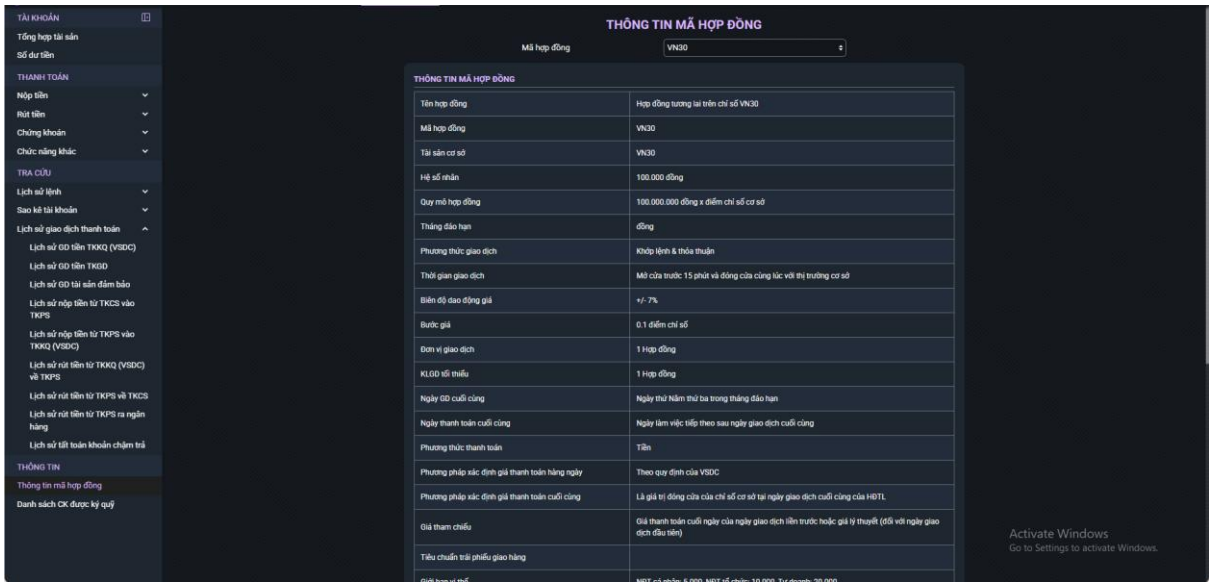

Hình: Màn hình Thông tin mã hợp đồng

Mô tả thông tin:

Tên trường	Ý nghĩa
THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG	
Tên hợp đồng	Tên đầy đủ của hợp đồng
Mã hợp đồng	Mã hợp đồng
Tài sản cơ sở	Tài sản cơ sở của hợp đồng
Hệ số nhân	Hệ số nhân của hợp đồng
Quy mô hợp đồng	Quy mô hợp đồng
Tháng đáo hạn	Các thánh đáo hạn của Mã hợp đồng
Phương thức giao dịch	Phương thức giao dịch của Mã hợp đồng
Thời gian giao dịch	Thời gian giao dịch của Mã hợp đồng
Biên độ giao động giá	Biên độ giao động giá
Bước giá	Bước giá

Tên trường	Ý nghĩa
Đơn vị giao dịch	Đơn vị giao dịch
KLGD tối thiểu	KLGD tối thiểu của mã hợp đồng
Ngày GD cuối cùng	Ngày GD cuối cùng của mã hợp đồng
Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày thanh toán cuối cùng của mã hợp đồng
Phương thức thanh toán	Phương thức thanh toán
Phương pháp xác định giá thanh toán hàng ngày	Phương pháp xác định giá thanh toán hàng ngày (Theo quy định của VSD)
Phương pháp xác định giá thanh toán cuối cùng	Phương pháp xác định giá thanh toán cuối cùng
Giá tham chiếu	Giá tham chiếu
Tiêu chuẩn trái phiếu giao hàng	Tiêu chuẩn trái phiếu giao hàng
Giới hạn vị thế	Giới hạn vị thế của Mã hợp đồng
Mức ký quỹ	Mức ký quỹ của Mã hợp đồng
CÁC HỢP ĐỒNG HIỆN TẠI	
Mã hợp đồng	Mã hợp đồng
Ngày đáo hạn	Ngày đáo hạn của hợp đồng

3.4.12. Danh sách CK được ký quỹ

Báo cáo “Danh sách CK được ký quỹ” có thể xem các thông tin về các mã chứng khoán đủ điều kiện ký quỹ, gồm:

- Mã CK
- Tỷ lệ giảm trừ (%)
- Giá tối đa
- Giá tính tài sản

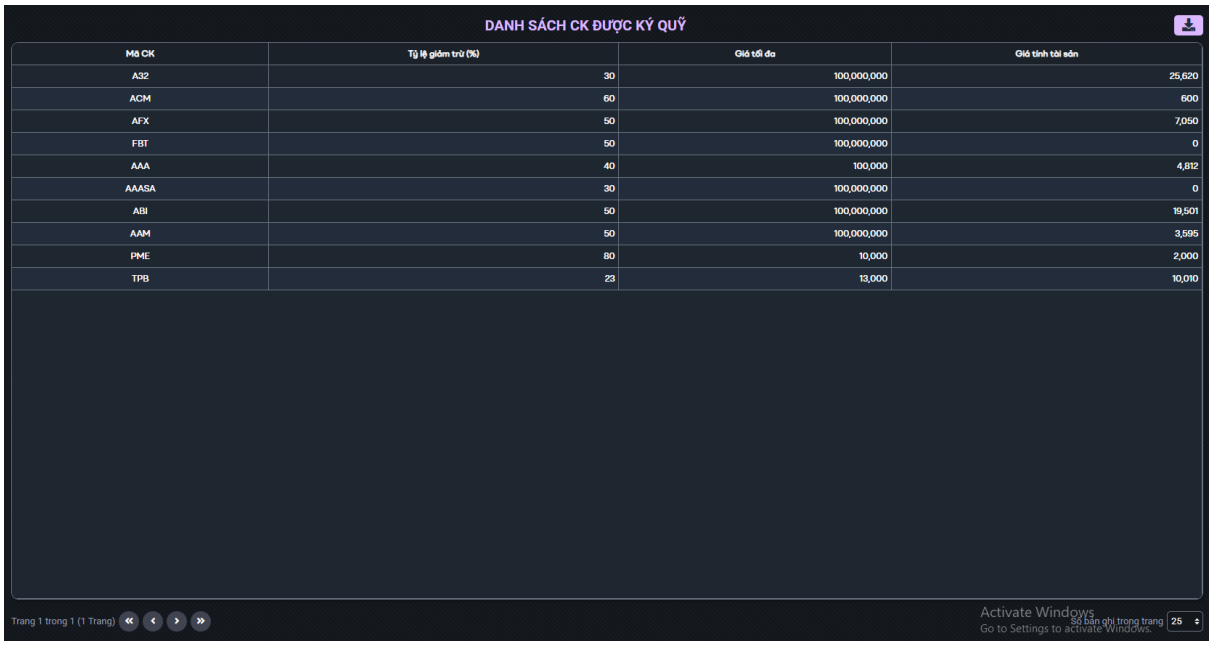

DANH SÁCH CK ĐƯỢC KÝ QUỸ

Mã CK	Tỷ lệ giảm trừ (%)	Giá tối đa	Giá tính tài sản
A32	30	100,000,000	25,620
ACM	60	100,000,000	600
AFX	50	100,000,000	7,050
FBT	50	100,000,000	0
AAA	40	100,000	4,812
AAASA	30	100,000,000	0
ABI	50	100,000,000	19,501
AAM	50	100,000,000	3,595
PME	80	10,000	2,000
TPB	23	13,000	10,010

Trang 1 trong 1 (1 Trang)
Số bản ghi trong trang 25

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút Số bản ghi trong trang 25 để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem Trang 1 trong 1 (1 Trang)

3.5. Thiết lập

3.5.1. Cá nhân

3.5.1.1. Thông tin cá nhân

Hiển thị các thông tin cơ bản của tài khoản

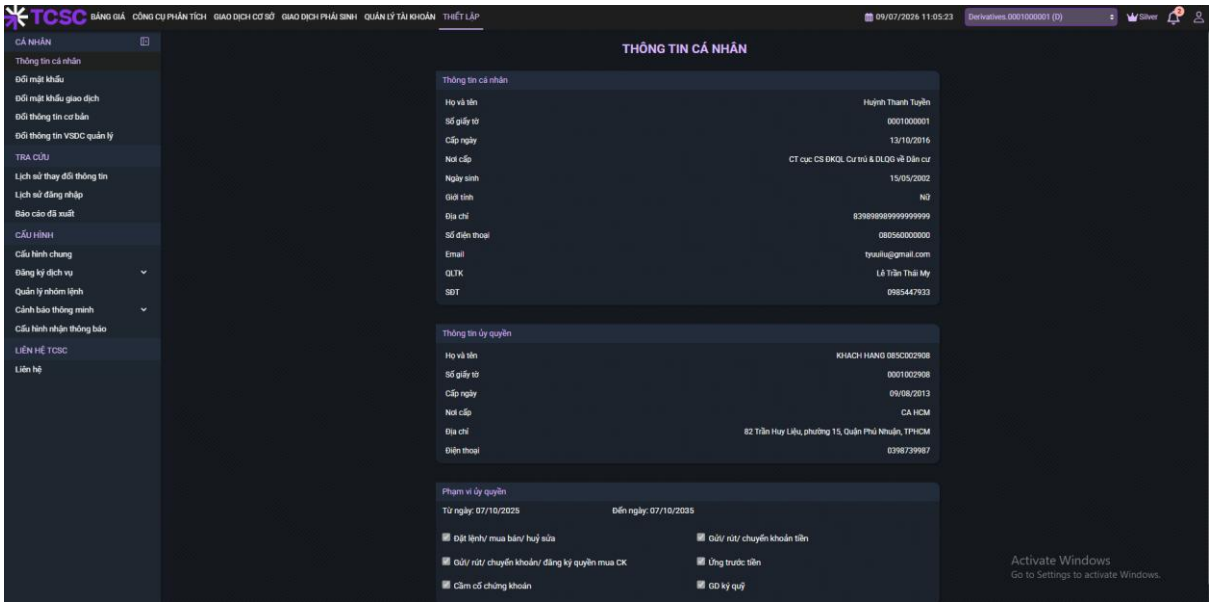

Hình: Màn hình Thông tin cá nhân

3.5.1.2. Đổi mật khẩu

Hình: Màn hình đổi mật khẩu

- Mật khẩu cũ: Nhập mật khẩu khách hàng đang sử dụng để truy cập vào hệ thống
- Mật khẩu mới: Nhập mật khẩu mới mà khách hàng muốn đổi theo đúng quy tắc
- Nhập lại mật khẩu mới: Nhập lại mật khẩu mới phải trùng với mật khẩu mới vừa nhập
- Bấm Chấp nhận để đổi Mật khẩu

Lưu ý: Mật khẩu mới không được trùng với MÃ SMARTOTP hiện tại.

3.5.1.3. Đổi Mã SmartOTP

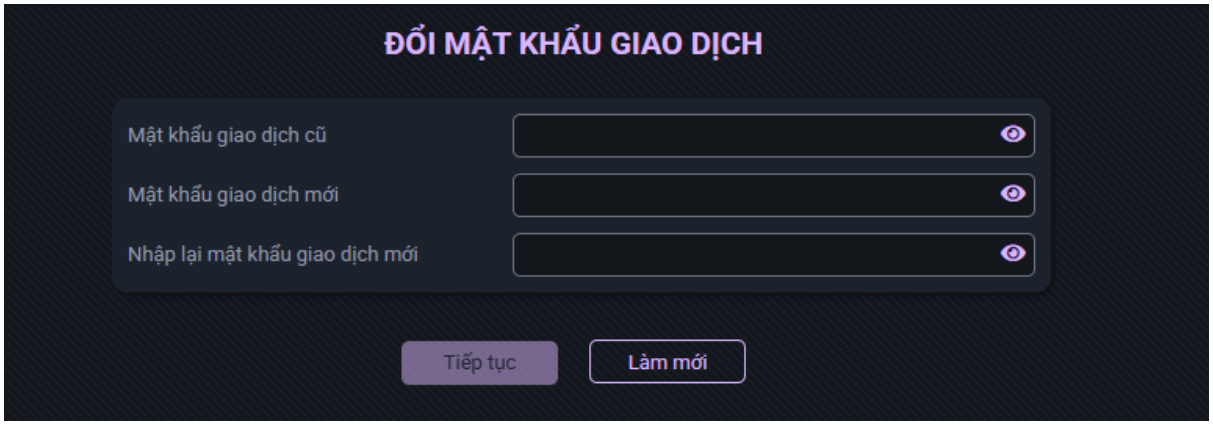

Hình: Màn hình đổi Mã SmartOTP

- Mật khẩu cũ: Nhập mật khẩu khách hàng đang sử dụng để truy cập vào hệ thống
- Mật khẩu mới: Nhập mật khẩu mới mà khách hàng muốn đổi theo đúng quy tắc
- Nhập lại mật khẩu mới: Nhập lại mật khẩu mới phải trùng với mật khẩu mới vừa nhập

Bấm Chấp nhận để đổi Mật khẩu

Lưu ý: Mã SmartOTP mới không được trùng với mã giao dịch hiện tại.

3.5.1.4. Đổi thông tin cơ bản

Giúp khách hàng thay đổi các thông tin cơ bản bao gồm: Email, Số điện thoại SMS

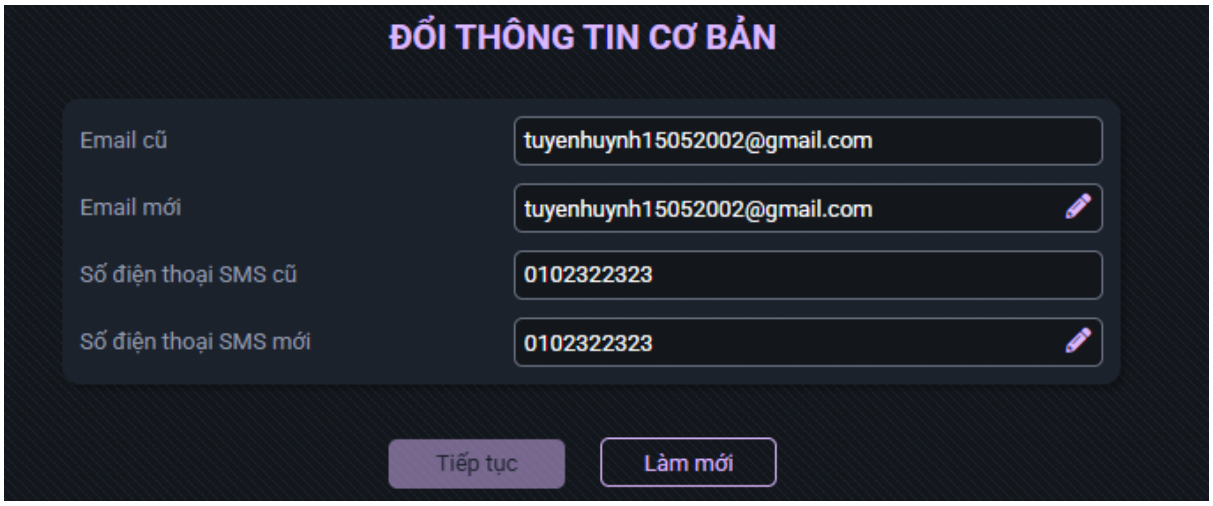

Hình: Màn hình đổi thông tin cơ bản

Bước 1: Nhập email mới

Bước 2: Nhập số điện thoại SMS mới

Bước 3: Ấn tiếp tục để thực hiện đổi thông tin. Nhấn nút "Làm mới" để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 4: Xác nhận thông tin thay đổi. Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn "Tiếp tục" để hoàn tất thay đổi thông tin cơ bản. Nhấn Quay lại để quay lại màn hình Thông tin.

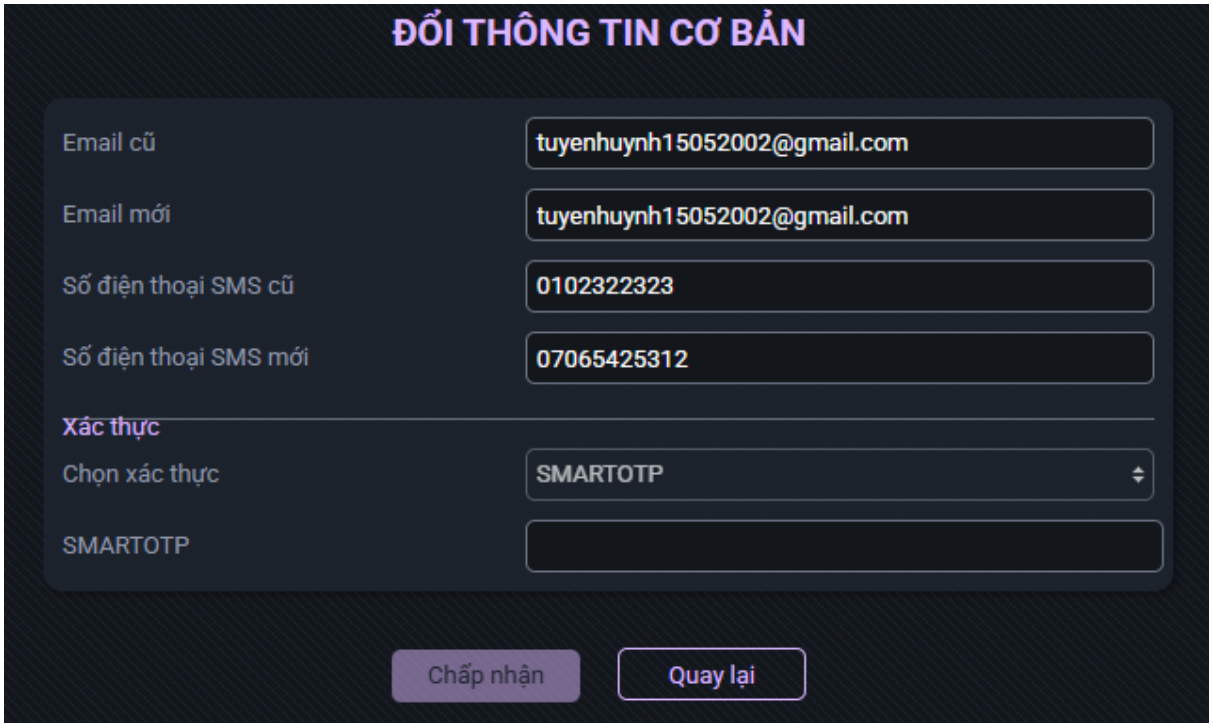

Hình: Màn hình xác nhận đổi thông tin cơ bản

3.5.1.5. Đổi thông tin VSD quản lý

Giúp khách hàng thay đổi các thông tin VSD quản lý bao gồm: Số CCCD/CMND, Ngày cấp, Nơi cấp, Địa chỉ liên lạc

Hình: Màn hình đổi thông tin VSD quản lý

Bước 1: Nhập thông tin thay đổi

Bước 2: Ấn tiếp tục để thực hiện đổi thông tin VSD. Nhấn nút "Làm mới" để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 3: Xác nhận thông tin thay đổi. Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn "Chấp nhận" để xác nhận thay đổi thông tin

Hình: Màn hình xác nhận thay đổi thông tin VSD quản lý

3.5.2. Tra cứu

3.5.2.1. Lịch sử thay đổi thông tin

Khách hàng chọn Từ ngày, Đến ngày theo thời gian muốn tìm kiếm, chọn nút Tìm kiếm để xem thông tin

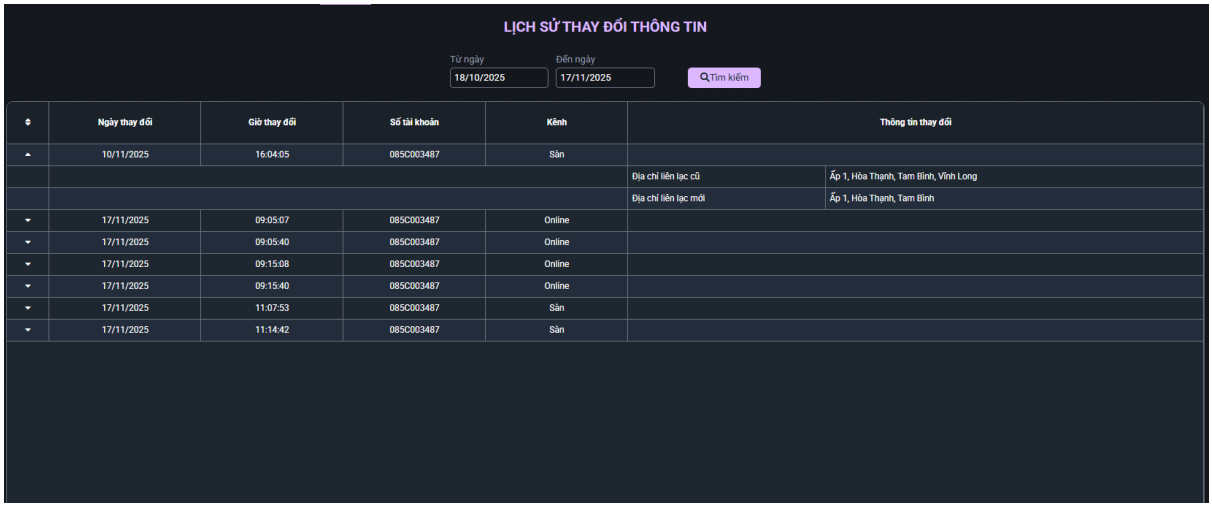

Hình: Màn hình Lịch sử thay đổi thông tin

3.5.2.2. Lịch sử đăng nhập

Khách hàng chọn Từ ngày, Đến ngày theo thời gian muốn tìm kiếm, chọn nút Tìm kiếm để xem thông tin như hình dưới

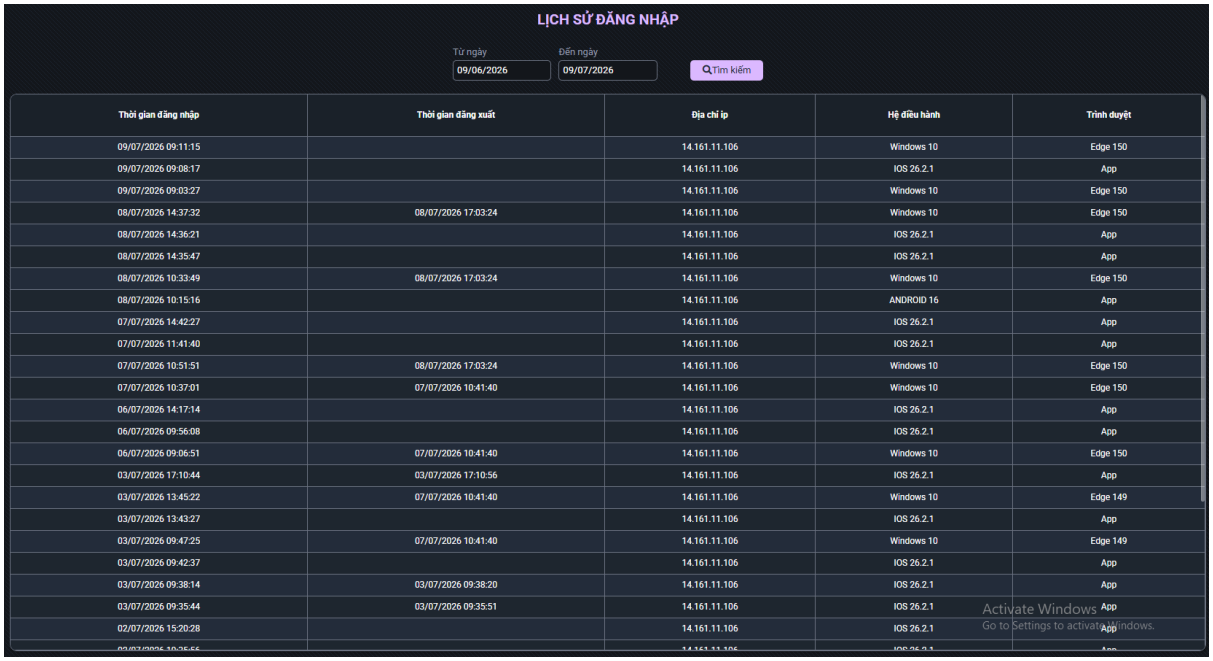

Thời gian đăng nhập	Thời gian đăng xuất	Địa chỉ ip	Hệ điều hành	Trình duyệt
09/07/2026 09:11:15		14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
09/07/2026 09:08:17		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
09/07/2026 09:03:27		14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
08/07/2026 14:37:32	08/07/2026 17:03:24	14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
08/07/2026 14:36:21		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
08/07/2026 14:35:47		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
08/07/2026 10:33:49	08/07/2026 17:03:24	14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
08/07/2026 10:15:16		14.161.11.106	ANDROID 16	App
07/07/2026 14:42:27		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
07/07/2026 11:41:40		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
07/07/2026 10:51:51	08/07/2026 17:03:24	14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
07/07/2026 10:37:01	07/07/2026 10:41:40	14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
06/07/2026 14:17:14		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
06/07/2026 09:56:08		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
06/07/2026 09:06:51	07/07/2026 10:41:40	14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
03/07/2026 17:10:44	03/07/2026 17:10:56	14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
03/07/2026 13:45:22	07/07/2026 10:41:40	14.161.11.106	Windows 10	Edge 149
03/07/2026 13:43:27		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
03/07/2026 09:47:25	07/07/2026 10:41:40	14.161.11.106	Windows 10	Edge 149
03/07/2026 09:42:37		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
03/07/2026 09:38:14	03/07/2026 09:38:20	14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
03/07/2026 09:35:44	03/07/2026 09:35:51	14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
02/07/2026 15:20:28		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App

Hình: Màn hình Lịch sử đăng nhập

3.5.2.3. Báo cáo đã xuất

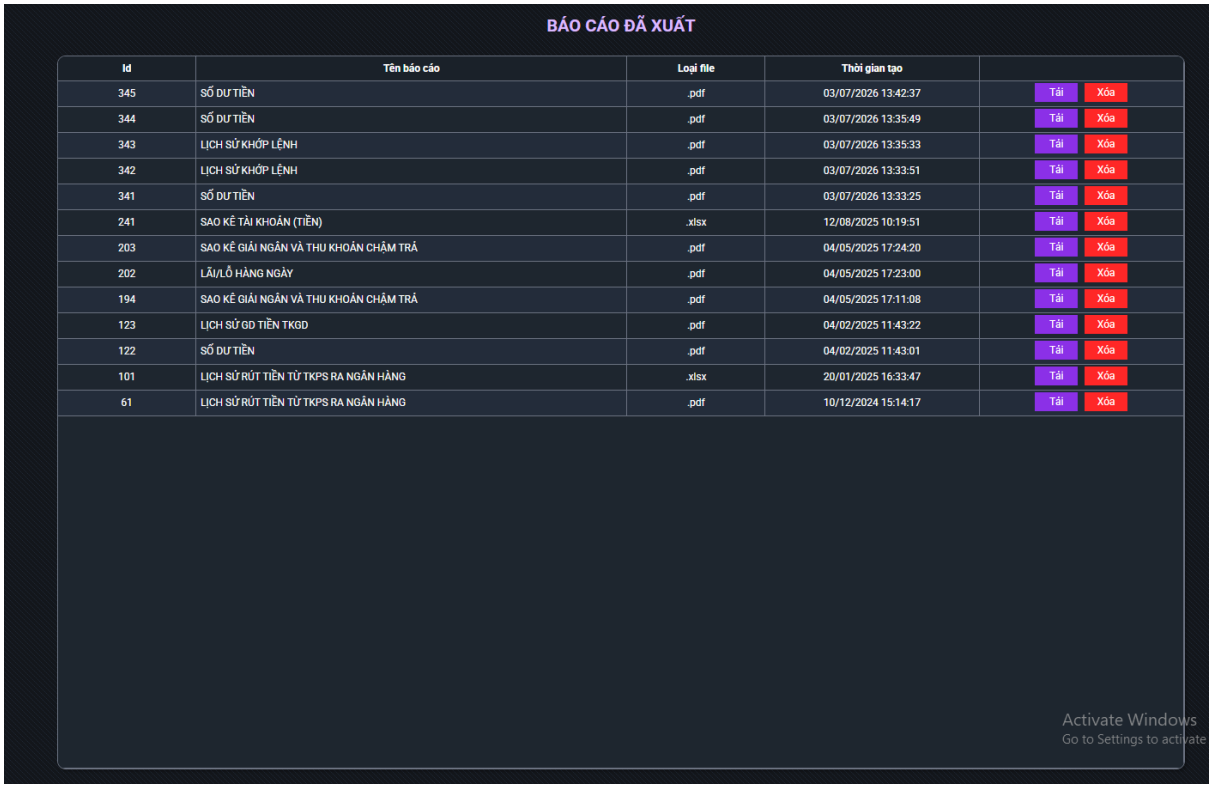

Id	Tên báo cáo	Loại file	Thời gian tạo	
345	SỐ DƯ TIỀN	.pdf	03/07/2026 13:42:37	Tải Xóa
344	SỐ DƯ TIỀN	.pdf	03/07/2026 13:35:49	Tải Xóa
343	LỊCH SỬ KHỚP LỆNH	.pdf	03/07/2026 13:35:33	Tải Xóa
342	LỊCH SỬ KHỚP LỆNH	.pdf	03/07/2026 13:33:51	Tải Xóa
341	SỐ DƯ TIỀN	.pdf	03/07/2026 13:33:25	Tải Xóa
241	SAO KÊ TÀI KHOẢN (TIỀN)	.xlsx	12/08/2025 10:19:51	Tải Xóa
203	SAO KÊ GIẢI NGÂN VÀ THU KHOẢN CHẬM TRẢ	.pdf	04/05/2025 17:24:20	Tải Xóa
202	LÃI/LỖ HÀNG NGÀY	.pdf	04/05/2025 17:23:00	Tải Xóa
194	SAO KÊ GIẢI NGÂN VÀ THU KHOẢN CHẬM TRẢ	.pdf	04/05/2025 17:11:08	Tải Xóa
123	LỊCH SỬ GD TIỀN TKGD	.pdf	04/02/2025 11:43:22	Tải Xóa
122	SỐ DƯ TIỀN	.pdf	04/02/2025 11:43:01	Tải Xóa
101	LỊCH SỬ RÚT TIỀN TỪ TKPS RA NGÂN HÀNG	.xlsx	20/01/2025 16:33:47	Tải Xóa
61	LỊCH SỬ RÚT TIỀN TỪ TKPS RA NGÂN HÀNG	.pdf	10/12/2024 15:14:17	Tải Xóa

Hình: Màn hình tra cứu lại báo cáo đã xuất

Ấn

tải lại file đã xuất, nhấn xóa để xóa file.

3.5.3. Cấu hình

3.5.3.1. Cấu hình chung

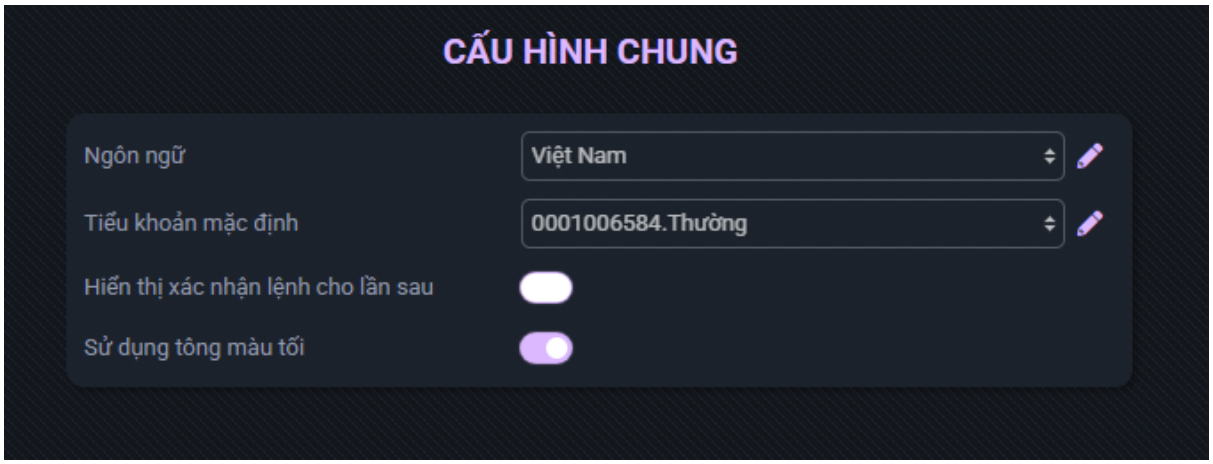

Hình: Màn hình cấu hình của tài khoản

Cấu hình chung cho phép thiết lập:

- Ngôn ngữ: Click vào icon để đổi ngôn ngữ, chọn ngôn ngữ cần đổi, sau đó nhấn để lưu thiết lập.
- Tiểu khoản mặc định: Click vào icon để đổi tiểu khoản mặc định, chọn tiểu khoản cần đổi, sau đó nhấn để lưu thiết lập.
- Sử dụng tông màu tối: Click vào icon để thay đổi tông màu sáng, tối

3.5.3.2. Đăng ký dịch vụ

Đăng ký/hủy hình thức xác thực giao dịch:

Giúp khách hàng đăng ký hình thực xác thực giao dịch trên Online bao gồm: Xác thực OTP (SMS)

Hình: Màn hình đăng ký/hủy hình thực xác thực giao dịch

Bước 1: Chọn kênh giao dịch

Bước 2: Chọn loại xác thực

Bước 3: Ấn Đăng ký

Đăng ký dịch vụ SMS:

Màn hình hiển thị các gói dịch vụ SMS khách hàng đã đăng ký trong hệ thống.

Hình: Màn hình đăng ký dịch vụ SMS

Trường hợp khách hàng đã đăng ký dịch vụ SMS rồi thì nút "Đăng ký" sẽ disable và hiển thị dòng thông báo màu đỏ "Quý khách đã đăng ký dịch vụ SMS"

Hủy dịch vụ SMS:

Giúp khách hàng hủy dịch vụ SMS đã đăng ký trước đó.

Hình: Màn hình hủy dịch vụ SMS

Nhấn nút "Hủy" để thực hiện hủy dịch vụ SMS đã đăng ký

Đăng ký thay đổi chuyên viên tư vấn giao dịch

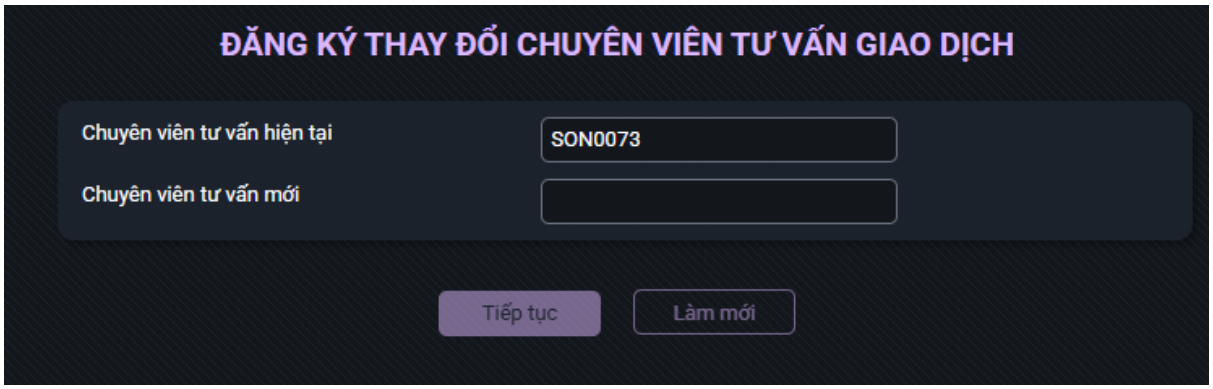

Hình: Màn hình Đăng ký thay đổi chuyên viên tư vấn giao dịch

Trường hợp khách hàng muốn thay đổi chuyên viên tư vấn hiện tại sang chuyên viên tư vấn khác thì nhập mã chuyên viên tư vấn mới rồi nhấn tiếp tục để thay đổi.

3.5.3.3. Quản lý nhóm lệnh

Quản lý nhóm lệnh cho phép khách hàng thêm, sửa, xóa Nhóm lệnh để giao dịch nhóm.

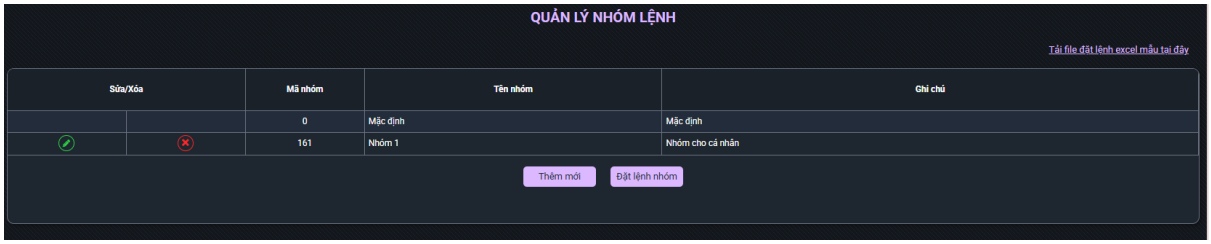

Hình: Màn hình Quản lí nhóm lệnh

- Bấm vào link 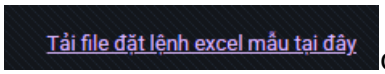

để tải file mẫu giao dịch nhóm excel
- Bấm 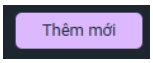

để thêm mới nhóm lệnh

Hình: Màn hình chi tiết lệnh nhóm

Nhập Tên nhóm, bấm Chấp nhận để thêm

- Bấm vào icon để sửa Nhóm lệnh, để xóa Nhóm lệnh.

- Bấm nút Đặt lệnh nhóm để thực hiện giao dịch nhóm.

3.5.3.4. Cảnh báo thông minh

Hình: Màn hình cảnh báo chứng khoán

- Thiết lập cảnh báo chứng khoán:

  Bước 1: Nhập mã Chứng khoán. Chọn tăng hoặc giảm

  Bước 2: Nhập giá cảnh báo

  Bước 3: Ấn lưu

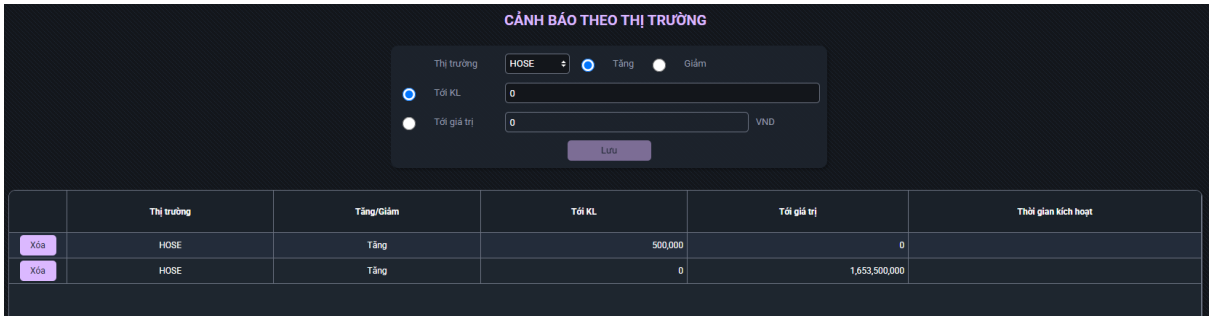

Hình: Cảnh báo theo thị trường

- Thiết lập cảnh báo theo thị trường:

  Bước 1: Chọn thị trường. Tích chọn tăng hoặc giảm

  Bước 2: Nhập KL cảnh báo

  Bước 3: Ấn lưu

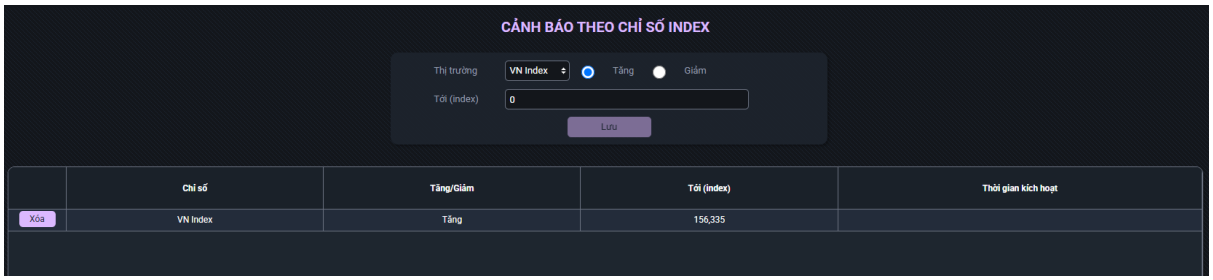

Hình: Cảnh báo theo chỉ số index

- Thiết lập cảnh báo theo chỉ số index:

  Bước 1: Chọn thị trường. Tích chọn tăng hoặc giảm

  Bước 2: Nhập trường tới index

  Bước 3: Ấn lưu

3.5.3.5. Cấu hình nhận thông báo tài khoản

Hình: Màn hình cấu hình nhận thông báo tài khoản

Bước 1: Tích chọn checkbox ☑ để cấu hình nhận thông báo tài khoản

Bước 2: Ấn lưu thay đổi

3.5.4. Liên hệ

Trang hiển thị thông tin liên hệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công